

**TÌNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA**

QUYỂN 3



Chủ giảng: LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG

Trưởng ban biên dịch: TK. Thích Đồng Bổn



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

淨土大經解演義

QUYỂN 3

(Tập 21 – 30)

NHÀ XUẤT BẢN HÒNG ĐỨC

TÌNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 21



Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo chính: Đức Phong và Tuệ Trang



Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại thừa Kinh Vô Lượng Thọ Giải*, trang mười chín, dòng thứ sáu, đếm từ dưới lên:

“Linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng. Cô minh lịch lịch, bình hách hư không. Linh quang độc diệu, huýnh thoát căn trần” (Trọn khắp pháp giới, hư không giới, thanh tịnh bình đẳng, vĩnh hằng bất biến, riêng sáng vắng vặc, rạng ngời hư không, linh quang riêng chiếu, vượt thoát căn trần). Mấy câu này do cổ đại đức tán thán, miêu tả tự tính. Thật ra, chẳng có cách nào diễn tả tự tính, nói cách nào cũng chẳng trọn vẹn, chỉ có thể nói được một phần rất ít. Tổng hợp cách nói của nhiều vị cổ đức, chúng ta có thể lãnh hội đôi chút, tổ sư bảo chúng ta: Chuyện này phải đích thân chứng thì mới có thể hiểu rõ, đó gọi là: *“Như nhân ẩm thủy, lãnh noãn tự tri”* (như người uống nước, nóng lạnh tự biết). Quý vị chưa chứng đắc, nói kiểu nào, dù là Phật nói, hay Bồ tát nói, cũng đều rất khó hiểu, vì tự tánh nó chẳng phải là cảnh giới của chúng ta.

Trong đoạn này, cũng giảng rất rõ ràng, đó chính là Lý Thể của vạn hữu trong vũ trụ, tất cả hết thảy các pháp đều từ chỗ này biến hiện ra. Vì vậy, nó có thể sinh, có thể hiện, A Lại Da là có thể biến (năng biến). Cái “có thể sinh, có thể hiện” sẽ nhất định là đã có A Lại Da. Nếu không có A Lại Da, sẽ chẳng thể “có sinh, có hiện”. Cõi Thường Tịch Quang được nói trong Tịnh Tông chính là tự tính, chữ *“đại quang minh tạng”* cũng nhằm hình dung tính thể này. Nó chẳng phải là hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng phải là hiện tượng tinh thần. Chẳng phải

là hiện tượng vật chất, nên nắm căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của chúng ta chẳng có cách nào tiếp xúc nó. Nó chẳng phải là vật chất, nhưng cũng chẳng phải là hiện tượng tinh thần, nên chúng ta tư duy, tưởng tượng chẳng được. Vì vậy, trong kinh Phật thường dùng bốn từ “*bất khả tư nghị*”; “*tư*” (思) là tư duy.

Tư duy có giới hạn, tuy nó có công năng rất lớn, đây là thức thứ sáu, kinh dạy chúng ta: Đối với bên ngoài, tư duy có thể duyên tới hư không, pháp giới; đối với bên trong, nó có thể duyên tới A Lại Da, nhưng chẳng thể duyên tự tính. Vì vậy, nhất định phải là đích thân chứng thì mới có thể biết. Đến khi nào sẽ có thể chứng đắc? Kinh dạy chúng ta: Từ Bát Địa trở lên. Có tất cả năm mươi một giai tầng Bồ tát, giống như chúng ta đi học, lớp Một, lớp Hai, có tất cả năm mươi một lớp. Phải đạt tới Bát Địa, Bát Địa rất cao, cao nhất là Thập Địa Bồ tát. Đệ Bát Địa đã thấy, kiến tính.

Nói “*kiến tính*” tức là đã thật sự thấy. Nếu nói theo nghĩa rộng, Sơ Trụ trong Viên giáo đã thấy rồi. Sau khi thấy, hãy còn có tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn! Tuy tập khí chẳng chướng ngại sự, tức là nói trong tự tính vốn sẵn đủ trí tuệ, đức năng, tướng hảo, nó chẳng bị chướng ngại

Câu thứ nhất: “*Linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng*”, nói về tác dụng của tự tính. Nay chúng ta gọi “*linh*” là “*cảm ứng*”. Đối với sự cảm ứng tốt bậc vi tế, tự tính đều có thể hiểu được, biết rõ ràng, rành rẽ sự cảm ứng ấy. Nó khởi tác dụng ra sao? Tác dụng là đối với những dao động

vô cùng vi tế trong trọn khắp pháp giới, hư không giới, nó đều có thể hiểu rõ.

Các khoa học gia hiện thời cũng phát hiện, họ nói trong thế gian này không có vật chất, tất cả hết thấy các hiện tượng đều là hiện tượng dao động, các khoa học gia cận đại đã nói như vậy. Phật pháp bảo khởi nguyên của vũ trụ là một hiện tượng dao động vô cùng vi tế! Trong *Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*, Hiền Thủ quốc sư đã giảng rất rõ ràng. Trong sách ấy, ba đoạn đầu quả thật nhằm giải thích hai câu này: Từ Nhất Thể khởi Nhị Dụng, Nhị Dụng là hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần sinh khởi.

Khi sinh khởi, tác dụng gồm ba điều:

1) Thứ nhất là “*châu biến pháp giới*” (trọn khắp pháp giới), “*đồng triệt*” (洞徹) là trọn khắp pháp giới. “*Linh minh đồng triệt*” là trọn khắp pháp giới hư không giới nó đều hoàn toàn biết, nó có tác dụng ấy! Hiện tượng vật chất cũng như vậy, mà hiện tượng tinh thần vẫn như vậy. Nói theo Phật pháp, hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần dung hợp với nhau; tuy là hai thứ, nhưng chúng chẳng tách rời!

Vấn đề này, có thể dùng điện ảnh hiện thời để làm tỷ dụ, đặc biệt là TV, vì trong hiện tại, gia đình nào cũng hầu như hằng ngày chẳng rời khỏi TV. Tôi tỷ dụ màn hình như tự tính, các hình ảnh trong TV ví như các hiện tượng dao động sinh khởi, tức là hiện tượng tinh thần và vật chất vĩnh viễn chẳng thể tách lìa tự tính. Hễ tách lìa thì chúng sẽ không

còn nữa. Không có màn hình, chúng chẳng thể hiển thị. Màn hình là chân tính; những hình tượng ấy là huyễn tướng.

Một đằng là chân, một đằng là vọng. Chân là gì? Màn hình là vĩnh hằng, vĩnh hằng không thay đổi, đó là Chân. Tướng được hiện trên màn hình sinh diệt trong từng sát-na, có sinh diệt nên là hư huyễn, chẳng thật sự tồn tại. Nhưng quý vị phải hiểu: Chân vọng bất nhị, chân vọng nhất thể, diệu dụng ở chỗ này. Khi nó khởi ra tác dụng thì sự dao động ấy đúng là trọn khắp pháp giới.

2) Loại thứ hai là “*xuất sinh vô tận*”. Trong tự tính có A Lại Da. A Lại Da là thức biến. A Lại Da là cái thức năng biến (có thể biến), hết thấy các hiện tượng là sở biến (cái được biến hiện). Y báo và chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới là sở biến. Năng và Sở bất nhị, năng biến và sở biến là một, không hai.

A Lại Da ở đâu? A Lại Da ở trong Tướng Phần, trong Kiến Phần và Tướng Phần đều có, đều chẳng tách rời. Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, Cảnh Giới Tướng tuy một mà ba, tuy ba mà một, quyết định chẳng thể độc lập. Vì thế, gọi là hư huyễn, huyễn tướng, mộng, huyễn, bọt, bóng. Bất luận dưới trạng thái nào, Thể của chúng đều là “*trạm tịch thường hằng*”; “*trạm*” (湛) là thanh tịnh, “*tịch*” (寂) là tịch diệt. Chúng ta dùng cương lĩnh tu học trong tiêu đề kinh này để nói sẽ dễ hiểu: Trạm là thanh tịnh, Tịch là bình đẳng, Thường hằng là vĩnh hằng bất biến. Những chữ này nhằm miêu tả tự tính và

sự khởi tác dụng của tự tính. Thế, Tướng và Dụng như kinh *Hoa Nghiêm* đã giảng đều thuộc trong một câu này (trạm tịch thường hằng). Vì vậy, câu này quả thật chẳng dễ hiểu cho lắm!

Tiếp theo là “*cô minh lịch lịch*” (riêng sáng vắng vặc) cũng là hình dung. “*Cô*” (孤: một mình) là chỉ có tự tính, thực sự chỉ có tự tính là bất sinh, bất diệt, chẳng có đối lập, chẳng có tương đối. Hễ khởi lên tác dụng thì có tương đối, quý vị thấy tinh thần và vật chất là tương đối. Tuy tương đối, chúng dung hợp với nhau, trong tinh thần có vật chất, trong vật chất có tinh thần.

Hôm qua, có một vị đồng học tìm được trên mạng Internet và đã làm thành DVD; tối qua tôi có xem một chút, hình như đoạn phim ấy dài bốn mươi lăm phút.

Đó là báo cáo gần đây nhất của một nhà khoa học Mỹ đang khảo sát, nghiên cứu nhằm chứng tỏ nước có ký ức. Nếu sau khi phát hiện này được xác nhận, trong Vật Lý Học sẽ đẩy lên một cuộc cách mạng rất lớn. Cách mạng gì vậy?

Hiện thời, chúng ta nói khoáng vật chẳng phải là sinh vật, nhưng nghiêm nhiên là trong ấy có thấy, nghe, hay, biết, lại còn có ký ức. Có ký ức thì có thể báo thù hay không? Chúng ta xử tệ với nó, nó có báo thù hay không? Nếu có báo thù sẽ phiền lắm.

Ngày nay, chúng ta phá hoại núi, sông, đại địa trên địa cầu, phá hoại chúng. Nếu chúng ghi hận, sẽ báo thù; chúng nó sẽ báo thù bằng động đất, bằng thiên tai, rất đáng sợ! Do

vậy, trong kinh giáo, đức Phật một mực dạy chúng ta hãy “cung kính hết thảy”.

Trong Phật pháp nói tới luân lý, luân lý là nói về quan hệ. Người thế gian chúng ta nói tới luân lý thì chỉ nói về quan hệ giữa con người. Ngũ Luân là quan hệ cha con, quan hệ vợ chồng, quan hệ vua tôi, quan hệ anh em, quan hệ bằng hữu. Nhưng quan hệ được giảng trong Phật pháp không chỉ là quan hệ giữa con người với nhau, mà còn là quan hệ giữa con người và hết thảy động vật.

Phật pháp giảng khá nhiều quan hệ! Quan hệ giữa con người và các chiều không gian khác nhau, trong các chiều không gian khác biệt lại có sinh vật, còn có mối quan hệ giữa con người và hoa cỏ cây cối, đó là quan hệ với thực vật. Quan hệ giữa con người và núi, sông, đại địa; quan hệ giữa con người với trọn khắp pháp giới, hư không giới. Luân lý được giảng hết sức rộng!

Sau khi đã biết quan hệ, đức Phật sẽ dạy cho chúng ta một tâm thái: Cung kính hết thảy! Quý vị thấy sám nghi trong Phật pháp vừa mở đầu bèn: *“Nhất tâm đánh lễ, nhất thiết cung kính”* (nhất tâm đánh lễ, hết thảy cung kính). Chúng ta cung kính hoa, cỏ, cây cối, cung kính núi, sông, cung kính vạn pháp trong vũ trụ, không có gì chẳng dùng tâm cung kính.

Nguyện thứ nhất của Bồ tát Phổ Hiền là *“lễ kính chư Phật”*, bao gồm quan hệ luân lý được giảng trong nhà Phật. Đối xử tử tế với vạn vật, hoa, cỏ, cây cối, chúng nó có Thọ,

Tưởng, Hành, Thức; trong những năm qua, chúng tôi cũng chứng thực chuyện này.

Chúng tôi trồng trọt rau dưa, cây ăn trái đều có cảm ứng, chúng ta khởi tâm động niệm chúng nó sẽ biết, đều có cảm ứng. Chúng tôi đối xử tử tế với chúng, chúng cũng báo đáp rất tốt đẹp: Lá đặc biệt xanh, hoa đặc biệt thơm, quả đặc biệt ngọt. Chúng nó báo đáp đấy!

Nếu những loài chim nhỏ, trùng nhỏ muốn ăn những loài rau dưa, hoa quả ấy, chúng tôi ước định với chúng nó; chúng tôi cũng chiếu cố chúng nó; chúng nó cũng chiếu cố chúng tôi. Do vậy, vườn rau của chúng tôi nhất định chữa ra một khu nhỏ, khu ấy chuyên dành cho tiểu trùng ăn. Chúng đến đó ăn, chẳng quấy nhiễu những nơi khác. Cây ăn trái cũng vậy, chúng tôi chỉ định mấy cây chuyên dành cho các loài chim nhỏ, chim tới ăn trái cây, sẽ ăn trên mấy cây ấy. Nếu cây không được chỉ định sẵn, chúng nó chẳng quấy nhiễu.

Do chúng tôi đối xử hết sức tốt đẹp với những loài trùng nhỏ, chim nhỏ ấy, đôi bên tôn trọng lẫn nhau, chiếu cố lẫn nhau, cho nên hoa quả chẳng cần thuốc sát trùng. Thuốc sát trùng có hại, khi chim nhỏ ăn vào sẽ mắc bệnh, con người ăn vào lâu ngày cũng sinh bệnh, bản thân trái cây cũng bị biến chất. Vì thế, chớ nên dùng những thứ ấy!

Không chỉ chớ nên dùng thuốc sát trùng, mà phân hóa học cũng chớ nên dùng. Chúng ta chẳng cần đến những thứ

ấy, dùng thiện tâm đối đãi những tiểu động vật và hoa, cỏ, cây cối, sẽ thấy đặc biệt tốt đẹp.

Những nông phu lân cận đến thăm nông trường của chúng tôi đều vô cùng kinh ngạc: Các vị dùng phương pháp gì mà trồng tốt đẹp ngần ấy? Tôi bảo họ, tôi dùng phương pháp Niệm Phật để trồng.

Trong vườn rau, vườn cây ăn quả, chúng tôi đặt máy niệm Phật, suốt hai mươi bốn giờ phát ra Phật hiệu “A Di Đà Phật” cho cây cối nghe. Chúng tôi chỉ dùng Phật A Di Đà để trồng trọt, những năm qua trồng trọt rất thành công! Vậy thì quý vị hãy nói, đó là đạo lý gì?

Ở đây nói “*Linh minh đồng triệt, tràm tịch thường hằng*” chính là đạo lý và nguyên lý ấy, nó chẳng là tự tính, từ trong tự tính biến hiện. Do vậy, chúng ta tùy thuận Tính Đức thì thứ gì cũng tốt đẹp, trái nghịch Tính Đức sẽ xảy ra phiền phức liền!

Khoa học kỹ thuật trái nghịch Tính Đức, có thể trồng trọt quả, hạt to đùng, nhưng chẳng ngọt, chẳng có mùi vị gì, thoát nhìn ngon lành lắm, ăn vào chẳng có mùi vị gì! Đó là gì? Đấy là thiên nhiên báo thù, chúng ta đừng nên đối đãi với chúng như thế!

Mấy câu tiếp theo đều là tán thán: “*Bỉnh hách hư không*” (rạng ngời hư không). Đây là tán thán “*hàm dung Không Hữu*” (dung chứa Không và Có) trong ba thứ trọn khắp (như sách *Hoàn Nguyên Quán* đã nói); đấy cũng là như nhà Phật thường nói: “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm bao

trùm hư không, lượng trọn khắp các cõi có số lượng nhiều như cát), chẳng có ngăn mé.

“Linh quang độc diệu, huýnh thoát căn trần” (Linh quang riêng chiếu, vượt thoát căn trần), đây là đặc biệt nói với người tu hành, người tu hành hãy nên làm như thế. *“Linh quang độc diệu”* là nói về trí tuệ, trí tuệ viên mãn.

Trí tuệ viên mãn do đâu mà có? Quý vị có thể buông căn trần xuống, trí tuệ và đức tướng trong tự tính thấy đều hiện ra, *“căn”* là lục căn, *“trần”* là lục trần. Thật ra, ở đây vẫn nói về lục thức; nói cách khác, chớ nên chấp tướng! Căn và trần là hiện tượng vật chất. Lục thức: Trong căn trần bao gồm thức. Căn, trần, thức hợp thành mười tám giới. Thức là hiện tượng tâm lý. Hiện tượng vật chất và hiện tượng tâm lý thấy đều phải buông xuống. Vì sao? Chúng là giả.

“Linh quang độc diệu” là chân, linh quang độc diệu là trí tuệ Bát nhã sẵn có trong tự tính, vạn đức, vạn năng. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật đã dạy: *“Hết thấy Chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai”*. Chữ *“linh quang”* chỉ điều ấy, chỉ cần quý vị buông phân biệt, chấp trước xuống, nó sẽ hiển hiện.

“Cổ Liên Trì Đại sư tán viết: Đại tai chân thể, bất khả đắc nhi tư nghị giả, kỳ duy tự tính dư” (Vì thế, Liên Trì Đại sư ca ngợi: “Lớn thay chân thể! Chẳng thể nghĩ bàn thì chỉ có mỗi tự tính mà thôi”). Những câu này đều nhằm tán thán tự tính. Tự tính cũng là bất đắc dĩ, gượng đặt tên là “tự tính”, như

trong phần trước đã nói: Ngay cả cái tên “*tự tính*” cũng đừng nên chấp trước; hễ quý vị chấp trước thì cũng trật rồi!

Đoạn tiếp theo là: “*Thật Tướng chỉ chỉ, như thượng thô minh*” (Tông chỉ của Thật Tướng đã được giảng thô thiển như trên đây), tông chỉ của Thật Tướng đã được giảng đại khái trong đoạn trước. Hết thấy các kinh Đại thừa đều căn cứ trên Thật Tướng của các pháp để nói, đấy là chân tướng của hết thấy các pháp.

Đức Phật giảng kinh căn cứ vào đâu? Căn cứ trên chân tướng của hết thấy các pháp để nói. Nói những gì? Những gì Phật nói cũng chẳng rời khỏi chân tướng của hết thấy các pháp. Chúng ta có thể nói: Phật Thích Ca Mâu Ni, thậm chí hết thấy kinh giáo do mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai đã nói, đều nhằm giảng Thật Tướng của chư pháp. Nếu dùng một câu đơn giản, gần gũi để nói đó là “giảng về chân tướng của vũ trụ vạn pháp”.

Tiếp đó, lại nói về bản kinh này: “*Chí ư bản kinh thể tính*” (còn như Thể Tính của kinh này), đối với bộ kinh *Vô Lượng Thọ* này, “*hà đắc xưng vi Thật Tướng da?*” (có sao gọi là Thật Tướng), cũng có thể gọi là Thật Tướng ư? “*Hạ thân kỳ thuyết*”, (tiếp đó bèn nói rõ). “*Bồ tát Thế Thân*”, Ngài Thế Thân (Vasubandhu) còn gọi là Thiên Thân.

Trong *Vãng Sinh Luận* có mấy câu như thế này: “*Trang nghiêm Phật độ công đức thành tựu, trang nghiêm Phật công đức thành tựu, trang nghiêm Bồ tát công đức thành tựu, thử*

tam chủng thành tựu nguyện tâm trang nghiêm, ưng tri” (Công đức trang nghiêm cõi Phật thành tựu, công đức trang nghiêm Phật thành tựu, công đức trang nghiêm Bồ tát thành tựu. Nên biết...). Ba thứ thành tựu ấy là thành tựu trong thế giới Tây Phương Cực Lạc: Phật độ (cõi nước Phật) là y báo, Phật, Bồ tát là chính báo. Phật là buông toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Bồ tát là đang buông xuống, chưa buông sạch sành sinh, chưa triệt để, đấy là Bồ tát.

Bồ tát (Bodhisattva) là tiếng Phạn, Huyền Trang Đại sư giải thích, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Giác Hữu Tình. Hữu Tình (Sattva) là còn có tình thức, tình thức chưa đoạn, nhưng đã giác ngộ.

Phật thì sao? Phật là Giác, dùng một chữ này là được rồi, phía sau chẳng có Hữu Tình. Phật thật sự giác ngộ viên mãn rốt ráo; Bồ tát tuy giác ngộ, nhưng tình thức chưa đoạn, Huyền Trang Đại sư dịch theo cách ấy.

Chúng ta gọi những bản dịch trước thời Huyền Trang Đại sư là Cổ Dịch. Cổ đại đức dịch chữ Bồ tát thành Đại Đạo Tâm Chúng sinh. Đại Đạo Tâm là Giác, Chúng sinh là Hữu Tình, cũng dịch rất hay! Quả thật là từ Huyền Trang Đại sư trở đi, dùng cách gọi Bồ tát là Giác Hữu Tình khá nhiều!

Ba thứ thành tựu này là y báo và chính báo trang nghiêm. Quý vị thấy thầy là một vị Phật trang nghiêm, đó là công đức của thầy đã thành tựu, Bồ tát là học trò. Do vậy, trong thế giới Tây Phương, trong thế giới Hoa Tạng, chúng ta chỉ nhìn

thấy người trong các thế giới ấy gồm hai loại người: Một là Phật, hai là Bồ tát. Trừ hai loại này ra, dường như kinh chẳng nói tới ai khác.

Nếu chúng ta quan sát cẩn thận thế giới ấy, sẽ thấy thế giới ấy giống như gì? Thế giới ấy là trường học. Trong trường học, chỉ có thầy và học trò, không có tổ chức chính phủ nào! Trong thế giới Cực Lạc chẳng nói có quốc vương, trước nay chưa hề nói. Thế giới Hoa Tạng cũng không có một thiên vương nào! Do vậy, những tổ chức như trong thế gian chúng ta chỉ trong lục đạo mới có, bốn thánh pháp giới chẳng có. Trong lục đạo bèn có, Sắc Giới thiên có Đại Phạm Vương (Brahma), Sơ Thiên Thiên có Ma Hê Thủ La Thiên Vương (Maheśvara), Tứ Thiên Thiên; trong Vô Sắc Giới không có!

Vô Sắc Giới không có hiện tượng vật chất, chỉ có tinh thần. Nay chúng ta nói tới Duy Vật và Duy Tâm, thì Tứ Thiên và Tứ Không (có thể tạm hiểu là tương ứng với Duy Vật và Duy Tâm). Tứ Không Thiên là duy tâm, người nơi ấy chẳng có nhục thể, tức là chẳng có hiện tượng vật chất. Do vậy, họ cũng chẳng cần sống trong cung điện, chẳng cần! Chúng ta gọi họ là “linh giới”, hoàn toàn là hiện tượng tinh thần. Nếu không có nhục thể thì là u linh; nhưng trong vật chất, nhất định có hiện tượng tinh thần.

Trên thực tế, trong hiện tượng tinh thần vẫn có hiện tượng vật chất, nhưng chúng ta chẳng thấy hiện tượng vật chất ấy, Phật, Bồ tát thấy được, A La Hán cũng thấy được. Đây là nói rõ tinh thần và vật chất vĩnh viễn chẳng tách

rời. Trong sắc có hiển sắc và bất hiển sắc, nhà Phật gọi bất hiển sắc là Vô Biểu Sắc (Avijñapti-rūpa). Thật ra, loại sắc này đối với chúng ta cũng chẳng khó hiểu. Mỗi người chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, trong mộng có sắc hay không? Có sắc tướng, chính mình nhìn thấy sắc tướng ấy rõ ràng, nhưng người khác chẳng nhìn thấy, đó là Vô Biểu Sắc. Chúng ta tưởng tượng, nghĩ đến Bắc Kinh, nghĩ đến Cố Cung, Cố Cung bèn hiện tướng ngay trong óc, chính chúng ta nghĩ đến rất rõ ràng, chúng ta biết, nhưng khi ta nghĩ, người khác chẳng biết. Thế nhưng đối với người có công phu, quý vị nghĩ gì, hiện ra tướng gì, người ấy sẽ thấy, nhưng người thường chẳng thể thấy. Điều này chứng tỏ vật chất và tinh thần vĩnh viễn chẳng thể tách rời.

Nói duy tâm hay duy vật đều chẳng thỏa đáng, chúng là một Thể, chẳng thể chia thành hai phương diện. Chia thành hai phương diện là trật rồi! Giống như hiện thời chúng ta nói đến TV, màn hình TV và sắc tướng chẳng phải là một chuyện, nhưng chúng là nhất thể. Quý vị chẳng có cách nào tách rời chúng; hễ tách rời sẽ chẳng có.

“Lược thuyết nhập nhất pháp cú cố” (Nói đại lược thì ba thứ trang nghiêm ấy đều gồm trong một pháp cú). Pháp cú gì vậy? Tiếp đó, sách có giải thích: *“Nhất pháp cú giả, vị thanh tịnh cú”* (Một pháp cú là thanh tịnh cú). Thanh tịnh cú (câu thanh tịnh) là gì? *“Thanh tịnh cú giả, vị chân thật trí tuệ vô vi Pháp thân cố”* (Thanh tịnh cú là “Pháp thân vô vi trí tuệ chân thật”). Nói rõ ràng, trí tuệ chân thật vốn trọn

đủ trong tự tính của chúng ta, đấy cũng là như trong kinh giáo, đức Phật thường nói “*kiến, văn, giác, tri*”, có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Đã thế, trong kiến, văn, giác, tri, chắc chắn chẳng nảy sinh sai lầm. Vì sao? Nó là tính đức, là trí tuệ chân thật.

Khi giác ngộ, người ấy chẳng lấy thân này làm thân, thân này là sắc thân, là nhục thân, người ấy chẳng xem cái thân này làm thân chân thật, biết thân này là giả, nên lấy Pháp làm thân. Pháp là gì? Toàn thể vũ trụ. Trong Phật pháp nói hết thấy vạn vật trọn khắp pháp giới hư không giới thấy đều là thân, do tự tính biến hiện ra. Thân thể này của chúng ta vẫn là tự tính, chẳng lìa khỏi tự tính, giống như chúng ta xem TV, tất cả sắc tướng chẳng thể rời khỏi màn hình.

Pháp thân là gì? Màn hình là Pháp thân, hết thấy các tướng được hiện trong màn hình đều là Pháp thân, không có gì chẳng phải là Pháp thân. Sau khi chúng ta hiểu rõ thân này chính là Pháp thân, cũng là một trong các Pháp thân. Tất cả hết thấy thân động vật đều là Pháp thân, là một, không hai với ta, quả thật là một Thể.

Chúng ta khởi tâm động niệm, mỗi thân ấy đều nhận được tin tức, mỗi cá nhân khởi tâm động niệm đều có thể giao thoa lẫn nhau, vô cùng nhạy bén, chẳng sai lầm tí nào! Cho đến cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa, vô lượng vô số tinh cầu, tinh hệ trong vũ trụ, chẳng có gì không liên quan mật thiết với nhau, trao đổi khít khao với nhau trong từng sát-na.

Nhà Phật dùng cái lưới làm tỷ dụ, tức là lưới trời của Đế Thích Thiên, giao thoa như vậy. Vì thế, theo vũ trụ quan của nhà Phật, vũ trụ là một Thể, có quan hệ mật thiết như vậy, đấy là Pháp thân. Pháp thân vô vi, nhưng không gì chẳng làm. “Vô vi” là nói về tự tính, “không gì chẳng làm” là nói về A Lại Da. A Lại Da là vọng tâm, tự tính là chân tâm, chân vọng bất nhị. Do vậy, điều này khác với triết học!

Thời đầu Dân Quốc, Âu Dương Cán Hộ Đại sư^{1[1]} trong bài phát biểu nhân dịp giảng diễn lần thứ tư tại Đại học Trung Sơn, khi ấy cũng gây chấn động trong giới học thuật. Ông ta nêu ra một lập luận: *“Phật pháp chẳng phải là tôn giáo, chẳng phải là triết học, mà là nhu cầu tất yếu trong hiện thời”*.

Chẳng phải là tôn giáo thì chúng ta chẳng bàn tới, nhưng vì sao chẳng phải là triết học? Triết học có Năng và Sở (chủ thể và khách thể, chủ quan và khách quan). Phật pháp tuy nói đến Năng và Sở, nhưng Năng và Sở là một, chẳng hai. Do vậy, đấy chẳng phải là phạm trù triết học (Category)^{2[2]}, nên chẳng thể bảo Phật giáo là triết học được! Vậy thì nên nói là gì? Phật pháp là Phật pháp, không thể dùng danh từ nào khác để thay thế! Đó là cách nói của Âu Dương Đại sư, chúng

1[1] Xin lưu ý là Âu Dương Cán Hộ là một triết gia, một nhà Phật học tại gia, chứ không phải là tăng sĩ. Hòa Thượng Tịnh Không dùng chữ “Đại sư” ở đây theo cách dùng phổ biến của người Hoa để gọi một chuyên gia hàng đầu về một lãnh vực nào đó. Chẳng hạn, cụ Chương Thái Viêm được gọi là Quốc Học Đại sư, Tề Bạch Thạch được gọi là Thư Pháp Đại sư.

2[2] Có thể hiểu sơ lược như thế này: Phạm trù là cách phân loại những khái niệm trong triết học, người ta sắp xếp những khái niệm có cùng một số đặc điểm tiêu biểu và quy luật phát triển thành từng loại, xem xét quan hệ giữa những khái niệm ấy với khái niệm khác. Do vậy, phạm trù có thể hiểu là một cách hệ thống hóa tư tưởng, xác định phạm vi của những khái niệm, nghiên cứu sự tương tác giữa các khái niệm với nhau.

ta nghe xong cũng cảm thấy rất có lý. Ông ta nói Phật giáo là nhu cần tất yếu trong hiện thời, câu nói này hết sức nói thẳng vào trọng tâm!

Do vậy, vô vi là Thể, hữu vi là Dụng. Vô vi là thanh tịnh, tịch diệt; hữu vi là cái thứ hai trong ba thứ “trộn khắp” (tam chủng châu biến) được nói trong *Hoàn Nguyên Quán*: “Xuất sinh vô tận”. Sau khi chúng ta hiểu rõ chân tướng, dùng tâm thái gì để đối ứng? “Hàm dung Có và Không”.

Tâm lượng của quý vị vốn to như vậy, hết thảy đều có thể bao dung. Bao dung thì sẽ chẳng so đo, đúng là “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, vốn là như vậy, mỗi mỗi đều là như vậy. “Thử luận trực hiển Sự Lý vô ngại chi Nhất Chân pháp giới. Tức Sự nhi chân, đương tướng tức đạo” (Luận này đã hiển thị trực tiếp Nhất Chân pháp giới Sự Lý vô ngại, do chính từ Sự mà nhập Chân, ngay nơi tướng chính là đạo). Đây là nói về chư Phật, Bồ tát và hoàn cảnh sống của họ trong thế giới Cực Lạc, nay chúng ta gọi đó là vũ trụ.

Cụ Hoàng vô cùng tán thán mấy câu này của Bồ tát Thế Thân trong *Vãng Sinh Luận*. Khi chúng tôi gặp mặt, cụ cũng thường nhắc tới, cũng thường trích dẫn mấy câu này để chỉ rõ thế giới Cực Lạc là Nhất Chân pháp giới Sự Lý vô ngại. “Tức Sự nhi chân”, Sự là Tướng, Chân là Tính, Tính Tướng bất nhị, Tính Tướng như một. “Đương tướng tức đạo”, Đạo là nói về Tính, Tướng là nói về Sự. Hai câu này (tức “tức Sự nhi Chân” và “đương tướng tức đạo”) có ý nghĩa tương đồng.

“Cực Lạc thế giới chủng chủng y chính trang nghiêm, nhất nhất giai thị chân thật trí tuệ vô vi Pháp thân” (Các thứ y báo và chính báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc, mỗi thứ đều là Pháp thân vô vi trí tuệ chân thật).

Ở đây, cụ Hoàng đã giảng ý nghĩa lời nói của Thiên Thân Bồ tát theo Lý, *“chân thật”* là tự tính, *“trí tuệ”* là Bát nhã, *“vô vi”* là Đức, Pháp thân là Tướng, chúng là nhất thể. *“Nhất nhất tức thị Thật Tướng”* (mỗi mỗi chính là Thật Tướng). Pháp vốn là như vậy, tự tính là Thật Tướng, Bát nhã là Thật Tướng, Đức cũng là Thật Tướng, Tướng cũng là Thật Tướng. *“Cố vân bản kinh dĩ Thật Tướng vi Thể dã”* (Vì thế nói: Kinh này lấy Thật Tướng làm Thể vậy). Đây là nói theo *Vãng Sinh Luận* của Bồ tát Thiên Thân.

Tiếp theo đó: *“Minh Cừ Am Đại sư viết: “Quỳnh lâm ngọc chiếu”* (Cừ Am Đại sư đời Minh nói: “Rừng quỳnh, ao ngọc”); *“quỳnh lâm”* là cây báu trong thế giới Tây Phương, *“ngọc chiếu”* là ao sen. Trong Đại Bản lẫn Tiểu Bản chúng ta đều thấy điều này. *“Trực hiển ư tâm nguyên”* (Hiện hiện trực tiếp nguồn tâm), *“tâm nguyên”* là tự tính. *“Thọ lượng, quang minh, toàn chương ư tự tính”* (Thọ lượng, quang minh, phô bày trọn vẹn tự tính). Thọ lượng là đức, quang minh là trí, phô bày trọn vẹn tự tính, thấy đều là tự tính viên mãn thâu lộ. Chúng ta thường nói là *“tự tính phóng quang, quang minh biến chiếu”* (tự tính tỏa ánh sáng, quang minh chiếu khắp), chính là nói đến ý nghĩa này. *“Chương”* là *“chương hiển”* (彰顯: phô bày rõ rệt).

Trong bộ *Viên Trung Sao*, U Khê Đại sư cũng nói đến ý nghĩa này giống như vậy: “*Quỳnh lâm, ngọc chiếu, thọ lượng, quang minh, cố nhất thiết chư pháp chi tướng dã, nhiên tắc trực hiển ư tâm nguyên, toàn chương ư tự tính, cố hà tướng chi khả đắc tại*” (Rừng quỳnh, ao ngọc, thọ lượng, quang minh vốn là tướng của hết thấy các pháp, nên chúng đã hiển lộ trực tiếp nguồn tâm, phô bày trọn vẹn tự tính thì có tướng nào để đạt được?). Tướng chính là phi tướng, phi tướng chính là tướng, đây là giáo pháp Đại thừa đến cuối cùng nhập pháp môn Bất Nhị. Nhập pháp môn Bất Nhị tức là như đức Phật thường chỉ dạy chúng ta “chớ khởi tâm, đừng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước”, quý vị sẽ khế nhập.

Làm được “chẳng phân biệt, chẳng chấp trước” thì vẫn chưa được, vẫn chưa nhập pháp môn Bất Nhị. Nhập pháp môn Bất Nhị là Pháp thân Bồ tát, theo như kinh *Hoa Nghiêm* đã giảng, đó là bậc Sơ Trụ trong Viên giáo trở lên!

Buông phân biệt, chấp trước xuống, nhưng còn có khởi tâm động niệm, quý vị vẫn chưa thoát khỏi mười pháp giới. Chưa ra khỏi mười pháp giới, quý vị sẽ chẳng có cách nào khế nhập cảnh giới Bất Nhị. Đây là một giới hạn rất lớn, là ranh giới giữa phàm và thánh.

Vượt thoát mười pháp giới bèn minh tâm kiến tính, chúng ta thường nói là “*thành Phật*”. Cư sĩ Giang Vị Nông chú giải kinh *Kim Cương*, trong bộ *Kim Cương Kinh Giảng*

Nghĩa của chính ông, đã giảng về chư Phật Như Lai. Quý vị thấy ông giải thích chữ “*chư Phật*” chẳng phải là nhiều vị Phật, mà “*chư Phật*” là bốn mươi hai tầng cấp, tức những địa vị ấy đều thuộc Viên giáo: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác và Diệu Giác.

Ông ta giải thích “*chư Phật Như Lai*” là bốn mươi hai địa vị chư Phật Như Lai. Minh tâm kiến tính bèn thành Phật. Minh tâm kiến tính là đã buông khởi tâm động niệm xuống, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước.

Trong cảnh giới này, vì sao còn có bốn mươi hai tầng cấp? Không khởi tâm, không động niệm, có sao vẫn còn có tầng cấp? Chẳng phải là có khởi tâm động niệm ư? Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đức Phật nói có bốn mươi hai tầng cấp.

Chúng ta có thể hiểu: Bốn mươi hai tầng cấp ấy chẳng thể nói là có, mà cũng chẳng thể nói là không có, chẳng phải có, chẳng phải không. Nếu quý vị nói có, thì do chẳng khởi tâm động niệm, lấy đâu ra bốn mươi hai tầng cấp? Quý vị nói chúng là không có, thì họ (các vị Pháp thân Bồ tát) chưa đoạn tập khí vô minh. Không khởi tâm, không động niệm là đoạn vô minh; vô minh đã đoạn rồi, nhưng còn có tập khí vô minh. Tập khí vô minh có dày hay mỏng khác nhau, nên vừa mới đoạn vô minh, tập khí vẫn còn đậm, sau đó, cảnh giới càng cao lên, tập khí vô minh càng nhạt dần.

Từ “*tập khí*” cũng chẳng dễ hiểu, nên cổ đức dùng bình rượu làm tỷ dụ, tỷ dụ này rất hay! Bình đựng đầy rượu, đổ sạch đi, đổ hết, lau chùi sạch bóng bên trong, một giọt cũng chẳng còn, thật sự chẳng có tí rượu nào, nhưng vẫn ngửi thấy mùi. Đó gọi là Tập khí. Mùi vị ấy không lau mất được, nhưng nó cũng chẳng trở ngại Sự. Quý vị đem thứ khác đựng trong đó cũng chẳng ngại Sự. Tập khí ấy sau một thời gian lâu dài sẽ tự nhiên chẳng còn.

Do vậy, trong cõi Thật Báo, họ dụng công đoạn tập khí ấy, chẳng có cách nào khác, nên gọi là Vô Công Dụng Đạo. Trong ấy, chớ nên có một tí ý niệm nào! Hễ quý vị khởi niệm sẽ đoạ lạc, vậy là không được rồi! Vì thế, người ấy chắc chắn chẳng khởi tâm, không động niệm. Khi ấy, phiền não đã đoạn hết, chẳng cần phải dụng công đoạn phiền não. Lúc đó, tâm từ bi trong tự tính hiện tiền, kẻ ấy đã đạt được chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi trong tự tính, các Tính Đức xuất hiện, người ấy và hết thấy chúng sinh trong trọn pháp giới hư không giới sinh khởi sự cảm ứng đạo giao, chúng sinh có cảm, người ấy bèn ứng.

Hàng Sơ Trụ Bồ tát trong Viên giáo có năng lực này: Nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân Phật để nói pháp. Như trong phẩm *Quán Thế Âm Phổ Môn* đã nói về ba mươi hai ứng thân: Nên dùng thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy. Bản thân Phật, Bồ tát chẳng có ý nghĩ “ta phải hiện thân gì”, nếu các Ngài có ý nghĩ như vậy thì sẽ là phàm phu.

Các Ngài không có Ngã; Ngã của các Ngài là Pháp thân, chứ không có một cái Ngã đơn độc, không có ý niệm ấy! Pháp thân ở nơi đâu? Pháp thân trọn khắp pháp giới hư không giới, không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng hiện diện, một niệm của chúng ta bèn khởi cảm ứng. Do vậy, có bốn loại cảm ứng, chắc chắn có cảm ứng. Có khi có cảm ứng, nhưng bản thân chúng ta nghiệp chướng quá nặng nên chẳng thể thấy được, nhưng thật sự có cảm ứng. Biết chân tướng sự thật này, sẽ biết: Trong hết thấy chỗ, hết thấy lúc, chớ nên có ý niệm bất thiện. Đừng nghĩ không ai biết! Dấy lên một niệm bất thiện, chư Phật, Bồ tát với số lượng chẳng biết nhiều hơn số người trên địa cầu bao nhiêu lần, các Ngài đều biết. Không chỉ chư Phật, Bồ tát biết, mà như trong mấy đoạn trước chúng tôi cũng đã nói rất rõ ràng, tất cả vật chất đều có kiến, văn, giác, tri, chúng đều biết!

Ở nơi đây, chúng ta khởi tâm động niệm, bàn ghế có biết hay không? Biết. Vì sao? Hết thấy vật chất đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, ý niệm dấy lên, chúng bèn cảm nhận, chúng cũng có thể suy nghĩ!

Trong sách *Hoàn Nguyên Quán* đã giảng chuyện này rất rõ ràng, rất minh bạch, nhỏ đến mức độ nào? Nhà Phật nói “vi trần”. Ba thứ châu biến (trọn khắp) trong *Hoàn Nguyên Quán* đều lấy một vi trần làm tỷ dụ. Một hạt vi trần, nhục nhãn chẳng thể thấy, khoa học hiện thời gọi nó là nguyên tử, điện tử, hạt cơ bản, năng lượng của một hạt vi trần như thế trọn khắp pháp giới. Sau khi mê, năng lượng ấy biến thành Thọ, Tưởng,

Hành, Thức, trong tự tính, nó được gọi là kiến, văn, giác, tri.

Trong A Lại Da, chúng được gọi là Thọ, Tưởng, Hành, Thức; Thọ là năm thức trước, Tưởng là thức thứ sáu, Hành là thức thứ bảy, cái cuối cùng là A Lại Da thức. Thức trong “Thọ, Tưởng, Hành, Thức” chính là A Lại Da thức. A Lại Da thức là năng lượng, hai thức thứ sáu và thứ bảy là phân biệt và chấp trước, nay chúng ta gọi chúng là “thông tin”.

Năm thức đầu là do vật chất khởi tác dụng, chúng có Thọ. Năm thức đầu là Thọ, chúng có thể tiếp nhận, có năng lực tiếp nhận. Vì thế, mỗi hạt cơ bản đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức; thân thể của chúng ta do bao nhiêu hạt cơ bản hợp thành, mỗi hạt cơ bản đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Trong kinh, đức Phật thường nói một sợi lông trên thân con người, nói theo y báo, tức là nói theo phương diện vật chất, mỗi vi trần đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Vì thế, các nhà khoa học hiện thời dùng nước làm thí nghiệm, nhận thấy nước có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ của con người, nó có cảm nhận, có Thọ, Tưởng, Hành.

Hiện thời, họ còn thí nghiệm thấy nó có ký ức, ký ức ấy là Thức. A Lại Da thức chứa đựng chủng tử, ký ức ấy chính là Thức khởi tác dụng, nó có toàn bộ Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thấy đều trọn đủ. Đây chính là nói trong vật chất có đủ tâm pháp.

Nhà Phật nói Ngũ Uẩn thì Sắc là hiện tượng vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là hiện tượng tâm lý, bất luận trong vật

thể nào cũng đều có, nhưng quý vị chẳng nhận biết. Vì thế, Phật pháp quả thật là phi thường! Tới khi nào mới có thể nhận biết hiện tượng này? Nói thông thường thì là khi đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính sẽ trông thấy hiện tượng này, triệt để hiểu rõ, trông thấy duyên khởi của vũ trụ.

Duyên khởi của vũ trụ là lúc nào? Ngay trong lúc này, chẳng có quá khứ lẫn vị lai, mà là một niệm ngay trong lúc này! Thời gian và không gian là giả, là ảo giác. Trong Phật pháp, thời gian và không gian được gọi là Bất Tương Ứng Hành Pháp. Nói theo cách bây giờ, Bất Tương Ứng Hành Pháp là khái niệm trừu tượng, không có sự thật.

Hai câu kế tiếp là: *“Thử chính vô tướng bất tướng”* (Đây chính là vô tướng mà chẳng phải là không có tướng), vô tướng nhưng chẳng phải là không có tướng, câu này có ý nghĩa như vậy! *“Tướng nhi vô tướng chi chính thể”* (Cái chính thể tuy có tướng nhưng là vô tướng), đó là Thật Tướng. Điều này nêu rõ đức Phật nói kinh *Vô Lượng Thọ* cũng là dựa trên Thật Tướng để nói.

“Cái ngô nhân tâm tính, lượng đồng pháp giới, linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng, thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương. Cực Lạc quốc độ, phi tại tâm ngoại. Bách giới thiên như, giai ngã bản cụ” (Ấy là vì tâm tính của chúng ta lượng bằng pháp giới, linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng, theo chiều dọc cùng tận ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Cõi nước Cực Lạc chẳng

phải ở ngoài tâm, bách giới thiên như ta đều sẵn đủ). Đây là chân tướng sự thật.

Tâm tính của chúng ta lượng đồng pháp giới, pháp giới (tức là vũ trụ) không có ngăn mé. Vì sao? Tâm tính không có ngăn mé. Cổ nhân có câu: *“Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội”* (Không có gì lớn mà ra ngoài được, không có gì nhỏ chẳng gồm trong), đó là miêu tả tâm tính chẳng có ngăn mé, quý vị tìm ngăn mé chẳng ra!

Các nhà khoa học và vật lý học hiện thời bảo: Vũ trụ mênh mông, chẳng có cái gì to lớn vượt ra khỏi nó, Lượng Tử Lực Học (Quantum Mechanics) nói về *“kỳ tiểu vô nội”*, nghiên cứu hai cực đoan này! Nghiên cứu cách nào đi nữa, vẫn chẳng có cách nào vượt khỏi những gì kinh điển đã nói. Vì sao? Nhờ vào các máy móc, nhờ vào toán học đều chẳng có cách nào, đều là còn có giới hạn. Vì sao đức Phật biết? Đức Phật chứng đắc bằng Thiền Định. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, Ngài thấy đều buông xuống. Sau khi buông xuống, chân tướng ấy bèn rõ ràng, hiện tiền. Sau đấy mới hiểu: Khởi tâm động niệm là vô thủ vô minh phiền não. Dùng từ ngữ này rất hay, vô thủ vô minh phiền não, nó chẳng có khởi đầu. Vì sao? Nhất niệm, đó là nhất niệm vô minh. Chúng ta bị phiền phức vì sau một niệm lại có một niệm khác tiếp nối, sinh ra tướng tượng tục. Nếu nhất niệm là giác ngộ, tướng tượng tục sẽ chẳng sinh, ngay lập tức Thường Tịch Quang hiện tiền.

Do vậy, vấn đề chẳng có trước hay sau, quả thật là “*đương hạ nhất niệm*” (một niệm ngay trong hiện tại), quý vị chẳng nắm bắt niệm ấy được, vì nó quá nhanh. Trong một giây có bao nhiêu niệm? Nếu khảy ngón tay năm lần trong một giây, sẽ là một tỷ sáu trăm triệu, làm sao quý vị có thể nắm bắt được? Do nó là giả, chẳng phải là thật, nên chẳng cần phải quan tâm, hễ bận tâm là trật rồi! Bận tâm sẽ sinh phiền não, quý vị bèn đọa vào vô minh, hết thấy đều buông xuống là đúng, chân tâm sẽ hiện tiền. Trong chân tâm có vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, nhà Phật gọi những điều ấy là công đức, vô lượng công đức trang nghiêm, trang nghiêm là tướng hảo. Vì thế, lượng đồng pháp giới.

Pháp giới, nói theo những cái nhỏ nhoi thì chẳng điều nhỏ nhặt nào không bao gồm. Nhà Phật nói trong vi trần có thể giới. Trong vi trần có thể giới, nhưng vi trần chẳng phình to, thể giới chẳng rút nhỏ, chúng bình đẳng như nhau! Bồ tát Phổ Hiền có thể tiến nhập thể giới trong một vi trần để lễ Phật, cúng dường, nghe kinh.

Vì sao Bồ tát Phổ Hiền có năng lực ấy? Bồ tát Phổ Hiền trở về tự tính; bởi lẽ, mỗi nguyện trong mười đại nguyện của Ngài đều tương ứng viên mãn với tự tính. Ngài có năng lực vào thể giới trong vi trần để lễ Phật, tham học. Chúng ta phải hiểu: Bên trong thể giới ở trong vi trần ấy lại có vi trần, trong vi trần ấy lại có thể giới, trùng trùng vô tận, đấy là Pháp Tính. Do vậy, nhà Phật thường nói: “*Rộng không ngăn mé, sâu không có đáy*” là nói đến đạo lý này.

Không có ngăn ngại, giới hạn. Pháp Tính vốn là như thế, vốn là như vậy.

“*Linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng*”, là nói về tác dụng của Pháp Tính. “*Thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương*” (Theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương). “Thụ” (豎) là nói đến “tam tế” (三際), tức quá khứ, hiện tại, vị lai; một đằng nói về thời gian, một đằng nói về không gian. “*Hoành biến thập phương*” là nói về không gian. “*Trọn khắp thời gian và không gian*” là nói về tự tính. Sau đấy, lại nói với quý vị: “*Cực Lạc quốc độ, phi tại tâm ngoại*” (cõi nước Cực Lạc chẳng ở ngoài tâm), do tự tính biến.

“*Bách giới thiên như, giai ngã bản cụ*” (Bách giới thiên như đều là thứ ta vốn sẵn có) là nói về toàn thể vũ trụ. “*Thiên như*” chính là mười loại Như Thị được nói trong kinh *Pháp Hoa*, Ngài Thiên Thai triển khai Thập Như Thị thành Thiên Như (một ngàn Như thị)^{3[3]}. Triển khai mười pháp giới, mỗi pháp giới đều trọn đủ mười pháp giới, nên mười lần mười thành “*bách giới*”. Đây là nói tới vô lượng vô biên thế giới trong toàn thể vũ trụ. Những điều được nói trong các phẩm *Hoa Tạng Thế Giới* và *Thế Giới Thành Tựu* của kinh *Hoa Nghiêm* đã giảng trọn hết tám từ ấy, đều là những thứ vốn sẵn trọn đủ trong tự tính.

3[3] Thiên Như là phối hợp bách giới với mười món như thị mà thành. Sách *Pháp Hoa Huyền Nghĩa* giảng: “*Mỗi pháp giới có mười như thị, mười pháp giới trọn đủ một trăm như thị. Lại nữa, trong mỗi pháp giới có chín pháp giới kia, cho nên một trăm pháp giới có ngàn món như thị*”. Mười món Như Thị được nói trong phẩm *Phương Tiện* kinh *Pháp Hoa* như sau: “*Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo Thật Tướng của các pháp, tức là các pháp như thị tướng, như thị tính, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị cứu cánh bản mặt...*”.

Kế đó là lời kết luận, quý vị hiểu ngay: *“Tâm tịnh tức Phật độ tịnh, độ tịnh tức ngã tâm tịnh”* (Tâm tịnh ắt cõi Phật tịnh, cõi tịnh thì tâm ta tịnh). Nếu hiện thời chúng ta muốn giải quyết vấn đề của địa cầu, cứu vớt địa cầu, vận dụng hai câu ấy là đủ rồi, tâm chúng ta tịnh, địa cầu sẽ thanh tịnh; địa cầu thanh tịnh, chúng ta tâm chúng ta thanh tịnh, vì chúng có cùng một Thể; cho nên cảm ứng hết sức nhạy bén.

Ngày nay, chúng ta phá hoại địa cầu. Phá hoại địa cầu khi nào? Mỗi ngày nghĩ đến tham, sân, si, mạn; mỗi ngày nghĩ tổn người lợi mình, chính là phá hoại địa cầu. Chúng ta vì tự tư tự lợi mà tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, tham cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần, những điều ấy đều là sai lầm, tâm hạnh bất thiện tức là phá hoại địa cầu.

Nói gần gũi hơn một chút, là phá hoại thân của chính mình, thân thể này là tiểu vũ trụ, bên ngoài là đại vũ trụ. Tư tưởng bất thiện khiến cho thân thể chúng ta chẳng khỏe mạnh! Thân thể con người là một cỗ máy; nếu chúng ta biết quý trọng cỗ máy ấy, sẽ có thể sử dụng bao lâu?

Trước kia, thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam cho tôi biết, thầy tinh thông Trung Y, y học rất cao minh, cụ bảo tôi nếu bảo dưỡng thân thể đúng mực, tối thiểu phải sử dụng hai trăm năm! Quý vị không sống tới hai trăm năm là do chính mình đã làm hư hỏng thân thể. Do vậy, chúng ta thấy đạo lý này trong kinh Phật: *“Tâm tịnh, ắt cõi Phật thanh tịnh”*. Nếu chúng ta chỉ dùng cái tâm thanh tịnh, chắc chắn thân thể này

có thể sống đến hai trăm tuổi, mà còn có thể nhiều hơn nữa. Trung Quốc có cụ Bành Tổ^[4] sống tám trăm tuổi. Kẻ thường phàm chúng ta chẳng thể tin, có phải là truyền thuyết hay chẳng? Nếu chiếu theo kinh Phật để nói thì đó là chuyện có thể xảy ra!

Phật Thích Ca Mâu Ni có một vị đệ tử vẫn còn ở trên thế gian, chưa nhập diệt. Ai vậy? Tôn giả Đại Ca Diếp. Ngài phải đợi Bồ tát Di Lặc đến thế gian này thị hiện thành Phật, đem y bát của Phật Thích Ca Mâu Ni trao cho Bồ tát Di Lặc. Ngài làm đại biểu, cho nên phải lưu lại thân thể trên thế gian. Phải lưu lại bao nhiêu năm? Phải lưu lại mấy chục ức năm. Có thể hay chẳng? Có thể chứ! Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng. Nhìn từ chỗ này, Bành Tổ tám trăm tuổi quá dễ dàng, có trở thành vấn đề hay chẳng? Không thành vấn đề! Vì vậy, thọ mạng của chúng ta dài hay ngắn do chính tay ta thao túng, chẳng do người khác.

Tâm tịnh là trọng yếu, tâm thanh tịnh chẳng thể có ô nhiễm! Nghĩa là nhất định phải buông vọng tưởng, chấp trước xuống, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng chấp trước nữa, tâm thanh tịnh hiện tiền; chẳng còn phân biệt nữa, tâm bình đẳng hiện tiền. Có phân biệt sẽ

[4] Bành Tổ, tên thật là Tiễn, còn gọi là Tiễn Khanh, cháu của Chuyên Húc (một trong Ngũ Đế, người được xem là có công sáng chế lịch pháp, thiên văn, quy định người có quan hệ huyết thống không được lấy nhau v.v...). Do được vua Nghiêu phong cho thái ấp ở đất Bành, nên gọi là Bành Khanh. Bành Tổ được xem là thủy tổ của những người mang họ Bành. Ông giữ chức Thủ Tạng từ đời vua Nghiêu trải các đời Hạ, Thương, Châu. Theo truyền thuyết, do quá thọ, Bành Tổ lấy vợ bốn mươi chín lần, sinh được năm mươi bốn người con. Đạo giáo xem ông là một vị tiên, những tác phẩm như *Bành Tổ Dưỡng Sinh Kinh*, *Bành Tổ Nhiếp Sinh Dưỡng Tính Luận* do hậu nhân biên soạn rồi gán cho ông.

bất bình đẳng; có chấp trước sẽ chẳng thanh tịnh. Tiêu đề kinh ghi *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”*, thật sự đạt tới *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”* sẽ tự nhiên khai ngộ! Đây là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính.

Do vậy, khởi tâm động niệm của chúng ta có quan hệ mật thiết với thân thể của chúng ta, mà cũng có quan hệ mật thiết với hoàn cảnh, cũng có quan hệ mật thiết với núi, sông, đại địa. Biết mối quan hệ này, biết chân tướng sự thật này, chúng ta sẽ biết: Chúng ta có thể cứu địa cầu này, có thể hóa giải tai nạn này, phương pháp là dùng *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”*.

Chính mình phải nghiêm túc học tập, lại còn phải giảng cho người khác nghe. Vì sao? Người khác có cộng nghiệp với chúng ta, nhiều người có cái tâm thanh tịnh bình đẳng, tai nạn sẽ chẳng xảy ra, chẳng có! Vì thế, người giác ngộ, sau khi giác ngộ chỉ có một sứ mạng là giáo học, giúp đỡ kẻ chưa giác ngộ, chuyện là như thế đấy. Trừ chuyện này ra, chẳng có chuyện gì khác!

“Hà hữu nhất pháp, tại ngã tâm ngoại” (Há có pháp nào ở ngoài tâm ta). Tổ sư đại đức thường nói: *“Tâm ngoại vô pháp, pháp ngoại vô tâm”* (ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm); tâm là tự tính, không có một pháp nào ở ngoài tâm. *“Bản kinh sở thuyết, trực hiển bản tâm, toàn chương tự tính. Đương tướng tức đạo, vô phi Thật Tướng”* (Những điều được nói trong kinh này nhằm chỉ thẳng cái

tâm, phô bày trọn vẹn tự tính. Từ ngay nơi Tướng chính là Đạo, không gì chẳng phải là Thật Tướng).

Đức Phật nói kinh *Vô Lượng Thọ*; các vị tổ sư đại đức thuở xưa đã giới thiệu cho chúng ta biết: Thuở đức Thế Tôn tại thế, Ngài đã nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này. Hết thấy các kinh chỉ được đức Phật giảng một lần, chẳng giảng lần thứ hai, chỉ mình kinh *Vô Lượng Thọ* được giảng rất nhiều lần, những dấu vết hiện thời cho thấy tối thiểu kinh này được giảng ba lần!

Nhưng kinh *Vô Lượng Thọ* từ đời Hán tới đời Tống, trong tám trăm năm ấy, tổng cộng được phiên dịch mười hai lần, tức là vốn có mười hai bản dịch. Rất đáng tiếc trong mười hai bản dịch ấy, có bảy bản bị thất truyền. Trong mục lục của *Đại Tạng Kinh* thì có ghi nhan đề những bản dịch ấy, nhưng kinh không còn. Thất truyền bảy loại, còn giữ được năm loại. Năm loại ấy trong *Đại Tạng Kinh* đều có. Năm bản ấy sai khác rất lớn; nếu là bản gốc chỉ có một, chẳng thể nào có sai biệt lớn như vậy, mà phải là như thường nói: “*Đại đồng tiểu dị*”.

Quý vị nói kinh *Kim Cương* có sáu bản dịch khác nhau. Quý vị hãy xem kỹ trong *Đại Tạng Kinh*, sáu bản ấy đại đồng tiểu dị.

Trong kinh *Vô Lượng Thọ*, phần quan trọng nhất là bản nguyện tức là lời phát nguyện của Phật A Di Đà. Hiện thời trong năm bản ấy, có hai bản ghi bốn mươi tám nguyện, có hai bản ghi hai mươi bốn nguyện. Bản dịch đời Tống là bản cuối cùng, ghi ba mươi sáu nguyện, khi phiên dịch chắc chắn không thể nào có sai lầm được!

Do vậy, cổ đại đức dựa vào điều này mà phán đoán: Tối thiểu đức Phật cũng giảng ba lần, tuy bảy bản thất truyền chẳng thấy, nhưng điều này đã chứng tỏ kinh này được tuyên giảng nhiều lần. Tuyên giảng nhiều lần, nhất định có dụng ý, đó là pháp môn này quá trọng yếu! Pháp môn này thật sự lợi ích chúng sinh, cũng có thể nói là trong hết thảy các kinh do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, kinh này trọng yếu nhất. Do vậy, lão nhân gia tuyên giảng nhiều lần.

Chúng ta phải hiểu “*đương tương tức đạo, vô phi Thật Tướng*” là cảnh giới gì? Sơ Trụ trong Viên giáo, hay Sơ Địa trong Biệt giáo bèn nhập cảnh giới này. Tướng là gì? Hiện tượng. Từ ngay nơi hiện tượng ấy, chúng ta hiểu tự tính, tướng do tự tính biến. Cổ nhân nói: “*Dùng vàng làm đồ vật, thứ nào cũng đều là vàng*”, thấy các thứ đồ liền biết chúng là vàng; vàng và đồ vật chẳng thể tách rời. Tính ở nơi đâu?

Chúng ta đọc *Ngũ lục* của Thiền tông, tuy đọc không hiểu, nhưng thấy lão hòa thượng trắc nghiệm học trò, xem trò khai ngộ là ngộ như thế nào? Làm như thế nào? Thuận tay lấy một thứ gì đó để so sánh, ấn chứng: “Trò thật sự giác ngộ”. Chẳng lấy vật gì, duỗi một ngón tay cũng được! Từ ngay nơi tướng chính là đạo, thầy bèn ấn chứng cho trò, người này thật sự khai ngộ, thật sự khế nhập, đó là hiện tiền, chẳng rời khỏi khoảnh khắc trong hiện tại, không gì chẳng phải là Thật Tướng.

Thật sự ngộ nhập, tâm thái hoàn toàn khác biệt, chẳng có phiền não! Thừa quý vị, đoạn vô minh phiền não thì mới

kiến tính; chẳng đoạn sẽ chẳng thể kiến tính. Đoạn vô minh phiền não, quý vị liền biết phân biệt lẫn chấp trước đều chẳng có. Từ vô minh sinh ra phân biệt, từ phân biệt sinh ra chấp trước! Khi đã đoạn cội rễ, toàn bộ cành lá chẳng còn, sinh ra gì? Sinh ra trí tuệ, trí tuệ viên mãn. Kể thật sự kiến tính, bất luận hỏi kẻ ấy vấn đề gì, người ấy đều có thể nói rõ ràng, rành rẽ. Người ấy chẳng học, mà chẳng cần phải học. Vì sao? Chẳng là tự tính, trí tuệ, thần thông, đạo lực hiện tiền viên mãn. Hễ khai ngộ sẽ bình đẳng với thầy, thầy bảo trò: *“Nhữ như thị, ngã diệc như thị”* (ông như thế mà ta cũng như thế), bình đẳng! Tính Đức hoàn toàn lưu lộ, chẳng có tăng giảm; vì thế, Phật nay giống như Phật xưa trở lại.

Thanh Lương Đại sư khi giảng nhan đề kinh *Tứ Thập Hoa Nghiêm* đã nói một câu: Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh, thuyết pháp trong bốn mươi chín năm, hết thảy các kinh mà Ngài đã nói đều do cổ Phật đã nói. Phật Thích Ca chẳng nói kinh nhiều hơn cổ Phật một chữ! Chúng ta có thể tin tưởng điều này hay chẳng?

Trước đức Phật Thích Ca, chẳng nghe nói tới một vị nào, về sau, đức Phật dạy chúng ta: Ngài là vị Phật thứ tư trong Hiền Kiếp. Nhưng thời gian mỗi vị Phật xuất thế rất ngắn, thời gian không có Phật rất dài, có sao kinh do Phật Thích Ca đã nói chính là kinh do cổ Phật đã nói? Ngài kiến tính, cổ Phật cũng kiến tính, kiến tính bèn là Phật Phật đạo đồng. Nếu là đạo đồng thì quý vị có thể nói những lời do bản thân đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói chính là lời giảng của cổ

Phật; cũng có thể nói như thế này: Những gì cổ Phật đã giảng chính là lời giảng của Phật Thích Ca Mâu Ni, các Ngài là một, không hai. Mê mới có một, hai; khi ngộ, chẳng còn nữa!

Tiếp đó: *“Như Di Đà Yếu Giải vân, Thật Tướng vô nhị, diệt vô bất nhị”* (Như sách *Di Đà Yếu Giải* nói: “Thật Tướng không hai, mà cũng chẳng phải là không hai”). Vô nhị là nói theo Thể. “Chẳng phải là không hai” là nói theo Dụng.

“Thị cố cử thể tác y, tác chính, tác pháp, tác báo, tác tự, tác tha, nãi chí năng thuyết, sở thuyết, năng độ, sở độ, năng tín, sở tín, năng nguyện, sở nguyện, năng trì, sở trì, năng sinh, sở sinh, năng tán, sở tán, vô phi Thật Tướng chính ấn chi sở ấn dã” (Vì thế, dùng toàn bộ cái Thể để làm y báo, chính báo, Pháp thân, Báo thân, làm Tự, làm Tha, cho đến Năng thuyết (Phật Thích Ca Mâu Ni), Sở thuyết (pháp được nói), Năng độ (Phật), Sở độ (Chúng sinh), Năng tín (người tin), Sở tín (pháp được tin), Năng nguyện (người phát nguyện), Sở nguyện (điều phát nguyện), Năng trì (người hành trì), Sở trì (pháp hành trì), Năng sinh (người vãng sinh), Sở sinh (nơi vãng sinh), Năng tán (người khen), Sở tán (pháp được khen), không gì chẳng được Thật Tướng Chính Ấn in vào).

Hai câu đầu nói nhiều ngàn ấy! Thật Tướng vô nhị, mà cũng chẳng phải là bất nhị; vì thế, *“cử thể”* tức là toàn bộ Thể biến hiện những gì? Biến hiện ra y báo hoặc chính báo. Đối với *“y, chính”* ở đây, chúng ta nhất định phải có khái niệm rất rõ ràng! Chính báo là gì? Chính báo là chính mình, y báo là

hoàn cảnh sống của chúng ta. Do vậy, chư vị nhất định phải hiểu chính báo; nếu quý vị nói chính báo là hết thấy mọi người, trật rồi!

Chính báo là chính mình, là một người, ngoài ta ra, đều là hoàn cảnh sống, những người khác thuộc về hoàn cảnh nhân sự của ta! Trong hoàn cảnh có hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất, hoàn cảnh tự nhiên, hoàn toàn thuộc về hoàn cảnh.

Hoàn cảnh đều là y báo, chính báo chỉ có một bản thân ta! Thân Phật Thích Ca Mâu Ni là chính báo của Ngài; thân ta là chính báo của ta. Nếu nói theo phía ta, Phật Thích Ca Mâu Ni là y báo của ta. Nói theo phía Phật Thích Ca Mâu Ni, chúng ta là y báo của Ngài.

Do vậy, phải hiểu thật rõ quan niệm này: Chính báo là một mình ta. *“Tác Pháp, tác Báo”*: Pháp là Pháp thân, Báo là Báo thân; *“Tác tự, tác tha”*: Bất luận như thế nào, đều là một tự tính, hoàn toàn do một tự tính biến hiện. Giống như gì? Giống như y báo và chính báo hiện ra trong giấc mộng. Điều này chẳng dễ hiểu, tự tính của ta biến hiện ra như thế nào? Có sao ta có thể biến hiện người khác? Biến hiện người nhiều dường ấy? Trong những người ấy còn có oan gia đối đầu, còn có những cư xử chẳng vui lòng. Vì sao có chuyện này? Giống như nằm mộng, quý vị thấy: Có lần nào nằm mộng mà trong mộng chẳng có chính mình? Quý vị có thể tìm được lần nào nằm mộng mà không có chính mình? Không có chính mình, sẽ không thể nằm mộng!

Trong mộng nhất định có chính mình, quý vị mộng thấy rất nhiều người, mộng thấy núi, sông, đại địa, đó đều là y báo. Người bình thường chúng ta đều có kinh nghiệm, đây là tâm ý thức khởi tác dụng. Thế giới hiện tiền của chúng ta do tự tính khởi tác dụng, thật ra, trong mộng vẫn chẳng là khởi tự tính. Truy cứu căn nguyên vẫn là tự tính, hết thấy đều do tự tính hiện.

Tiếp đó là nói tới *“năng thuyết, sở thuyết”*. Năng thuyết chính là Phật, Sở thuyết là kinh. Năng độ chúng sinh là Phật, Bồ tát; Sở độ là hết thấy chúng sinh. Năng tín, sở tín là chính mình; năng nguyện, sở nguyện cũng là chính mình. Chính mình phát nguyện là năng nguyện, chúng ta mong muốn nguyện của ta được thỏa. Những điều tiếp theo đều có Năng và Sở, Năng và Sở là một, không hai, bất nhị là Thật Tướng.

Câu cuối cùng: *“Vô phi Thật Tướng chính ấn chi sở ấn dã”* (Không gì chẳng được chính ấn Thật Tướng in vào). Do vậy, nhất định phải chú tâm thấu hiểu: Những câu đức Phật đã nói đều là lời chân thật, đều nhằm giảng về Thật Tướng của các pháp. Nếu chúng ta nhận biết, khẳng định những điều ấy, tâm quý vị sẽ định, trong tâm sẽ chẳng khởi tâm động niệm, bèn khế nhập cảnh giới. Tuy “chẳng khởi tâm, không động niệm” quá sâu, chúng ta chưa làm được, nhưng đó là sự thật, vậy thì chúng ta hãy làm từ chỗ nông cạn, dễ dàng, tức là: Đừng chấp trước, đừng phân biệt! Chấp trước là Kiến Tư phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chúng ta đổ công sức vào hai chỗ này; thấy sắc, nghe tiếng chẳng chấp trước, chẳng phân biệt.

Quý vị tu gì? Chẳng chấp trước là tu tâm thanh tịnh, chẳng phân biệt là tu tâm bình đẳng. Quý vị thật sự học, thật sự niệm Phật, chẳng phải là quý vị mong cầu sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc ư? Quý vị niệm Phật có phân biệt, có chấp trước, cũng chẳng sao, đờn nghiệp vãng sinh, sinh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư của thế giới Cực Lạc.

Nếu chẳng chấp trước, niệm Phật sẽ vãng sinh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu chẳng phân biệt, quý vị tới thế giới Cực Lạc sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Vì sao? Tâm bình đẳng là cõi Thật Báo, tâm thanh tịnh là Tịnh Độ. Tịnh Độ ấy là tứ thánh pháp giới, còn gọi là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Phân biệt và chấp trước đều có, tâm quý vị vẫn chưa thanh tịnh, vẫn có thể vãng sinh. Pháp môn này quá thù thắng; vì thế, thích hợp khắp ba căn, thâm nhiếp toàn bộ lợi căn lẫn độn căn, vạn người tu, vạn người về.

Đoạn phiền não quả thật chẳng dễ dàng, đến cõi Phàm Thánh Đồng Cư bằng cách nào? Đối với cõi Phàm Thánh Đồng Cư, một câu Phật hiệu có thể khống chế phân biệt, chấp trước, giống như đá đè cỏ, phân biệt, chấp trước vẫn có, chưa đoạn, nhưng chúng nó chẳng khởi tác dụng là được rồi! Vào lúc nào? Trong một niệm vãng sinh, một niệm cuối cùng là một câu Phật hiệu; trong tâm vẫn là một câu Phật hiệu, không có ý niệm nào khác, quý vị sẽ vãng sinh.

Trong một niệm cuối cùng, quý vị nghĩ tới chuyện khác, sẽ trở lại lục đạo, không thể vãng sinh! Chân tướng sự thật này

hết sức trọng yếu! Khi quý vị chẳng hiểu rõ ràng, sẽ thường là luống uổng một đời này, nhất định phải hiểu rõ ràng!

Niệm Phật trong lúc bình thường là gì? Lúc thường ngày giống như luyện binh, một niệm lâm chung là giao chiến. Do vậy, có rất nhiều người bình thường niệm Phật rất khá, niệm cả đời, nhưng khi lâm chung không xong, vì còn vướng mắc chưa buông xuống được, tôi đã thấy rồi!

Lúc tôi mới xuất gia, tại chùa Lâm Tế thuộc Viên Sơn, Đài Bắc, có một lão cư sĩ lớn tuổi hơn tôi, học Phật lâu hơn tôi. Trong chùa ấy có hội niệm Phật, cụ làm Duy Na, hướng dẫn đại chúng niệm Phật, tới cuối cùng, cụ chẳng vắng sinh. Khi lâm chung, mọi người trợ niệm cho cụ, cụ bảo mọi người: “Các người đừng niệm Phật tiễn ta, ta không thích!”, lại luân hồi! Cho đến lúc ấy, không thể làm chủ chính mình, tập khí vô minh phiền não quá nặng, cũng là như chúng tôi hay nói là “không buông xuống được!”. Vì thế, buông xuống là phải buông xuống trong hiện tại, chớ nên đợi đến ngày mai hay năm sau, nếu không, sẽ phiền phức lớn. Chúng tôi bình thường rất tôn kính vị lão cư sĩ ấy, niệm Phật rất giỏi, quý vị thấy cụ có thể làm Duy Na hướng dẫn đại chúng, nhưng một chiêu cuối cùng cụ làm không được, chẳng thật sự buông xuống.

Do vậy, *“do thượng khả kiến toàn kinh hốt luân tại nhất Thật Tướng trung”* (do những điều trên đây, có thể thấy toàn bộ bản kinh gồm trọn trong Thật Tướng). Từ *“hốt luân”* (勿輪)

có nghĩa là “hoàn toàn, hoàn mỹ, hoàn chỉnh”. Toàn bộ từng câu từng chữ trong kinh đều thuộc trong Thật Tướng.

“Cố vân dĩ Thật Tướng vi Thể Tính dã” (Cho nên nói lấy Thật Tướng làm Thể Tính của kinh này). Nói những điều này, chẳng có gì khác, khiến cho chúng ta tin tưởng đức Phật nói bộ kinh này có căn cứ lý luận, chẳng phải là tùy tiện nói; một mực từ trong tự tính tự nhiên lưu lộ, nói như vậy cũng hợp lý!

Trong đoạn cuối cùng, nêu kinh văn trong kinh này để chứng minh: *“Hựu bản kinh Đức Tuân Phổ Hiền phẩm vân, khai hóa, hiển thị chân thật chi tể”* (Hơn nữa, phẩm Đức Tuân Phổ Hiền trong kinh này có nói: “Khai hóa, hiển thị Chân Thật Tể”). Chân Thật Tể là tự tính; khai thị, giáo hóa chúng sinh về Chân Thật Tể.

“Đại Giáo Duyên Khởi phẩm vân: Dục chứng quần manh, tuệ dĩ chân thật chi lợi” (Phẩm Đại Giáo Duyên Khởi nói: “Muốn cứu vớt quần manh, ban cho cái lợi chân thật”). Đức Phật nói kinh này, *“quần manh”* (群萌) là hết thảy chúng sinh; đức Phật giúp đỡ hết thảy chúng sinh, giúp họ lìa khổ được vui.

Lìa khổ được vui nói đến chỗ rốt ráo là: Nếu quý vị chẳng rời khỏi lục đạo luân hồi, sẽ chẳng có cách nào thật sự lìa khổ. Tôi giúp quý vị sinh lên trời, sau khi quý vị hưởng hết phúc trời, vẫn phải đọa lạc; đấy chẳng phải là rốt ráo. Giúp quý vị thoát ly lục đạo luân hồi, quý vị chẳng thoát khỏi mười pháp giới, sẽ chẳng có chân lạc. Vì thế, đức Phật giúp đỡ chúng sinh, thật sự chỉ có một mục tiêu: Giúp quý vị thoát ly mười

pháp giới, vãng sinh Nhất Chân pháp giới, vấn đề này mới thực sự được giải quyết.

Thật Báo Trang Nghiêm cũng là Nhất Chân pháp giới, cư dân nơi ấy không chỉ chẳng có phân biệt, chấp trước, mà ngay cả khởi tâm động niệm cũng đều không có, đó là thế giới gì? Thế giới Phật. Đến thế giới ấy, đều thật sự thành Phật, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, họ có thể cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sinh trọn khắp pháp giới hư không giới. Cảm ứng đạo giao thì họ có khởi tâm động niệm hay không? Không có.

Chẳng khởi tâm động niệm, làm sao có thể cảm ứng đạo giao? Chúng tôi lúc mới học Phật có nổi nghi hoặc này, nghi hoặc suốt mấy chục năm. Chúng tôi đến thỉnh giáo các vị lão hòa thượng, đại đức, họ cũng chẳng giảng rõ ràng. Học tập vài chục năm mới từ từ thông hiểu, đấy là do Tính Đức trong tự tính chẳng thể nghĩ bàn. Tính Đức là Thường Tịch Quang, trong ấy cái gì cũng đều không có, chính là như Huệ Năng Đại sư đã nói: *“Nào ngờ tự tính, vốn tự trọn đủ”*. Câu này nói rõ ràng, nhưng trước kia chúng tôi không hiểu, nghe mà chẳng hiểu ý nghĩa này: Trong tự tính, thứ gì cũng trọn đủ, chẳng có gì khiếm khuyết. Y báo và chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới thấy đều ở trong ấy, nhưng nó chẳng hiển lộ. Giống như màn hình TV, chúng ta không mở máy thì chỉ thấy một màn hình trống trơn, trong ấy thứ gì cũng chẳng có! Lúc ấy, quý vị chẳng thể nói là nó không có. Khi quý vị nhấn nút, chẳng phải là hình ảnh bèn xuất

hiện ư? Nó ở trong cảnh giới ấy, cho nên thứ gì cũng đều chẳng có.

Khi ứng thì chư Phật, Bồ tát có thể hiện hay chẳng? Khi ứng thì sẽ hiện. Hiện như thế nào? Cảm ứng. Ai nhấn nút? Người cảm “đã nhấn nút”, chư Phật, Bồ tát bèn tự nhiên ứng, các Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Người cảm cầu Phật, Bồ tát gia hộ, cho nên một niệm tâm ấy là Cảm, khi các Ngài ứng bèn vô tâm, giống như tỷ dụ của chúng ta trong hiện tại. Nói thật, chỉ có thể tỷ dụ mô phỏng, chẳng có cách nào tỷ dụ chính xác, Giống như làm thí nghiệm trên nước, nước là khoáng vật, chúng ta đối với nước khởi lên ý niệm: “Ta ưa thích người, ta yêu mến người”, nước sẽ tiếp nhận, phản ứng bằng cách kết tinh rất đẹp để cho chúng ta thấy.

Chúng ta truyền cho nó một ý niệm khác: “Tao chán ghét mày, tao hận mày”, nó bèn truyền tin tức trở lại bằng cách kết tinh rất xấu xí cho quý vị thấy. Nước có khởi tâm động niệm hay chẳng? Không có! Nó hiểu bằng cách nào? Thuở xưa, đức Phật đã dùng chuông trống làm tỷ dụ. Ngài nói quý vị gõ chuông, cố ý gõ chuông, nó sẽ ngân vang. Quý vị gõ mạnh, âm thanh sẽ to; gõ nhẹ, âm thanh nhỏ, chuông có khởi tâm động niệm hay chẳng? Nó có phân biệt, chấp trước hay không? Tự tính cảm ứng giống như chuông trống, quả thật chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, gõ mạnh kêu to, gõ nhẹ kêu bé, thật sự chẳng khởi tâm động niệm. Vì sao? Do có đạo lý này: Trong tự tính có kiến, văn, giác, tri, nó là bất sinh, bất diệt. Thọ, Tưởng, Hành, Thức

có sinh diệt. Hễ mê thì từ tự tính biến thành A Lại Da, bèn có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Trong tương lai, chuyển Thức thành trí, Thọ, Tưởng, Hành, Thức bèn chẳng có. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều không có, trở về tự tính.

Điều này quả thật chẳng dễ hiểu lắm, nhưng nó là chân tướng sự thật, các tướng được hiện toàn là huyễn tướng, ngàn vạn phần chớ nghĩ nó là thật. Hễ tưởng là thật thì quý vị đã trật rồi. Xem nó là thật thì sao? Xem các hiện tướng là thật sẽ tạo nghiệp. Nghiệp có nhiễm nghiệp, có tịnh nghiệp, có thiện nghiệp, có ác nghiệp, quả báo khác biệt.

Do vậy, đối với hết thảy chúng sinh, đúng là đức Phật đã ban cho hết thảy chúng sinh lợi ích chân thật; chân thật là gì? Khiến cho quý vị minh tâm kiến tính, trở về tự tính.

Trong phẩm *Tích Công Lũy Đức* có một câu như thế này: “*Trụ Chân Thật Tuệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ*” (Trụ Chân Thật Tuệ, dũng mãnh tinh tấn, một mực chuyên dốc chí trang nghiêm cõi nước màu nhiệm). Ở đây nêu ra rất hay, nói ra ba thứ chân thật: “*Chân thật chi thể, Chân thật chi lợi, trụ Chân Thật Tuệ*”. Chỉ có trụ trong Chân Thật Tuệ thì mới có thể dũng mãnh tinh tấn.

Chân Thật Tuệ là gì? Là Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bộ kinh *Vô Lượng Thọ* này. Kinh *Vô Lượng Thọ* dạy quý vị phương pháp “*nhất hướng chuyên niệm*”, dạy chúng ta phương pháp tu học để trở về tự tính, phương pháp đại triệt đại ngộ, phương pháp thoát ly lục đạo, mười pháp giới,

phương pháp vãng sinh cõi Thật Báo Trang Nghiêm, tức là tám từ “*phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”.

Người thật sự làm, sẽ như Liên Trì Đại sư đã nói: “*Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp tha nhân ngộ*” (Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ). Nay ta hiểu rõ, hiểu ý nghĩa thật sự của đức Thế Tôn, đó là chân thật nghĩa, ta chẳng còn kiếm lấy những nỗi phiền phức nữa, đó là “*trụ Chân Thật Tuệ*”. Bao lâu sẽ có thể thành công? Tối đa là ba năm! Ba năm sẽ đắc Niệm Phật tam-muội, có thể vãng sinh.

Trong *Vãng Sinh Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục*, quý vị hãy đọc, trong ấy, gần như quá nửa là người ta niệm Phật ba năm bèn vãng sinh. Trong quá khứ, có một vị pháp sư hỏi tôi, vị này cũng đã mất, tức là pháp sư Đức Dung, hình như Sư đã qua đời chẳng ít năm, tuổi tác cũng xấp xỉ tôi. Sư từng hỏi tôi một câu: “Có đúng là những người được chép trong *Vãng Sinh Truyện* thọ mạng chỉ còn vừa đúng ba năm; sau ba năm, thọ mạng đã hết nên họ phải ra đi?”.

Tôi nghe hỏi như vậy, không cho cách nghĩ ấy là đúng, đâu có chuyện phù hợp khít khao như vậy? Hai, ba người thì có lẽ còn có thể, chứ đông như thế, mấy trăm người, làm sao có thể có chuyện như vậy được? Chuyện ấy chẳng thể xảy ra. Có sao họ niệm ba năm bèn vãng sinh? Khẳng định là tròn ba năm, người ấy đã tu được công phu thành phẩm, bèn từ bỏ tuổi thọ. Công phu thành phẩm tốt đẹp, chúng ta có thể

chia công phu thành phần thành ba bậc, chín phẩm. Thượng Phẩm vãng sinh ra đi tự tại, muốn đi bèn đi; ta có thọ mạng nhưng chẳng cần tới; ta sang thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật, đến bên kia để tu hành, thật sự đi được

Mấy năm trước, cư sĩ Hoàng Trung Xương ở Thẩm Quyển, ba mươi mấy tuổi, còn rất trẻ, đã làm thí nghiệm: Bế quan niệm Phật ba năm, xem thử có thể vãng sinh hay chẳng? Ông ta niệm hai năm mười tháng, còn thiếu hai tháng nữa mới viên mãn mà đã đi! Chẳng cần thọ mạng nữa, thế gian này quá khổ. Cuộc biểu diễn ấy của ông ta nhằm độ chúng sinh, chẳng dạy bằng lời lẽ (ngôn giáo), mà dùng thân giáo, nêu gương cho quý vị thấy. Trong *Tam Chuyển Pháp Luân*, cách này gọi là Thị Chuyển, tức là thị hiện tấm gương cho quý vị nhìn vào, thật sự, chẳng phải là giả.

Những trường hợp như vậy quá nhiều. Đây là “trụ Chân Thật Tuệ”, thâm nhập một môn. Đạt được công phu này, tam-muội là Định, chắc chắn Định sinh trí tuệ, trí tuệ sinh từ tâm thanh tịnh, tâm chẳng thanh tịnh sẽ sinh phiền não, tâm thanh tịnh sinh trí tuệ.

Trong Tịnh Tông, đạt được công phu như thế, một là vãng sinh Cực Lạc thế giới, hai là ở lại thế giới này nhằm độ chúng sinh. Ở lại thế giới này thì cũng có thể nói là người ấy có nhiệm vụ: Mang thêm mấy người nữa về thế giới Cực Lạc. Chính mình vãng sinh thì lúc nào cũng đều có thể đi, đến đi tự do, muốn đi lúc nào bèn đi lúc ấy, chẳng vướng mắc

tí nào! Người ấy trụ trong thế gian này mới thật sự là chịu khổ thay cho chúng sinh. Nếu người ấy chẳng trụ trong thế giới này, sẽ chẳng thể giúp đỡ người khác. Người ấy ở trong thế giới này, đúng là bốn đức đã được nói trong sách *Hoàn Nguyên Quán*: “Tùy duyên diệu dụng, oai nghi hũu tắc, nhu hòa chất trực, đại chúng sinh khổ” (tùy duyên diệu dụng, oai nghi có chừng mực, mềm mỏng, chân thật, thẳng thắn, chịu khổ thay cho chúng sinh).

Người ấy làm những điều này, chịu khổ thay cho chúng sinh. Có phải là thật sự chịu khổ thay cho chúng sinh hay chẳng? Chẳng phải! Người ấy thị hiện tướng trạng ấy. Vì sao? Tâm người ấy thanh tịnh, chẳng có phân biệt, chấp trước, làm sao có khổ được!

Do vậy, trong tâm người ấy rất tự tại, giống như Phật Thích Ca Mâu Ni, đều là thị hiện. Phật Thích Ca Mâu Ni ba y một bát, đêm ngủ dưới gốc cây, Ngài sung sướng lắm! Nhưng chúng ta thấy rất khổ. Vì sao? Chúng ta chịu không nổi. Phật có thể chịu được, Ngài là thân kim cương bất hoại, cho nên ở trong ấy, Ngài có niềm vui, pháp hỷ sung mãn, thường sinh tâm hoan hỷ.



TÌNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 22



Chư vị pháp sư, chư vị đồng học. Tôi vừa mới xem một tờ truyền đơn, nghe nói nó đã được lưu hành trên Internet khá lâu! Tôi đọc một đoạn cho mọi người nghe nhé: *“(Tờ truyền đơn này) đến từ lão pháp sư Tịnh Không. Sau khi tai nạn bộc phát tại Tứ Xuyên, Miến Điện, gần đây tai nạn lại bộc phát càng nghiêm trọng hơn. Cả thế giới bị ôn dịch, có thể hơn trăm vạn người bị chết, so với tai nạn tại Tứ Xuyên và Miến Điện trong thời gần đây càng đáng sợ hơn. Hiện thời đã có mấy quốc gia như Hàn Quốc, Ấn Độ đã bắt đầu xảy ra tai nạn”*. Tôi chẳng biết chuyện này, mà cũng chẳng biết ai đã viết như vậy. Chuyện này tôi không hiểu.

Đoạn tiếp theo viết: *“Pháp sư Tịnh Không kêu gọi các đồng tu trên thế giới bắt đầu từ 8g30 mỗi tối, niệm tụng Thánh hiệu Nam-mô Quán Thế Âm Bồ tát một ngàn câu suốt một tuần để hồi hướng cho chúng sinh trên cả thế giới tiêu tai miễn nạn, lìa khổ được vui, quốc thái dân an, mưa hòa, gió thuận. Xin quý vị sau khi nhận được tin tức này bèn báo cho càng nhiều nhân sĩ thiện tâm biết, công đức vô lượng”*.

Câu sau cùng là do người viết truyền đơn thêm vào. Tôi kêu gọi đồng học Tịnh Tông trên toàn cầu niệm Bồ tát Quán Thế Âm hồng tiêu tai miễn nạn cho thế giới. Tôi đã nói điều này. Đoạn ấy tôi đã nói, nhưng câu trước và câu cuối cùng, tôi chẳng biết đến. Những gì tôi nói đã được Đài Truyền hình vệ tinh Hoa Tạng phát sóng.

Mặt sau tờ truyền đơn có toa thuốc của Bồ tát Quán Thế Âm. Đối với toa thuốc ấy, tôi không biết Trung Y, có thể nhờ các thầy thuốc Bắc xét xem có hiệu quả hay không? Chuyện này thận trọng một chút sẽ tốt hơn. Tai nạn rất nhiều, nhất là trong thời gian gần đây nhất, hình như hôm nay tại Đài Loan lại bị động đất, còn có núi lở.

Nhiều năm qua, tôi thường khuyên lơn các đồng tu phải nghiêm túc học những lời này: *“Phóng hạ tự tư tự lợi, phóng hạ danh văn, lợi dưỡng, phóng hạ đối ngũ dục lục trần hưởng thụ, phóng hạ tham, sân, si, mạn”* (Buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông hưởng thụ ngũ dục lục trần xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống).

Tâm thái của chúng ta đoan chính sẽ khiến cho thân tâm khỏe mạnh, mang lại hạnh phúc cho gia đình, mang lại thuận lợi trong sự nghiệp, mang lại an định hòa bình cho xã hội, đưa đến sự đối xử hòa thuận trên thế giới, tôi thường nói những điều này.

Tai nạn chẳng đáng sợ, chúng ta đoan chính tâm hạnh sẽ có thể hóa giải tai nạn. Trong kinh, đức Phật thường dạy chúng ta: *“Tướng do tâm sinh, cảnh chuyển theo tâm”*. Trong giáo pháp Đại thừa nói rất nhiều, đối với những lý luận ấy, chúng ta có mức độ khá hiểu biết. Do vậy, chúng ta công nhận hai câu nói ấy của đức Phật, chỉ cần sửa đổi tâm thái của chúng ta cho đúng, sẽ có thể hóa giải tai nạn. Vì thế,

rất nhiều thứ được lưu truyền mượn danh nghĩa của tôi, tôi chẳng biết rõ lắm!

Trong quá khứ, Cục trưởng Cục Tôn Giáo Quốc Gia là ông Diệp đã từng cho tôi biết, ông ta đến Hương Cảng phỏng vấn. Trong thời gian phỏng vấn, có một hôm mời tôi dùng bữa sáng tại khách sạn, ông ta bảo: “Trong nước có những kẻ giả mạo danh nghĩa Pháp sư để làm những chuyện bất thiện. Pháp sư có biết những chuyện đó hay không?”.

Tôi nói tôi thật sự không biết. Ông ta bảo: “Chuyện này sẽ do quốc gia xử lý”. Tôi nói tôi rất cảm ơn. Do vậy, ở đây, tôi nói kèm thêm chuyện này cùng mọi người. Tờ truyền đơn này không có khuyết điểm gì to lớn, toàn là khuyến thiện, nhưng lời khuyến thiện và toa thuốc của Quán Âm Bồ tát chúng tôi chẳng biết tới. Toa thuốc Quán Âm Bồ tát do đâu mà có? Tôi hoàn toàn không biết. Quý vị liễu giải là được rồi, cảm ơn mọi người.

Nay chúng ta trở lại xem kinh *Vô Lượng Thọ Kinh Giải* trang hai mươi, dòng thứ hai từ dưới đếm lên, từ giữa câu: “*Tích Công Lữ Đức phẩm vân: Trụ Chân Thật Tuệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ*” (Phẩm *Tích Công Lữ Đức* có nói: “*Trụ Chân Thật Tuệ, dũng mãnh tinh tấn, một mực chuyên dốc chí trang nghiêm cõi nước màu nhiệm*”).

Câu đầu tiên này hết sức trọng yếu! Quý vị thấy chư Phật Như Lai chỉ dạy chúng ta trí tuệ chân thật, điều này quan

trọng lắm! Trí tuệ chân thật ở đâu? Trí tuệ chân thật chẳng ở bên ngoài, mà sẵn có trong tự tính của chúng ta, lại còn viên mãn, hết thảy Chúng sinh đều có.

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật đã nói rõ ràng: “*Hết thảy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai*”. Trong quá khứ, đối với câu nói này, trình độ hiểu biết của chúng tôi như sau: Nói “*hết thảy chúng sinh*” thì đại khái là người, tối đa là động vật, chúng tôi hiểu như vậy. Hiện thời, chúng tôi hiểu sâu đậm hơn, vì “chúng sinh” được nói trong Phật giáo vốn có nghĩa là “các hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sinh khởi” thì gọi là “chúng sinh”. Định nghĩa này bao gồm tất cả các hiện tượng, có hiện tượng nào chẳng do các duyên hòa hợp?

Kinh thường nói động vật là Tứ Đại, Ngũ Uẩn, đó là các duyên hòa hợp. Nay chúng ta đã biết: Thực vật cũng do các duyên hòa hợp, bộ phận vật chất của thực vật là Sắc pháp, hiện thời thực vật cũng có Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

Mười năm gần đây, chúng tôi ở Úc. Tại Úc, chúng tôi có một vườn rau rất lớn, trong vườn rau trồng rất nhiều loại rau, đại khái có từ mười mấy tới hai mươi loại, do chính chúng tôi chăm bón. Chúng tôi chăm bón những thứ rau ấy, còn có cây ăn quả, trong bốn năm qua, chúng tôi còn trồng trúc, cho nên năm nay, thu được hoạch măng trúc rất ngon, chúng tôi cũng chẳng thiếu thức ăn.

Chúng tôi chuyện trò với những loài thực vật ấy, nhận thấy chúng nó có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chuyện trò rất

tốt đẹp, hỗ trợ hợp tác. Đối với khoáng vật, chúng ta chẳng có cách nào thí nghiệm! Tiến sĩ Giang Bản Thắng của Nhật Bản đã làm thí nghiệm trên nước, phát hiện nước có “kiến, văn, giác, tri”, nó có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ của con người.

Mấy bữa gần đây, tôi đã xem một đĩa DVD do một đồng tu hạ tải (download) từ Internet, đưa cho tôi xem. Khoa học gia Mỹ đã phát hiện nước có ký ức; ký ức là thức. Nói cách khác, khoáng vật có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Phạm vi ấy to lắm! Đức Phật nói “thân Ngũ Uẩn” bao gồm tất cả các hiện tượng trong trọn khắp pháp giới hư không giới, bất luận hiện tượng tinh thần hay hiện tượng vật chất.

Tinh thần và vật chất vĩnh viễn chẳng tách rời, trong phần trước, tôi đã từng thưa bày cùng quý vị điều này. Trong vật chất có Thọ, Tướng, Hành, Thức; Thọ, Tướng, Hành, Thức là tinh thần, trên phương diện tinh thần có Vô Biểu Sắc, nó chẳng phải là không có sắc. Chúng ta nằm mộng, trong mộng có sắc; chúng ta tưởng tượng, trong tưởng tượng có sắc pháp. Do vậy, nói thật ra, Vô Sắc Giới Thiên vẫn có sắc, sắc của họ là Vô Biểu Sắc, người bình thường chúng ta chẳng thấy, nhưng Phật, Bồ tát có thể trông thấy, A La Hán có thể trông thấy, những người có công phu đều có thể trông thấy.

Do vậy, “*trụ Chân Thật Tuệ*” có ý nghĩa rất rộng. Hết thầy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai, một hạt

bụi, một giọt nước, hoặc như kinh nói một sợi lông, một vi trần, đều trọn đủ trí tuệ và đức tướng của Như Lai. Chúng ta hiểu như vậy thì mới là chân thật nghĩa của Như Lai, chẳng giới hạn chỉ trong động vật mà thôi.

“Trụ” (住) là an trụ. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, tự hành, hóa tha; tự hành là trong cuộc sống hằng ngày của chính chúng ta, hóa tha là ảnh hưởng hết thảy chúng sinh chung quanh; đó là Trụ, toàn là trí tuệ chân thật. Đương nhiên, người bình thường chúng ta chẳng làm được. Vì sao? Chúng ta mê tự tính, tức là mê Chân Thật Tuệ. Thật ra, Chân Thật Tuệ vẫn khởi tác dụng, khi mê bèn khởi tác dụng gì? Khởi phiền não. Do vậy, phải hiểu, kinh dạy “*phiền não tức Bồ đề*”, phiền não và Bồ đề là cùng một chuyện. Hễ giác ngộ, phiền não liền biến thành trí tuệ; mê thì trí tuệ biến thành phiền não.

Quý vị thấy: Do chúng ta mê hay ngộ bèn có thể biến hóa những thứ được sinh bởi tự tính! Giác ngộ sẽ sinh ra thứ tốt nhất, trí tuệ viên mãn. Nếu mê thì trí tuệ biến thành vô lượng vô biên phiền não. Do vậy có thể biết: Phật, Bồ tát trụ Chân Thật Tuệ, hiện thân thuyết pháp dạy bảo chúng ta, chúng ta và các Ngài có cùng một tự tính, chẳng hai, chẳng khác.

Các Ngài trụ Chân Thật Tuệ như thế nào? Buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, trí tuệ chân thật bèn hiện tiền. So với các Ngài, chúng ta khởi tâm động niệm, có phân biệt, chấp trước, những thứ này được gọi là “phiền não”. Trong pháp Đại thừa, khởi tâm động niệm

gọi là Vô Minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. “*Kiến*” là kiến giải, “*Tư*” là tư tưởng. Là trong kiến giải và tư tưởng của quý vị có kèm theo các phiền não.

Phiền não vô lượng vô biên, nhằm nói cho thuận tiện, đức Phật đã chia phiền não thành ba loại lớn. Buông những thứ ấy xuống, trí tuệ bèn hiện tiền. Quý vị thấy: Buông phiền não xuống, phiền não bèn khôi phục nguyên trạng vốn có của nó là trí tuệ.

Phiền não là gì? Phiền não là tình trạng trí tuệ đang bị bệnh (biến chất, ô nhiễm bởi phân biệt, vọng tưởng). Chúng ta khởi lên ý niệm, trật rồi! Trong tự tính chẳng có khởi tâm động niệm, không có phân biệt, chấp trước; do vậy, những tướng được hiển lộ đúng mực của tự tính sẽ là trí tuệ, đức năng, tướng hảo, đó là bình thường.

Trong kinh giáo, đức Phật nói tới Nhất Chân pháp giới, hoặc cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai, đó là bình thường. Mười pháp giới thì sao? Không bình thường. Mười pháp giới từ Phật cho đến địa ngục, mỗi tầng sau nghiêm trọng hơn tầng trước, nghiêm trọng nhất không chi hơn địa ngục, tầng này nghiêm trọng nhất, mê sâu nhất.

Trong địa ngục, cũng có rất nhiều chủng loại, cũng có mê hoặc sâu hay cạn khác nhau. Chỗ mê sâu nhất gọi là địa ngục A Tỳ, mê nặng nề! Đức Phật hóa độ chúng sinh, nguyên tắc là gì? Giúp đỡ chúng sinh phá mê khai ngộ. Họ chẳng

mê hoặc, sẽ giác ngộ, bệnh thái hoàn toàn khôi phục bình thường, sẽ được an vui. Do vậy, đức Phật giáo hóa chúng sinh, giúp đỡ chúng sinh, hoàn toàn dùng giáo dục, chúng ta phải hiểu điều này.

Do vậy, chúng tôi thường nghĩ, mà cũng thường nhắc nhở mọi người: Cổ thánh tiên hiền, thật sự đều là Phật, Bồ tát tái lai. Những gì họ dạy bảo chúng ta chẳng khác gì kinh Phật. Cổ thánh dạy chúng ta: *“Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên”* (Kiến thiết đất nước, cai trị dân chúng, giáo học làm đầu).

Quý vị chỉ cần thực hiện tốt giáo học, vấn đề gì cũng đều được giải quyết, hãy thực hiện tốt việc giáo dục. Giáo dục là dạy những gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả, đây là giáo dục phổ thông, cần phải được học tập phổ biến. Còn có một số ít người tiến cao hơn nữa, đó là giáo dục khoa học, giáo dục triết học, những điều ấy nhằm giúp đỡ quý vị nâng cao linh tính, nhưng cũng đều xếp giáo dục vào vị trí bậc nhất.

Phật pháp cũng giống như thế. Bậc đại thánh đại hiền vĩ đại nhất trong thế gian và xuất thế gian, nói theo Phật pháp, toàn là Phật, Bồ tát; nói cách khác, đều là những người tiến hành công tác giáo dục. Xưa kia, cổ thánh tiên hiền cũng có vị tham gia chính trường, như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang nắm quyền chính trị từ ngôi vua, nhưng cũng có vị chuyên môn tiến hành giáo dục như Khổng Tử, Mạnh Tử, cũng là suốt đời dạy học.

Khổng Tử chu du các nước, mong được một chức quan nhỏ nhoi để thực hiện hoài bão của Ngài. Nhưng trong lúc

chu du các nước, học trò theo Ngài, rất nhiều người chẳng rời thầy, mỗi ngày đều học tập, giống như Tăng đoàn của Phật Thích Ca Mâu Ni, bất quá tăng đoàn của Khổng Tử chẳng có quy mô to như Phật Thích Ca Mâu Ni, nhưng đều là tiến hành công tác giáo dục.

Khổng Tử chu du các nước, cảm thấy tuổi tác đã cao, tuy gặp rất nhiều chư hầu, nhưng chẳng ai muốn dùng Ngài, tới lúc ấy, mới bỏ cách nghĩ đó, trở về nhà, chuyên môn tiến hành công tác giáo học. Khi đó, lão nhân gia đã sáu mươi tám tuổi, mất năm bảy mươi ba tuổi, cho nên toàn bộ tinh thần chuyên chú vào dạy học chỉ là năm năm. Phật Thích Ca Mâu Ni toàn tâm toàn ý dạy học bốn mươi chín năm. Trong các vị cổ thánh tiên hiền, thời gian dạy học dài nhất là Phật Thích Ca Mâu Ni, đấy là dũng mãnh tinh tấn.

Chúng ta cầu trí tuệ, học Phật là học trí tuệ, là đào bới, khơi lên trí tuệ trong tự tính, giống như khai quật kho báu từ trong hầm mỏ. “Khai quật” là buông xuống. Buông xuống những chấp trước đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, trí tuệ sẽ bắt đầu hiện bày, bắt đầu trào ra ngoài, tuy vậy, trí tuệ ấy chưa nhiều lắm, trong Phật pháp gọi là A La Hán. A La Hán đắc Chính Giác, Chính Giác là trí tuệ. Tiếp tục buông xuống không ngừng.

Tôi thưa với các đồng học, buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, buông ngũ dục lục trần xuống, sẽ đạt đến giai đoạn nào?

Thưa quý vị, sẽ đạt tới cửa ngõ của Phật giáo, nhưng chưa tiến vào. Chư vị phải biết: Chớ nên tưởng rằng ta buông xuống nhiều ngàn ấy, bèn nghĩ chính mình ghê gớm lắm, mới đến ngoài cửa mà thôi, chưa vào cửa! Bước vào cửa, cần phải dùng tiêu chuẩn của Phật. Do vậy, tôi nói tới phương tiện nhằm giúp đỡ quý vị tiến đến trước cửa, sau đấy, chính quý vị lại phải bước vào. Thật sự tiến vào cửa, sẽ là như trong kinh thường nói: Đối với Kiến Tư phiền não, phải đoạn sạch Kiến Hoặc, quý vị có rất nhiều cách nhìn sai trái phải bỏ đi.

Cách nhìn sai lầm rất nhiều, đức Phật đã quy nạp thành năm loại. Loại thứ nhất là Thân Kiến, hãy buông xuống, biết thân chẳng phải là chính mình, thân là gì? Thân là cái mà ta có, chẳng phải là ta, phải xoay chuyển quan niệm sai lầm này. Y phục chẳng phải là ta, mà là cái thuộc về ta, thân thể giống như quần áo, là cái ta vốn có, chẳng phải là ta. Do vậy, cái thân dùng vài chục năm đã trực trặc, lại thay một thân khác, giống như quần áo mặc dơ, quý vị rất vui vẻ cởi ra, đổi lấy một bộ mới.

Sau khi đột phá cái ải này, quý vị sẽ chẳng sợ hãi sinh tử, thay một bộ quần áo mới mà thôi! Chẳng sợ hãi, thưa quý vị, y phục càng thay càng đẹp đẽ hơn, càng thay càng tốt hơn. Tham sống sợ chết thì càng thay càng tệ hơn! Phật có ân đức rất lớn đối với chúng ta. Chúng ta liễu giải chân tướng, thân chẳng phải là chính mình, chớ nên vì thân này khởi tham, sân, si, mạn; nếu khởi lên là trật rồi, nó chẳng phải là chính mình.

Thứ hai là phải buông bỏ đối lập, danh từ Phật giáo gọi đối lập là Biên Kiến, nhị biên (hai bên, tức có không, đúng sai, thiện ác, v.v...). Nay chúng ta nói là “*đối lập*”, mọi người dễ hiểu. Đối lập là căn nguyên của tất cả phiền não tội nghiệp, vì trong vũ trụ, trong Pháp Tính chẳng có đối lập, tìm không ra đối lập!

Hết thấy chúng sinh trong toàn thể vũ trụ và chính mình là nhất thể, nhất thể mà quý vị chia thành đối lập thì sai rồi! Chẳng thể phân chia. Vì thế, kinh *Kim Cương* vừa mở đầu liền dạy: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng*”, bốn câu này nói rất hay, là tứ tướng, nó là một chỉnh thể (entirety), nhất thể! Làm sao quý vị có thể phân chia được? Đâu có đạo lý ấy! Do vậy, chúng ta phải học chẳng đối lập với hết thấy mọi người, họ đối lập với ta, nhưng ta và họ chẳng đối lập. Vì sao? Họ mê, chưa giác ngộ. Nay ta đã hiểu rõ, giác ngộ; nếu ta đối lập với các vị, chẳng phải là lại mê hay sao?

Do vậy, không có đối lập. Chẳng đối lập với người khác, chẳng đối lập với sự, mà cũng chẳng đối lập với hết thấy vạn vật, đối với núi, sông, đại địa cũng không đối lập. Vì sao? Nhất thể, chúng là y báo của ta, đều do tự tính biến hiện, giống như trong *Hoàn Nguyên Quán* đã giảng: *Từ nhất thể khởi nhị dụng*. Tuy khởi nhị dụng, nhưng nhị dụng vẫn là nhất thể, nhị mà bất nhị. Vì thế, Tính và Tướng như nhau, Tính và Tướng bất nhị, cách nhìn này là chính xác.

Điều buông xuống thứ ba là Thành Kiến. Thành Kiến là gì? Tự cho mình là đúng. Thành Kiến là gì? Thành Kiến là chấp trước. Thành Kiến có hai loại: Một là Thành Kiến nơi nhân, hai là Thành Kiến nơi quả trong lục đạo. Chúng sinh trong lục đạo đều rất chấp trước. Đây là loại chấp trước nghiêm trọng, tự cho mình là đúng, đấy là sai lầm. Vì sao sai lầm? Trong kinh, đức Phật thường nói: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*; nếu đã hiểu hết thấy hiện tượng đều là hư vọng, mà cũng chẳng chân thật, sẽ chẳng có thành kiến.

Không có thành kiến mới có thể tùy duyên, tùy hỷ công đức. *“Hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức”*. Phật, Bồ tát chẳng có thành kiến, còn hết thấy chúng sinh, quý vị nói như thế nào mới là tốt theo kiểu nào đi nữa, Phật cũng đều có thể tùy thuận, chẳng ép buộc quý vị một tí nào! Quý vị làm lành, sinh lên thiên đường; quý vị tạo ác bèn đọa địa ngục.

Phật biết rất rõ ràng, nhưng Phật chẳng ngăn trở quý vị. Vì sao? Quý vị thích làm như vậy thì còn cách nào nữa? Tới khi nào quý vị thật sự giác ngộ, hướng về Phật thỉnh giáo, Ngài sẽ dạy quý vị.

Quý vị chẳng hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài chẳng dạy quý vị. Vì sao? Dạy thì quý vị chẳng chịu tiếp nhận, tạo tội nghiệp. Đó là trí tuệ chân thật. Trí tuệ chân thật hiển thị, đó là đức năng chân thật, tướng hảo chân thật sẽ tự nhiên hiển thị.

“Dũng mãnh tinh tấn”, đoạn kinh văn này nhằm miêu tả Phật A Di Đà khi đang tu nhân, chúng ta phải học tập, học

theo Phật A Di Đà. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta khởi tâm động niệm có phải là trí tuệ hay chẳng? Là trí tuệ hay là tình thức? Tình thức là phiền não, “tình” là Mạt Na thức, “thức” là A Lại Da. Trong kinh Phật đã giảng rất rõ ràng, tình là gì? Tình là Ngã Kiến, ngã ái, ngã si, ngã mạn, đấy là tình. Trong kinh *Đại thừa* thường nói là “tham, sân, si, ngã”, “ngã” ở sau tham, sân, si, còn có “mạn”. Tham, sân, si, mạn là bốn đại phiền não thường nương theo A Lại Da, đó là “tình chấp” (chấp trước nơi tình thức).

Do vậy, nếu chẳng dùng trí tuệ, sẽ biến thành tình chấp, chắc chắn sẽ là như vậy. Dững mãnh tinh tấn, muốn tìm lại tự tính, muốn tìm lại trí tuệ. Một mực như vậy, quý vị nhìn theo một phương hướng, chuyên môn trang nghiêm cõi nước nhiệm màu, chính là thế giới Cực Lạc. Thế giới ấy do nguyện lực của Phật A Di Đà biến hiện, từ tâm tưởng của Phật A Di Đà mà xuất hiện.

Chúng ta có tưởng ra một thế giới hay chẳng? Cũng tưởng ra, quả địa cầu là một thế giới do tâm tưởng của chúng ta sinh ra. Nếu tâm chúng ta chẳng tưởng, sẽ chẳng có địa cầu!

Kế đó là lời giải thích, Hoàng lão cư sĩ giải thích: “*Chân thật chi tế giả*” (Chân Thật Tế là...). Chân Thật Tế là gì?

“*Chân Như Thật Tướng chi bản tế dã*” (Căn cội của Chân Như Thật Tướng). Chân là Chân Như, Thật là Thật Tướng, Tế là bản tế (cội rễ, giới hạn), cũng có nghĩa là Chân Như Thật Tướng, “*tế*” (際) là giới hạn, là “*biên tế*” (ranh giới), giới hạn

ấy có hay chẳng? Chẳng có, không có ngần mé! Không có gì to lớn có thể vượt ra ngoài được, trong giáo học của Phật, điều đó được gọi là Chân Thật Tế.

“Thử tức bản kinh chi sở khai thị giả dã” (đấy chính là điều được khai thị trong bản kinh này). Đây là nói rõ bộ kinh này giảng điều gì? Giảng về Chân Thật Tế, giảng chân tướng này, không gì to lớn lọt ra ngoài, không gì nhỏ nhất chẳng được bao gồm. Đấy là biên tế; chẳng ngoài, chẳng trong; đấy là *“biên tế”*, nó không có biên tế.

“Cực Lạc diệu độ nãi chân thật trí tuệ chi sở trang nghiêm thành tựu giả” (Cõi nước màu nhiệm Cực Lạc được trang nghiêm thành tựu bởi trí tuệ chân thật). Câu này quan trọng lắm! Vì sao chúng ta phải cầu sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc? Phật A Di Đà mở một trường học tại đó.

Thế giới Cực Lạc là một đại học Phật giáo, cũng có thể nói là một đại học về Chân Thật Tế. Chúng sinh trong mười pháp giới thuộc mười phương thế giới; mười phương thế giới đều có mười pháp giới, mười pháp giới là mê, chẳng giác; những chúng sinh ấy đã giác ngộ, mong quay đầu, nhưng tìm không ra phương pháp, nhất là chẳng tìm được một phương pháp rất thỏa đáng, rất nhanh chóng.

Phật A Di Đà ban cho chúng ta một môn phương tiện, tiếp dẫn quý vị về thế giới Cực Lạc để tấn tu tại đó, hết thấy điều kiện tu học bên ấy đều vô cùng hoàn thiện, đấy là *“trang nghiêm thành tựu”*.

Trong phần trước, chúng ta thấy ba thứ thành tựu, “*trang nghiêm Phật thành tựu, trang nghiêm Bồ tát thành tựu, trang nghiêm diệu độ thành tựu*”, kinh gọi ba thứ thành tựu này là ba thứ thành tựu chân thật.

Chúng ta tập khí phiền não nặng nề, mê rất sâu. Những điều đức Phật đã giảng trong kinh, chúng ta hiểu rõ, nhưng chưa thể làm được! Chúng ta có thể tin tưởng, vì sao có thể tin tưởng? Vì sau khi nghe những đạo lý ấy, chúng ta có thể khẳng định chúng hợp lý, chẳng phải là vô lý, nên có thể tin tưởng, có thể lý giải, nhưng chưa làm được. Làm chưa được do chưa bỏ xuống được!

Buông xuống sẽ có thể khế nhập, bèn nhập cảnh giới, như tôi vừa mới nói: Đi tới cửa ngõ, nếu quý vị chẳng buông ba thứ ấy xuống, sẽ chẳng tiến vào được!

Quý vị buông Thân Kiến xuống, buông Biên Kiến xuống, buông Thành Kiến xuống, mới có thể tiến vào. Quý vị chẳng buông xuống, sẽ không tiến vào được!

Hễ tiến vào, thưa quý vị, sẽ gọi là thánh nhân, chẳng gọi là phàm phu; trong Tiểu thừa là Tu Đà Hoàn, Sơ Quả; trong Đại thừa thì như kinh *Hoa Nghiêm* đã dạy: Bồ tát thuộc địa vị Thập Tín chứng đắc Sơ Tín; quý vị thấy tầng thứ nhất là Sơ Tín. Thập Tín giống như bậc Tiểu học trong Phật giáo. Trường học này có mười lớp, từ lớp Một đến lớp Mười, quý vị vừa mới vào lớp Một, trở thành thánh nhân.

Khác với phàm phu ở chỗ nào? Quý vị chỉ cần tiến nhập lớp Một của ngôi trường ấy, chắc chắn chẳng đọa trong tam ác đạo. Tuy chưa thoát khỏi lục đạo, bảo đảm chẳng đọa tam đồ. Không gian học tập của quý vị là bảy lần sinh trong cõi trời hay nhân gian, chắc chắn sẽ thoát ly lục đạo luân hồi, đạt được sự bảo đảm ấy, đó là Vị Bất Thoái trong ba thứ Bất Thoái, tức là địa vị của quý vị chẳng thoái chuyển. Nhà Phật nói ba thứ Bất Thoái, quý vị đạt được loại thứ nhất (Vị Bất Thoái). Loại thứ hai là Hạnh Bất Thoái, tức là Bồ tát. Loại thứ ba là Niệm Bất Thoái, đó là Pháp thân đại sĩ, hoặc là Phật, chứ Bồ tát vẫn chưa làm được. Do vậy, ba tầng lớp này chính là cảnh giới dần dần được nâng cao lên.

Phật A Di Đà kiến lập thế giới Cực Lạc nhằm giúp đỡ chúng ta là những kẻ thiếu năng lực đoạn phiền não, chỉ cần chuyên niệm A Di Đà Phật, quý vị có thể vãng sinh. Đối với A Di Đà Phật, chỉ nên chú tâm niệm, chớ nên phân biệt. Phật A Di Đà có ý nghĩa rất rộng: A là Vô, Di Đà là Lượng, đây là tiếng Phạn, chẳng phải là không thể dịch nghĩa, có thể dịch nghĩa, nhưng do tôn trọng nên chẳng dịch. A Di Đà là vô lượng. Phật thì sao? Phật là giác ngộ. Phật A Di Đà là vô lượng giác. Vô lượng giác là gì? Là danh hiệu của trí tuệ Bát nhã có sẵn trong tự tính.

Nếu quý vị chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, niệm Phật hiệu là niệm tự tính, đó là “*tự tính Di Đà*”. Mỗi ngày niệm tự tính, tự tính phóng quang, tự tính bèn hiển lộ. Chẳng phải là hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng ư? Đạo lý như thế đó! Do vậy, niệm Phật thấy Phật, lúc lâm chung, Phật A Di

Đà, Quán Âm, Thế Chí đến tiếp dẫn quý vị. Đó là gì? Toàn là tự tính biến, tự tính Di Đà, tự tính Quán Thế Âm, tự tính Đại Thế Chí, ngay cả Tây Phương Tịnh Độ cũng là duy tâm Tịnh Độ, do Chân Như bản tính của chính mình hiện ra.

Quý vị hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, sẽ nắm chắc niệm Phật vãng sinh; quý vị có tín tâm, chẳng còn hoài nghi nữa, lẽ nào chẳng thành tựu! Do vậy, Thiện Đạo Đại sư nói pháp môn này là “*vạn người tu, vạn người về*”, không ai chẳng thành tựu.

Kẻ niệm Phật chẳng vãng sinh là ai vậy? Thứ nhất là những kẻ hoài nghi pháp môn này; thứ hai là những kẻ tu học pháp môn này nhưng tạp niệm quá nhiều. Xen tạp nên tâm chẳng thuần, sẽ chẳng thể tương ứng.

Chân Thật Tuệ do đâu mà có? Do tâm thanh tịnh mà có. Khi quý vị xen tạp, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh chẳng sinh trí tuệ, chỉ sinh phiền não. Phiền não là vọng niệm. Vọng niệm ấy niệm trước vừa diệt, niệm sau liền sinh, vĩnh viễn chẳng ngừng, niệm này tiếp theo niệm kia, đó là phiền não tập khí, những thứ ấy rất nghiêm trọng.

Trong tu học pháp môn, cũng là nói chuyển biến những phiền não tạp niệm ấy, khôi phục trí tuệ chân thật. Trí tuệ chân thật gọi là Bồ đề. Khôi phục trí tuệ chân thật thì phương pháp niệm Phật này tuyệt diệu!

Trong tám mươi bốn ngàn phương pháp, phương pháp Niệm Phật này đơn giản nhất, dễ dàng nhất, ổn thỏa, thích

đáng nhất, thẳng nhanh nhất, cho nên chọn lựa pháp môn này là đại trí tuệ!

Có rất nhiều ông già bà cả chẳng có học thức gì, không biết chữ, quý vị dạy họ, họ bèn tin tưởng, chịu niệm, có phải là chân trí tuệ hay chẳng? Đúng là chân trí tuệ, chính họ vẫn chẳng biết chính mình trọn đủ thiện căn, phúc đức, nhân duyên.

Vì sao quý vị giảng cho kẻ khác nghe, kẻ ấy chẳng tin tưởng? Giảng cho phần tử tri thức cao cấp nghe, họ vẫn không tin. Vì sao? Có lắm chương ngại, Phiền Não Chương nặng nề, Sở Tri Chương nặng nề, hai thứ chương ấy chương ngại họ. Chương gì vậy? Chương trí tuệ, chương thiện căn, nhân duyên của người ấy. Do vậy, chớ nên xem thường những ông già bà cả, đừng xem thường họ. Vì sao họ có thể tiếp nhận? Đời trước họ đã huân tập, đời này vừa tiếp xúc, liền sinh tâm hoan hỷ, trong đời quá khứ, trong A Lại Da có chủng tử Phật pháp, có thiện căn Tịnh tông, chẳng phải là không có đạo lý!

“Di Đà Thế Tôn nhiếp thử diệp độ, tuyên thử diệp pháp giả, dục tuệ dĩ Chúng sinh dĩ chân thật chi lợi dã” (Di Đà Thế Tôn nhiếp cõi màu nhiệm này, tuyên pháp màu này, muốn ban cho chúng sinh mỗi lợi chân thật). A Di Đà Phật, trong thế giới Tây Phương Cực Lạc quả thật có vị này, Ngài ở nơi đó, tuyên dương pháp môn này.

Pháp môn này được nói trong bộ kinh *Vô Lượng Thọ*.

Tuyên dương pháp môn này nhằm mục đích ban cho chúng sinh. “Huệ” (惠) là bố thí, ban cho hết thảy chúng sinh lợi ích chân thật. Hoàng lão cư sĩ nói: “*Thử tam chân thật*” (ba điều chân thật này), tức là Chân Thật Tế, trụ Chân Thật Tuệ, Chân Thật Lợi Ích, ba thứ chân thật này một chính là ba, ba tức là một.

Trong Chân Thật Bản Tế, nhất định có Chân Thật Tuệ, nhất định có Chân Thật Lợi Ích; trong Chân Thật Lợi Ích, nhất định có Chân Thật Tế và Chân Thật Tuệ, một mà ba, tuy ba nhưng một. “*Phương tiện cứu cánh, bất khả tư nghị*” (phương tiện rốt ráo, chẳng thể nghĩ bàn). Tám mươi bốn ngàn pháp môn đều là phương tiện môn, mà Tịnh Tông là môn phương tiện nhất trong các môn phương tiện, đúng là quá đơn giản, quá dễ dàng. Vì quá đơn giản, quá dễ dàng, nên rất nhiều người không tin, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ chẳng biết là bao nhiêu.

Chúng ta chớ nên khinh dễ người khác, bản thân chúng ta trong nhiều đời nhiều kiếp quá khứ cũng đã ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ chẳng biết bao nhiêu lần! Không có nhiều thiện căn, phúc đức, nhân duyên trong quá khứ như vậy, dẫu đời này gặp gỡ cũng chẳng thể tin tưởng; bởi thế, pháp môn này chẳng dễ dàng, gọi là phương pháp khó tin, chẳng giả.

“*Cực Lạc y chính, Tịnh Độ pháp môn, cử Thể thị chân thật chi tế, cố vân bản kinh dĩ Thật Tướng vi thể tính dã*” (Toàn thể của y báo, chính báo của cõi Cực Lạc và pháp môn Tịnh Độ là Chân Thật Tế, cho nên nói kinh này lấy Thật Tướng làm Thể

tính). Tới cuối cùng, tổng kết bộ kinh này dùng Thật Tướng làm Thể, bộ kinh này nói về Thật Tướng của các pháp. Đối với y báo và chính báo trong thế giới Cực Lạc, nói theo kinh thì chính báo là A Di Đà Phật, y báo là hoàn cảnh cư trụ của A Di Đà Phật.

Chúng ta niệm Phật vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì chính báo là bản thân chúng ta, Phật A Di Đà là hoàn cảnh y báo của chúng ta. Sau khi quý vị tới thế giới Cực Lạc, mới thật sự dần dần buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống. Sau đấy mới biết Phật A Di Đà và chính mình là nhất thể, vũ trụ và chính mình là nhất thể, thế giới Cực Lạc và chính mình là nhất thể.

Nếu trọn đủ trí tuệ chân thật, chúng ta hãy nghĩ xem thế giới hiện tiền có phải là thế giới Cực Lạc hay chẳng? Đúng vậy, chẳng sai chút nào! Nhưng rất nhiều người chẳng hiểu điều này. Vì sao? Tâm thái chẳng xoay chuyển! Quý vị khởi tâm động niệm hoàn toàn tương ứng với kinh thì sẽ có thể lãnh hội: Không nơi nào chẳng phải là thế giới Cực Lạc. Thế giới này của chúng ta nằm trong thế giới Cực Lạc. Vì sao? Chẳng có lớn hay nhỏ! Trong mỗi vi trần đều có thế giới, trong thế giới lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, lẽ nào thế giới hiện tiền chẳng ở trong thế giới Cực Lạc? Cho tới lúc ấy, quý vị sẽ thấy Phật A Di Đà ở khắp mọi nơi, hết thấy y báo và chính báo đều là Phật A Di Đà, chúc mừng quý vị, quý vị thành Phật. Quý vị đã thành một vị Phật rất tuyệt diệu, trở thành Phật A Di Đà. Đó chính là Thể tính của kinh *Vô Lượng Thọ* này.

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ ba, tức đơn vị thứ ba trong bộ chú giải này, *Nhất Kinh Tông Thú*, tức là phần giảng về Tông và Thú của bộ kinh này.

“Kinh chi sở sùng thượng giả, danh chi vi Tông. Tông giả, yếu dã” (Điều được kinh đề cao gọi là Tông; Tông nghĩa là trọng yếu). Chữ Yếu này có ba ý nghĩa: Chủ yếu, trọng yếu, và tuân theo.

“Toàn kinh chi tông chỉ” (tông chỉ của cả bộ kinh), Tông là tông chỉ. Câu tiếp theo lại giảng về ý nghĩa của tông chỉ:

“Hựu Tông giả, tu hành chi yếu kính dã” (lại nữa, Tông là đường lối trọng yếu trong tu hành), đó là đường lối quan trọng. Chúng ta nói tới tông chỉ của một bộ kinh thì nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao, đó là Tông.

“Cố tri Tông giả, vi toàn kinh chi cương lĩnh. Cương cử, mục trương, lãnh đề, y thuận. Thị cố ư Biện Thể hậu, thủ ưng Minh Tông. Thể thị Lý, tông thị Hành” (Vì thế, phải biết Tông là cương lĩnh của cả bản kinh. Cái lưới giơ lên, mắt lưới căng ra, nắm cổ áo, áo sẽ xuôi theo. Vì thế, sau phần biện định Thể, trước hết phải giảng rõ Tông. Thể là Lý, Tông là Hành).

Ý nghĩa của hai khoa lớn này đều được nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Phần trước là Biện Thể, tức phân biệt, biện định bản thể của kinh. Kinh Thể là căn cứ lý luận: Bộ kinh này căn cứ trên lý luận nào để giảng, giảng về điều gì? Trong phần trước, chúng ta đã học, kinh này nương vào Thật Tướng, tức chân tướng sự thật. Kinh nói những gì? Cũng là nói về Thật

Tướng. Nay chúng ta bàn cách tu, cách học tập ra sao; vì thế, nói đến Hành, tức Hành môn.

“Thế giả, nãi Tông sở y chi Thế. Tông giả, tức thị hiển Thế chi Tông. Nhị giả hỗ tương biểu lý. Tông thị hội Thế chi yếu hạnh, cố ưng sùng thượng” (Thế là cái Thế để Tông nương vào; Tông là cái Tông nhằm hiển lộ Thế. Hai thứ này lần lượt làm trong và ngoài của nhau. Tông là hạnh trọng yếu để thấu hiểu Thế, cho nên cần phải đề cao).

Mấy câu này nói rất hay. Thế là chỗ nương vào của Tông, tức là chỗ nương tựa, căn cứ của việc tu hành, đấy là Thế. Tông là hạnh, là nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong tu hành. Sự tu hành ấy có thể hiển lộ Thế, có thể hiển thị Thật Tướng trong hành vi sinh hoạt của quý vị.

“Hiển thị” là nói tới điều gì? Trí tuệ chân thật (Chân Thật Tuệ), Chân Thật Tế, Chân Thật Lợi Ích. Nếu quý vị chẳng tu hành, ba thứ chân thật ấy sẽ chẳng thể hiển lộ. Có thể thấy người thật sự tu học Tịnh Tông, quý vị chú tâm quan sát, sẽ thấy tư tưởng, lời nói và việc làm của người ấy chắc chắn tương ứng với ba câu ấy, từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, dần dần nâng cao lên, dần dần mở rộng, lợi ích thù thắng.

Do vậy, Lý Thế chẳng thể rời khỏi sự tướng, rời khỏi sự tướng sẽ biến thành huyền học. Sự tướng mà không có Lý thì sự tướng sẽ trái nghịch tự tính; nếu chẳng tùy thuận tự tính sẽ là trái nghịch tự tính. Vì thế, hai thứ ấy (Lý và Sự) làm trong và ngoài cho nhau: Ngoài là Sự, trong là Thật Tướng.

“*Hội Thế chi yếu*” (Điều quan trọng để thấu hiểu Thế), hiển Thế, như vừa mới nói, đây là một phương tiện trọng yếu, cho nên phải tuân theo, phải đề cao.

Nói tới chỗ này, chúng ta hiểu văn hóa truyền thống lấy Hiếu làm Thế. Hiếu là gì? Hiếu là Thật Tướng. Quý vị hãy nhìn vào chữ Hiếu từ xưa đến nay chẳng thể thay đổi là vì nó là phù hiệu trí tuệ, khiến cho quý vị nhìn vào phù hiệu ấy sẽ hiểu được ý nghĩa của nó. Chữ Hiếu (孝) phía trên là Lão (老), phía dưới là Tử (子), hiển thị điều gì? Hiển thị quan hệ luân lý. Phía trên còn có phía trên nữa, đó là tổ tông, quá khứ vô thủy (không có khởi đầu); đời tiếp theo còn có đời tiếp theo nữa, vị lai vô chung (không kết thúc).

Vô thủy vô chung là nhất thể! Do vậy, người phương Tây nói tới “sự cách biệt giữa các thế hệ”, người phương Đông không có “sự cách biệt giữa các thế hệ”. Nếu có “sự cách biệt giữa các thế hệ”, sẽ là đại bất hiếu. Quý vị nhìn vào chữ Hiếu ấy, những ý nghĩa được bao hàm trong ấy dường như cũng có ba thứ ý vị. Do vậy, văn hóa Á Đông là văn hóa Hiếu, mở rộng ra thành Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Đây là Tông.

Chúng ta nói tới Thế, nói tới Tông, lấy “*tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*” làm Thú, tức Thú Hướng (điều để hướng về, đạt đến). Chúng ta nói tới Thế, Tông và Thú của toàn bộ văn hóa Á Đông chớ nên hiểu lầm, nó tương ứng với Đại thừa Phật pháp. Quý vị nói xem: Tổ tiên chẳng phải là

Phật, Bồ tát tái lai thì họ từ đâu đến? Điều này được khẳng định! Thầy Lý nói: *“Nói theo Lý thì thông suốt, nhưng trên mặt Sự thiếu chứng cứ”*. Nói theo Lý quả thật là hợp lý.

“Hương Tượng Tâm Kinh Sớ vân: Ngôn chi sở quý viết Tông, Tông chi sở quy viết Thú” (Bản *Tâm Kinh Sớ* của ngài Hương Tượng^{5[5]} có viết: “Điểm được xem trọng trong lời giảng thì gọi là Tông, chỗ quy hướng của Tông gọi là Thú”), đây là giải thích hai chữ Tông và Thú. “Ngôn” là nói tới Giáo, tức ngôn giáo. “Ngôn chi sở quý”: “Quý” là điều trọng yếu nhất trong sự hướng dẫn giáo học, điều ấy được gọi là Tông. Tông có nghĩa như vậy. Chỗ quy hướng của Tông, tức là sau đây Tông sẽ trở về đâu, điều đó được gọi là *“thú hướng”*.

Do vậy, Tông là nhân, Thú là quả; ở đây nói tới nhân quả, tu nhân chứng quả. Tôi nương theo cái Tông này để tu, tu đến cuối cùng sẽ đạt được gì, cái quả ấy là Thú, *“tu nhân, thú quả”* (tu nhân, hướng đến quả).

Tiếp đó, sách viết: *“Khuê Phong Đại sư”*, tức là ngài Tông Mật, tổ sư đời thứ năm của tông Hoa Nghiêm, *“Viên Giác Lược Sớ vân: Thú giả, ý thú, thú hướng. Tức tâm ý thức sở quy thú chi xứ”* (*Viên Giác Lược Sớ* ghi: “Thú là có nghĩa là hướng đến, tức là chỗ quy hướng của tâm ý thức”), lời giải thích này rất rõ ràng.

Thú (趣) là gì? Quy thú (歸趣), là chỗ quý vị trở về, hướng đến chỗ nào. Chỗ hướng về của tâm ý thức gọi là Thú Hướng.

[5] Theo Hòa thượng Tịnh Không đã nói trong *Tịnh Độ Đại Kinh Khoa Chú*, tập 19, ngài Hương Tượng chính là Hiền Thủ quốc sư, tác giả bộ *Tu Hoa Nghiêm Áo Chi Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*.

“Khả tri, Thú giả, quy thú dã. Thị cố, y kinh tông chỉ, minh kỳ sở vi, thức kỳ sở cầu, cứu kỳ sở chí, danh chi vi Thú” (Có thể biết: Thú là hướng đến, quay về. Vì thế, dựa vào tông chỉ của kinh để tỏ rõ việc được làm, biết điều mong cầu, thấu đạt tốt cùng chỗ kinh sẽ đạt tới, thì gọi là Thú).

Quý vị chiếu theo nguyên tắc chỉ đạo trong bộ kinh điển này để tu hành, biết đức Phật làm gì khi giảng bộ kinh này, biết Ngài mong cầu điều gì. Việc Ngài làm là ban bố lợi ích chân thật, do điều này mà chư Phật, Bồ tát, tổ sư đại đức giảng kinh, diễn giáo. *“Diễn”* ở đây chẳng phải là “nghiên” trong “nghiên cứu”^{6[6]} mà là biểu diễn. Ngài dạy bằng cách làm ra, biểu diễn, thuyết kinh, diễn giáo. Vì sao? Nhằm ban cho chúng sinh lợi ích chân thật.

Sau khi chúng sinh đã thật sự hiểu rõ, cái tâm cung kính đối với Phật giáo sẽ nảy sinh tràn trề, tự nhiên sinh khởi! Các Ngài ban cho chúng ta những điều lợi ích chân thật. Chúng ta đối với các Ngài chẳng chân thật, nhưng các Ngài đối với chúng ta luôn chân thật. Trong thế gian tìm đâu ra người tốt lành dường ấy? Vậy là quý vị hiểu rõ việc làm của các Ngài.

“Thức kỳ sở cầu” (biết điều mong cầu): Các Ngài cầu điều gì? Các Ngài mong mỗi quý vị khai ngộ, giúp quý vị phá mê khai ngộ. Sau khi ngộ, thấu đạt điều sẽ đạt tới chính là quý vị sẽ lìa khổ được vui. Kinh Phật dạy người ta như vậy. Vì thế,

^{6[6]} Do chữ Diễn (yǎn) và Nghiên (yán) có cách phát âm tương tự, nhất là chữ “nghiên giáo” (yán jiào: nghiên cứu giáo pháp) được dùng rất phổ biến, nên Hòa thượng Tịnh Không sợ người nghe hiểu lầm Ngài đang nói về “nghiên giáo” thay vì “diễn giáo”.

trong hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, trừ giáo học ra, chẳng có cách nào khác có thể đạt được mục đích ấy!

Vào thời cổ, đế vương từ Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, mãi cho đến đời cuối cùng, có đế vương nào chẳng tuân theo giáo huấn của tổ tông? Đời đời truyền nhau, giáo học làm đầu, đều xếp giáo dục vào vị trí thứ nhất.

Phật giáo truyền tới Trung Quốc, tiến sĩ Thang Ân Tử (Arnold J. Toynbee) nói rất hay: Người Trung Quốc tâm lượng lớn, phúc lớn, có thể bao dung văn hóa khác biệt. Phật giáo là văn hóa Ấn Độ, truyền đến Trung Quốc, được Trung Quốc tiếp nhận hoàn toàn, biến thành văn hóa của chính Trung Quốc, chẳng bài xích! Hơn nữa, văn hóa nhà Phật từ Ấn Độ truyền đến Trung Quốc, quả thật đã nâng cao nền văn hóa vốn có của Trung Quốc trên một mức độ to lớn. Vì sao? Dùng kinh Phật để giải thích thì giống như chúng tôi vừa mới nói: Văn hóa truyền thống lấy Hiếu làm Thể, Luân Thường, Bát Đức, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy là Tông, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ là Thụ. Chúng ta dùng văn hóa Phật giáo để giải thích, nâng cao văn hóa truyền thống, bình đẳng với *Hoa Nghiêm*, *Pháp Hoa*, *Vô Lượng Thọ* trong Phật pháp, làm phong phú văn hóa truyền thống.

Ngày nay, nói tới văn hóa truyền thống thì Nho, Thích, Đạo là một nhà, quyết định chẳng tách rời. Nếu quý vị nói chẳng cần Nho, sẽ nói chẳng xuôi, chẳng có cách nào nói cho vẹn toàn được! Đề cương ấy của tiên hiền chẳng được

trình bày cặn kẽ, Phật giáo truyền đến cõi này, giảng giải cặn kẽ, đem kết hợp với đề cương của tiên hiền liền hoàn toàn khít khao. Cổ nhân thông minh hơn con người hiện thời, có trí tuệ hơn người hiện thời. Đây là giải thích rành rẽ thế nào là Tông, thế nào là Thú.

Kế đó, chúng ta xét tông chỉ của bộ kinh này: *“Ngụy dịch Vô Lượng Thọ Kinh chi Tông Thú, cổ hữu đa giải, kỳ lệ phi nhất”* (Đối với Tông và Thú của bản dịch kinh *Vô Lượng Thọ* đời Ngụy, xưa kia có nhiều cách giải thích, chẳng phải chỉ có một cách). *“Ngụy dịch”* là bản dịch của ngài Khang Tăng Khải (Samghavarman), là bản được lưu hành rộng rãi nhất trong năm bản dịch.

Nguyên nhân là do chúng ta đọc bản dịch của ngài Khang Tăng Khải rất thuận tiện, so với các bản khác dễ đọc hơn. Lại nữa, lời giảng trong ấy cũng rất viên mãn, rất khó có. Vì thế, có mấy vị cổ đức dùng bản này để chú giải, như trong bản *Gia Tường Sớ* (sớ giải kinh *Vô Lượng Thọ* của ngài Gia Tường Cát Tạng) đã nói: *“Thử kinh Tông Trí phạm hữu nhị lệ, nhất, Di Đà tu nhân, cảm Tịnh Độ quả; nhị giả, khuyến vật (chỉ Chúng sinh) tu nhân, vãng sinh bỉ độ”* (Tông Trí của kinh này có hai thứ: Một là Di Đà tu nhân, cảm quả Tịnh Độ. Hai là khuyến vật (chỉ chúng sinh) tu nhân, vãng sinh cõi ấy).

Đây là lời giảng về Tông Thú trong *Gia Tường Sớ*. Ngài nói Tông Thú có hai trường hợp: Thứ nhất là Phật A Di Đà

tu nhân, cảm quả Tịnh Độ; đó là điều được giảng trong kinh. Thế giới Cực Lạc, nói thật ra là do nguyện lực của Phật A Di Đà thành tựu, do bốn mươi tám nguyện thành tựu. Thứ hai là “*khuyến vật*”; “*vật*” là chúng sinh, Ngài chẳng nói “*khuyến nhân*”. Nếu nói là “*khuyến nhân*” thì chỉ có nhân đạo trong mười pháp giới. Nếu “*khuyến vật*” thì hết thảy mười pháp giới đều bao gồm, có phạm vi lớn hơn. Nhân nằm trong Vật, chẳng thể bao gồm Vật, Vật có thể bao gồm Nhân.

Do vậy, khuyên hết thảy chúng sinh tu nhân nhằm vãng sinh cõi ấy, đây là Thú. Hết sức rõ rệt, câu trước là tu nhân, câu sau là hướng đến cái quả. Hai tầng: Thứ nhất là Phật Di Đà tu nhân, cảm thế giới Cực Lạc thành tựu viên mãn. Thế giới Cực Lạc quả thật chẳng có mảy may khiếm khuyết, do Tính Đức viên mãn lưu lộ, công đức trang nghiêm. Thành tựu như thế nào? Do trí tuệ; vì thế, trong phần trước đã nói ba thứ trí tuệ trọn đủ.

“*Hải Đông Nguyên Hiếu sư*” (sư Nguyên Hiếu ở Hải Đông). Hải Đông được nói ở đây, nay là Hàn Quốc. Sư Nguyên Hiếu cũng du học ở Trung Quốc, sau khi trở về Hàn Quốc, là nhất đại cao tăng, tổ sư đại đức của Hàn Quốc.

Tôi chưa đọc những tài liệu ấy, nhưng tôi nghĩ, sư Nguyên Hiếu sống vào thời Đường, rất có thể đã thân cận Thiện Đạo Đại sư, vị này là một tổ sư của Tịnh Độ tông. Bản chú giải của Sư có tên là “*Vô Lượng Thọ Kinh Tông Yếu*”, trong ấy nói như sau: “*Thử kinh chính dĩ Tịnh Độ nhân quả vi kỳ Tông Thế,*

nhiep vật vãng sinh dĩ vi Ý Trí” (Kinh này lấy nhân quả Tịnh Độ làm Tông Thể, lấy nhiep thọ Vật (chúng sinh) vãng sinh làm Ý Trí).

Cách hiểu của sư Nguyên Hiếu và ngài Gia Tường hết sức gần gũi, cùng một ý nghĩa, trong ấy cũng có hai tầng ý nghĩa.

“Đàm Loan”, có người cho rằng Ngài phải là Tổ sư Tịnh Độ tông, nhưng trong các vị Tổ sư Tịnh Độ tông không có tên của Ngài; đối với Tịnh tông, Ngài có cống hiến hết sức to lớn. Ngài nói: *“Dĩ Phật danh hiệu vi kinh Thể”* (Dùng danh hiệu của Phật làm Thể của kinh), từ đầu đến cuối chẳng rời danh hiệu. Cách nói này cũng có một chút hợp lý: Trong Thể bao gồm cả Tông lẫn Thụ, vì do một câu danh hiệu quý vị có thể vãng sinh.

Từ xưa tới nay, người thành tựu do chấp trì danh hiệu rất nhiều, một câu Phật hiệu niệm đến rốt ráo, khi vãng sinh, có thể biết trước lúc mất, chẳng đau khổ, không bệnh tật qua đời, bảo người chung quanh: “Phật tới tiếp dẫn”, thật chẳng dễ dàng! Bất luận tu học pháp môn gì cũng chẳng thể sánh bằng! Nhưng mấu chốt của sự thành tựu ấy là ở chỗ tín nguyện. Tín nguyện kiên định, nhất định chẳng có nghi hoặc thì sẽ có thể đạt được! Thậm chí, chẳng cần phải học tập kinh này, mà cũng chẳng cần phải đọc, một câu Phật hiệu, chắc chắn thành tựu.

Niệm một câu Phật hiệu là buông xuống vạn duyên, thành tựu phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn tùy thuộc hành

nhân buông xuống được bao nhiêu. Nếu hành nhân thật sự giống như kinh *Hoa Nghiêm* đã nói, các chấp trước thế gian và xuất thế gian thấy đều buông xuống, sẽ sinh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu người ấy có thể buông phân biệt xuống, hết sức có khả năng sinh vào cõi Thật Báo. Sinh vào cõi Thật Báo thì phải buông khởi tâm động niệm xuống. Có thể buông phân biệt, chấp trước xuống hay chẳng? Có thể, vì khi vãng sinh, Phật quang chiếu gọi, nâng cao công phu gấp bội.

Lúc lâm chung thấy Phật, Phật lực gia trì; vừa được gia trì, bao nhiêu công phu do quý vị tu sẽ tăng lên gấp bội, nâng cao gấp bội, cho nên sinh vào cõi Thật Báo. Dùng phương pháp gì để tu thành tựu? Một câu Phật hiệu!

Trong *Yếu Giải*, Ngẫu Ích Đại sư đã giảng rất hay; trong phần sau cụ Hoàng có trích dẫn lời nhận định ấy. Những vị khác, chưa ai nói điều ấy, nhưng Ngẫu Ích Đại sư nói: *“Có thể vãng sinh hay không, do có tín nguyện hay không quyết định!”*. Thật sự tin tưởng, phát nguyện thiết tha, không một ai chẳng vãng sinh; phẩm vị cao hay thấp, ba bậc chín phẩm trong bốn cõi, địa vị cao hay thấp do công phu sâu hay cạn quyết định, tức là công phu niệm Phật của quý vị cạn hay sâu. Công phu là gì vậy? Quý vị buông xuống nhiều hay ít. Chúng ta hiểu đạo lý này, vì sao không chịu buông xuống? Không chịu buông xuống sẽ tạo thành chướng ngại rất lớn đối với phẩm vị vãng sinh trong thế giới Cực Lạc.

Nếu quý vị có thể triệt để buông xuống, quả thật có thể vãng sinh trong cõi Thật Báo. Ở đây có một tin tức hết sức trọng yếu mà quý vị chẳng thể không biết: Quý vị tu pháp môn khác, buông phân biệt, chấp trước xuống, chỉ có thể sinh vào Phật pháp giới trong mười pháp giới, hoàn toàn chẳng có cách thoát khỏi mười pháp giới. Vì sao? Quý vị chưa đoạn vọng tưởng, nhưng với công phu ấy trong pháp môn Tịnh Tông sẽ quyết định sinh vào cõi Thật Báo. Vì sao? Phật tới tiếp dẫn, Phật quang vừa chiếu, công phu được nâng cao gấp đôi, đã nâng lên rồi. Tin tức này trọng yếu lắm! Nhanh lắm! Giống như nói: Khi quý vị đạt tới địa vị Thập Tín, địa vị Đệ Thập Tín, trong chốc lát, Phật sẽ nâng cảnh giới của quý vị lên tới Sơ Trụ Bồ tát, nâng cao trong chốc lát, đấy là oai thần của Phật A Di Đà gia trì, là ân huệ, ân đức của Phật A Di Đà.

Do vậy, quý vị có thể buông chấp trước xuống, Phật có thể giúp đỡ quý vị, khi vãng sinh chẳng có phân biệt. Không chỉ chẳng có chấp trước, mà phân biệt cũng không có, được nâng cao, trong chín phẩm của bốn cõi Tịnh Độ, sẽ được nâng cao với một mức độ rất lớn.

“Thiện Đạo sư vân” (Ngài Thiện Đạo nói), vị này là tổ sư đời thứ hai của Tịnh tông chúng ta, Ngài là người đời Đường, *“Niệm Phật tam-muội vi Tông, nhất tâm hồi nguyện vãng sinh Tịnh Độ vi Thể (Thể tự tức chỉ Tông Thú chi Thú)”* (Niệm Phật tam-muội là Tông, một lòng phát nguyện hướng về vãng sinh Tịnh Độ là Thể (chữ Thể ở đây chính

là Thú trong Tông Thú)), hãy hiểu rõ lời chú giải này, chớ nên hiểu lầm ý nghĩa.

Cùng một chữ, nhưng Ngài nói về điều gì, điều này rất quan trọng. Chữ Thể trong lời dạy của Ngài Thiện Đạo chính là Thú trong Tông Thú, tức Thú Hướng. Lấy Niệm Phật tam-muội làm tông, có cùng một ý nghĩa với Ngài Đàm Loan *“lấy danh hiệu Phật làm Thể của kinh”*. Chữ Thể của ngài Đàm Loan có nghĩa là Tông, còn Thiện Đạo Đại sư nói chữ Thể lại có nghĩa là Thú. Do vậy, chữ giống nhau, nhưng quý vị đọc đoạn văn trước và sau, sẽ biết nó chỉ điều gì.

Dùng Niệm Phật tam-muội, tức là như trong bộ kinh này đã nói *“nhất hướng chuyên niệm”*, phát Bồ đề tâm, một mực chuyên niệm. Phát Bồ đề tâm là buông xuống, một mực chuyên niệm chính là Niệm Phật tam-muội. Nhất tâm quay về nguyện vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, đây là chỗ quy túc.

“Nhật Thích Quán Triệt Hợp Tán vân” (Bộ Hợp Tán của Thích Quán Triệt, Nhật Bản có ghi). Đây là tác phẩm chú giải của Sư có tên là *Hợp Tán*, tức *Vô Lượng Thọ Kinh Hợp Tán*. *“Thử kinh niệm Phật vi Tông, vãng sinh vi Thể (tức Thú)”*, chữ Thể này cũng có nghĩa là Thú, cũng theo cách nói ấy. *“Nhất kinh sở tôn chuyên tại niệm Phật, cố dĩ niệm Phật vi chi Tông dã. Tông chi sở thú duy tại vãng sinh, cố dĩ vãng sinh vi kinh Thể (tức Thú)”* (Điều được kinh này tôn trọng là chuyên niệm Phật, cho nên lấy niệm Phật làm Tông. Tông chỉ nhằm hướng

đến vãng sinh, nên lấy vãng sinh làm Thử (tức Thú) của kinh này). Đây là một đoạn văn trong sách *Hợp Tán*.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới: *“Tịnh Tông xưng Vô Lượng Thọ Kinh vi Đại Kinh, A Di Đà Kinh vi Tiểu Kinh. Cái thử nhị kinh căn hữu tường lược chi biệt. Cố Liên Trì Sớ Sao xưng Đại Kinh vi Đại Bản, Tiểu Kinh vi Tiểu Bản, lượng dĩ nhị giả thật đồng nhất kinh dã”* (Tịnh tông gọi kinh *Vô Lượng Thọ* là Đại Kinh, kinh *A Di Đà* là Tiểu Kinh. Ấy là do hai kinh chỉ khác nhau ở chỗ tường tận hay đại lược. Vì thế, trong bộ *Sớ Sao*, ngài Liên Trì gọi Đại Kinh là Đại Bản, gọi Tiểu Kinh là Tiểu Bản, do hai kinh thật sự là cùng một kinh). Những điều này là kiến thức thông thường trong Tịnh Tông, chúng ta cần phải biết. *“A Di Đà Kinh chi Tông Thú, diệc hữu đa thuyết”* (Tông Thú của kinh *A Di Đà* cũng có nhiều thuyết). Vì hai kinh là cùng một bộ kinh. Tông Thú của kinh *A Di Đà* có thể dùng để tham khảo nhằm phán định Tông Thú của kinh *Vô Lượng Thọ*, cũng đều là cùng một chuyện.

Kế đó: *“Tư trạch kỳ tinh yếu giả, như Sớ Sao”* (Ở đây, chọn ra những thuyết tinh yếu, như *Sớ Sao*). *Sớ Sao* do Liên Trì Đại sư soạn. *“Y chính thanh tịnh, tín nguyện vãng sinh, dĩ vi Tông Thú”* (y báo, chính báo thanh tịnh, tín nguyện vãng sinh, lấy đó làm Tông Thú).

Y báo và chính báo của thế giới Tây Phương Cực Lạc không gì chẳng thanh tịnh, đấy là Tông; tín nguyện vãng sinh là Thú. Ý nghĩa sâu hơn một tầng, chúng ta là người tu Tịnh

Độ, đối với y báo và chính báo hiện tiền, phải lấy thanh tịnh làm tiêu chuẩn, tương ứng với tựa đề của bản kinh này. Tiêu đề kinh đã dạy chúng ta phương pháp tu hành, mà cũng là tông yếu tu hành: *“Thanh tịnh, bình đẳng, giác”*, đấy là Nhân. Chính báo của chúng ta, tức thân của chính mình phải thanh tịnh, hoàn cảnh phải thanh tịnh. Thanh tịnh hoàn cảnh như thế nào? Thân chúng ta thanh tịnh, hoàn cảnh sẽ thanh tịnh, thân gây ảnh hưởng tới hoàn cảnh. Tín nguyện trì danh, cầu sinh Tịnh Độ làm Tông Thú.

“Viên Trung Sao vân: Dĩ tín nguyện tịnh nghiệp vi nhất kinh Tông Trí” (Sách Viên Trung Sao viết: “Lấy tín nguyện tịnh nghiệp làm Tông Trí của kinh”). *“Tông Trí”* là Tông Thú, tin sâu, nguyện thiết, chuyên tu Tịnh nghiệp, đấy là cương lĩnh chỉ đạo tu học trong Tịnh tông.

“Di Đà Yếu Giải viết” (sách Di Đà Yếu Giải nói), đây là bản chú giải của Ngẫu Ích Đại sư, *“dĩ tín nguyện trì danh vi Tông”* (lấy tín nguyện trì danh làm Tông). Tin sâu, nguyện thiết, chấp trì danh hiệu, sẽ có thể vãng sinh thế giới Cực Lạc. Cụ Hoàng đã trích dẫn ba bản chú giải kinh Di Đà, ba bản này quan trọng nhất: Bộ *Sớ Sao* của Ngài Liên Trì, bộ *Yếu Giải* của Ngài Ngẫu Ích, bộ *Viên Trung Sao* của pháp sư U Khê. Đại Bản và Tiểu Bản nội dung đã là nhất trí, cho nên Tông Thú cũng chẳng thể là ngoại lệ được!

“Tổng thượng đại tiểu nhị bản, trung ngoại chư gia sở minh Tông Thú, giai dĩ tín nguyện trì danh, vãng sinh Tịnh

Độ vi bản. Ư thị, quảng tham chư gia chi thuyết, cứ bản kinh chi văn, tiêu minh bản kinh Tông Thú viết” (Tổng hợp những thuyết về Tông Thú của Đại Bản và Tiểu Bản do các vị sớ giải trong ngoài nước đã nêu ra, đều lấy tín nguyện trì danh vắng sinh Tịnh độ làm căn bản. Do vậy, tham khảo rộng khắp các thuyết của các vị, dựa trên kinh văn của kinh này, nêu rõ Tông Thú của kinh này là...). Phần sau là kết luận của cụ Hoàng Niệm Tổ.

“Bản kinh dĩ phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi Tông” (Kinh này lấy phát Bồ đề tâm, một mực chuyên niệm làm Tông), đây là nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao; *“dĩ viên sinh tứ độ, kính đảnh Bất Thoái vi Thú”* (Lấy sinh trọn vẹn trong bốn cõi, nhanh chóng chứng Bất Thoái làm Thú), đây là quy thú. Chữ *“viên sinh”* tuyệt lắm! *“Viên”* là viên mãn, đây là chỗ thù thắng của thế giới Cực Lạc, Di Đà trí tuệ hoằng nguyện viên mãn. Vì sao? Trong nguyện thứ mười chín, đã có nguyện *“phát Bồ đề tâm”*, trong ấy có kinh văn để làm căn cứ như vậy, sinh về thế giới Cực Lạc *“giai tác A Duy Việt Trí Bồ tát”* (đều là Bất Thoái Chuyển Bồ tát).

Chữ Viên trong từ ngữ *“viên sinh”* của cụ Niệm Tổ xuất phát từ chỗ này. A Duy Việt Trí là Viên, điều này rất chẳng thể nghĩ bàn! Từ kinh *Hoa Nghiêm*, chúng ta đọc thấy Sơ Trụ Bồ tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp thân, chứng đắc ba thứ Bất Thoái, thấy đều trọn đủ: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái, nhưng chưa thể gọi là Viên. Viên chứng ba thứ Bất Thoái là địa vị nào? Từ Thất Địa trở

lên. Địa vị này đã nâng lên cao hơn ba mươi sáu địa vị! Đó là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng và sáu Địa.

Pháp môn này được gọi là “pháp khó tin”, nói thật ra là hết sức khó tin. Quý vị nói: “Những vị Bồ tát bình thường tu đến địa vị này khổ cực lắm, tốn bao nhiêu thời gian mới đạt tới địa vị này, làm sao có thể vừa sinh về thế giới Cực Lạc bèn đạt tới? Đâu có đạo lý này!”. Do vậy, đức Phật nói pháp môn Tịnh Tông, *“duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh”* (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo). Đối với pháp môn Tịnh Độ, Đẳng Giác Bồ tát ví như cách một lớp the ngấm trắng. Thời cổ chưa có thủy tinh, dùng “*la sa*” (the lượt), lượt, là, the, đoạn; “*la*” (羅) là loại vải sa rất mịn để che hay bịt cửa sổ, cách một lớp the để ngấm trắng, còn cách một tầng! Chỉ có thành Phật mới rốt ráo hiểu rõ. Bản nguyện và oai thần của Phật A Di Đà chẳng thể nghĩ bàn.

Do vậy, quý vị tới thế giới Cực Lạc, có thể hưởng thụ tức là được đãi ngộ giống như Thất Địa Bồ tát, A Duy Việt Trí Bồ tát! Chẳng phải là hạng Bồ tát tầm thường! Viên chứng ba thứ Bất Thoái, khó có lắm! Thật chẳng dễ gì tin tưởng được! Hạ hạ phẩm vãng sinh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tới thế giới Cực Lạc cũng là A Duy Việt Trí Bồ tát.

Chúng ta đọc đoạn kinh văn nói về bốn mươi tám nguyện, trọn chẳng thấy Phật A Di Đà bảo “hạ hạ phẩm trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư bị gạt ra ngoài”. Ngài chẳng nói lời này, điều đó có nghĩa là hạ hạ phẩm vãng sinh trong cõi

Phàm Thánh Đồng Cư cũng là A Duy Việt Trí Bồ tát. Do vậy, thế giới Cực Lạc gọi là thế giới bình đẳng, thật sự bình đẳng.

Do vậy, trong *Yếu Giải*, Ngẫu Ích Đại sư giải thích cụm từ A Bộ Bạt Trí trong kinh *Di Đà* chính là A Duy Việt Trí trong kinh *Vô Lượng Thọ*. Tiếp theo câu ấy, Ngài nói: Quý vị đã vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, nói quý vị là Bồ tát thì phiền não tập khí chưa đoạn, một phẩm cũng chưa đoạn, vãng sinh trong bậc Hạ là chưa đoạn.

Nói quý vị chẳng phải là Bồ tát, thì quý vị hưởng thụ đãi ngộ giống như Thất Địa Bồ tát. Do vậy, Ngẫu Ích Đại sư bảo: Chẳng thể nói quý vị là phàm phu, cũng chẳng thể nói quý vị là Bồ tát; mà cũng có thể nói quý vị là Bồ tát, và cũng có thể nói quý vị là phàm phu. Tới thế giới Cực Lạc, thân phận là như vậy!

Đối với thân phận trong thế giới Cực Lạc, nếu chính mình thật sự tu đắc A Duy Việt Trí sẽ chẳng cần Phật A Di Đà gia trì nữa, chính quý vị đã đạt tới chuẩn mức sống của bậc thượng thiện trong cõi Cực Lạc, chẳng cần Phật A Di Đà giúp đỡ, chuyện này vẫn phải mất một khoảng thời gian.

Đúng như *Quán Kinh* đã nói, hạ hạ phẩm vãng sinh phải tu mười hai đại kiếp, đại kiếp ấy là đại kiếp trong nhân gian; nhưng trong thế giới Cực Lạc, thọ mạng của quý vị là vô lượng thọ, cho nên mười hai đại kiếp bất quá cũng giống như mười hai ngày, rất nhanh, thời gian bên đó và thế giới chúng ta chẳng giống nhau. Vì vậy, đến thế giới Cực Lạc

thành tựu đặc biệt dễ dàng. Nếu chúng ta liễu giải chẳng thấu triệt chuyện này, sẽ làm lỡ một đời. Vì sao? Vì chẳng chuyên tâm tu.

Nếu hoàn toàn dồn hết thời gian và tinh lực của chúng ta để tu pháp môn này, sẽ thành tựu rất nhanh. Thật sự phải buông xuống, chẳng buông xuống sẽ chịu thiệt thòi to lớn. Vì thế, kinh do đức Phật nói, Tam Tạng pháp sư phiên dịch, tổ sư đại đức chú giải, các vị ấy đều chẳng phải là phàm nhân.

Từ chỗ này, ta thấy các vị Phật, Bồ tát thật sự quan tâm, thật sự chiếu cố ban cho những chúng sinh mê hoặc, điên đảo trong lục đạo, vô lượng vô tận ân tuệ! Thế mà chúng sinh chẳng biết! Có biết thì mới biết báo ân, tri ân mới có thể báo ân; chẳng biết ân làm sao có thể báo ân? Báo ân bằng cách nào? Y giáo tu hành! Có thể vãng sinh trong một đời này chính là báo ân. Hạ hạ phẩm vãng sinh về cõi Đồng Cư cũng là báo ân Phật, Phật hoan hỷ, chẳng cô phụ Phật, Tổ!

Phần tiếp theo mới nói tới Tông Thù của bản kinh này, vì chúng ta nói tỉ mỉ. Trước hết, giảng nguyên tắc chỉ đạo tu hành trong bản kinh này:

“Kinh trung Tam Bối Vãng Sinh phẩm trung, sở hữu thượng trung hạ tam bối vãng sinh chi nhân, mạc bất dĩ phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi nhân” (Trong phẩm Tam Bối Vãng Sinh của kinh này, tất cả những người vãng sinh trong ba bậc thượng, trung, hạ, không ai chẳng lấy phát Bồ đề tâm, một mực chuyên niệm làm nhân).

Đối với câu kinh văn này, trong phẩm *Tam Bối Vãng Sinh* có tất cả bốn đoạn; ba đoạn trước là thượng bối, trung bối, hạ bối, trong cuốn *Khoa Phán*, pháp sư Từ Châu đã gọi đoạn cuối cùng là “*nhất tâm tam bối*”. Đoạn ấy giảng điều gì? Nói về người tu Đại thừa, chẳng chuyên tu Tịnh Độ mà tu Đại thừa. Người tu Đại thừa, bất luận tu pháp môn nào, lúc lâm chung, đem những gì đã tu học hồi hướng Tịnh Độ, cầu sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, thấy đều có thể vãng sinh.

Phật A Di Đà tâm lượng to lớn, bất luận quý vị tu pháp môn nào, chỉ cần quý vị trọn đủ điều kiện này, thấy đều có thể vãng sinh. Nhưng quý vị phải nhớ điều rất quan trọng là bất luận tu hành pháp môn nào, do vì quý vị thật sự vãng sinh, cuối cùng vẫn là tín nguyện trì danh, vẫn là tới cuối cùng, bất luận tu pháp môn gì, công đức ấy đều giúp quý vị đến thế giới Cực Lạc, tăng cao phẩm vị. Nhưng quý vị phải có cái tâm Đại thừa thì mới được.

Đại thừa là gì? Đại thừa là tự lợi, lợi tha, đó là Đại thừa. Chỉ nói tới tự lợi, chẳng nói tới lợi tha, đấy là Tiểu thừa. Đại hay Tiểu thừa chẳng phải do kinh điển sai biệt, chẳng phải do giáo tướng sai biệt, mà do tâm lượng của chính mình sai biệt.

Hiểu rõ ý nghĩa này, chúng ta học tôn giáo khác có được chẳng? Suốt đời học Cơ Đốc giáo, suốt đời học Y Tư Lan giáo (Islam, đạo Hồi), khi lâm chung, niệm Phật có thể vãng sinh hay chẳng? Chắc chắn vãng sinh. Người ấy tu công đức đó, nhất định cũng nâng cao phẩm vị, pháp môn này to quá!

Trong các thứ giáo học tôn giáo, Tịnh tông là đa nguyên văn hóa, tôn giáo gì cũng đều bao gồm, từ kinh điển chúng ta có thể thấy điều này.

Người đọc kinh *Địa Tạng* rất nhiều, quý vị xem kinh *Địa Tạng*, thấy kinh nói tới Bà La Môn, đọc thấy từ “ngoại đạo”, đó là gì? Đó là tôn giáo khác, đức Phật chẳng bài xích.

Thuở Phật tại thế, bất luận quý vị tín ngưỡng tôn giáo nào, đức Phật tuyệt đối chẳng bảo quý vị buông bỏ tôn giáo của chính mình, tu theo Ngài. Không hề có!

Đối với niềm tin tôn giáo, quý vị vẫn tin tôn giáo của chính mình, vẫn chiếu theo giáo lý của quý vị để tu học, đức Phật giảng cho quý vị trí tuệ. Do vậy, thuở ấy, đức Phật giáo học, chẳng phân biệt quốc tịch, chẳng phân biệt sắc tộc, chẳng phân biệt tôn giáo. Bất luận quý vị thuộc bối cảnh văn hóa nào, Ngài đều chẳng phản đối, chỉ cần quý vị tới học đều hoan nghênh. Người đến chẳng cự tuyệt, kẻ đi chẳng giữ lại, Phật dạy theo cách ấy.

Do vậy, những gì mà Phật Thích Ca Mâu Ni đã phô diễn rộng rãi, người hiện thời gọi là “đa nguyên văn hóa”. Trong tâm mục của Phật, Bồ tát, hết thấy chúng sinh, bất đồng tôn giáo, bất đồng văn hóa cũng vậy, cũng đều có cùng một Thể với chính mình. Không chỉ quý vị sống trên địa cầu có cùng một Thể với chúng tôi, mà ở trên tinh cầu khác vẫn là một Thể.

Trọn khắp pháp giới, hư không giới đều là một Thể, lẽ đâu còn có phân biệt? Làm sao có chấp trước? Phân chia người

của chúng ta, người của bọn họ, đấy là gì? Đấy là tri kiến phàm phu, là cái tâm luân hồi. Tâm luân hồi học Phật cũng là tạo nghiệp luân hồi, cũng chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, vì tâm lượng quá nhỏ.

Phàm phu có quan niệm ấy, Phật, Bồ tát không có; người tu Tịnh Độ cũng phải nên không có. Đó mới là đúng, đấy gọi là Bồ đề tâm. Bồ đề tâm là tâm giác ngộ, đến phần sau chúng tôi sẽ giảng cặn kẽ.

Thể của Bồ đề tâm là tâm chân thành, sau khi giác ngộ sẽ có Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. Dùng tiêu đề kinh để nói thì là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chính giác.

“Thanh tịnh, bình đẳng, giác” là Tự Thụ Dụng, còn Tha Thụ Dụng là dùng tâm gì để đối đãi người khác? Đại từ, đại bi. Từ bi là gì? Tâm chân thành yêu thương đối với người khác. Quý vị không có Bồ đề tâm, sẽ chẳng phải là một mực chuyên niệm, chẳng phải là tu Tịnh Tông. Mở đầu của Tịnh Tông là nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao này!

Kế đó, cụ trích dẫn: *“Hựu Di Đà đệ thập cửu nguyện viết: Văn ngã danh hiệu, phát Bồ đề tâm, tu chư công đức, phụng hành Lục Ba La Mật, kiên cố bất thoái. Phục dĩ thiện căn hồi hướng, nguyện sinh ngã quốc. Nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoạn. Lâm thọ chung thời, ngã dữ chư Bồ tát chúng, ngênh hiện kỳ tiền, kinh tu du gian, tức sinh ngã sát, tác A Duy Việt Trí Bồ tát”* (Lại nguyện thứ mười chín của Phật Di Đà là: “Nghe danh hiệu ta, phát Bồ đề tâm, tu các công đức, phụng hành sáu

Ba La Mật, kiên cố chẳng lui sụt, lại đem thiện căn hồi hướng, nguyện sinh về cõi ta. Nhất tâm niệm ta, ngày đêm chẳng dứt. Khi lâm chung, ta cùng các vị Bồ tát đến trước mặt đón, trong khoảnh khắc sinh về cõi ta, thành bậc A Duy Việt Trí Bồ tát”).

Đoạn kinh văn này trọng yếu! Bốn mươi tám nguyện do chính Phật A Di Đà nói, Phật Thích Ca Mâu Ni thuật lại cho chúng ta nghe, từng câu từng chữ đều do chính Phật A Di Đà nói. Do vậy, toàn bộ phẩm thứ sáu do Phật A Di Đà nói, còn có thể hư giả ư? Quý vị xem nguyện thứ mười tám: *“Phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”*, đây là Tông; nguyện thứ mười chín là Thù Hưởng, Tông Thù, sinh về thế giới Cực Lạc làm A Duy Việt Trí Bồ tát. Trong nguyện mười tám, đức Phật cũng nói và cũng được cụ trích dẫn ở đây:

“Đệ thập bát nguyện viết: Văn ngã danh hiệu, chí tâm tín nhạo, sở hữu thiện căn, tâm tâm hồi hướng, nguyện sinh ngã quốc. Nãi chí thập niệm, nhược bất sinh giả, bất thủ Chính Giác. Duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chính pháp” (Nguyện thứ mười tám là: “Nghe danh hiệu ta, chí tâm tin ưa, tất cả thiện căn tâm tâm hồi hướng, nguyện sinh về cõi ta. Thậm chí mười niệm mà chẳng sinh thì chẳng giữ lấy Chính Giác. Chỉ trừ Ngũ nghịch, phỉ báng chính pháp”).

Ở đây, tạo tội Ngũ nghịch có thể vãng sinh hay không? Có thể vãng sinh, chỉ cần quý vị chẳng hủy báng chính pháp, quý vị có thể tin, có thể nguyện, đều có thể vãng sinh. Vì thế, câu cuối cùng là trọng yếu nhất.

Hủy báng là gì? Chẳng chịu tiếp nhận! Vậy là chẳng có cách nào hết. Chỉ cần quý vị chịu tiếp nhận, không ai chẳng vãng sinh. Do vậy, lúc lâm chung, thậm chí mười niệm, đều có thể vãng sinh. Những trường hợp như vậy rất nhiều, thời cổ đã được ghi chép, chúng ta hãy đọc *Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sinh Truyện*, và ngay cả hiện thời trong số các đồng tu niệm Phật, cũng đã thấy.

Do vậy, tiếp theo cụ Hoàng viết: *“Khả kiến đệ thập cửu nguyện trọng tại phát Bồ đề tâm, nhất tâm niệm ngã. Đệ thập bát nguyện trọng tại chí tâm tín nhạo, nhất hướng chuyên niệm. Cổ tri phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm thị Di Đà bản nguyện chi tâm tử, toàn bộ đại kinh chi tông yếu, vãng sinh tất bị chi chính nhân, phương tiện độ sinh chi từ hàng, bản kinh sở sùng, toàn tại ư thử, tu hành yếu kính, duy tư tiếp yếu, cố vi bản kinh chi tông dã”* (Có thể thấy là nguyện thứ mười chín chú trọng “phát Bồ đề tâm, nhất tâm niệm ta”. Nguyện thứ mười tám chú trọng “chí tâm tin ưa, một mực chuyên niệm”. Vì thế, biết “phát Bồ đề tâm, một mực chuyên niệm” là tâm tử của Di Đà bản nguyện, là tông yếu của toàn bộ đại kinh, là chính nhân tất phải đủ trong vãng sinh, là thuyền Từ để làm phương tiện độ sinh. Điều được kinh đề cao đã hoàn toàn thuộc trong ấy. Đường tu hành trọng yếu, chỉ có con đường nhanh chóng, quan trọng này. Vì thế, đó là Tông của kinh này vậy).

Kết luận khéo lắm, hết thấy đều là dựa theo nguyên văn trong kinh. Nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao là *“phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”*. Nhật Bản có một phái

cũng tu Tịnh tông, nhưng chỉ chú trọng “*nhất hướng chuyên niệm*”, chẳng phát Bồ đề tâm; vì thế gọi là Bản nguyện Niệm Phật. Chỉ giữ lấy nguyện thứ mười tám, chẳng học nguyện thứ mười chín. Do vậy, có những đồng tu của họ (Tịnh Độ Tông Nhật Bản) tới tìm tôi, tôi nói các vị sai rồi.

Họ nói: “Đây cũng là do tổ sư truyền lại”. Tôi nói: “Không sai! Khi tổ sư truyền lại, lúc ấy, mỗi nguyện đều hàm nhiếp viên mãn bốn mươi bảy nguyện kia, nguyện nào cũng như thế, cho nên là đúng. Nếu quý vị chỉ chú trọng đơn độc nguyện này, những nguyện khác đều chẳng được bao gồm trong ấy, không được rồi. Đó chẳng phải là bản nguyện của Phật A Di Đà, nhất định phải hiểu rõ ràng, minh bạch. Phát Bồ đề tâm là trọng yếu. Bồ đề tâm là giác ngộ. Bồ đề tâm mới có thể buông xuống.

Không có Bồ đề tâm, sẽ chẳng buông xuống được. Buông xuống thì nhất hướng chuyên niệm mới có thể thu được hiệu quả, mới chính thức tâm tâm tương ấn, cảm ứng đạo giao cùng Phật A Di Đà. Do vậy, nguyên tắc chỉ đạo này là chính xác. Nhân đã chính thì đương nhiên quả cũng chính, quyết định được sinh vào thế giới Cực Lạc, thân cận đức Phật A Di Đà.

TÌNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 23



Chur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp Đại thừa *Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang hai mươi ba, dòng thứ năm, đếm từ dưới lên. Chúng ta đọc một đoạn văn tự:

“Đàm Loan Đại sư Vãng Sinh Luận Chú viết: Vô Lượng Thọ Kinh tam bối vãng sinh trung, tuy hạnh hữu ưu liệt, mặc bất giai phát vô thượng Bồ đề chi tâm. Thử vô thượng Bồ đề chi tâm, tức thị nguyện tác Phật tâm; nguyện tác Phật tâm, tức thị độ chúng sinh tâm; độ chúng sinh tâm, tức nhiếp thủ chúng sinh sinh hữu Phật quốc độ tâm” (Đàm Loan Đại sư đã viết trong *Vãng Sinh Luận Chú*: “Trong phần *Tam Bối Vãng Sinh* của kinh *Vô Lượng Thọ*, tuy hạnh có hơn kém, nhưng không ai chẳng đều phát tâm vô thượng Bồ đề. Tâm vô thượng Bồ đề ấy chính là tâm nguyện làm Phật. Tâm nguyện làm Phật chính là tâm độ chúng sinh. Tâm độ chúng sinh là tâm nhiếp thủ chúng sinh sinh về cõi có Phật”).

Chúng ta xem tới đây, đây là một đoạn ngắn. Đàm Loan Đại sư là một vị đại đức chú giải *Vãng Sinh Luận* trong *Tịnh Độ Tam Kinh Nhất Luận*, rất nhiều vị cổ đại đức cho rằng Ngài phải là một vị tổ sư của Tịnh Độ Tông. Nếu là tổ sư, xếp theo niên đại Ngài ở trước ngài Thiện Đạo. Ngài có cống hiến thù thắng đối với sự tu học và hoằng dương Tịnh Độ. *Vãng Sinh Luận* do Thiên Thân Bồ tát viết. Đây là bản báo cáo tâm đắc trong tu học Tịnh Tông của Thiên Thân Bồ tát. Khi truyền tới Trung Quốc, luận ấy trở thành điển tịch chính yếu của Tịnh Tông, thuộc vào *Tam Kinh Nhất Luận*.

Hiện thời là *Ngũ Kinh Nhất Luận*, hai thứ ấy, một là do cư sĩ Ngụy Nguyên đời Thanh trước kia đem quyển cuối cùng của *Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm* ghép vào sau tam kinh, trở thành tứ kinh; Ấn Quang Đại sư đem chương *Đại Thế Chí Viên Thông* của kinh *Lăng Nghiêm* ghép vào sau tứ kinh, trở thành *Ngũ Kinh Nhất Luận*. *Ngũ kinh* là như thế đó.

Kinh văn của *Ngũ Kinh Nhất Luận* cũng chẳng dài; do vậy, in *Ngũ Kinh Nhất Luận* thành một quyển thì vẫn là một cuốn sách nhỏ, toàn bộ điển tịch Tịnh Tông ở trong đó.

Trong bản chú giải ấy, Đàm Loan Đại sư nói: Trong phẩm *Tam Bối Vãng Sinh* của kinh *Vô Lượng Thọ*, kinh nói tuy hạnh có hơn, kém (ưu, liệt); “*hạnh*” là nói tới sự tu hành, tức là công phu niệm Phật tu hành có cạn hay sâu khác nhau. Công phu sâu là ưu, có thể niệm đến Sự nhất tâm, hoặc niệm tới Lý nhất tâm, còn “kém” là nói về công phu thành phiền.

Thật ra, công phu thành phiền cũng có hơn kém khác nhau, nhưng nói chung, mức độ thấp nhất là câu Phật hiệu phải có thể khuất phục phiền não thì mới được, nếu chẳng thể khuất phục tức là chẳng có công phu! Có thể chế phục phiền não là công phu cạn nhất. Tuy cạn nhất, vẫn hữu dụng: Khi lâm chung còn có thể chế phục phiền não, người ấy chắc chắn vãng sinh; nhưng một câu hết sức trọng yếu ở đây là “*phát Bồ đề tâm*”. Nếu không có Bồ đề tâm, công phu dù giỏi đến mấy cũng chẳng thể vãng sinh, chúng ta phải biết điều này.

Bồ đề tâm là gì? Cụ Hoàng nói: *“Thử vô thượng Bồ đề tâm, tức thị nguyện tác Phật tâm”* (Tâm vô thượng Bồ đề ấy chính là tâm nguyện làm Phật). Câu này rất trọng yếu. Trong *Di Đà Yếu Giải*, Ngẫu Ích Đại sư bảo: *“Có thể vãng sinh hay không, hoàn toàn do có tín nguyện hay không?”*. Ở đây, nguyện ấy được gọi là *“tâm nguyện làm Phật”*. Nguyện này trọng yếu!

Quý vị tới thế giới Tây Phương Cực Lạc để làm gì? Để làm Phật, chẳng vì lẽ gì khác! Đến nơi ấy là do mình tâm kiến tính mà đến. Trong Thiền Tông nói *“đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật”*. Ngoài Thiền Tông ra, tám mươi bốn ngàn pháp môn, có pháp môn nào chẳng lấy điều này làm mục tiêu?

Do vậy, trong kinh *Đại thừa*, đức Phật đã bảo: *“Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”*. Lời này là thật, vì tám mươi bốn ngàn pháp môn, môn nào tới cuối cùng cũng đều là minh tâm kiến tính. Tịnh Độ Tông cũng không ra ngoài lệ ấy!

Tịnh Độ Tông vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, đúng là đời nghiệp vãng sinh, chưa khai ngộ! Tới khi nào sẽ khai ngộ? Sau khi tới thế giới Cực Lạc, gặp Phật A Di Đà, chắc chắn khai ngộ.

Cổ nhân nói: *“Đản đắc kiến Di Đà, hà sầu bất khai ngộ”* (Chỉ thấy Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ). Đây là điều thù thắng của Tịnh Độ. Tám mươi bốn ngàn pháp môn, bất luận một môn nào, nếu chẳng khai ngộ, hễ chưa kiến tính, chẳng thể xem là thành tựu được!

Riêng Tịnh Tông chỉ cần vãng sinh, dầu phẩm vị hạ hạ vãng sinh trong cõi Đồng Cư, chưa khai ngộ, đởi nghiệp vãng sinh, nhưng trong bốn mươi tám nguyện, Phật A Di Đà đã cho chúng ta biết: *“Giai tác A Duy Việt Trí Bồ tát”* (đều là A Duy Việt Trí Bồ tát). A Duy Việt Trí Bồ tát là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính. Vì sao kẻ chưa đoạn phiền não, chưa khai ngộ, tới thế giới Cực Lạc bèn đại triệt đại ngộ, có trí tuệ, đức năng, thụ dụng như vậy. Đây là chuyện như thế nào?

Chúng ta hiểu những điều ấy đều do bản nguyện và oai thần của Phật A Di Đà gia trì. Trước đó, quý vị chưa giác ngộ, chẳng sao cả! Công đức và trí tuệ của Phật sẽ gia trì quý vị, cho nên trong Tây Phương thế giới, quý vị hưởng sự đỗi ngộ chẳng khác Thất Địa Bồ tát.

Đây là phương pháp khó tin, trong kinh điển, đức Thế Tôn cũng thường nói pháp môn này *“chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rất ráo”*. Chỉ có thật sự thành Phật mới hiểu rõ đạo lý này, Đẳng Giác Bồ tát vẫn chưa mười phần thấu triệt đạo lý ấy. Đây là chỗ sâu mầu của pháp môn này!

Ở đây, nói *“nguyện tác Phật tâm”* (tâm nguyện làm Phật), thì tâm nguyện làm Phật nghĩa là gì? Lời giải thích tiếp đó hay lắm: *“Tức thị độ chúng sinh tâm”* (tức là tâm độ chúng sinh); nguyện thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện là *“chúng sinh vô biên thệ nguyện độ”*.

Độ chúng sinh há phải là chuyện dễ dàng? Hiện thời, thế gian này chúng sinh khổ đến cùng cực, xã hội động loạn,

thiên tai xảy ra liên tiếp, hết sức dày đặc. Từ truyền thông, TV, radio, quý vị đều có thể thấy: Mỗi ngày đều có tai nạn. Hơn nữa, dường như tai nạn mỗi lần càng nghiêm trọng hơn.

Hiện nay, cư dân trên toàn địa cầu dường như chẳng một người nào có cảm giác an toàn. Quý vị nói xem chuyện này có đáng khiếp hãi hay chẳng? Từ trước tới giờ chưa hề có! Do nguyên nhân gì?

Chúng ta thấy thế giới Cực Lạc tai nạn gì cũng đều không có, thân tâm con người khỏe mạnh, vô lượng thọ, thân kim cương bất hoại; những điều này có nghĩa là: Người trong thế giới Tây Phương Cực Lạc chẳng có nỗi khổ sinh, lão, bệnh, tử. Sinh vào nơi ấy chẳng phải là thai sinh, mà là hóa sinh, tức là hóa sinh trong hoa sen, chẳng có nỗi khổ sinh, lão, bệnh, tử, vô lượng thọ mà!

Chẳng có nỗi khổ vì cầu không được (cầu bất đắc khổ), khổ vì yêu thương phải chia lìa (ái biệt ly khổ), khổ vì oán ghét mà cứ phải gặp gỡ (oán tắng hội khổ), khổ vì năm ấm lũng lầy (ngũ ấm xí thịnh khổ). Đây là Bát Khổ như trong kinh Phật đã dạy. Người thế gian, lục đạo phàm phu, bị tám khổ chen nhau nung nấu; trong thế giới Cực Lạc chẳng có tám nỗi khổ ấy, Hoại Khổ và Hành Khổ cũng chẳng có; vì thế, gọi là thế giới Cực Lạc.

Người sinh vào nơi ấy, tức người vãng sinh cõi ấy đều có tâm độ chúng sinh, đều phát cái nguyện này: “*Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ*”, giúp đỡ chúng sinh lìa khổ được vui.

Khổ do đâu mà có? Khổ do mê hoặc mà có! Quý vị chẳng hiểu chân tướng sự thật, khởi tâm động niệm đều do phiền não làm chủ. Phiền não làm chủ khiến cho quý vị tạo nghiệp. Khởi tâm động niệm là ý tạo nghiệp, ngôn ngữ và hành vi là thân khẩu tạo nghiệp. Tạo nghiệp, nghiệp có thiện và bất thiện. Thiện nghiệp thọ báo trong tam thiện đạo, ác nghiệp sẽ thọ báo trong tam ác đạo, khổ chẳng thể nói nổi, vĩnh viễn chẳng ra khỏi lục đạo luân hồi. Đó là nỗi khổ thật sự.

Lục đạo là thật. Ai phát hiện lục đạo trước hết? Chẳng phải là Phật Thích Ca Mâu Ni! Lục đạo đã được Bà La Môn phát hiện từ xưa, còn sớm hơn Phật Thích Ca Mâu Ni tối thiểu mấy ngàn năm! Bà La Môn giáo hiện thời là Hưng Đô Giáo (Hinduism, Ấn Độ giáo), tôi có qua lại với họ, còn tham gia họp mặt với họ. Những trưởng lão Ấn giáo bảo tôi: Tôn giáo của họ có lịch sử lâu đến một vạn năm, đời đời tương truyền, tôi tin tưởng lời ấy. Người Ấn Độ không xem trọng lịch sử.

Nghĩ lại Trung Quốc, thì Trung Quốc thường nói có năm ngàn năm lịch sử. Năm ngàn năm ấy là nói theo kiểu nào? Tính từ khi có ghi chép, có văn tự ghi chép. Văn tự được sáng chế vào thời Hoàng Đế, kể từ thời Hoàng Đế tới hiện đại là bốn ngàn năm trăm năm. Trước Hoàng Đế là Thần Nông, trước Thần Nông có Phục Hy; theo truyền thuyết, Bát Quái do Phục Hy vẽ ra. Trong khoảng thời gian ấy, từ Thần Nông đến Hoàng Đế là năm trăm năm, từ Thần Nông tới Phục Hy cũng là năm trăm năm, tổng cộng là một ngàn năm.

Trước khi Trung Quốc chính thức sử dụng văn tự là một ngàn năm, đã bắt đầu có những phù hiệu để đánh dấu những sự kiện quan trọng, những thứ Giáp Cốt Văn^{7[1]} được khai quật đã chứng tỏ điều này. Do vậy, Trung Quốc dùng phù hiệu để ghi chép, đích xác là có thể hơn năm ngàn năm. Trước năm ngàn năm, ngay cả những phù hiệu ấy cũng không có, nhưng có nhân loại hay chăng? Đương nhiên là có! Đã thế, người thông minh chẳng ít. Tinh hoa của văn hóa truyền thống Trung Quốc do cổ thánh tiên hiền lưu lại, Khổng phu tử biên tập, hệ thống hóa lại mà thôi. Cả đời Ngài *“thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ”* (thuật lại chứ không trước tác, tin tưởng, chuộng cổ).

Con người hiện thời phải nên học tập điều này! Từ thái độ ấy, quý vị thấy lão nhân gia khiêm hư, cung kính. Hai câu này cho thấy: Sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền suốt một đời Phu Tử chẳng phải là những thứ của chính Ngài. Chính Ngài cả đời chẳng sáng tạo, chẳng phát minh, hết thảy đều do cổ thánh tiên hiền lưu lại, bất quá Ngài chỉ dùng văn tự để ghi chép hòng lưu truyền hậu thế. Chúng tôi tin rằng trong *Luận Ngữ* có nhiều câu là do cổ thánh tiên hiền từ ngàn vạn năm trước truyền lại.

Phật Thích Ca Mâu Ni cũng không ngoại lệ, Thanh Lương Đại sư nói: Hết thảy các kinh do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm đều do cổ Phật đã nói. Ngài Thanh Lương

7[1] Giáp Cốt Văn, nói đầy đủ là Quy Giáp Thú Cốt Văn (văn tự trên mai rùa, xương thú vật), chủ yếu chỉ những ghi chép, lời bói toán được khắc trên yếm rùa, mai rùa, xương thú thời Ân Thương. Đây là hình thức văn tự sớm nhất của Trung Quốc, là thủy tổ của chữ Hán hiện thời. Giáp Cốt Văn được phát hiện tại di chỉ Ân Khư (An Dương, Hà Nam).

nói: Đức Thế Tôn từng bảo Ngài chẳng thêm một chữ nào vào các kinh do cổ Phật đã nói, thái độ còn nghiêm cẩn hơn Khổng Tử. Thánh nhân Đông phương và Tây phương đã nêu gương cho chúng ta.

Hiện nay, chúng ta thường nghĩ phải sáng tạo, phải phát minh, phải trội hơn người khác, quan niệm ấy là gì? Quan niệm ấy là phiền não! Tham, sân, si, mạn, nghi, quý vị xem người đó đã phạm bao nhiêu chữ trong mấy chữ ấy? Chẳng khiêm nhường như cổ nhân.

Phu Tử ôn hòa, hiền từ, cung kính, tiết kiệm, nhường nhịn, chắc chắn chẳng tranh danh đoạt lợi, tự mình có kiến giải giống như cổ nhân, bèn nói những điều cổ nhân đã nói, chẳng nói những điều của chính mình, đó là đức hạnh, tích đức. Chẳng ham tiếng tăm, lợi dưỡng, đấy là điều kiện căn bản của học vấn, đức hạnh thế gian và xuất thế gian.

Do vậy, Bồ tát Phổ Hiền dạy chúng ta mười cương lĩnh tu học, thứ nhất là *“lễ kính chư Phật”*. Kinh *Môn Cô* của đạo Thiên Chúa có tất cả mười lăm đoạn, đoạn thứ nhất bảo chúng ta hãy học tập đức khiêm tốn của Đức Mẹ Maria. Quý vị mở sách *Lễ Ký* ra xem, câu đầu tiên là *“Khúc Lễ viết, vô bất kính”* (Khúc Lễ nói: “Không gì chẳng kính”). Thánh nhân thế gian và xuất thế gian dạy chúng ta học từ đâu? Học từ khiêm tốn.

Người xưa nói tới Lễ. Tinh thần của Lễ là *“tự ty, tôn nhân”*, tức là chính mình khiêm tốn, tôn trọng người khác, đó là Lễ. Chính mình làm cho người khác thấy, tiếp xúc sẽ cảm động,

học tập theo quý vị, lúc ấy mới là “độ chúng sinh”. Thánh nhân thế gian và xuất thế gian “độ” là giáo hóa, chỉ dạy người khác, cách dạy ra sao?

Trước hết, chính mình phải làm, thân hành, ngôn giáo. Thân hành được xếp hàng đầu, đó là giáo dục người khác bằng hành động gương mẫu, ta phải làm được những điều ta dạy. Người khác trông thấy, mong học theo, họ nêu câu hỏi, quý vị lại dùng ngôn ngữ để chỉ dạy. Nhất định phải là trước hết chính mình làm được.

Chúng ta phải giúp chúng sinh làm được rốt ráo viên mãn trong một đời này, điều này khó lắm. Chính chúng ta muốn làm tới mức viên mãn còn chưa dễ dàng, huống hồ người khác? Nhưng Phật A Di Đà, Phật Thích Ca Mâu Ni đã mở cho chúng ta một pháp môn phương tiện, đó là pháp môn Tịnh Độ. Pháp môn này tu như thế nào? Quý vị hãy xem, “*niếp thủ chúng sinh sinh hữu Phật quốc độ tâm*” (tâm nhiếp thủ chúng sinh sinh vào cõi nước có Phật).

Phật A Di Đà ở trong cõi nước Tây Phương, quốc độ này do Ngài kiến lập, chúng ta có thể tin tưởng hay chẳng? Nếu quý vị có thể khế nhập Đại thừa đôi chút, quý vị sẽ tin tưởng, do đạo lý nào? Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng!

Trong tương lai, từ bộ kinh này, chúng ta cũng có thể thấy: Trong ấy, nói đến lịch sử của thế giới Tây Phương Cực Lạc, thế giới ấy thành tựu như thế nào, khi giảng đến chỗ ấy, chúng tôi sẽ lại báo cáo tỉ mỉ cùng mọi người.

Chúng ta liễu giải lịch sử, sinh tâm cảm ơn Phật A Di Đà, Ngài kiến lập thế giới Tây Phương, tiếp dẫn lục đạo chúng sinh trong hết thảy các cõi Phật trọn khắp pháp giới hư không giới. Người thuộc tứ thánh pháp giới dễ độ.

Chúng sinh trong lục đạo chẳng dễ độ, họ chưa thể đoạn phiền não. Tiếp dẫn những chúng sinh ấy đến thế giới Cực Lạc, nói theo cách bây giờ sẽ là “di dân”. Nơi này hoàn cảnh học tập chẳng tốt đẹp, chướng duyên rất nhiều; thế giới Cực Lạc là hoàn cảnh học tập hết sức tốt đẹp, điều kiện học tập bên ấy thứ gì cũng đều trọn đủ. Có thầy giỏi, có hoàn cảnh tốt đẹp, bạn học tốt lành, trong hoàn cảnh ấy, tập khí phiền não của chúng ta đều bất tri bất giác sẽ bị đào thải sạch; điều này hết sức khó có, hết sức thù thắng.

“Hữu Phật quốc độ” (Cõi nước có Phật): Trên thế giới này chẳng có Phật, thời gian Phật Thích Ca Mâu Ni trụ thế rất ngắn! Từ lúc Ngài giáng sinh cho đến khi nhập diệt là tám mươi năm, từ lúc Phật khai ngộ tới khi hoàn tất sự nghiệp dạy học là bốn mươi chín năm. Ngài khai ngộ năm ba mươi tuổi, bắt đầu dạy học từ năm ba mươi tuổi, bảy mươi chín tuổi viên tịch, người xưa nói theo kiểu hư tuế^{8[2]} là tám mươi tuổi. Nói theo cách của người phương Tây thì Phật vừa đúng bảy mươi chín tuổi.

Phật A Di Đà thường trụ trong thế giới ấy. Chúng sinh thọ vô lượng, Phật cũng thọ vô lượng. Không chỉ riêng

8[2] Hư tuế: Ta thường gọi là “tuổi ta”, tức là tính luôn năm sinh là một tuổi, chứ không đợi đến ngày sinh nhật năm sau.

Phật A Di Đà giáo hóa ở bên ấy, mà mười phương chư Phật cũng thường đến nơi ấy để giảng kinh, giáo học. Phật A Di Đà mở trường, mười phương chư Phật tới đó với thân phận giáo thụ, tức là dùng thân phận của một vị thầy để đến nơi ấy.

Phật A Di Đà cũng có hai vị trợ thủ là Bồ tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ tát. Hai vị trợ thủ của Phật, một vị chủ trì Hạnh môn, một vị chủ trì Giải môn. Đại Thế Chí Bồ tát chủ trì Giải môn, giảng kinh, dạy học. Bồ tát Quán Thế Âm chủ trì Hạnh môn, chỉ đạo quý vị thật sự tu tập như thế nào, chúng ta nói là “thật sự hành”. Do vậy, tiến bộ hết sức vô cùng nhanh chóng, đây là lý do vì sao chúng ta phải chọn lựa pháp môn này. Chọn lựa pháp môn khác sẽ không được ư? Đúng là không được! Do chúng ta chưa buông phiền não tập khí xuống được, nên mới chọn lựa pháp môn này.

Tiếp, *“thị cố nguyện sinh bỉ An Lạc Tịnh Độ giả, yếu phát vô thượng Bồ đề tâm dã. Nhược nhân bất phát vô thượng Bồ đề tâm, dẫn văn bỉ quốc độ thọ lạc vô gián, vị lạc cố nguyện sinh, diệc đương bất đắc vãng sinh dã”* (vì thế, kẻ nguyện sinh về cõi An Lạc Tịnh Độ kia, phải phát tâm vô thượng Bồ đề. Nếu ai chẳng phát tâm vô thượng Bồ đề, chỉ nghe trong cõi kia hưởng sự vui chẳng gián đoạn, vì ham chuộng vui sướng mà nguyện vãng sinh, cũng chẳng thể vãng sinh).

Chúng ta phải nhớ kỹ câu này, nghe nói cõi nước ấy quá tốt đẹp, nhưng ta chẳng phát tâm độ chúng sinh, chỉ vì thế gian

này quá khổ sở, ta đến đó hưởng lạc, thế giới ấy quá tốt đẹp, vô cùng hân mộ, như vậy thì có thể vãng sinh hay chăng? Chẳng thể vãng sinh! Vì chẳng tương ứng với bản nguyện của Phật A Di Đà, mà cũng chẳng tương ứng với nguyện vọng của tất cả những người đã vãng sinh thế giới Cực Lạc; do vậy, quý vị không đi được.

Đây là nói về tầm quan trọng của nguyện thứ chín của A Di Đà Phật, trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác, chẳng thể xem nhẹ! Nguyện mười tám là “*mười niệm ắt sinh*”, nguyện mười chín là “*phát Bồ đề tâm*”. Bồ đề tâm là gì? Kinh *Quán Vô Lượng Thọ* dạy, Bồ đề tâm có ba ý nghĩa: Thứ nhất là chí thành tâm, đây là Thể của Bồ đề tâm, chân thành. Thứ hai là thâm tâm, tức tâm sâu hay cạn. Thâm tâm là Tự Thụ Dụng. Trong tiêu đề kinh nói tới thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm và giác tâm. Ba thứ này là Tự Thụ Dụng Bồ đề tâm. Nói cách khác, chính mình hằng ngày tu hành, cũng có nghĩa là trong cuộc sống, trong công việc, xử sự, đối người, tiếp vật, đều phải dùng tâm “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, đấy là Tự Thụ Dụng.

Tâm thứ ba nhằm dành cho người khác; chúng ta dùng tâm gì để đối đãi người khác? Hồi hướng phát nguyện tâm. Hồi hướng phát nguyện là đại từ đại bi, giúp hết thảy chúng sinh nhận biết Tịnh Độ, liễu giải Tịnh Độ, và cũng phát tâm cầu sinh Tịnh Độ giống như chúng ta. Đó gọi là hồi hướng phát nguyện tâm.

Ba tâm này là một tâm, chẳng phải là nói có ba tâm, mà chúng là một tâm, nhất tâm. Nói ba tâm là nói tới Thể và Dụng của một tâm, trong Dụng lại chia thành hai loại: Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. Phàm là người tu Tịnh Độ, nếu không có ba tâm ấy, dấu niệm Phật hiệu giới giang cách mấy, vẫn chẳng thể vãng sinh! Phải ghi nhớ điều này!

Ở đây, nói rất rõ ràng: Nếu chẳng phát Bồ đề tâm, sẽ không thể vãng sinh, có thể thấy phát tâm trọng yếu. Ngẫu Ích Đại sư nói rất hay: Có thể vãng sinh hay không được quyết định bởi có tín nguyện hay không! Quý vị có tin Tịnh Độ hay không? Quý vị có phát Bồ đề tâm hay chẳng? Chỉ cần quý vị tin tưởng Tịnh Độ, phát Bồ đề tâm, chắc chắn được vãng sinh. Công phu niệm Phật sâu hay cạn quyết định phẩm vị sinh về thế giới Cực Lạc của quý vị, phẩm vị cao hay thấp khác nhau.

Công phu niệm Phật sâu, phẩm vị sẽ cao; công phu kém hơn một chút, phẩm vị sẽ thấp. Trong hai thứ này, thứ nào trọng yếu? Phát tâm trọng yếu. Thật sự phát tâm, cổ đại đức bảo: Mỗi ngày quý vị tu pháp Thập Niệm là được rồi. Cả đời chẳng gián đoạn, sáng tối mỗi ngày, buổi sáng thức dậy bèn niệm Phật mười tiếng, buổi tối đi ngủ niệm Phật mười tiếng, mỗi ngày chẳng gián đoạn, cả đời chẳng gián đoạn, đấy là “*tịnh niệm tiếp nối*”.

Quý vị thấy pháp môn này dễ lắm, đơn giản lắm, đúng như Thiện Đạo Đại sư nói: “*Vạn người tu, vạn về*”, chẳng sót một ai!

Tiếp theo: *“Hựu An Lạc Tập viết, y Thiên Thân Tịnh Độ Luận”* (Lại nữa, sách *An Lạc Tập* ghi: “Dựa theo *Tịnh Độ Luận* của Thiên Thân Bồ tát”). *Tịnh Độ Luận* là *Vãng Sinh Luận*, trong ấy nói, *“Phàm dục phát tâm hội vô thượng Bồ đề giả, hữu kỳ nhị nghĩa”* (Phàm muốn phát tâm hiệu vô thượng Bồ đề thì có hai ý nghĩa). *“Tiên tu ly tam chủng dữ Bồ đề môn tương vi pháp”* (Trước hết, phải lìa ba thứ pháp trái nghịch Bồ đề môn). Ba pháp trái nghịch ấy sẽ chướng ngại quý vị phát Bồ đề tâm. Chỉ cần quý vị có cái tâm ấy, sẽ chẳng thể phát Bồ đề tâm. Do vậy, quý vị phải tách rời chúng, buông chúng xuống. *“Nhị giả, tu tri tam chủng thuận Bồ đề môn pháp”* (Hai là cần biết ba pháp thuận Bồ đề môn).

Tiếp tục, sách giảng: *“Hà đẳng vi tam? Y trí tuệ môn, bất cầu tự lạc, viễn ly ngã tâm tham trước tự thân cố”* (Ba pháp ấy là gì? Thứ nhất là nương theo trí tuệ môn, chẳng cầu vui sướng cho riêng mình, vì xa lìa cái tâm chấp ngã, tham đắm thân mình). Nói cách khác, quý vị cầu vui sướng cho riêng mình, cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần thế gian, chấp trước thân thể này, chấp thân tướng này là ta, không buông xuống được, sẽ chẳng thể phát Bồ đề tâm. Bồ đề tâm ắt phải vong ngã. Trong kinh *Kim Cương*, đức Phật nói bốn câu: *“Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng”*. Bồ đề tâm sẽ phát khởi.

Bởi lẽ, Ngã Chấp là chướng ngại nghiêm trọng nhất, khởi tâm động niệm đều nghĩ đến mình, chuyện này rất phiền phức. Có thể chuyển ý khởi tâm động niệm đều nghĩ tới người khác,

nghĩ tới xã hội, nghĩ đến những chúng sinh khổ nạn, chúng ta làm thế nào để giúp đỡ họ?

Ta dùng năng lực gì? Chỉ cần ta học đàn hoàng, học theo gương tốt, nêu gương tốt là ta đã giúp xã hội, giúp đỡ hết thấy chúng sinh. Chúng sinh cầu vui sướng cho riêng mình, ta không cầu, chúng sinh niệm niệm vì chính mình, ta niệm niệm vì người khác. Làm được những điều này cần đến trí tuệ, người có trí tuệ sẽ làm được.

Kẻ thiếu trí tuệ, tự tư tự lợi, tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, tham cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần, chẳng lìa khỏi tham, sân, si, mạn, người như vậy chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Dẫu niệm Phật cũng chẳng thể vãng sinh, người ấy kết duyên với Phật, kết thiện duyên, nhưng đời này chẳng thể vãng sinh! Vì thế, đây là điều kiện tiên quyết, trong cuộc sống hết thấy tùy duyên, trọn chẳng so đo!

Thứ hai là *“y từ bi môn”*; *“môn”* là pháp môn, tức là phương pháp tu hành, *“bạt nhất thiết chúng sinh khổ, viễn ly vô an chúng sinh tâm cố”* (dẹp khổ cho hết thấy chúng sinh, xa lìa cái tâm khiến cho chúng sinh chẳng yên ổn).

Câu cuối cùng này quan trọng, chớ nên khiến cho tâm chúng sinh bất an, làm cho chúng sinh tâm bất an sẽ trái nghịch Bồ đề tâm. Đây là *“tâm dẹp khổ”*, thấy chúng sinh có khổ nạn phải giúp đỡ họ.

Nỗi khổ lớn nhất là gì? Tâm tình bất an, điều này rất đau khổ, vọng niệm quá nhiều, lo được, lo mất. Chúng ta thấy tình

hình giống như vậy trong xã hội này có nhiều hay không? Mọi nơi đều như vậy, nhất là trong xã hội cận đại này, giáo học luân lý, đạo đức, nhân quả đều không có. Họ học gì? Học tham lam, biển dục vô biên! Tâm tham bành trướng, bành trướng tới cuối cùng, sẽ như đức Phật đã dạy trong kinh *Lăng Nghiêm*, tâm tham cảm ứng nước, nước biển dâng lên, nhấn chìm toàn bộ lục địa trên mặt địa cầu. Đây là kết quả tâm tham bành trướng tới cuối cùng.

Chúng tôi ở Mỹ, thấy họ vẽ bản đồ thế giới tương lai, băng ở Nam Cực và Bắc Cực hoàn toàn tan chảy, các nhà khoa học bảo nước biển sẽ dâng lên cao hơn năm mươi mét, những gì có độ cao dưới năm mươi mét trong hiện thời đều bị nhấn chìm.

Các khoa học gia biết điều này, và cũng công nhận đó là chuyện rất có thể xảy ra, không có cách nào giải quyết vấn đề này. Nhiệt độ địa cầu không ngừng tăng lên. Nhiệt độ tăng lên là do sân khuể, nước biển dâng trào là do tham lam, đây là đại tai nạn trên địa cầu. Xảy ra như thế nào? Do tham, sân, si của nhân loại trên địa cầu gây ra. Trong tâm kiêu căng, ngạo mạn, bất bình, tạo thành động đất, ngu si tạo thành phong tai.

Đạo lý giảng trong kinh Phật quá sâu, rất khó có; hiện thời các khoa học gia đã chứng tỏ, hiện thời có căn cứ khoa học. Theo Đại thừa Phật pháp, toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ (organism), sống động, toàn bộ vũ trụ sống động.

Nói từ chỗ nào? Phật pháp nói một vi trần, nay chúng ta gọi vi trần là nguyên tử, điện tử, hay hạt cơ bản, đấy là những vật chất nhỏ nhất.

Vật chất là Sắc, sau Sắc có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nhà Phật gọi chúng là Ngũ Uẩn. Dầu là một hạt cơ bản, nhỏ hơn nguyên tử và điện tử, thân thể chúng ta do một đồng những hạt cơ bản tổng hợp thành, mỗi hạt cơ bản đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, trong Phật pháp nói là A Lại Da. Pháp Tướng Tông nói trong vũ trụ cái gì cũng không có, chỉ là Thức, nên nói là Duy Thức, điều ấy là thật.

Thức là gì? Thức do tinh thần và vật chất hỗn hợp thành. Quý vị nói tới con người chúng ta, mọi người sẽ dễ hiểu, năm thức trước của chúng ta, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân có cảm thụ, có năng lực tiếp nhận. Thức thứ sáu là tư tưởng, phân biệt; thức thứ bảy là chấp trước. A Lại Da là ký ức, giống như một cái kho ký ức.

Trong suốt mười mấy năm, Tiến sĩ Giang Bản Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước. Nước là khoáng vật, nhưng theo Tiến sĩ Giang Bản Thắng nước có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ con người. Điều này chứng tỏ nước là một thể hữu cơ.

Gần đây, lại có một tin tức do các đồng học hạ tải (download) [từ Internet] đưa cho tôi; tôi mới đọc một lần, nhưng một lần chưa được, phải đọc cả mười mấy lượt, ấn

tượng mới có thể khắc sâu. Họ nói nước còn có ký ức. Ký ức là A Lại Da thức, điều này chứng tỏ: Trong hạt cơ bản có đầy đủ Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

Cả vũ trụ là sống động, bất luận vật chất hiện tượng gì cũng đều do các hạt cơ bản hợp thành. Trong mỗi hạt cơ bản đều có đủ Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tác dụng của nó, là tâm pháp.

Do vậy, chúng tôi nghĩ: Thân thể này của chúng ta do bao nhiêu nguyên tử, điện tử tổng hợp thành? Nếu hỏi các khoa học gia về con số ấy, con số ấy quá lớn! Mỗi nguyên tử, mỗi hạt cơ bản đều có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, tổng hợp thành một cá nhân, toàn bộ cũng là cùng một Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Phân tích đến mức vi tế, vẫn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

Có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chúng ta khởi tâm động niệm thì núi, sông, đại địa biết, cây cối, hoa, cỏ biết, hiện tượng tự nhiên đều biết. Chúng ta khởi lên thiện niệm, chúng nó sẽ có đáp trả tốt lành; khởi lên ác niệm, nó sẽ có đáp trả bất thiện.

Hiện thời, cư dân trên địa cầu khởi lên toàn ý niệm tham, sân, si, mạn, nghi, toàn là tổn người lợi mình, cho nên địa cầu có lắm tai nạn.

Vì sao thế giới Tây Phương Cực Lạc tốt đẹp dường ấy? Cư dân nơi đó hằng ngày được Phật A Di Đà giáo hóa, chỉ dạy, hết thầy chư Phật, Bồ tát đều tới đó dạy học, cho nên người

nơi ấy, không ai có ác niệm, lại càng chẳng có một ai mang hành vi bất thiện. Do vậy, cõi ấy toàn là tin tức tốt lành, cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa thủy đều tốt đẹp, chẳng có gì bất hảo. Kinh *Đại thừa* gọi điều này là “*cảnh chuyển theo tâm*”.

Trong các đồng học chúng ta cũng có người thật sự lay Phật cầu phúc, hỏi khi có những tai nạn ấy thì dùng phương pháp gì để hóa giải tai nạn? Nghe nói Phật, Bồ tát chỉ có bốn từ “*giảng kinh, giáo học*”. Quý vị nói xem có lý hay không? thế giới Tây Phương Cực Lạc vốn là mỗi ngày đều giảng kinh, giáo học chẳng gián đoạn.

“*Tam giả phương tiện môn, lân mãn nhất thiết chúng sinh tâm, viễn ly cung kính cúng dường tự thân tâm cố*” (Thứ ba là phương tiện môn, tâm thương xót hết thảy chúng sinh, tâm xa lìa cung kính cúng dường thân mình). Sau đó là một câu tổng kết, “*thị danh viễn ly tam chủng Bồ đề môn tương vi pháp*” (đó gọi là xa lìa ba pháp trái nghịch Bồ đề môn).

Người thế gian chúng ta háo danh, mong được người khác cung kính, cúng dường, chớ nên có ý niệm này! Vì sao? Trong tự tính không có những thứ ấy. Tự tính là thanh tịnh, chẳng nhiễm mấy trần, có những thứ ấy, sẽ chẳng đạt được tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh không đạt được thì tâm bình đẳng chẳng đạt được.

Thưa quý vị, trong tiêu đề kinh có nói “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đó là ba cái nhân. Tâm thanh tịnh là A La Hán, tâm bình đẳng là Bồ tát, giác là Phật, thành Phật. Tâm chưa

đạt được thanh tịnh thì là phàm phu, vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Người khác hủy báng, quý vị có bức tức hay không? Quý vị nổi cáu, tâm sẽ không thanh tịnh. Người khác khen ngợi, quý vị có vui vẻ hay không? Hễ khoái chí, tâm lại chẳng thanh tịnh rồi!

Do vậy, trong thuận cảnh chẳng có tâm tham luyện, trong nghịch cảnh chẳng có tâm oán hận, tâm của quý vị mới thanh tịnh. Đó gọi là tu hành thật sự, chẳng bị cảnh giới xoay chuyển. Tu trong cuộc sống, tu trong công việc, tu trong xử sự, đãi người, tiếp vật, ai nấy đều là Phật, Bồ tát, nơi nào cũng đều là đạo tràng của Phật, lẽ đâu quý vị chẳng thành Phật? Chắc chắn quý vị thành tựu.

Trong quá khứ, chúng ta học kinh *Hoa Nghiêm*, *Thiện Tài Đồng Tử* thành tựu như thế nào? Thành tựu như vậy đó, phải học điều này, đúng là tuyệt diệu! Đạo tràng ở nơi đâu? Không chỗ nào chẳng phải là đạo tràng. Phật, Bồ tát ở nơi đâu?

Hết thảy chúng sinh đều là Phật, Bồ tát, đều giúp quý vị tiến cao hơn, vấn đề là quý vị có hiểu hay không? Do vậy, trong giáo pháp Đại thừa, tổ sư đại đức thường hỏi kẻ khác, hỏi học trò: “*Người có hiểu hay không?*”. Nếu hiểu sẽ thành công.

Ở đây, chúng ta cùng nhau học tập trong một thời gian rất lâu, tôi thường dùng TV, dùng màn hình của máy TV làm tỷ dụ. Nếu quý vị hiểu, mỗi ngày xem TV đều thành Phật. TV đã trình bày điều gì? Không và Có chẳng hai. Màn hình

TV là Không, cái gì cũng chẳng có! Băng tần TV là có, băng tần và màn hình không có cách nào phân chia, chẳng hai! Chúng là hai chuyện, màn hình là màn hình, sắc tướng trong màn hình là sắc tướng, là hai chuyện, nhưng khi mở TV thì băng tần hiện ra sắc tướng, quý vị có thể tách rời chúng hay chẳng? Chẳng tách được!

“Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc”, đấy chẳng phải là *Tâm Kinh* ư? Vì thế, quý vị biết xem thì biết xem là tu hành, là nhập pháp môn Bất Nhị, có thể nhập pháp môn Bất Nhị bèn thành Phật. Đừng bị cảnh giới xoay chuyển thì quý vị mới có thể chuyển cảnh giới.

Kinh *Lăng Nghiêm* nói: *“Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai”* (Nếu có thể chuyển cảnh, sẽ giống Như Lai). Trong cuộc sống của chúng ta, từ sáng đến tối đều là cảnh giới, trong cảnh giới phải làm chủ, đừng bị cảnh giới xoay chuyển. Thuận cảnh, quý vị khởi tâm tham, sinh tâm hoan hỷ, vui thích; nghịch cảnh bèn sinh oán hận, báo thù. Trật rồi! Vì sao? Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, chẳng có gì là thật.

Đức Phật nói “hiện tướng” là giả. Vì sao là giả? Nó biến hóa trong từng sát-na, vĩnh viễn chẳng ngừng. Hơn nữa, từ trước đến nay, chưa có hai hiện tướng nào tương đồng, biến đổi trong từng sát-na. Bồ tát Di Lặc đã dạy chúng ta chân tướng sự thật: Trong một khảy ngón tay có niệm, niệm niệm

thành hình, hình đều có thức. Nay chúng ta gọi cái “thành hình” ấy là hạt cơ bản. Trong mỗi niệm đều tạo ra hạt cơ bản; nhưng trong mỗi hạt cơ bản đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, *“hình đều có thức”*! Đây là nói cội nguồn của vạn vật trong vũ trụ.

Nếu quý vị liễu giải chân tướng sự thật, sẽ tự nhiên chẳng động tâm trong hết thấy cảnh giới. Chẳng khởi tâm động niệm là cảnh giới Phật. Khởi tâm động niệm, nhưng không có phân biệt, chấp trước, đó là cảnh giới Bồ tát. Khởi tâm động niệm, còn có phân biệt, nhưng chẳng chấp trước, là cảnh giới A La Hán. Nếu khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước thấy đều có, đây cảnh giới của chúng sinh trong lục đạo.

Chúng ta làm thế nào để nâng cao cảnh giới? Từ lục đạo phàm phu nâng lên A La Hán, tâm thanh tịnh; nâng lên tới Bồ tát, tâm bình đẳng; nâng lên tới Phật, đại triệt đại ngộ, giác rồi! Đây là học Phật, những gì quý vị đạt được trong học Phật là vĩnh hằng. Đây là thật, chẳng giả. Nếu là giả thì lời Phật Thích Ca Mâu Ni là giả, làm sao có thể lưu truyền hơn hai ngàn năm trăm năm?

Đức Thế Tôn nói rất căn kẽ, pháp vận của Ngài là một vạn hai ngàn năm, hiện thời vẫn chưa đến ba ngàn năm, sau này còn có chín ngàn năm nữa. Do vậy, đối với những dự báo về ngày tận thế, thế giới sẽ không có ngày tận thế, địa cầu sẽ tồn tại; nhưng con người có thể tồn tại hay không? Điều này cũng rất khó nói!

Địa cầu sẽ tồn tại, con người sẽ chẳng hoàn toàn bị tiêu diệt trên thế giới này, nhân loại hoàn toàn diệt vong là chuyện chẳng thể xảy ra. Tuy trên thế giới có tai nạn, một phần nhân loại bị chết, nhưng vẫn còn có một phần tồn tại trên thế gian này. Dẫn cho pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni bị diệt, kinh *Pháp Diệt Tận* đã nói rất rõ ràng, thế giới này vẫn tồn tại.

Khi pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng còn, Bồ tát Địa Tạng Vương sẽ thay Phật giáo hóa chúng sinh. Dùng phương pháp gì để giáo hóa? Dạy về hiếu. Địa Tạng Bồ tát là hiếu tử. Kinh *Địa Tạng* giảng về “*hiếu thân, tôn sư*” (hiếu thảo cha mẹ, tôn kính thầy). Hai điều ấy có thể cứu chúng sinh, giúp chúng sinh lìa khổ được vui! Mãi cho đến khi vị Phật kế tiếp xuất thế, vị Phật thứ năm là Bồ tát Di Lặc tới thế gian này làm Phật, khi ấy, Phật pháp lại hưng vượng.

Do vậy, thế giới này là liên tục, chẳng bị tiêu mất. Hiện tại, trên thế gian này rất nhiều người nói tới ngày tận thế, nhưng chẳng phải là ngày diệt vong, thế giới có tai nạn là thật. Do vậy, phải học kinh giáo.

Khi tôi học Phật, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu, kinh Phật là triết học tối cao. Tôi học Phật tới năm nay là năm mươi chín năm, sang năm là sáu mươi năm, vừa đúng một giáp, tôi phát hiện trong kinh Phật không chỉ có triết học cao cấp, mà còn có khoa học cao cấp. Khoa học lẫn triết học hiện đại đều chẳng thể sánh bằng kinh Phật. Hết sức đáng tiếc,

những khoa học gia, triết học gia không có cách nào tiếp xúc Phật pháp. Vì sao chẳng tiếp xúc? Do có những ngộ nhận to lớn, ngộ Phật giáo là tôn giáo, mê tín, chẳng muốn tiếp xúc. Tổn thất ấy rất lớn, nếu họ tiếp xúc, tôi tin tưởng sự nghiên cứu của họ sẽ được nâng cao trên một mức độ lớn.

Quý vị nói xem: Hiện thời đã phát hiện, khoa học gia cho biết, nước có ký ức, nếu khoa học thật sự chứng thực điều này, Vật Lý Học hiện đại phải thay đổi quan điểm hoàn toàn. Quý vị thấy: Đối với sự phát hiện ấy, từ ba ngàn năm trước, trong kinh Phật, Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng rất tỉ mỉ, nay quý vị mới phát hiện, chậm trễ ba ngàn năm!

Đối với ba thứ vi phạm này, chúng ta phải biết: Viễn ly, điều thứ nhất là *“viễn ly ngã tâm tham trước tự thân”* (xa lìa tâm chấp ngã, tham đắm thân mình), thứ hai là *“viễn ly vô an chúng sinh tâm”* (xa lìa cái tâm khiến cho Chúng sinh chẳng an ổn), thứ ba là *“viễn ly cung kính cúng dường tự thân tâm”* (xa lìa cái tâm cung kính, cúng dường thân mình). Đó là điều kiện căn bản của niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ. Nếu chúng ta phạm những điều ấy, tới khi lâm chung chẳng thể vãng sinh, cũng chớ nên trách pháp môn chẳng linh! Hãy trách chính mình; chính quý vị khởi tâm động niệm chẳng tương ứng.

Tiếp theo nói về thuận Bồ đề môn. *“Thuận Bồ đề môn giả, Bồ tát viễn ly như thị tam chủng Bồ đề môn tương vi pháp, tức đắc tam chủng tùy thuận Bồ đề môn pháp”* (Thuận Bồ đề môn là Bồ tát xa lìa ba thứ trái nghịch Bồ đề môn như thế,

sẽ đắc ba môn tùy thuận Bồ đề). *“Hà đẳng vi tam?”* (Những gì là ba?).

Thứ nhất là *“vô nhiễm thanh tịnh tâm”*. Tâm thanh tịnh chẳng ô nhiễm, tâm ô nhiễm sẽ chẳng thanh tịnh. Thứ gì ô nhiễm? Chúng tôi nói thô thiển một chút, tôi chẳng dùng kinh Phật, vì kinh Phật quá sâu, chẳng dễ hiểu; nhưng kinh Phật mới thật sự hữu dụng, vì những gì kinh nói chính là tiêu chuẩn. Tôi nói tiêu chuẩn thấp hơn tiêu chuẩn trong kinh Phật một chút. Tôi thường nói hãy buông xuống: *“tự tư tự lợi, tiếng tăm lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham, sân, si, mạn”*.

Đây là cảnh giới gì? Đến cửa nhà Phật, nhưng chưa vào trong. Đây là đã đến cửa. Đã đến cửa, phải nâng cao cảnh giới hơn nữa là vào cửa. Ba thứ thuận Bồ đề tâm này giúp quý vị có thể làm được. Do vậy, tôi nói tới “tiền phương tiện”, nay chúng ta mỗi ngày đều phải làm, phải luyện tập, phải nỗ lực. Tích cực thực hiện, khởi tâm động niệm đừng nghĩ tới chính mình, khi khởi tâm động niệm hãy nghĩ đến người khác.

Tôi thường dạy người khác hãy nghĩ tới hai chuyện: Chính pháp của Thích Ca Như Lai tồn tại lâu dài, chúng ta phải báo ân Phật. Thứ hai là phải nghĩ đến chúng sinh khổ nạn, chúng ta nên làm như thế nào để giúp đỡ họ. Để giúp đỡ họ, Phật, Bồ tát nói “giảng kinh giáo học chính là giúp đỡ họ”, thật sự giúp đỡ.

Từ chỗ này, chúng ta thấu hiểu thật sâu: Giáo dục tôn giáo rất quan trọng. Kinh điển của mỗi tôn giáo đúng là quý báu; trong ấy, giảng những gì? Không gì chẳng phải là luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, khoa học, hết thảy đều giảng về nội dung này; chỉ cần chúng ta cùng nhau học tập, sẽ hiểu rõ.

Thời cổ, giao thông chẳng thuận tiện, công nghệ truyền thông không có; do vậy, bao nhiêu người ở một thôn trang, ngay cả một tòa thành cũng chưa hề vào, đến già chết vẫn chưa lui tới. Hoàn cảnh xã hội là như vậy, chẳng giống như hiện thời. Hiện thời, giao thông thuận tiện, mở đường cao tốc, xe cộ nhiều, thông tin phát triển, trên khắp thế giới, một chút chuyện xảy ra ở đâu, cả thế giới biết ngay lập tức. Do đức Phật ở trong xã hội đóng kín trước đây, nên kinh Phật nói: *“Nên dùng thân gì để hóa độ bèn hiện thân ấy”*.

Trong các sắc dân bất đồng, văn hóa bất đồng, khu vực bất đồng, Phật hiện thân thuyết pháp, hiện các thân khác nhau, thật ra là một. Trong tình trạng ấy, chư Phật, Bồ tát, hết thảy các vị thần, trong quá khứ truyền giáo tại các địa phương, nay cũng phải dung hội thành nhất thể. Nếu không, sẽ kèn cựa, phân biệt, chấp trước. Vì thế, tôn giáo phải đoàn kết, phải biến thành một nhà.

Trong tôn giáo có nói đến một Chân Thần. Trong quá khứ, một vị Chân Thần có vô lượng vô biên hóa thân, phân thân, nay địa cầu biến thành một nhà, các phân thân ấy cũng phải

biến thành một thân thì mới chẳng đến nỗi nảy sinh đối lập, mâu thuẫn, xung đột, xã hội sẽ an định.

Đây là một đại công tác cần kíp bức thiết trong lúc này, nhất định phải thực hiện tốt, phải nỗ lực thực hiện công tác giáo dục tôn giáo. Cũng như phải giáo dục luân lý. Luân lý là nói tới những mối quan hệ: Quan hệ giữa con người với nhau, quan hệ giữa con người và hoàn cảnh tự nhiên. Đạo đức là làm thế nào để giữ gìn tốt đẹp những mối quan hệ ấy; đấy là đạo đức.

Nhân quả càng quan trọng hơn, thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác báo, chẳng giả tí nào. Ngoài ra, có một số ít người trong Phật pháp gọi là người thượng căn, hoặc thượng thượng căn mong mỗi nâng cao cảnh giới, trong tôn giáo có khoa học, có triết học, giúp họ nâng cao hơn.

“Vô nhiễm thanh tịnh tâm, bất vị tự thân cầu an lạc cố” (tâm vô nhiễm thanh tịnh, chẳng nhằm cầu an lạc cho bản thân). Thừa các đồng học, chẳng cầu an lạc cho chính mình, sẽ là chân an lạc. Cầu an lạc cho tự thân sẽ thật sự có phiền não. Vì sao? Có ngã thì có phiền não, có tham, sân, si, mạn; chẳng vì chính mình, vô ngã sẽ chẳng có phiền não. Đây là một cửa ải trong Phật pháp. Chúng ta không có cách nào làm được vô ngã, vì thế, tôi dạy người khác thực hiện bằng cách buông tự tư tự lợi xuống.

Vẫn có Ngã, nhưng ta buông tự tư tự lợi xuống, khởi tâm động niệm nghĩ tới người khác, chẳng nghĩ tới chính mình.

Ta chưa buông xuống, phải buông xuống thì mới thật sự nhập Phật pháp. Do vậy, tôi nói, tôi chỉ dẫn người khác đến cửa nhà Phật mà thôi!

“Bồ đề thị vô nhiễm thanh tịnh xứ, nhược vị tự thân cầu lạc, tức vi Bồ đề môn. Thị cố, vô nhiễm thanh tịnh tâm thị thuận Bồ đề môn” (Bồ đề là chỗ thanh tịnh vô nhiễm. Nếu vì chính mình mà cầu an vui, tức là trái nghịch Bồ đề môn. Vì thế, tâm thanh tịnh vô nhiễm là thuận Bồ đề môn).

Bồ đề là trí tuệ chân thật, vô vi Pháp thân, *Vãng Sinh Luận* nói như vậy! Câu này có ý nghĩa hoàn toàn giống với một câu do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật nói bằng cách khác: *“Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai”*. Như Lai là tự tính. Trong tự tính của hết thấy chúng sinh có trí tuệ viên mãn. Vì sao trí tuệ ấy chẳng tỏ lộ? Vì hiện thời tâm chúng ta có ô nhiễm, nên nó không thể tỏ lộ được! Nếu tâm thanh tịnh, trí tuệ sẽ tỏ lộ. Bồ đề là trí tuệ; chỉ cần quý vị không có ô nhiễm, trí tuệ sẽ lộ ra.

Trong tự tính vốn có trí tuệ, chẳng phải do học được, mà cũng không do tu thành, trong tự tính vốn sẵn có. Không chỉ có trí tuệ, mà còn có đức năng, tướng hảo, thứ gì cũng trọn đủ, thứ gì quý vị cũng chẳng cần phải cầu! Chỉ cần trừ sạch những chướng ngại, thấy đều buông xuống, toàn bộ trí tuệ, đức năng, tướng hảo của quý vị hiện tiền, có hình dạng ra sao? Quý vị thấy thế giới Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng là như vậy đó! Đâu cần phải cực nhọc đường ấy? Ở nơi đây cuộc sống khổ quá.

Tới thế giới Tây Phương Cực Lạc, quý vị chẳng cần vàng, bạc, của cải; vì sao? Người ta dùng vàng ròng để lót đất, quý vị cần vàng để làm gì? Trong thế giới Tây Phương Cực Lạc, châu báu là vật liệu xây dựng nhà cửa, dựng nhà, lát tường. Trong thế gian này, mọi người thấy châu báu rất hiếm lạ. Vì sao? Quá ít! Sang bên ấy, châu báu quá nhiều, lấy chẳng hết, dùng chẳng cạn, quý vị cần chúng để làm gì?

Nói theo thế giới này, quý nhất chính là gì? Là không khí, con người thiếu không khí trong năm phút sẽ chẳng thể sống sót. Ai tham không khí? Có ai tích cóp không khí như bảo bối? Không khí còn quan trọng hơn vàng, bạc, châu báu. Trong thế giới Tây Phương Cực Lạc, tài nguyên quá phong phú, sau khi tiếp xúc, thứ gì cũng chẳng màng. Quý vị còn cảm thấy những thứ ấy thừa thãi, phiền phức, cần chúng để làm gì! Do vậy, tâm thanh tịnh sinh ra trí tuệ.

Thứ hai, “*an thanh tịnh tâm*”. An ổn tương ứng với tâm thanh tịnh, tâm an, thân an, cũng phải giúp cho hết thảy chúng sinh thân tâm yên ổn. Chúng ta nghĩ tới chính mình, mà cũng phải nghĩ tới người khác, chính chúng ta mong đạt được thì cũng phải giúp người khác đạt được.

An như thế nào? Buông xuống liền yên ổn. Nếu quý vị chẳng buông xuống, thân tâm vĩnh viễn chẳng thể yên ổn. Buông ngũ dục lục trần xuống, đấy là bên ngoài, cảnh giới bên ngoài phải buông xuống, bên trong phải buông tham, sân, si, mạn xuống, tâm liền yên ổn.

Sống trong thế gian này, hết thấy tùy duyên, chẳng phan duyên, thứ gì cũng đều tốt, chẳng có gì bất hảo, quý vị sống vui sướng lắm, tự tại lắm! Đức Phật dạy chúng ta tùy duyên, đừng phan duyên; phan duyên là chính mình nghĩ nhất định phải như thế nào đó, như vậy thì quý vị sẽ bị khổ. Hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức, sẽ có vui sướng.

“Vị bạt nhất thiết chúng sinh khổ cố” (vì dẹp khổ cho hết thấy chúng sinh), giúp hết thấy chúng sinh là khổ được vui, nêu gương cho người khác thấy thân hành, rồi mới ngôn giáo. Do vậy, chúng ta thấy bậc đại thánh đại hiền xưa nay, các Ngài đã chọn nghề nghiệp gì trong một đời? Dạy học, dạy chữ.

Thời cổ, người đọc sách bèn theo đuổi sự nghiệp dạy học. Nếu đỗ đạt, họ sẽ ra làm quan. Thi không đậu, sẽ theo nghề dạy học. Thuở ấy, tuy dạy học rất thanh bần, gọi là *“cùng tú tài”* (tú tài nghèo túng), hết sức vất vả, điều kiện sinh hoạt vật chất rất tệ, nhưng địa vị xã hội rất cao. Vì sao? Người ấy chăm sóc thể hệ kế tiếp, tận lực tiến hành, những gì được nói trong *Đệ Tử Quy* hiện thời, người ấy đều làm được. Cảm Ứng Thiên người ấy thực hiện được.

Quý vị thấy những gì Liễu Phàm Tứ Huấn đã nói, quý vị đều hiểu. Người ấy thật sự làm được, nêu gương rất tốt trong xã hội, biết đủ, thường an vui, tạo thành một phong khí rất tốt đẹp trong xã hội. Con người không có tâm tham, xã hội sẽ yên ổn, nơi ấy sẽ chẳng có tai nạn.

Do vậy, tuy những người ấy thoát nhìn chẳng có gì nổi bật, nhưng đã cống hiến rất lớn đối với xã hội. Nghề thứ hai được xã hội tôn trọng là thầy thuốc. Vào thuở trước, một là dạy học, được gọi là Phu Tử, thời cổ gọi họ là Phu Tử, tức là thầy; thứ hai là thầy thuốc, thầy lang, được mọi người tôn trọng. Thầy lang giúp đỡ bệnh nhân chẳng đòi hỏi tiền bạc; ông ta là người cứu mạng, làm sao có thể đòi tiền?

Bệnh chữa lành rồi, tùy theo gia cảnh mà quý vị tặng một chút lễ vật báo đáp, chứ thầy lang chẳng thể chủ động đòi hỏi. Gia cảnh quý vị khá hơn sẽ tặng nhiều hơn một chút; hoàn cảnh khó khăn, tặng ít một chút. Nếu thật sự rất khó khăn, ngay cả thuốc men thầy lang đều biểu không. Do vậy, thầy lang được mọi người tôn kính. Không giống như hiện thời, hiện nay chỉ mong cầu lợi lộc.

Tôi nghe nói ở bệnh viện, bệnh nhân bệnh nặng vẫn ở ngoài cửa, lúc không có tiền sẽ chẳng được chữa trị, quá khác biệt so với y đạo thời cổ!

Hiện nay có y mà chẳng có đạo; trước đây là có y, có đạo. Hiện nay còn có một chuyện, nghe nói kẻ làm thầy mở lớp dạy thêm để kiếm rất nhiều tiền. Dạy trong nhà trường, giữ lại phân nửa chẳng giảng, giữ lại kiến thức để ép các người nhất định phải đi học thêm với ta, ta sẽ giảng bổ sung phân nửa còn lại; đó là muốn kiếm tiền, mở “tiệm dạy chữ!”. Do vậy, lẽ nào thế gian này chẳng có tai nạn? Ngay cả hai hạng người này mà còn chẳng giữ vững phẩm chất, đều bị ô nhiễm

ng nghiêm trọng. Trước kia, hai hạng người này chẳng bị ô nhiễm, thật sự thanh tịnh, được người ta tôn kính.

Vì thế, xã hội động loạn, tai nạn liên tiếp xảy ra, là có đạo lý, có nguyên nhân. Chúng ta phải nên tìm ra những nguyên nhân ấy, làm thế nào để tiêu trừ những nguyên nhân đó, thế gian này sẽ được an định. Hết thấy đều phải thực hiện từ chính mình. Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta: *“Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ”* (Làm không được thì phải quay lại xét mình), không nên cầu người khác. Cầu người khác, tuyệt đối sẽ làm không được, quý vị sẽ thất vọng, phải làm từ chính mình.

Chính mình nghiêm túc thực hiện, sẽ có hiệu quả, thật sự làm sẽ có hiệu quả. Từ bản thân chúng ta sẽ ảnh hưởng cả nhà, từ một nhà ảnh hưởng tới thân thích, bè bạn, láng giềng, làng xóm.

Tại Úc, chúng tôi thành lập một Tịnh Tông học viện rất nhỏ, quy mô rất nhỏ, mười năm rồi. Qua mười năm, thành tựu sơ bộ là ảnh hưởng đến thành phố. Thành phố ấy có mười vạn người, là một thành phố nhỏ, phong khí của thành phố nhỏ ấy tốt hẳn lên. Mỗi ngày đều làm, làm mười năm. Năm nay, chúng tôi đã nghĩ muốn thực hiện đa nguyên văn hóa, đoàn kết tôn giáo.

Cách làm ra sao? Làm từ nhà của chúng tôi. Chúng tôi là Phật giáo, tôi mời mục sư Cơ Đốc giáo, linh mục Thiên Chúa

giáo, thầy cả^{9[3]} đạo Hồi, chính thức mời họ làm giáo sư, mời họ giảng cho chúng ta nghe kinh *Cổ Lan* (Koran)^{10[4]}, giảng *Tân Cựu Ước*. Tôi còn mời một trưởng lão Do Thái giáo, ông ta nhận lời. Tôi mời ông ta giảng sáu trăm điều giới luật của đạo Do Thái.

Chúng ta học kinh điển Phật giáo và cũng học kinh điển của tôn giáo khác, như thế sẽ hóa giải sự hiểu lầm, chẳng có đối lập, chẳng có xung đột, đó là biện pháp căn bản để hóa giải xung đột. Tôi tin tưởng học viện của chúng ta tiến hành một đôi ba năm, chúng ta học tốt đẹp, tôi tin các tôn giáo khác sẽ bị cảm động. Tôi tin tưởng trong tương lai họ đều phải học tập như vậy.

Phong khí này khởi lên, tốt lắm, các tôn giáo trên thế giới là một nhà, hóa giải xung đột, giúp ích cho xã hội yên ổn, thế giới hòa bình rất lớn. Do vậy, cơ sở tôn giáo, tự viện am đường Phật giáo, những giáo đường của các tôn giáo khác, mỗi ngày đều phải giảng kinh, giảng đạo, mỗi ngày các đồng tu cùng nhau học tập, cùng nhau chia sẻ tâm đắc, phong khí trở nên tốt đẹp!

9[3] Nguyên văn là A Hoanh (阿訇), đây là phiên âm của chữ Akhoond (Akhund, Akhwand), một từ ngữ có gốc từ tiếng Ba Tư, thường sử dụng tại Iran, A Phú Hãn, Azerbaijan và trong cộng đồng Hồi tộc (Dungans) tại Trung Hoa. Akhoond tương ứng với chữ Imam trong tiếng Ả Rập. Akhoond giữ vai trò hướng dẫn cầu nguyện, cử hành nghi lễ tôn giáo, dạy học trong các trường Hồi giáo. Điều đáng ngạc nhiên là hiện thời tại Iran, quê hương của từ ngữ Akhoond, từ Akhoond được xem như một từ ngữ mang nặng tính chất xúc phạm để chỉ những giáo sĩ đạo đức giả, kém cỏi, dốt nát, bại hoại!

10 [4] Koran (Quran, Qur'an, Alcoran, al-Qur'an) là kinh thánh của đạo Hồi, được xem là lời dạy trực tiếp từ Thượng Đế được thiên sứ Jibril (Gabriel) truyền cho tiên tri Mahomed trong vòng hai mươi ba năm kể từ năm 610 trước Công Nguyên khi Mohamed tròn 40 tuổi. Koran được biên tập bởi Caliph Abu Bakr một thời gian ngắn sau khi Mohamed chết. Truyền thống đạo Hồi tin Mohamed được trao truyền kinh Koran tại hang Hira trong vùng núi hoang.

Hiện nay, chúng ta dùng phương tiện truyền thông, dùng Internet, dùng vệ tinh truyền bá ra ngoài, để các đồng học hữu duyên trên thế giới cùng nhau chia sẻ. Ai là người nghe đều là người có duyên.

Thứ ba là “*lạc thanh tịnh tâm*”, (tâm an lạc, vui thích, thanh tịnh); chữ 樂 Lạc cũng có thể đọc là Nhạo, nó có hai nghĩa: vui và thích

“Dục linh nhất thiết chúng sinh đắc đại Bồ đề cố, nhiếp thủ chúng sinh sinh tử quốc độ cố. Bồ đề thị tất cánh thường lạc xứ, nhược bất linh nhất thiết chúng sinh đắc tất cánh thường lạc giả, tắc vi Bồ đề môn” (Vì muốn làm cho hết thảy chúng sinh đắc đại Bồ đề, nhiếp thủ chúng sinh sinh về cõi ấy. Bồ đề là chỗ thường vui rất ráo. Nếu chẳng làm cho hết thảy chúng sinh được thường lạc rất ráo, tức là trái nghịch Bồ đề môn).

Phải có cái tâm này, ưa thích, vui vẻ, mong mỏi hết thảy chúng sinh là khổ được vui, là khổ rất ráo, được vui rất ráo. Là khổ rất ráo là hết thảy các đau khổ đều xa là, vĩnh viễn chẳng còn nữa! Tâm ấy to lớn, đó là tâm của Phật, Bồ tát phổ độ hết thảy chúng sinh.

Quý vị ở trong lục đạo, dầu chỉ dạy quý vị, nỗ lực tu thiện, sinh lên trời vẫn chưa phải là là khổ được vui rất ráo. Thiện có lớn hay nhỏ khác nhau. Trong Tứ Huấn dành cho gia đình, tiên sinh Liễu Phàm đã giảng thiện có tám thứ, giảng rất tỉ mỉ. Quả báo khác nhau, có điều thiện khiến cho người

hành được phú quý trong nhân gian, có người hưởng thiện quả trong Dục Giới. Dục Giới có sáu tầng trời^{11[5]}, phúc báo khác nhau. Lên cao hơn còn có Sắc Giới Thiên, còn có Vô Sắc Giới Thiên, hưởng phúc trời, nhân gian chẳng có cách gì so sánh được. Có phải là rất ráo hay không? Không. Vì sao? Chúng sinh trong lục đạo đều có thọ mạng. Thọ mạng dài nhất chính là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên thuộc Vô Sắc Giới Thiên; đức Phật dạy: Người nơi ấy thọ mạng dài tám vạn đại kiếp. Một đại kiếp là một lần thế giới thành, trụ, hoại, không, thời gian dài như thế đó!

Thọ mạng tính bằng con số thiên văn như vậy. Tám vạn đại kiếp là thời gian tinh hệ, tức Thái Dương Hệ này thành, trụ, hoại, không tám vạn lần, nhưng đến lần thứ tám vạn thì sao? Đến lúc ấy, quý vị sẽ đọa lạc, chẳng thoát khỏi luân hồi, nghiệp bất thiện lại hiện tiền, chẳng biết sẽ đọa vào đâu. Do vậy, chẳng phải là rất ráo!

Thật sự có thể giúp quý vị vượt thoát lục đạo luân hồi là sinh vào tứ thánh pháp giới, tứ thánh pháp giới là Tịnh Độ, thọ mạng rất dài, nhưng chưa thể kiến tính. Chưa thể trở về tự tính, vẫn đau khổ! Nhưng người ấy hoàn toàn chẳng có những nỗi khổ trong lục đạo, hoàn toàn chẳng có tam khổ hay bát khổ. Vẫn chưa thể nói là người ấy được an vui rất ráo, an vui rất ráo nhất định phải là giúp người ấy thành Phật, cũng là giúp cho người ấy đại triệt đại ngộ, minh tâm

11[5] Sáu tầng trời trong Dục Giới là Tứ Vương Thiên, Đao Lợi Thiên, Diêm Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Tụ Tại Thiên, Tha Hóa Tụ Tại Thiên.

kiến tính thì mới thật sự giải quyết vấn đề; nhưng chuyện này há phải là chuyện dễ dàng ư?

Pháp môn Tịnh Tông thù thắng ở chỗ quý vị có thể thành tựu trong một đời, chẳng cần bước lên từng bậc một, khổ lắm, phiền phức lắm! Ngay trong một đời này, từ trong loài người bèn vượt thoát, chẳng cần phải trải qua sáu tầng trời Dục Giới, mười tám tầng trời Sắc Giới, chẳng cần thiết!

Từ trong nhân gian thoát ra, đó là “*hoành siêu*” (vượt thoát theo chiều ngang), có thể thành tựu trong một đời. Đây là nói chư Phật, Bồ tát “*dục linh nhất thiết chúng sinh đắc đại Bồ đề cố, nhiếp thủ chúng sinh sinh bĩ quốc độ*” (vì muốn làm cho hết thảy chúng sinh đắc đại Bồ đề, nhiếp thủ chúng sinh sinh về cõi ấy); “*cõi ấy*” chính là thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Quý vị thấy Phật Thích Ca Mâu Ni là như vậy, suốt đời giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, nói rất nhiều kinh, nói rất nhiều lý luận, rất nhiều phương pháp. Vì sao? Chúng sinh căn tính khác nhau. Giống như ăn thứ gì đó, khẩu vị mỗi người khác nhau, có người thích ăn ngọt, có kẻ ưa ăn cay. Đức Phật đại khai phương tiện môn, quý vị mong điều gì, Ngài bèn giúp quý vị điều ấy, thật sự khó có! Nhưng rất ráo chính môn niệm Phật này sẽ giúp cho quý vị đạt được sự vui rất ráo.

Thuở tại thế, đức Thế Tôn nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này, quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Chẳng phải là giảng

một lần! Như Tôi đã từng nói trước đây. Vì sao? Chúng ta hiểu ý nghĩa này sẽ thấu hiểu: Đức Phật nhiếp thủ chúng sinh, mà cũng là giúp Phật A Di Đà chiêu sinh. Phật A Di Đà giống như một vị hiệu trưởng; trường học được lập bên cõi Cực Lạc, mười phương chư Phật đều thay Phật A Di Đà chiêu sinh: Nếu muốn thật sự thành tựu viên mãn trong một đời, hãy đến nơi ấy. Vì thế, thế giới Tây Phương Cực Lạc là trường học, thiết bị của người ta rất tốt, hết thầy đều tề chỉnh, hoàn bị.

Quý vị chẳng thể tới đó, rồi ở lì nơi đó chẳng đi, đâu ra thể thống gì! Đó là trường học, chẳng phải là nhà của quý vị. Nếu quý vị nghĩ đó là quê nhà của mình, sau khi đến được đó, sẽ vĩnh viễn chẳng rời khỏi, có ý niệm ấy sẽ chẳng đến được, cõi ấy chẳng thu nhận quý vị! Nhất định là đến học, sau khi học xong, phải vào mười pháp giới, vào trong lục đạo của hết thầy các cõi Phật trọn khắp pháp giới hư không giới để giúp chúng sinh đến đó học. Ở cõi Cực Lạc, nhất định bồi dưỡng, huấn luyện quý vị chứng đắc vô thượng Bồ đề, đó cũng là Phật quả rất ráo. Sau đấy, quý vị mới rời khỏi, đến các nơi giáo hóa chúng sinh. Khi ấy, quý vị thật sự tìm được nhà, nhà ở nơi đâu? Trọn khắp pháp giới hư không giới là nhà của chính mình. Tất cả hết thầy chúng sinh và chính mình là một Thể, quý vị sẽ tự nhiên giúp những chúng sinh mê hoặc, điên đảo trở về tự tính.

Trở về tự tính, có ảnh hưởng đến chính mình hay chẳng? Thưa quý vị, chẳng hề ảnh hưởng mảy may. Vì sao? Người

ấy thật sự giác ngộ, chẳng bị ô nhiễm. Ngày nay, chúng ta bị ảnh hưởng là do công phu chẳng đủ, bèn chẳng chống đỡ được cảnh giới hiện tiền!

Quý vị nói giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức khá lắm, nhưng gặp phải danh vọng cao sang, lợi lộc trọng hậu, sẽ cầm lòng không được, biết rõ mà vẫn cố phạm, vẫn khởi tâm tham. Chẳng dễ dàng!

Thật sự giác ngộ, biết những thứ ấy là giả! Danh vọng cao sang, bảo quý vị làm Tổng thống, có muốn làm hay không? Chẳng làm!

Thời cổ, bảo quý vị làm hoàng đế, bèn trốn cho thật xa. Vì sao? Vì hiểu nhân quả, biết địa vị ấy chẳng dễ làm! Nếu làm chẳng tốt, trong tương lai sẽ bị ác báo, quý vị giữ chức vị này nhất định phải làm tốt. Làm tốt cũng chẳng có công. Vì sao?

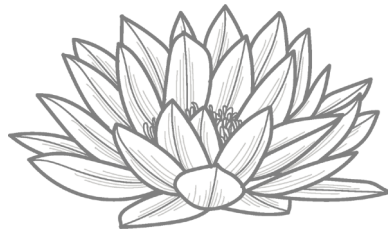
Quý vị phải làm những chuyện cần nên làm; nếu làm không tốt, nhất định bị đọa lạc, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Lợi lộc trọng hậu, quý vị có phúc báo lớn dường ấy hay chẳng? Nếu quý vị chẳng có phúc báo ấy, hễ của cải đưa đến thì đồng thời tai nạn cũng xảy đến, do không có phúc to như vậy!

Phúc do quý vị tu trong kiếp trước, chính mình nhất định phải hiểu điều này, điều gì chính mình chẳng đáng nên đạt được thì nhất định chẳng cầu; người ta cho quý vị, quý vị cũng đừng cần tới. Cho quý vị tức là họa hại đưa đến, quý vị có dám muốn hay chẳng? Có trí tuệ, hiểu nhân quả thì tiếng

tâm, lợi dưỡng bày ra trước mặt vẫn như như bất động, chẳng khởi tâm động niệm, đó là đúng!

Mới hiểu cổ nhân nói: *“Nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định”* (Một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng do định sẵn). Nếu trong mạng không có, dùng phương pháp gì quý vị cũng đều chẳng đoạt được, đều chẳng đạt được. Trong mạng có, quý vị chẳng cần phương pháp nào, mà đến lúc, nó sẽ được đưa tới. Cầu gì? Không cần cầu, tâm định rồi, hãy khéo tu đức.

Quý vị thật sự mong cầu, cầu của cải, cầu công danh, cầu phú quý. *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”* (trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). Phật dạy chúng ta cách cầu như thế nào? Bồ thí. Quý vị mong có được của cải, hãy tu Tài Bồ Thí, càng thí càng nhiều. Quý vị muốn được thông minh, trí tuệ, hãy tu Pháp Bồ Thí. Quý vị mong khỏe mạnh, trường thọ, hãy tu Vô Úy Bồ Thí.



TÍNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 24



Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang thứ hai mươi bốn, dòng thứ tư. Chúng ta xem từ câu đầu tiên.

“Thuận Bồ đề môn giả, Bồ tát viển ly như thị tam chủng Bồ đề môn tương vi pháp, tức đắc tam chủng tùy thuận Bồ đề môn pháp” (Thuận Bồ đề môn: Bồ tát xa lìa ba pháp trái nghịch Bồ đề như thế, liền đắc ba pháp tùy thuận Bồ đề môn). Phía trước câu này sót một chữ, tức chữ “*nhị*”, vì trong đoạn thứ nhất thuộc phần trước đã ghi: *“Tiên tu ly tam chủng dữ Bồ đề môn tương vi pháp”* (trước hết, cần phải lìa ba pháp trái nghịch Bồ đề môn) đã nói xong.

Ở chỗ này, tôi sẽ giảng về *“thuận Bồ đề môn”*. Thuận Bồ đề môn cũng có ba điều, tiếp đó, sách viết: *“Hà đẳng vi tam: Nhất giả, vô nhiễm thanh tịnh tâm, bất vị tự thân cầu an lạc cố. Bồ đề thị vô nhiễm thanh tịnh xứ, nhược vị tự thân cầu lạc, tức vi Bồ đề môn, thị cố vô nhiễm thanh tịnh tâm thị thuận Bồ đề môn”* (Những gì là ba? Một là tâm vô nhiễm thanh tịnh, chẳng cầu an lạc cho chính mình. Bồ đề là chỗ vô nhiễm thanh tịnh. Nếu cầu vui sướng cho bản thân chính là trái nghịch Bồ đề môn. Vì thế, tâm vô nhiễm thanh tịnh là Bồ đề môn).

Đề mục của đoạn lớn này là Nhất Kinh Tông Thú, nếu nói theo cách bây giờ, sẽ là y theo nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao của bộ kinh này. Nguyên tắc chỉ đạo này đã được nêu chung trong phần trước: *“Phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”*, đây là nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao trong Tịnh

Tông. Ở đây, vì chúng ta nói chi tiết: Đắc thanh tịnh tâm như thế nào? Đặc biệt là trong tiêu đề của bộ kinh này, nửa sau nói “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, nêu ra cương lĩnh tu hành.

Có Tông, đó là tông chỉ, tức tông chỉ tu học của bộ kinh này. “*Thú*” là quả, ta chiếu theo phương pháp này để tu, trong tương lai sẽ đắc quả báo ra sao. Cái quả nằm ngay trong nửa trước của tiêu đề kinh. Quý vị đạt được điều gì? Đạt được “*Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm*”, quý vị thấy quả báo này thù thắng lắm!

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói: “*Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng Như Lai*”, ai nấy đều có, vốn sẵn có. Do vậy, giáo pháp Đại thừa thường nói: “*Hết thấy chúng sinh vốn là Phật*”.

Nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa này của đức Phật, chẳng phải là mê tín. Phật là tiếng Ấn Độ, người Ấn Độ gọi là Phật, người Trung Quốc gọi là thánh nhân. Do vậy, Phật và thánh nhân có cùng một ý nghĩa. Từ “*thánh nhân*” của Trung Quốc nên giảng như thế nào? Thánh (聖) là thông đạt, hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, đó là “*thánh*”. Chữ Phật trong tiếng Ấn Độ nghĩa là Giác, cũng là hoàn toàn giác ngộ, hiểu rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ; đúng là có cùng một ý nghĩa. Phật giáo truyền tới Trung Quốc, chữ này được dịch âm.

Nói thật ra là có thể dùng chữ Thánh của tiếng Hán để dịch. Có những đoạn kinh văn trong Phật pháp, gọi Phật là Đại Thánh, điều này rất thích hợp với “*khẩu vị*” của người

ảnh hưởng Hán tự, Đại Thánh Thích Ca Mâu Ni. Vì thế, quý vị hiểu rõ văn tự, sẽ chẳng nói Phật giáo là mê tín.

Quý vị chẳng hiểu ý nghĩa, tưởng Phật là thần, Bồ tát là thần, La Hán là thần, hoàn toàn sai lầm! Trong Phật giáo, Phật, Bồ tát, A La Hán là những danh xưng học vị: Phật là tối cao, người Trung Quốc gọi là Thánh. Cấp thấp hơn thánh nhân là hiền nhân, cấp thấp nhất là quân tử. Trong Phật pháp cũng có ba đẳng cấp, tối cao là Phật Đà, thứ nhì là Bồ tát, kém hơn nữa là A La Hán. Ba danh xưng học vị, chớ nên không hiểu rõ!

Sự giáo học của Phật nhằm mục tiêu cuối cùng, tốt bậc là dạy chúng ta trở về tự tính. Vì sao? Tự tính viên mãn. Cổ đức dạy chúng ta: Bản tính vốn lành, Phật gọi là tự tính, còn gọi là bản tính. Hai câu đầu tiên trong *Tam Tự Kinh* là: “*Nhân chi sơ, tính bản thiện*” (Tính con người thoát đầu vốn lành), quý vị làm thế nào để trở về bản thiện thì sự giáo học này sẽ đạt được!

Vì sao chẳng thấy bản thiện? Vì quý vị có tập tính bất thiện. *Tam Tự Kinh* nói rất rõ ràng: “*Tính tương cận, tập tương viễn*” (Tính thì gần giống nhau, do được giáo dục mà trở thành khác xa). Tính của mọi người đều như nhau, đều là chí thiện. Thiện ấy chẳng phải là thiện trong thiện ác, phải hiểu rõ: Thiện ấy là danh từ nhằm ca ngợi nó quá hoàn mỹ, chẳng có một chút khiếm khuyết nào.

Trong tự tính có vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, nay chúng ta nói tới tướng hảo là nói tới

phúc báo, vô lượng phúc báo mà chính quý vị vốn có, vì sao mất đi? Nay ở trong thế gian này, chúng ta thấy trí tuệ bất bình đẳng, đức hạnh cũng chẳng bình đẳng, phúc báo cũng không bình đẳng, do duyên có nào? Do nghiệp chướng của chính quý vị có dày hay mỏng khác nhau. Nghiệp chướng dày, thông minh, trí tuệ kém sút; nghiệp chướng mỏng, thông minh trí tuệ hơn một chút. Do vậy, trí tuệ và đức tướng đều như nhau, nhưng vì phiền não có dày, mỏng, cạn, sâu khác nhau, cho nên lộ ra chẳng giống nhau.

Giáo học của Phật Đà chẳng có gì khác, nhằm dạy chúng ta xa lìa tập khí phiền não, buông xuống, thấy đều buông xuống, quý vị sẽ thành Phật, sẽ hoàn toàn khôi phục. Phiền não tập khí vô lượng vô biên, Phật Thích Ca Mâu Ni quy nạp thành ba loại lớn, nhằm mục đích dễ nói hơn, dễ giảng hơn trong khi dạy học. Mỗi loại đều là vô lượng vô biên, chẳng thể tính đếm được:

- Loại thứ nhất gọi là Vô Minh phiền não, kinh *Hoa Nghiêm* gọi loại này là vọng tưởng, còn trong giáo pháp Đại thừa gọi nó là Vô Minh phiền não; đây là một loại.

- Loại thứ hai là Trần Sa phiền não. Trần Sa là tỷ dụ các phiền não ấy nhiều như bụi, cát; trong kinh *Hoa Nghiêm*, chúng được gọi là phân biệt. Vì thế, phân biệt là phiền não, tức Trần Sa phiền não.

- Loại lớn thứ ba gọi là Kiến Tư phiền não. Kiến là kiến giải của quý vị sai lầm, Tư là tư tưởng, quý vị nghĩ trật rồi,

ngĩ sai chân tướng sự thật rồi, thấy sai rồi. Điều này gọi là Kiến Tư phiền não. Kinh *Hoa Nghiêm* gọi loại này là chấp trước, chấp trước là Kiến Tư phiền não.

Quý vị có thể buông chấp trước xuống, sẽ chứng quả A La Hán, được gọi là bậc A La Hán, đã đạt được học vị thứ nhất, chẳng chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Nếu tiến hơn một bước nữa, không chỉ chẳng chấp trước, mà phân biệt cũng không có, quý vị là Bồ tát, đạt được học vị thứ hai. Học vị tối cao là lục căn đối với cảnh giới lục trần chẳng khởi tâm, không động niệm, đấy là chẳng có Vô Minh phiền não. Vô Minh phiền não là khởi tâm động niệm; chẳng khởi tâm, không động niệm, quý vị sẽ thành Phật, đạt được học vị tối cao. Đó là ba danh xưng học vị.

Do vậy, các đồng học nhất định phải biết, hiện nay Phật giáo biến thành tôn giáo, chúng ta đều là tội nhân đối với Phật Thích Ca Mâu Ni. Có sao hai ngàn năm trăm năm sau khi lão nhân gia (Ngài) nhập diệt, giáo học đã biến thành tôn giáo? Chúng ta phải biết: Chúng ta chẳng trọn hết trách nhiệm. Thuở tại thế, Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng dính líu gì đến tôn giáo, mười chín tuổi cầu học, tham học, ba mươi tuổi khai ngộ. Nhưng sau khi khai ngộ, đức Thế Tôn liền giáo học, suốt đời làm công tác này.

Thân hành, ngôn giáo, Ngài thật sự làm được, làm được toàn bộ những điều Ngài đã giảng. Nếu Ngài làm không được, sẽ chẳng nói; hễ nói ra, đều thật sự làm được, nêu

gương tốt cho mọi người chúng ta. Dạy bao lâu? Dạy suốt cả đời, bảy mươi chín tuổi viên tịch. Vì thế, trong kinh giáo, thường thấy ghi: *“Giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm”*.

Từ ba mươi tuổi bắt đầu, đến khi viên tịch, sống một ngày bèn dạy một ngày, vui thích dạy dỗ chẳng mệt mỏi. Nói theo bây giờ, Ngài mang thân phận gì? Giáo dục đa nguyên văn hóa! Có thể nói là đa nguyên, vì Ngài chẳng phân biệt quốc gia, tôn giáo, tín ngưỡng, cũng chẳng phân chia dân tộc, là một nhà giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, thật sự mang thân phận ấy.

Chính Ngài thì sao? Chính Phật là một người thực hiện nghĩa vụ công tác giáo dục xã hội đa nguyên, chẳng lấy học phí, cuộc sống rất đơn giản, trưa ăn một bữa, ngủ dưới cội cây. Ăn cơm từ chỗ nào? Khất thực, đúng là *“nhất bát thiên gia phạn”* (một bát cơm ngàn nhà), lời này là sự thật!

Quý vị mở kinh điển ra xem, sẽ thấy: Các vị đệ tử thường theo Phật chẳng rời, một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, mỗi người đều ra ngoài khất thực. Khất thực chẳng phải là ta xin được bèn ăn, chẳng phải vậy! Trở về đổ dồn cơm vào với nhau, sau đấy, chia ra ăn. Do vậy, cơm trong bát của mỗi người đều là do xin từ ngàn nhà về.

Chúng ta liễu giải chân tướng sự thật này, biến Phật giáo thành tôn giáo là do lũ học trò đời sau chúng ta đại bất hiểu, có sao biến Phật giáo thành ra nông nổi này? Là học trò thật

sự của đức Phật, phải khôi phục diện mạo vốn có, diện mạo vốn có của Phật giáo là giáo học.

Phật giáo truyền tới Trung Quốc là do hai vị đại đức Ma Đằng và Trúc Pháp Lan đến Trung Quốc. Thuở ấy, Hán Minh Đế bái họ làm thầy; do vậy, họ biến thành quốc sư. Họ vốn đều là khất thực, đều ngủ dưới cội cây, nay làm thầy hoàng thượng; tại Trung Quốc, nếu thầy của hoàng thượng ra ngoài khất thực, đến ngủ dưới cội cây, người ta sẽ chửi bới hoàng đế chết mất! Người làm hoàng đế kiểu gì? Làm sao có thể khiến cho thầy nhà người sống như vậy được!

Do vậy, sau khi đến Trung Quốc, họ đành bỏ truyền thống xưa ấy, quý vị thấy: Hằng thuận chúng sinh, tùy thuận tập quán của dân bản địa. Hoàng thượng cũng ban cho họ cung điện, dựng chùa (tự).

“Tự” là gì? Quý vị phải biết: Tự (寺) là cơ cấu làm việc của chính phủ, là một cấp hành chính trực thuộc hoàng đế cai quản, đó là Tự. Quý vị tới thăm Cố Cung. Trong Cố Cung có rất nhiều tấm biển, như *Hồng Lô Tự*, *Thái Thường Tự*, đấy đều là các đơn vị cấp dưới của hoàng đế, do hoàng đế trực tiếp quản trị, gọi là Cữu Tự. Trưởng quan của chín tự gọi là Khanh, Tam Công Cữu Khanh. Tam Công ^{12[6]} là cố vấn của hoàng thượng, địa vị rất cao. Cữu Khanh là thủ trưởng đơn vị ở dưới họ một cấp.

12[6] Tam Công là ba chức quan phù tá tối cao của nhà vua, được thiết lập từ đời Châu, gồm Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo. Đến đời Hán, Tam Công là Thừa Tướng (về sau đổi thành Đại Tư Đồ), Thái Úy, Ngự Sử Đại Phu (về sau đổi thành Đại Tư Không). Nhà Hậu Hán gọi Thái Úy, Tư Đồ, Tư Không là Tam Công. Đến đời Tống Huy Tông, lại đổi Tam Công thành Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo. Về sau, với sự hình thành lục bộ và vai trò ngày càng lớn của Tể Tướng, Tam Công chỉ còn là chức quan danh dự tặng cho các vị cố vấn cao cấp.

Thập niên 70, ông Thang Ân Tử (Arnold J. Toynbee), một nhà sử học người Anh, nói: *“Giải quyết vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc và Đại thừa Phật pháp”*. Điều này do người khác nói, chẳng phải do tôi nói. Nói thật sự có lý.

Ngày nay, chúng ta khôi phục nền giáo dục của đức Phật bằng cách nào? Phật giáo là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo. Truyền thống Trung Quốc chắc chắn chẳng tách lìa Nho, Thích, Đạo. Nho, Thích, Đạo trên hình thức thì có, trên thực tế đã chẳng còn nhìn thấy nữa! Người học Nho cũng học Đạo và Phật, người học Phật cũng học Nho và học Đạo, môn nào cũng đều thông, thứ gì cũng đều hiểu. Đây là một nhận thức căn bản đối với văn hóa truyền thống mà chúng ta phải hiểu rõ, phải minh bạch.

Hiện thời, muốn khôi phục, chẳng cần phải dựng chùa miếu, đó là cách làm trong thời đại đế vương trước kia, không cần tạo dựng hình thức ấy. Hiện thời, những chùa miếu ấy là cổ tích, là nơi để văn cảnh du lịch, có đặc tính hấp dẫn lịch sử, chuyện ấy tốt lắm, nhưng chẳng thể dạy học. Cần xây dựng trong hiện thời là trường học.

Trước kia, tôi thường gặp cụ Triệu Phác Sơ^{13[7]}. Hầu như hàng năm, tôi đều về thăm cụ. Tôi đề nghị với cụ, hiện tại giao thông thuận tiện, truyền thông phát triển, Phật giáo

13[7] Triệu Phác Sơ (1907-2000) là một nhân vật đặc biệt của Trung Quốc, ông là một nhà hoạt động xã hội, lãnh tụ tôn giáo, thi nhân, chuyên gia thư pháp, đồng thời là một cư sĩ Phật giáo hữu danh. Ông quê ở huyện Thái Hồ, tỉnh An Huy, từng đảm nhiệm chức vụ Hội Trưởng Hội Phật Giáo Trung Quốc, kiêm Chủ tịch Hội Nhà văn Trung Quốc, Hội trưởng Danh dự của Hội Hồng Thập Tự Trung Quốc.

Trung Quốc là mười tông phái, mười tông phái đều khôi phục, mỗi tông phái thành lập một đạo tràng, giống như viện đại học tại ngoại quốc, tìm một cuộc đất thuận lợi để xây dựng, thành lập viện đại học, chia thành hai bộ phận: Một bộ phận là Giải môn, bộ phận kia là Hành môn.

Về danh xưng, lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã từng đề nghị, đề nghị ấy hết sức hay! Bộ phận tu hành gọi là Học Hội, chúng ta là Tịnh Độ Tông thì Tịnh Tông Học Hội là bộ phận tu hành, còn bộ phận nghiên cứu lý luận và kinh điển được gọi là Tịnh Tông Học Viện. Đối với Thiên Thai Tông thì là Thiên Thai Học Hội và Thiên Thai Học Viện.

Đây là danh xưng được hiện đại hóa, mọi người vừa nhìn vào liền liễu giải, đó là đúng. Hoa Nghiêm Học Viện, Hoa Nghiêm Học Hội, danh xưng ấy khiến cho người ta chẳng mê hoặc tí nào. Đây là một đề nghị hết sức hay! Nếu chúng ta thật sự hiểu, thật sự làm, có như vậy thì mới có thể phục hưng văn hóa truyền thống Trung Quốc, tối thiểu Trung Quốc sẽ có một ngàn năm hưng thịnh xuất hiện, ngàn năm thịnh vượng và ổn định lâu dài.

Trong thời kỳ Mật pháp, trong giáo pháp Đại thừa, kinh *Vô Lượng Thọ* thù thắng khôn sánh. Chúng tôi vừa nói đến đề kinh, quý vị thấy cái tâm thanh tịnh và quả báo đạt được do tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là nhân, quả là trang nghiêm, trang nghiêm là đẹp đẽ, tốt lành. Tâm bình đẳng là định, là tam-muội, quả báo là vô lượng thọ, đó là đức. Sau đó là giác,

giác chứ không mê; quả báo là Đại thừa. Đại thừa là trí tuệ. Kinh *Hoa Nghiêm* nói: Tự tính vốn trọn đủ đức tướng Bát nhã. Đức là vô lượng thọ, tướng là trang nghiêm, trí tuệ Bát nhã là Đại thừa, những nhân và quả này đều được đặt trong tiêu đề kinh; tu nhân, chứng quả, đấy là Tông Thú của kinh này.

Điều đầu tiên được dạy trong kinh này là: Vô nhiễm là tâm thanh tịnh. Nhiễm là ô nhiễm; nay tâm chúng ta chẳng thanh tịnh. Vì sao? Có chấp trước, có phân biệt, có phải như vậy hay không? Nói đơn giản thì chấp trước cái thân là ta, đó là ô nhiễm.

Quý vị còn có Thân Kiến, đó là cái ải đầu tiên, chấp trước thân là ta. Đức Phật nói thân này chẳng phải là ta. Thân là gì? Thân là “ngã sở”, tức là cái mà ta có. Giống như y phục, y phục là cái ta có, chẳng phải là ta, mọi người hiểu điều này dễ dàng. Y phục dơ bẩn thì thay bộ khác. Cùng một đạo lý, thân chẳng phải là ta, thân là cái mà ta có, sử dụng vài chục năm, giống như một cỗ máy, chẳng sử dụng ngon lành nữa thì đổi lấy cái mới, đổi lấy một thân thể mới. Đó là đúng!

Người thật sự có công phu, các khoa học gia hiện thời bảo: Tế bào của con người, tức tế bào trong thân thể, cứ bảy năm là một chu kỳ, mỗi ngày chúng đều thay đổi. Sau bảy năm, những tế bào cũ đều chẳng còn, đổi mới toàn bộ. Nếu chúng ta hỏi, vì sao nó càng thay đổi càng tẻ? Lão hóa, chứ không phải là tẻ đi. Càng thay đổi càng chẳng được lành lợi, sáng suốt, vì sao chẳng đổi thành một cỗ máy mới?

Nếu đổi thành cỗ máy mới, quý vị sẽ trường sinh bất lão. Vì sao lại càng thay đổi càng kém cỏi? Quý vị suy nghĩ đạo lý này sẽ hiểu: Thuở nhỏ ngây thơ, từ mười tuổi đến hai mươi tuổi, từ bảy tuổi tới mười bốn tuổi, hai mươi mốt tuổi, mỗi lúc thay đổi, gần như đều là đổi mới, không có gì sai khác, thật là tốt.

Sau hai mươi tuổi, cứ mỗi bảy năm sau chẳng bằng bảy năm trước đó. Vì sao? Vì tự tư tự lợi dấy lên, vì vọng niệm dấy lên, chạy theo dục vọng, tham, sân, si, mạn, nên càng thay đổi càng kém cỏi hơn, càng già hơn, chấp trước càng nghiêm trọng, càng kém hơn, đạo lý là như thế đó. Tế bào trên thân thể thay đổi, nghe theo lệnh của ai? Nghe theo ý niệm của chúng ta. Do vậy, nếu quý vị thật sự đắc thanh tịnh tâm, sự thay đổi toàn là tốt đẹp. Cũng có nghĩa là quý vị chẳng có tướng già yếu. Nếu quý vị đắc tâm bình đẳng, khi thay đổi sẽ gần giống như đổi mới.

Chúng ta nói: *“Bồ tát niên niên thập bát”* (Bồ tát mỗi năm đều là mười tám). Bồ tát thay đổi thân tướng, do có tâm bình đẳng, các Ngài không chỉ thanh tịnh, mà còn đạt đến bình đẳng, thanh tịnh là tâm A La Hán, bình đẳng là tâm Bồ tát. Giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, đó là tâm Phật. Vì thế, *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”* là ba giai đoạn, họ hiểu được. Phàm nhân chúng ta lo được, lo mất, tham lam không chán, nên càng thay đổi càng tệ; năm sáu chục tuổi đã suy, hoàn toàn không biết đến chân tướng sự thật nên mới sinh ra hậu quả như thế.

Quý vị thấy Bồ tát dạy chúng ta tu Tịnh Độ, mục tiêu cuối cùng là cầu sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Cầu sinh về thế giới Cực Lạc, điều kiện khẩn yếu thứ nhất, chư vị phải ghi nhớ, trong kinh thường nói: *“Tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh”*.

Tâm địa quý vị chẳng thanh tịnh, suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, mỗi ngày niệm mấy chục vạn tiếng, chẳng nhất định có thể vãng sinh. Vì sao? Tâm không thanh tịnh. Tới thế giới Cực Lạc để làm gì? Hưởng thụ! Thế giới Cực Lạc tốt đẹp quá, ta đến đó hưởng phúc, do ý niệm này sẽ chẳng thể vãng sinh, do quan niệm ấy hoàn toàn trái nghịch thế giới Cực Lạc!

Cần biết: Thế giới Cực Lạc là trường học, quý vị cũng chẳng thể xem trường học là nhà mình. Bước vào trường, chẳng nghĩ sẽ rời khỏi, chẳng thể được! Sau khi tốt nghiệp, nhất định phải rời khỏi, nơi ấy là chỗ bồi dưỡng, huấn luyện quý vị thành Phật, quý vị đến học chứ không phải đến để hưởng phúc!

Sau khi thành Phật, phải rời khỏi. Rời khỏi để đến đâu? Đến mười phương thế giới giáo hóa chúng sinh, chẳng thể quyến luyến mãi nơi ấy. Quý vị có một động cơ như vậy, không chỉ Phật A Di Đà chẳng tiếp dẫn quý vị, mà cư dân trong thế giới Cực Lạc cũng phản đối quý vị, làm sao quý vị đến được? Do vậy, điều kiện đầu tiên là tâm vô nhiễm, thanh tịnh.

Đã nhiều năm qua, tôi thường khuyên mọi người, chúng ta học Phật điều đầu tiên là học thanh tịnh. Tôi nêu ra lời

khuyên: buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông ngũ dục lục trần xuống, buông tham, sân, si, mạn, xuống! Thật sự làm được những điều này, có nhập môn hay không? Thưa quý vị, chưa nhập môn!

Tôi nói rất minh bạch, chớ nên hiểu lầm lời tôi nói. Tôi đã dẫn quý vị đến cửa ngõ, đưa tới cửa ngõ.

Nhập môn thì sao? Phải thỏa điều kiện nêu trong kinh Phật, tức là phải buông Thân Kiến xuống. Cái thân này thật sự chẳng phải là ta, đừng vì thân này tạo nghiệp nữa. Đó là đúng! Quý vị mới có thể hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức, quyết định chẳng vì thân này nữa, thân bỏ đi. Điều thứ hai là phải buông Biên Kiến xuống. Nói đơn giản, Biên Kiến là đối lập. Chẳng còn đối lập với người khác, người khác đối lập với ta, nhưng ta chẳng đối lập với họ. “*Biên*” (邊) là nhị biên (二邊), không chỉ chẳng đối lập với hết thảy mọi người, mà với hết thảy động thực vật cũng chẳng đối lập. Đối với núi, sông, đại địa cũng chẳng đối lập, đối với hiện tượng tự nhiên cũng không đối lập, ý niệm đối lập chẳng có.

Quý vị phải hiểu: Buông ý niệm đối lập xuống, đó là cảnh giới gì? Khấp pháp giới hư không giới và chính mình là nhất thể, nhất thể chẳng đối lập, đối lập chẳng phải là nhất thể. Trong đối lập nảy sinh phiền não, căn nguyên của tất cả hết thảy phiền não do đây sinh ra. Do vậy, phải buông nó xuống! Lại còn phải buông thành kiến xuống.

Phật pháp chia “thành kiến” thành hai loại lớn: Một là thành kiến nơi nhân. Hai là thành kiến nơi quả. Chẳng có thành kiến, con người đạt đến mức không có thành kiến, sẽ xử sự, đãi người, tiếp vật thuận buồm xuôi gió. Vì sao? Chính mình chẳng có ý nghĩ gì, người khác đều tốt, nhưng quý vị có trí tuệ, có thể phán đoán. Người khác đề ra điều gì tốt đẹp, quý vị nhất định phục tùng, nhất định tùy thuận. Người khác nêu ra thứ gì bất thiện, quý vị có thể uốn nắn, khuyên lơn kẻ ấy; nếu nhận thấy kẻ ấy chẳng thể lý giải, chẳng thể tiếp nhận, bèn cười cho qua.

Tận hết sức tránh né hậu quả, tức hậu quả của cái nhân bất thiện ấy, đó là đúng, vĩnh viễn vui sướng. Đây mới là thật sự nhập môn, nhập pháp môn của Phật.

Nhập Phật môn: Trong Tiểu thừa nhập môn là đã chứng quả Tu Đà Hoàn, tức Sơ Quả của Tiểu thừa. Trong Đại thừa, như kinh *Hoa Nghiêm* đã giảng, nhập môn thuộc địa vị Sơ Tín trong hàng Thập Tín Bồ tát của Viên giáo. Thập Tín là Tiểu học, quý vị đã vào học lớp Một Tiểu học. Tôi nói buông xuống để dẫn quý vị đến cửa lớp Một. Quý vị sử dụng tiêu chuẩn ấy của Phật sẽ vào lớp. Hễ vào rồi, tuy rất thấp, địa vị rất thấp, nhưng quý vị cũng rất lỗi lạc, được gọi là thánh nhân, tiểu thánh, một vị thánh nhỏ nhoi. Tuy là thánh nhân nhỏ nhoi, chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, nhưng chắc chắn chẳng đọa trong tam ác đạo, quý vị được bảo đảm, sinh trong cõi trời hay nhân gian bảy lần, chắc chắn chứng A La Hán,

cũng có nghĩa là: Địa vị của quý vị ngày được nâng cao hơn, sẽ chẳng thoái chuyển.

Trong ba thứ Bất Thoái, quý vị chứng đắc Vị Bất Thoái, tiến bộ mỗi ngày. Quý vị là một vị Bồ tát nhỏ. Trong kinh *Kim Cương*, đức Phật đã nói rất hay: Đức Phật căn dặn hàng đại Bồ tát phải thường chăm nom hàng tiểu Bồ tát. Tiểu Bồ tát định lực chẳng đủ, có khi vẫn phạm tội lỗi, cho nên bậc đại Bồ tát thường chiếu cố quý vị. Đầu tiên là quyết định chẳng cầu an lạc cho chính mình, nơi nào có tai nạn, quý vị đừng nên tránh né, mà hãy vội vã tới đó, tận tâm tận lực giúp đỡ họ.

Hiện thời, trên địa cầu này có tai nạn, đức Phật dùng phương pháp gì để giúp họ? Giáo học! Phải biết: Giảng kinh, giáo học là phương thuốc bí truyền để hóa giải tai nạn. Quý vị phải dạy họ vì tính họ vốn lành, quý vị phải hiểu đạo lý này, bất thiện là tập tính. Giảng rõ ràng, giảng minh bạch, họ sẽ buông bất thiện xuống, tìm lại bản thiện, đó là thành công, đã đạt được mục đích giáo dục.

Người dẫu hư hỏng cách mấy, kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác vẫn có bản thiện, chỉ là nhất thời hồ đồ làm quấy, quý vị tha thứ, khéo dạy dỗ kẻ ấy, dạy kẻ ấy quay đầu; chớ nên bỏ mặc! Bỏ mặc kẻ ấy tức là quý vị giáo dục thất bại.

Ở nước ngoài, tôi không muốn dạy học trong nhà trường; tôi rất thích chuyện trò với những vị giáo sư lâu năm, mở những cuộc tọa đàm cùng họ. Tôi bảo họ, Trung Quốc từ

xưa xem trọng giáo dục nhất. Điều đầu tiên trong giáo dục Trung Quốc là khẳng định “con người tính vốn lành”, dạy học chẳng có gì khác, ngoài việc làm cho người ấy từ tập tính trở về bản tính.

Nếu nói “đưa học trò này quá hư hỏng, chẳng thể dạy được, phải khai trừ nó”, tức là dạy dỗ thất bại. Quý vị phải biến học trò hư hỏng thành học trò ngoan hiền, quý vị mới giáo dục thành công. Chẳng thể dạy, khai trừ, tức là trò chẳng có khuyết điểm, mà là chính quý vị có khuyết điểm: Thiếu năng lực, thiếu đức hạnh, chẳng thể cảm hóa nó. Đó là quý vị thất bại, chẳng phải học trò, học trò chẳng có khuyết điểm! Những điều này chẳng phải do tôi nói, mà do cổ thánh tiên hiền đã nói. Dạy chẳng thành công, hãy trách chính mình! Cổ nhân nói: *“Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ”* (làm không được, hãy xét lại mình), quý vị mới có thể giải quyết vấn đề. Do vậy, tu dưỡng đức hạnh của chính mình, nâng cao cảnh giới của chính mình, tự nhiên sẽ có thể cảm hóa thế hệ kế tiếp. Giáo dục Phật giáo chú trọng nhất là chuyện nâng cao, tức là nâng cao linh tính của chính mình.

Vì thế, điều đầu tiên, bất luận là tại gia học Phật hay xuất gia học Phật, đều phải ghi nhớ *“chẳng cầu an lạc cho bản thân”*. Cầu an lạc cho bản thân, dầu đạt được an lạc, vẫn có những tác dụng phụ rất phiền phức, tác dụng phụ sẽ dẫn đến bệnh tật, tai nạn. Phật Thích Ca Mâu Ni đã nêu gương cho chúng ta: Vì hết thấy chúng sinh giáo học. Lợi ích lớn nhất, công đức thù thắng nhất là giáo học: *“Học vi nhân sự, hành*

vi thế phạm” (học làm thầy người, hành vi làm khuôn mẫu cho cõi đời). Vì thế, “*vô nhiễm thanh tịnh tâm*”, để làm được điều đầu tiên là vô nhiễm thì tâm thanh tịnh mới có thể đạt được. Chỉ cần ô nhiễm về mặt tinh thần hay vật chất, thấy đều rời khỏi, quyết định chẳng bị tiêm nhiễm. Hiện thời, ô nhiễm phổ biến nhất, nghiêm trọng nhất là gì? TV, Internet hại chết người!

Gần như năm mươi năm tôi chẳng xem TV, chẳng đọc nhật báo, chẳng xem tạp chí, chẳng nghe radio. Mỗi ngày tôi đọc kinh, đọc những tác phẩm của thánh hiền. Vì thế, người khác hỏi tôi, đối với tôi, thiên hạ thái bình, chẳng có chuyện gì! Quý vị có chuyện, chứ tôi chẳng có gì. Vì thế, chỉ cần chúng ta chịu xa lìa, liền đạt được cái tâm thanh tịnh. Chúng tôi sống mỗi ngày vui vẻ, thanh tịnh lắm!

Tâm thanh tịnh sinh trí tuệ, trí tuệ có thể giải quyết vấn đề, chẳng để lại hậu quả! Tri thức không được, tri thức giải quyết vấn đề, nhưng sau đó để lại hậu quả. Hơn nữa, tri thức giải quyết vấn đề cục hạn, chẳng viên mãn, chúng ta chớ nên không biết điều này!

Tiếp điều thứ hai là: “*An thanh tịnh tâm, vị bất nhất thiết chúng sinh khổ cố*” (Tâm an, thanh tịnh, vì dẹp khổ cho hết thấy chúng sinh). Đó là cứu khổ, cứu nạn. Dùng phương pháp gì giúp cho hết thấy chúng sinh được bình an?

Quý vị thấy trong xã hội hiện tại, lòng người bất an, không định được, chẳng tĩnh được, mỗi cá nhân đều có phiền não

khá nghiêm trọng, làm như thế nào đây? Chúng ta biết ô nhiễm quá nghiêm trọng, do những gì tạo thành? Nói thật ra, do TV tạo thành, do Internet tạo thành. Internet và TV là đại ma vương, rất đáng sợ!

Trong quá khứ, thầy Phương bảo tôi những thứ này có thể hủy diệt một quốc gia, hủy diệt dân tộc, quý vị chớ nên không cẩn thận đối với nó. Thầy nói trong tương lai, nước Mỹ bị diệt vong thì nhân tố đầu tiên là TV. Khi ấy, thầy đã cảnh cáo chính phủ Đài Loan phải cẩn thận. Lúc đó, Đài Loan vừa mới khởi đầu, nếu đi theo nếp sống của Mỹ sẽ bị hủy diệt trong tương lai. TV hủy diệt thế hệ kế tiếp, hủy diệt những kẻ trẻ tuổi, TV dạy gì vậy? Bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối, học từ nhỏ, kinh khủng quá! Hoàn toàn trái nghịch Tính Đức; nhưng người trong xã hội và những kẻ chịu trách nhiệm trong chính phủ hoàn toàn chẳng có ý thức về vấn đề nghiêm trọng này.

Khi tôi phỏng vấn tại Mã Lai, vị Thủ tướng trước kia là Mã Cáp Địch (Mahathir Bin Mohamad) cũng từng bàn với tôi về vấn đề này. Ông ta nói vấn đề này hết sức nghiêm trọng. Nhất là sau khi kỹ thuật mã hóa (digitalized) ra đời, quý vị thấy một con chip nhỏ ngần ấy, mà chứa đựng biết bao thông tin. Nhưng hiện thời, những thông tin ấy đều chẳng tốt, đều là bất thiện, đều làm hỏng con người, vấn đề này nghiêm trọng lắm! Ông ta còn tìm người nhắc tôi, mong trong lần phỏng vấn thứ hai sẽ thảo luận với ông ta về vấn đề này trong một thời gian dài; đấy cũng là một người hữu tâm.

Con người hiện thời một mực mê muội truy cầu danh lợi, tranh danh trục lợi, đạt được gì? Dầu có đạt được, khổ chẳng thể nói nổi, lo được, lo mất. Khi chưa đạt được thì mong đạt được; khi đã đạt được, lại sợ mất đi, làm sao an tâm cho được?

Không thể nào an, tâm không thanh tịnh sẽ không an, con người như vậy sống khổ sở quá! Vì thế, Phật, thánh nhân dạy chúng ta phương pháp: Chúng ta muốn cứu xã hội, thế giới, và địa cầu này thì dùng phương pháp gì? Giảng kinh, giáo học, vẫn là câu nói cũ rích này! Càng nghĩ, càng thấy có lý.

Quý vị giảng kinh, giáo học, nhằm đánh thức giác tính của con người, đánh thức bản thiện, chỉ cần người ấy giác ngộ, quay đầu, tâm người ấy sẽ định, trí tuệ mở mang. Đối với những thứ hư giả, tiếng tăm, lợi dưỡng là giả, tiền tài dầu nhiều đến mấy, cũng vẫn là ngày ăn ba bữa, đêm ngủ nằm một chỗ dài rộng sáu thước ư! Nếu liễu giải chân tướng sự thật, quý vị truy cầu những thứ ấy để làm gì? Khổ chẳng thể nói nổi!

Áo cơm đầy đủ là được rồi. Mỗi ngày có thể ăn no, quần áo mặc ấm, có một căn nhà nhỏ để đụt mưa, tránh gió, quý vị nói có phải là sung sướng lắm hay không? Nhà to, mỗi ngày phải tốn không ít thời gian để quét tước, dọn dẹp!

Tôi ở Mỹ rất nhiều năm, những đồng học bên ấy làm ăn khá lắm, mua một căn nhà to. Thứ Sáu và thứ Bảy không đi làm, họ ở nhà làm gì? Dùng thời gian cả ngày để dọn dẹp nhà

cửa. Nếu quý vị không dọn dẹp, cảnh sát sẽ thay quý vị dọn dẹp, phạt tiền quý vị. Đó là người làm đầy tớ cho nhà cửa, quý vị phải hầu hạ nó.

Quý vị mua một căn nhà nhỏ khỏe hơn, tốn một hai tiếng đồng hồ đã dọn dẹp sạch sẽ, ngăn nắp, mới có thời gian rảnh rỗi để hưởng thụ. Người đọc sách thật sự, bậc cao nhân, dựng một túp lều tranh nhỏ ở nông thôn, thoải mái cùng cực.

Tôi nhớ thuở bé sống ở nông thôn, ở trong căn nhà tranh, vách đất, tôi rất lưu luyến. Căn nhà tranh ấy quý vị thấy chẳng vừa mắt, nhưng Đông ấm, Hè mát, rất thoải mái, tường rất dày đến hai ba thước, đắp bằng đất, mái lợp bằng cỏ tranh rất dày. Con người sống nơi ấy tâm địa thanh tịnh, trường thọ. Con người hiện thời nói là từ trường khác nhau. Hiện thời, một tòa cao ốc bao nhiêu người ở? Từ trường rất hỗn loạn, rất phức tạp.

Ở nông thôn, gần bên túp lều tranh không có ai, rất xa mới có nhà người khác, làm sao giống nhau cho được? Giúp đỡ người khác bằng thân hành, ngôn giáo. Chúng ta dùng thân mình tận lực thực hiện, thật sự thực hiện giáo huấn của cổ thánh tiên hiền trong công việc, trong xử sự, đối người, tiếp vật. Học vấn thật sự là đem những đạo lý trong kinh điển biến thành tư tưởng và kiến giải của chính mình, cảnh giới ấy sẽ được nâng cao!

Vấn đề trong hiện tại là vì giao thông thuận tiện, thông tin phát triển, địa cầu đúng là thôn địa cầu, đi vòng quanh trái

đất mất hai ngày, tôi đi mất ba ngày. Tôi đi một lần, ngày đầu tiên, từ Bắc Kinh bay tới Ba Lê, ở Ba Lê ngồi xe lửa sang Anh. Ngày thứ hai, từ Anh bay tới Nữu Ước. Ngày thứ ba, từ Nữu Ước bay về Bắc Kinh. Thôn địa cầu mà! Con người trước kia không có cách nào tưởng tượng chuyện này. Truyền thông phát triển, bất luận nơi đâu xảy ra chuyện gì, qua TV, radio lập tức biết ngay.

Không gian sống của chúng ta khác với trước kia, đương nhiên nhu cầu tri thức khác nhau! Do vậy, chẳng thể không quan tâm đến thế giới này. Thế giới này có tương quan mật thiết với chúng ta, nhưng những thứ thông tin rác rưởi quá nhiều. Nếu quý vị xem, tiếp xúc những thứ ấy, phải lãng phí bao nhiêu tinh thần? Do vậy, tôi đều buông xuống hết; nhưng tôi cũng có “đường ống”, tức là có những đồng học hảo tâm, đối với những sự kiện trọng đại, họ bèn hạ tải từ Internet, đưa cho tôi xem, đại khái đôi ba ngày tôi đọc chừng hai ba trang.

Những sự kiện trọng đại được nói trên Internet tôi đều biết, đó là những thứ tất yếu. Không xem những thứ chẳng tất yếu, toàn bộ chẳng tiếp xúc, tận hết sức giữ gìn cái tâm thanh tịnh, giữ cho tâm an định, chúng ta mới có năng lực giúp đỡ hết thảy chúng sinh khổ nạn.

Thứ ba là *“lạc thanh tịnh tâm”*. Quý vị thấy hết thảy đều giảng về cái tâm thanh tịnh; thứ nhất là *“vô nhiễm”*, thứ hai là *“an”*, thứ ba là *“lạc”*; *“dục linh nhất thiết chúng sinh đắc đại Bồ đề cố”* (vì muốn làm cho hết thảy chúng sinh đắc đại Bồ đề).

Đối với Lạc thì phải ban cho họ chân lạc; nếu sau khi vui mà còn có tác dụng phụ sẽ chẳng phải là Lạc, chẳng phải là chân lạc. Do vậy, Phật pháp từ bi cứu thế. Hai chữ “từ tế” (từ bi cứu giúp) nói đến chân thật rất ráo sẽ là Đại thừa Phật pháp. Có phải là ban cho quý vị của cải, địa vị, sự vinh diệu hay chẳng? Không phải, mà là giúp quý vị phá mê khai ngộ. Vì sao? Khổ do mê mà có, quý vị chẳng liễu giải chân tướng sự thật, cũng có nghĩa là quý vị nghĩ sai, thấy sai, làm sai, nên chuốc lấy quả báo bất thiện, đó là khổ.

Nếu quý vị tỉnh ngộ, giác ngộ, tư tưởng và kiến giải của quý vị chính xác, lời nói và việc làm chính xác, sẽ cảm được thiện quả, thật sự sung sướng.

Lìa khổ được vui là quả báo, phá mê khai ngộ là nhân. Phật, Bồ tát giúp hết thảy chúng sinh phá mê khai ngộ, tự nhiên phải đạt đến lìa khổ, được vui.

Trong giáo học, quan trọng nhất là chính mình phải nêu gương tốt; nếu lời nói chẳng đi đôi với việc làm, người khác chẳng tin tưởng quý vị.

Trong Phật pháp, tâm vui thanh tịnh vì muốn làm cho hết thảy chúng sinh đắc đại Bồ đề. Đại Bồ đề: Trí tuệ viên mãn trong tự tính gọi là đại Bồ đề, giúp đỡ hết thảy chúng sinh trở về tự tính. Trí tuệ Bát nhã viên mãn trong tự tính hiện tiền, đó gọi là “đắc đại Bồ đề”. Chuyện này rất khó, tuy trong tự tính vốn có, nhưng quý vị cần phải buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống; nói rất dễ, làm thật khó!

Có thể chẳng chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian là tiểu trí tuệ, nhưng trí tuệ ấy là thật. Lại buông phân biệt xuống, bèn là Bồ tát, gọi là đại trí tuệ. Cuối cùng, có thể không khởi tâm, không động niệm, trí tuệ viên mãn, đó là trí tuệ của Phật, đúng là chúng ta chẳng dễ gì làm được.

“*Khởi tâm động niệm*”, câu này chúng ta chẳng dễ gì liễu giải. Tới khi bản thân chúng tôi học kinh *Hoa Nghiêm*, học bộ *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán* của Hiền Thủ quốc sư mới liễu giải khái niệm này đôi chút. Thật sự khó! Ngay cả nhập pháp môn đã quá khó!

Quý vị thấy nhập môn, phải buông xuống Ngã Chấp, phải buông Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến xuống, rất khó khăn! Do vậy, trong Đại thừa có pháp môn đặc biệt là “*nhiep thủc sinh sinh bỉ quốc độ cố*” (nhiep thủ Chúng sinh sinh về cõi Phật ấy).

“*Bỉ quốc độ*” là thế giới của Tây Phương A Di Đà Phật. Trong các vị Phật Như Lai, Phật A Di Đà giống như một vị đã phát đại tâm thành lập một ngôi trường. Thế giới Tây Phương Cực Lạc là đại học Phật giáo, là một đại học đa nguyên văn hóa. Tôi chẳng học Phật, tôi học Cơ Đốc giáo có thể vãng sinh hay không? Tôi học đạo Hồi có thể vãng sinh hay không?

Thưa quý vị, thấy đều có thể vãng sinh, tuyệt diệu! Vãng sinh chỉ là lúc lâm chung, đối với thế giới Tây Phương Cực Lạc tin tưởng, phát nguyện. Ta tin tưởng, ta phát nguyện cầu sinh thế giới Cực Lạc, ta tu Cơ Đốc giáo, hay tu đạo Hồi,

đem công đức tu hành hồi hướng thế giới Tây Phương Cực Lạc, thấy đều có thể vãng sinh.

Bất luận quý vị học pháp môn nào cũng đều có thể vãng sinh. Vì sao? Quý vị luôn tu thiện, tích đức, đem công đức ấy hồi hướng thế giới Tây Phương Cực Lạc, đều có thể nâng cao phẩm vị của quý vị.

Nhà Phật không có quan niệm môn hộ; nếu có kiến giải về môn hộ, chẳng phải là đối lập ư? Vừa mở đầu đã bảo quý vị buông đối lập xuống, nhận biết cả vũ trụ và chính mình là nhất thể, ta và Phật A Di Đà là nhất thể.

Trong kinh Phật chẳng nói *“tin tưởng, ngưỡng mộ các tôn giáo khác sẽ bị loại trừ!”*. Không có! Không có câu ấy! Quý vị đọc kinh giáo Đại thừa sẽ phát hiện trong ấy có rất nhiều vị Bà-la môn, đó là tín đồ Bà La Môn giáo, còn có rất nhiều ngoại đạo, họ đều là tín đồ của các tôn giáo khác, nhưng đều là học trò của Phật.

Do vậy, đức Phật tiến hành giáo dục, chẳng phải là truyền bá tôn giáo, chẳng đối lập với các tôn giáo khác. Tôn giáo nào đến học cũng đều hoan nghênh, đều thành tựu giống hệt như nhau, đều vãng sinh như nhau, tới thế giới Cực Lạc thành Phật, đạt được học vị tối cao trong giáo dục Phật giáo.

Sau khi đạt được, người ấy vẫn là Bà La Môn giáo, hay vẫn là Cơ Đốc giáo, chẳng thay đổi tôn giáo, biến thành bậc thánh nhân trong tôn giáo của người ấy. Đây là chân thật nghĩa trong giáo pháp Đại thừa.

Trong những năm qua, đã mười năm rồi, từ năm 1999 bắt đầu, trọn cả mười năm, chúng ta tiếp xúc nhiều tôn giáo, đề xướng tôn giáo trên thế giới là một nhà. Tôi học tập kinh điển của tôn giáo khác, tôi cũng đã từng giảng *Thánh Kinh*, giảng *Cổ Lan Kinh*, họ cũng rất hoan nghênh.

Tôi giảng kinh *Mân Cô* đọc trong khóa lễ sáng tối của đạo Thiên Chúa, DVD thu bài giảng về kinh *Mân Cô* được lưu hành trong tôn giáo của họ. Trong sự cảm nhận của chúng tôi, tất cả giáo chủ các tôn giáo, nói theo Phật pháp, đều là hóa thân của Phật.

Trong *Phẩm Phổ Môn* có nói: “*Nên dùng thân gì để độ, bèn hiện thân ấy*”. Nên dùng thân Cơ Đốc (Christ) để độ, bèn hiện thành Cơ Đốc; nên hiện thân thầy cả đạo Hồi (Akhoond) để đắc độ, bèn hiện thân thầy cả đạo Hồi. Trong nhiều năm qua, cách nghĩ này của tôi được rất nhiều tôn giáo tán đồng. Trước kia, tôi cứ tưởng còn phải mất một thời gian dài biện luận, kết quả là chẳng cần, đã nhiều năm như thế chưa hề gặp phải tranh cãi lần nào, đều có thể tán đồng. Do vậy, tôn giáo có thể đoàn kết.

Tôn giáo nhất định phải giảng học, phải giáo dục. Tôn giáo không có giáo dục thì chỉ có hình thức, sẽ biến thành mê tín, nhất định phải có giáo học. Thật sự, những giáo chủ sáng lập tôn giáo đều là nhà giáo dục xã hội, lại còn là đa nguyên. Thời gian dạy học của Thích Ca Phật dài nhất: Bốn mươi chín năm. Gia Tô (Jesus) bị kẻ khác hại chết, dạy học

ba năm; Mục Hãn Mặc Đức (Mohamed) dạy học hai mươi bảy năm.

Chúng ta chú tâm quan sát, lúc họ tại thế đều là giảng kinh, giáo học. Hơn nữa, nhìn vào nội dung, đặt vững cơ sở giáo dục, giáo dục khắp thế gian, không gì chẳng phải là luân lý, đạo đức, nhân quả. Vì sao? Ba thứ giáo dục ấy có thể đem lại lợi ích thiết thân cho đại chúng trong xã hội. Chúng ta thường nói là thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội hài hòa, thiên hạ thái bình.

Một số ít những kẻ căn cơ thượng thượng lại nâng cao lên, trong kinh điển có giáo dục triết học, giáo dục khoa học, giảng rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Phật pháp có thể thuyết giảng chuyện này viên mãn. Đây là Phật A Di Đà kiến lập một ngôi trường, giúp quý vị giành được học vị tối cao.

Người Trung Quốc gọi đức Phật là “thánh nhân”. Nếu chúng ta dùng cách xưng hô quen thuộc của Trung Quốc, chúng ta gọi Khổng Tử là Chí Thánh Tiên Sư, thì chúng ta có thể gọi Phật Thích Ca Mâu Ni theo cách xưng hô như vậy, tức là Chí Thánh Bản Sư. Phật môn gọi Phật Thích Ca Mâu Ni là Bản Sư, nghĩa là vị thầy căn bản, vị thầy lập giáo. Chí Thánh là Phật, Chí Thánh Bản Sư, mọi người sẽ chẳng nảy sinh hiểu lầm.

Bồ tát là hiền nhân, đại hiền. Đại hiền Văn Thù Sư Lợi, đại hiền Quán Thế Âm, đại hiền Địa Tạng Vương. Rất nhiều người tưởng Phật, Bồ tát, A La Hán là thần, đều là quý thần, sự hiểu lầm ấy rất lớn!

Chúng ta là đệ tử Phật chẳng giảng rõ ràng, giảng minh bạch, khiến cho đại chúng trong xã hội nảy sinh hiểu lầm to lớn như thế rất đáng tiếc. Vì thế, Ngài kiến lập thế giới ấy, thế giới ấy do nguyên lực tạo thành, đại nguyên tuyệt diệu. Điều này có căn cứ lý luận từ kinh giáo Đại thừa, đức Phật nói: *“Hết thảy các pháp sinh từ tâm tưởng”*. Sự biến hóa trong cả vũ trụ có quan hệ hết sức mật thiết với tâm tưởng của chúng ta.

Do vậy, nếu tư tưởng của mỗi cá nhân chúng ta thuần chính, tâm thái tốt lành, quý vị sẽ khỏe mạnh, trường thọ, chẳng sinh bệnh tật gì! Tật bệnh do đâu mà có? Lời đức Phật nói giống như những điều đã giảng trong Trung Y, cùng một đạo lý, tức là tâm thái của quý vị nảy sinh vấn đề. Trong Phật pháp nói tới Tam Độc tham, sân, si, đấy là căn nguyên của tất cả hết thảy bệnh tật. Trong tâm quý vị có ba thứ ấy, cho nên bản thân quý vị có cái nhân bệnh tật.

Tôi thường nói thêm hai thứ là ngạo mạn và hoài nghi. Hoài nghi thánh hiền, hoài nghi chính mình, tôi gọi năm điều ấy là Ngũ Độc; đức Phật giảng Tam Độc là tham, sân, si, tôi thêm vào hai cái nữa, thành tham, sân, si, mạn, nghi, Ngũ Độc. Quý vị có năm thứ độc này, bên ngoài có vi khuẩn cảm nhiễm, quý vị rất dễ nhiễm bệnh. Nếu bên trong chẳng có tham, sân, si, mạn, nghi, dẫu vi khuẩn gây bệnh bên ngoài nghiêm trọng cách mấy, vẫn chẳng thể nhiễm bệnh cho quý vị. Vì thế, điều ấy được gọi là sức miễn dịch, quý vị sẽ không bị bệnh. Quý vị ra vào khu vực đang xảy ra nạn ôn dịch nghiêm trọng mà chẳng sao cả

Đã có ngũ độc, mà nếu quý vị còn có năm thứ bệnh duyên thì hết sức dễ bị nhiễm bệnh. Năm thứ bệnh duyên là gì? Oán hận! Quý vị có oán khí, có hờn giận, có phiền não. Oán, hận, não, nộ, phiền, là bệnh duyên, tức là duyên gây nhiễm bệnh.

Có nhân, có duyên, lẽ đâu quý vị chẳng ngã bệnh? Nếu quý vị hiểu đạo lý này, buông ngũ độc xuống, năm thứ tâm thái chẳng tốt đẹp cũng buông xuống, bất luận trong hoàn cảnh nào, ta không có oán mà cũng chẳng có hận, đối với thuận cảnh chẳng khởi tham luyến, đối với nghịch cảnh chẳng oán hận, vĩnh viễn giữ cho chính mình thanh tịnh, bình đẳng, quý vị sẽ trăm bệnh chẳng sinh! Dẫu bị bệnh, không cần trị liệu, tự mình lành bệnh. Vì sao?

Chúng ta hiểu: Phân tích mỗi tế bào trên toàn thân thì tế bào đều do nguyên tử, hạt cơ bản hợp thành. Những hạt cơ bản, nguyên tử ấy mang bệnh, vì lẽ gì? Do quý vị có ngũ độc, nên mới bị nhiễm bệnh, những tế bào ấy biến thành tế bào nhiễm bệnh.

Nếu quý vị giác ngộ, hiểu rõ, buông những phiền não tập khí xuống, những tế bào mang bệnh sẽ lập tức khôi phục bình thường, chẳng phải là khỏe mạnh ư? Do vậy, bệnh có thể chữa lành, bảy phần cấy vào tâm thái, thuốc men chỉ hữu dụng ba phần. Khi tâm thái tốt, ba phần thuốc chẳng cần dùng đến.

Nếu tâm thái của quý vị bất hảo, thường có lo lắng, thường có phiền não, thường có tham, sân, si, mạn, bệnh ấy cũng rất

khó chữa lành, dầu thầy thuốc giỏi cũng đành bó tay chịu phép! Do vậy, hiểu đạo lý này, đấy chính là đạo dưỡng sinh, chính mình có thể chẳng bị bệnh tật, dầu mỗi năm tuổi cao hơn, nhưng sức khỏe chẳng bị tổn hại tí nào, cũng chẳng dễ dàng lão hóa. Đấy là gì? Tâm thái tốt đẹp. Đấy là Phật pháp mang đến lợi ích chân thật hiện tiền cho chúng ta.

Người thuộc lớp tuổi trung niên trở lên, đều chú trọng sức khỏe, mà phải nhờ vào thuốc bổ, những thứ ấy rất đáng sợ. Vì sao? Chúng có tác dụng phụ, chẳng phải là thứ tốt lành. Thứ tốt đẹp là tâm thái của quý vị. Hãy điều chỉnh tâm thái, đoạn ác, tu thiện. Vì thế, ăn chay là đạo dưỡng sinh tốt nhất.

Tôi học Phật chưa đầy nửa năm bèn chọn cách ăn chay, chẳng phải là mê tín. Vì trước khi học Phật, lúc tôi còn học trong trường, tức lúc học Trung học tại Nam Kinh, quê tôi ở An Huy, tôi một mình ở Nam Kinh, ở nhà người bạn học họ Trần, Nhĩ Đông Trần^{14[8]}, Trần Trí. Về sau, anh ta học Y, tôi ở trong nhà anh ta hình như hai học kỳ, tức một năm.

Gia đình anh ta là đa nguyên văn hóa, bà nội niệm Phật, trong nhà có tiểu Phật đường, niệm Phật, thắp nhang. Mẹ anh ta là tín đồ Cơ Đốc, cha là tín đồ đạo Hồi.

Do vậy, tôi ở đấy một năm, đối với Cơ Đốc giáo và đạo Hồi đều hiểu đôi chút, thường nghe các vị lão nhân giảng giải.

14[8] Họ Trần (陳) đọc theo âm Quan Thoại là Chén, nhưng đồng thời các họ 沈 (Thâm), 沉 (Trâm), cũng có cùng âm đọc, nên hòa thượng nói rõ là Nhĩ Đông Trần (để người ghi lại văn tự đừng chép sai), tức là bộ Phụ ghép với chữ Đông. Do bộ Phụ viết tắt có hình dáng giống như cái tai nên nói là Nhĩ Đông Trần.

Hơn nữa, tôi rất thích đạo Hồi, đạo Hồi nói tới Ngũ Công^{15[9]}, Ngũ Điển.

Ngũ Điển là Ngũ Luân của Nho gia. Vì thế, đạo Hồi của Trung Quốc và văn hóa truyền thống Trung Quốc đã dung hợp thành một khối, vô cùng ôn hòa.

Sau này, tôi ở ngoại quốc, có một phái đạo Hồi tại Trảo Oa (Java) thuộc Ấn Ni (Indonesia) do Trịnh Hòa^{16[10]} truyền qua, nên trong phái ấy có dấu ấn văn hóa Trung Quốc, vô cùng ôn hòa. Trịnh Hòa là tín đồ đạo Hồi, chủ nhân của ông ta là Hoàng đế Vĩnh Lạc (Minh Thành Tổ); nhà vua là một Phật tử kiên thành, cho nên Trịnh Hòa cũng quy y Phật giáo, nhưng cũng truyền đạo Hồi. Một chi phái đạo Hồi ở Tô Môn Đáp Lạp (Sumatra) của Ấn Ni do Trung Đông truyền qua, so ra mạnh

15[9] Ngũ Công (Arkān-al-Islām) chính là năm tín điều căn bản của tín đồ đạo Hồi, bao gồm:

1. Tín niệm (Shahada), tức chỉ tin vào một Chúa là Allah và chấp nhận Mohamed là tiên tri của Chúa Allah.

2. Cầu nguyện (Salat): Thực hành năm thời cầu nguyện mỗi ngày: bình minh, hoàng hôn, giữa Ngọ, giữa chiều, tối.

3. Trai giới (Sawm): Tức mùa chay Ramadan. Trong mùa chay, tín đồ Hồi giáo nhịn ăn từ lúc mặt trời mọc cho đến khi mặt trời lặn, hoàn toàn kiêng ăn uống, rượu chè, hút thuốc, kiêng quan hệ xác thịt từ lúc mặt trời mọc đến mặt trời lặn trong suốt tháng Ramadan. Chỉ có trẻ con, người già, người bị bệnh tật, có thai hay đang cho con bú mới được miễn trai giới trong tháng Ramadan.

4. Bỏ thí (Zakat): Trích 2,5% thu nhập của mình để giúp người nghèo khó. Khi cho mượn tiền, không được lấy tiền lời. Vì thế, có những kẻ lách luật bằng cách cho vay nợ, rồi đòi hỏi người mượn phải tặng quà để tỏ lòng “biết ơn”. Cái gọi là “tặng quà” ấy thật ra là tiền lời.

5. Hành hương (Haji): Mỗi tín đồ được khuyến khích hành hương ít nhất một lần trong đời đến thánh địa Mecca trong tháng Dhu al-Hijjah theo lịch Hồi giáo, tức tháng Mười Hai trong lịch Hồi giáo.

16[10] Thái giám Trịnh Hòa là thái giám thân tín của Minh Thành Tổ, vốn có tên thật là Mã Tam Bảo, theo đạo Hồi. Tổ tiên từ Bukhara (thuộc Uzbekistan hiện thời) di cư đến Vân Nam, Trung Hoa. Khi quân Minh chiếm Vân Nam đã bắt được ông khi còn là một cậu bé con, bèn đem hoạn, đưa vào cung hầu hạ hoàng tử Châu Lệ (Minh Thành Tổ). Châu Lệ đã đổi tên ông thành Trịnh Hòa. Trong chính sách “*viễn giao, cận công*” (xa thì ngoại giao, gần thì đánh) của nhà Minh, ông đã được vua sai hướng dẫn thương thuyền đi khắp Đông Nam Á kết giao, phô trương thanh thế.

mẽ, hung hãn, khác hẳn phái đạo Hồi tại Trảo Oa. Vì thế, vùng Nam Dương chịu ảnh hưởng rất lớn từ Trịnh Hòa mãi cho đến hiện thời đã sáu trăm năm mà vẫn còn thấy những hiệu quả ấy.

Khi ấy, tôi biết ăn uống trong đạo Hồi được tìm hiểu kỹ hơn bình thường. Người bình thường chúng ta chỉ biết vệ sinh. Sinh là sinh lý, ăn uống nhằm bảo vệ sinh lý ấy, đó là vệ sinh. Đạo Hồi không chỉ biết vệ sinh, mà còn biết vệ tính. Tính là gì? Tính tình. Chúng ta tính tình ôn nhu có liên quan tới ăn uống. Do vậy, phàm những động vật hay thực vật có tính tình bất hảo họ cũng không ăn. Năm ấy, tôi hiểu được một đạo lý như thế.

Sau này, tiếp xúc Phật pháp, Phật pháp chọn lựa cách ăn chay, giảng ba điều: Phật giáo không chỉ biết vệ tính, mà còn biết vệ tâm; “tâm” là tâm từ bi. Do vậy, ẩm thực trong nhà Phật là vệ sinh, vệ tính, vệ tâm, đây là đạo dưỡng sinh rất viên mãn, tôi vừa tiếp xúc bèn tiếp nhận. Tôi ăn chay đến năm nay là năm mươi chín năm, sang năm tròn một giáp, khỏe mạnh, suốt đời chẳng bị bệnh. Tôi tham gia nhiều hội nghị quốc tế, người ta hỏi tôi nhiều nhất là: “Pháp sư! Thầy dùng phương pháp dưỡng sinh nào?”. Tôi bảo họ: “Ăn chay, tâm thanh tịnh. Tôi chẳng có đạo dưỡng sinh nào khác!”. Chỉ là ăn chay, tâm thanh tịnh.

Tận hết sức tránh né ô nhiễm bên ngoài, ô nhiễm vật chất, ô nhiễm tinh thần, tận hết sức tránh né, mỗi ngày thân cận

cổ thánh tiên hiền, đây là tình trạng sinh hoạt mỗi ngày của tôi. Họ thấy thân thể tôi khỏe khoắn đều rất hâm mộ. Đây là vì người khác thuyết pháp, tuy họ không hiểu Phật giáo, cũng không mong học Phật, thấy thân thể tôi khỏe mạnh, mong học theo tôi.

Tôi dạy họ một chiêu, vô cùng hữu hiệu. Lớn nhất là Phật A Di Đà đã kiến lập một đạo tràng tu hành cho chúng ta là thế giới Cực Lạc. Thế giới ấy vô cùng viên mãn. Trong bộ kinh này, giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc, giới thiệu lịch sử và trạng huống trong cõi ấy, trạng huống sinh hoạt, giới thiệu thành quả giáo học bên ấy. Đương nhiên phương pháp tốt nhất là di dân sang thế giới Tây Phương Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, nơi ấy là chốn đạt được thường lạc rất ráo.

“Bồ đề thị tất cánh thường lạc xứ” (Bồ đề là chỗ thường lạc rất ráo), quý vị phải ghi nhớ. Bồ đề là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Giác Ngộ, thật sự giác ngộ là chốn thường lạc rất ráo. Trái lại, mê mà chẳng giác chính là thật sự thường khổ. Lục đạo luân hồi do mê hoặc, điên đảo tạo thành, là một cơn ác mộng. Giác ngộ là quý vị tỉnh lại.

“Nhược bất linh nhất thiết chúng sinh đắc tất cánh thường lạc giả, tắc vi Bồ đề môn” (Nếu chẳng làm cho hết thảy chúng sinh được rất ráo thường lạc sẽ là trái nghịch môn Bồ đề). Câu này nói rất hay, đối với hết thảy chúng sinh, nếu chính mình đã đạt được, mà chẳng giúp cho người khác đạt được, đây chính là trái phạm Bồ đề. Chính chúng ta đã đạt được,

bèn có nghĩa vụ giúp cho hết thảy chúng sinh đều đạt được. Chính chúng ta hướng tới thế giới Cực Lạc, sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, thì phải giúp hết thảy chúng sinh đều đến thế giới Cực Lạc. Nơi ấy có hoàn cảnh khác nơi đây. Con người bên ấy là hóa sinh, chẳng phải là thai sinh, nên chẳng có sinh khổ. Người bên ấy vô lượng thọ. Tâm thái của quý vị giữ được mức bình thường nhất định, thân thể sẽ chẳng dấy lên biến hóa, gọi là thân Kim Cương bất hoại.

Chỉ cần quý vị có thể không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, tế bào trong thân thể quý vị sẽ chẳng biến đổi, vĩnh viễn giữ được sự bình thường. Nếu quý vị có phiền não, nó sẽ dấy lên biến hóa; có tham, sân, si, nó bèn biến hóa to lớn. Vì thế, chẳng khởi tâm, không động niệm, vĩnh viễn giữ gìn bình thường.

Ở bên thế giới Tây Phương Cực Lạc, Phật A Di Đà gia trì quý vị, mỗi ngày chỉ dạy bên ấy, hướng dẫn quý vị, quý vị sẽ chẳng khởi tâm động niệm, muôn hình muôn vẻ trong vũ trụ, tính, tướng, sự, lý, nhân, quả đều giảng thấu triệt cho quý vị.

Quý vị đều minh bạch rồi, chẳng còn khởi tâm động niệm nữa, thế giới Cực Lạc hình thành như vậy đó, là một phòng học tốt.

“Cố linh nhất tâm chuyên chí, nguyện sinh bỉ quốc, dục sử tảo hội vô thượng Bồ đề dã” (vì thế, khiến cho nhất tâm chuyên chí, nguyện sinh sang cõi kia, khiến cho mau đắc vô thượng Bồ đề).

TÍNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 25



Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang hai mươi bốn, dòng thứ năm, từ dưới đếm lên, xem từ đầu.

“Hựu Hải Đông Nguyên Hiếu sư Tông Yếu vân: - Phát Bồ đề tâm, thị minh chính nhân” (Lại nữa, trong bộ *Tông Yếu*, Ngài Nguyên Hiếu xứ Hải Đông nói: “Phát Bồ đề tâm là chỉ rõ chính nhân”).

Nguyên Hiếu Đại sư là người Hàn Quốc, trong phần trước, chúng tôi đã giới thiệu sơ lược. *Tông Yếu* là tên gọi bản chú sớ của lão nhân gia nhằm giảng giải kinh *Vô Lượng Thọ*, tức là chú giải kinh *Vô Lượng Thọ*.

Ở đây, Ngài nói “*phát Bồ đề tâm*” nhằm chỉ rõ chính nhân; các tổ sư đại đức đều nhấn mạnh tính chất trọng yếu của phát Bồ đề tâm. Nếu chẳng phát Bồ đề tâm, sẽ như Thiện Đạo Đại sư đã nói, tới cuối cùng chẳng thể vãng sinh Tịnh Độ! Do vậy, chúng ta phải xem trọng cả hai nguyện trong bốn mươi tám nguyện. Nhiều người xem trọng nguyện thứ mười tám, không chú ý đến nguyện thứ mười chín.

Nguyện thứ mười tám là “*mười niệm ắt vãng sinh*”; nguyện thứ mười chín nói “*phát Bồ đề tâm*” và hết thấy những ai sinh về thế giới Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ tát. Trong *Yếu Giải*, Ngẫu Ích Đại sư đã giảng rất rõ, Ngài nói có thể vãng sinh hay không hoàn toàn do có tín nguyện hay không. Quý vị có lòng tin sâu xa, nguyện thiết tha thì sẽ vãng sinh; có thể thấy sự trọng yếu của phát Bồ đề tâm!

Công phu niệm Phật sâu hay cạn sẽ giúp quý vị nâng cao phẩm vị sau khi vãng sinh thế giới Cực Lạc. Nếu niệm Phật chẳng có công phu, nhưng thật sự có lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha, nguyện ấy là Bồ đề tâm. Thật sự có tâm độ chúng sinh, thật sự có tâm làm Phật, khi lâm chung, một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sinh. Khai thị này vô cùng trọng yếu, chúng ta nhất quyết chớ nên xem thường!

Tiếp theo, sách *Tông Yếu* giảng rõ Bồ đề tâm. “*Hựu vân phát Bồ đề tâm hữu nhị*” (Lại nói phát Bồ đề tâm có hai loại):

1) Thứ nhất là “*tùy sự phát tâm, phiền não vô biên, nguyện tất đoạn chi. Thiện pháp vô lượng, nguyện tất tu chi. Chúng sinh vô biên, nguyện tất độ chi. Thử tâm quả báo, tuy tại Bồ đề, nhi kỳ hoa báo tại ư Tịnh Độ*” (Phát tâm theo mặt Sự, phiền não vô biên, nguyện đều đoạn hết; thiện pháp vô lượng, nguyện đều tu trọn; Chúng sinh vô biên, nguyện đều độ hết. Tâm này tuy có quả báo là Bồ đề, nhưng hoa báo của nó là Tịnh Độ).

Chúng ta đọc đoạn này, liền biết đó là ba trong Bốn Hoảng Thệ Nguyện: “*Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”. Quả báo của sự phát tâm tuy là Bồ đề, Bồ đề là Chính Giác, Bồ đề là Chính Đẳng Chính Giác, nhưng hoa báo thuộc về Tịnh Độ.

Nói cách khác, quả báo là thành tựu vô thượng Bồ đề tại Tịnh Độ, tới thế giới Tây Phương Cực Lạc để thành tựu

nguyên cuối cùng, *“Phật đạo vô thượng thế nguyên thành”*, đây là quả báo viên mãn rất ráo. *“Sở dĩ nhiên giả”* (Sở dĩ như vậy là), đây là trả lời câu hỏi đã nêu; *“Bồ đề tâm lượng, quảng đại vô biên, trường viễn vô hạn”* (Tâm lượng Bồ đề rộng lớn vô biên, dài lâu vô hạn).

Bồ đề tâm là giác tâm viên mãn trong tự tính. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta: *“Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai”*, Bồ đề tâm là trí tuệ. Nói thật ra, một tức là hết thấy, hết thấy tức là một; nói đến trí tuệ thì đương nhiên đức năng và tướng hảo được bao gồm trong ấy, một tức là nhiều, nhiều tức là một.

Trước hết, nói tới tâm lượng thì tâm lượng rộng lớn vô biên là nói về không gian, chẳng có ngăn mé, không gì lớn mà ra ngoài được!

“Trường viễn vô hạn” (dài lâu vô hạn) là nói tới thời gian. Thời gian và không gian đều là vô lượng, vô biên, vô tận, vô hạn. Vì thế, trong Đại thừa thường nói một câu như sau: *“Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”*. Tâm Phật là như thế, mà tâm của mỗi chúng sinh chúng ta cũng đều như thế, chẳng có mảy may sai biệt nào! Nay dường như trong vô sai biệt có sai biệt, là vì lẽ nào? Mê mất tự tính. Do vậy, trong vô sai biệt hiện ra sai biệt.

Đối với người giác ngộ, chẳng cần nói tới bậc Viên Giác; Viên Giác là Phật, Đại Giác là Bồ tát, trong cảnh giới của họ, sai biệt chính là vô sai biệt. Vì sao? Đại Bồ tát nhập pháp

môn Bất Nhị, chúng ta có hai, ba, các Ngài không có. Chúng ta có một và nhiều, các Ngài cũng chẳng có.

Trong *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*, Hiền Thủ quốc sư đã giảng về ba thứ “*châu biến*” (trộn khắp), quý vị chưa hiểu rõ hay sao? Đó là cảnh giới Hoa Nghiêm viên mãn.

Bất luận chính báo hay y báo, hiện thời các khoa học gia nói tất cả hết thảy hiện tượng là hiện tượng dao động, thuyết ấy rất có lý. Các khoa học gia cận đại nói trong vũ trụ thứ gì cũng đều không có, mà là dao động. Hiện tượng tinh thần do dao động hình thành; hiện tượng vật chất cũng do dao động hình thành, muôn hình muôn vẻ khác biệt là do tần số dao động khác nhau.

Cách nói này tương ứng với những điều được giảng trong kinh Phật, tương ứng với ba thứ “*châu biến*”: “*Châu biến pháp giới, xuất sinh vô tận*”. Câu nói kế tiếp quả thật là tâm bao thái hư, lượng châu sa giới, “*chứa đựng Có và Không*”.

“*Cố năng cảm đắc quảng đại vô tế y báo Tịnh Độ, trường viễn vô lượng chính báo thọ mạng*” (Vì thế, có thể cảm được Tịnh Độ y báo rộng lớn không ngần mé, chính báo có thọ mạng dài lâu vô lượng). “*Trừ Bồ đề tâm, vô năng đương thử*” (trừ Bồ đề tâm ra, không gì có thể được như vậy).

Câu này có nghĩa là y báo và chính báo trang nghiêm trộn khắp pháp giới hư không giới do đâu mà có? Cụ Hoàng nói là do Bồ đề tâm mà có. Bồ đề tâm là gì? Kiến, văn, giác, tri. Trong tự tính, đoạn hết tập khí vô minh sẽ trở về Thường

Tịch Quang, trong ấy không có hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng có hiện tượng tinh thần.

Có những người hỏi tôi: Nếu họ chẳng khởi tâm, không động niệm, họ còn có tri giác hay chẳng? Họ có tri giác há chẳng phải là khởi tâm động niệm ư? Không khởi tâm, không động niệm, làm sao họ có tri giác được? Họ có những thứ ấy! Thật sự là chẳng có hiện tượng tinh thần và vật chất, nhưng họ có kiến, văn, giác, tri.

Kiến, văn, giác, tri, là trí tuệ Bát nhã trong tự tính, nó bất sinh, bất diệt, vì nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần. Vật chất và tinh thần đều là pháp sinh bởi các duyên. Chúng ta nói tinh thần là gì? Là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nếu một niệm vọng động, kiến, văn, giác, tri, sẽ biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

Có Thọ, Tưởng, Hành, Thức thì từ trong Thọ, Tưởng, Hành, Thức sẽ biến hiện hiện tượng vật chất. Đó chính là những điều người ấy cảm thụ, suy nghĩ, phán đoán, nhận biết, tự nhiên biến hiện ra! Vì thế, trọn khắp pháp giới hư không giới, lục đạo chúng sinh trong hết thảy các cõi Phật, cũng có thể nói là bao gồm cả mười pháp giới. Hễ chúng sinh có cảm, sẽ tự nhiên có ứng, sống động, hoạt bát, chẳng phải là chết cứng!

Khi họ cảm, sẽ hiện tướng, chẳng phải do khởi tâm động niệm bèn hiện tướng, mà do cảm ứng bèn hiện tướng. Tuy hiện tướng, vẫn chẳng khởi tâm động niệm, hoàn toàn do tự tính khởi tác dụng, chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng ta muốn lý giải nó, sẽ chẳng thể lý giải được. Vì sao? Quý vị vận dụng tâm ý thức, nhưng tâm ý thức chẳng thể duyên tự tính. Phải làm sao mới có thể duyên được? Buông tâm ý thức xuống, nó sẽ hiện tiền, lập tức chính là tự tính. Trong pháp Đại thừa, đây chính là cảnh giới tối cao trong Thiền Tông hay trong bất luận tông phái nào!

Hai câu cuối cùng ý nói: Trừ Bồ đề tâm ra, không điều gì có thể đảm đương chuyện này! Quả thật đã nêu ra căn bản, đó là trí tuệ Bát nhã vốn sẵn có trong tự tính. Đó là “tùy Sự” để luận định Bồ đề tâm.

2) Kế đó, điều thứ hai là “*thuận Lý phát tâm, tín giải chư pháp giai như huyễn mộng, phi hữu, phi vô, ly ngôn, tuyệt lự*” (Thuận theo Lý để phát tâm, tin hiểu các pháp đều như huyễn mộng, chẳng phải có, chẳng phải không, là ngôn ngữ, dứt suy lường). Trước hết, quý vị phải tin tưởng, chớ nên hoài nghi, nghi là chướng ngại lớn nhất của Bồ tát, đó là hoài nghi.

Vì sao chúng ta học Phật tu hành chẳng thể thành tựu? Nói thật ra, có mấy ai thật sự tin Phật? Tin Phật suốt một đời, nhưng đối với Phật vẫn đánh dấu hỏi: “Rốt cuộc là thật sự có Phật hay chẳng?”. Ai có thể chẳng có mảy may nghi hoặc nào? Nếu chẳng có mảy may nghi hoặc nào, sẽ là chân tín; người chân tín chắc chắn sẽ y giáo phụng hành, quả báo chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng ta hoài nghi Phật, quý vị nói xem: Không tin mà vẫn cứ khẳng khái là tin; quý vị nói “hãy tin tưởng thật sự”,

kẻ ấy làm không được. Do vậy, Phật pháp đúng là khó khăn! Phật pháp đúng là “biết khó, hành dễ”. Cái “biết” ấy là gì vậy? Chẳng nghi mới là biết! Hễ có nghi, sẽ chẳng biết. Tuy biết, nhưng chẳng thấu triệt, thô trước lắm! Chân tín sẽ chân giải; vì vậy, tín và giải liên quan với nhau.

Bọn phàm phu chúng ta thật sự hiểu rõ, minh bạch, nên tin tưởng, đó là căn tính trung, hạ. Nếu chẳng hiểu rõ ràng, minh bạch, mà lại thật sự tin tưởng thì người ấy khó có lắm. Vì sao? Người ấy có thể khẳng khẳng một mực tu hành, sẽ thành tựu. Cổ nhân gọi hai hạng người ấy là “*thượng trí, hạ ngu*”, được bao nhiêu người?

Thượng trí cũng chẳng nhiều, hạ ngu cũng chẳng lắm! Tuy hạ ngu chẳng thể thông hiểu, nhưng quý vị dạy họ, họ sẽ khẳng khẳng một mực tu tập thật sự. Bảo họ niệm Phật, họ niệm đôi ba năm liền thật sự vãng sinh, tướng lành hiếm có.

Họ có hiểu đạo lý trong kinh hay chẳng? Chẳng hiểu! Người đồ đệ làm nghề vá nôi của lão Hòa thượng Đế Nhàn là loại người này. Khi ông ta vãng sinh, lão Hòa thượng tán thán: “Hy hữu!”. Ngài tán thán sự thành tựu của ông ta: “*Pháp sư giảng kinh, thuyết pháp, trụ trì phương trượng của các đạo tràng nơi danh sơn chẳng bằng ông, chẳng sánh bằng ông*”. Lời tán thán của lão hòa thượng là thật, chẳng giả. Đúng mất, lại còn đứng suốt ba ngày, chờ pháp sư Đế Nhàn đến lo liệu hậu sự thay cho ông ta. Người bình thường chẳng thể làm được!

Vì vậy, tín giải! *“Chư pháp”* là hết thấy các pháp do đức Phật đã nói đều như huyễn mộng, chẳng phải là thật. Thật sự tin tưởng, thật sự lý giải, đối với hết thấy các pháp, quý vị quyết định chẳng chấp trước, mà cũng quyết định chẳng phân biệt, thậm chí đối với hết thấy các pháp chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, quý vị bèn đắc tam-muội.

Hết thấy các pháp *“phi hữu, phi vô”*, chẳng thể nói chúng là có, mà cũng chẳng thể nói chúng là không! Quý vị nói chúng là không thì chúng có tướng. Quý vị nói chúng là có, tướng ấy chẳng tồn tại, chỉ là một thứ tướng gần như liên tục hết sức ngắn ngủi, tạm bợ, chẳng tồn tại.

Chúng ta xem phim, trước đây phim được chiếu bằng máy đèn soi, mỗi giây thay đổi hai mươi bốn tấm, từng tấm được chiếu chẳng ngừng. Mỗi giây là hai mươi bốn tấm, thời gian mỗi tấm được chiếu lên màn bạc là một phần hai mươi bốn giây. Quý vị còn chưa nghĩ kịp thì nó đã thay đổi rồi!

Pháp sinh diệt ấy có tốc độ sinh diệt quá nhanh! Bồ tát Di Lặc bảo một cái khảy ngón tay, chẳng phải là một giây, *“trong một khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm”*, làm sao quý vị có thể nói nó là có? Làm sao quý vị có thể nói nó là không? Chân tướng sự thật là *“phi hữu, phi vô”*.

“Ly ngôn, tuyệt lự”: Quý vị không có cách nào diễn tả. Hễ quý vị nói thì thời gian đã trôi qua rất lâu rồi, chẳng biết nó đã đi đâu mất rồi! *“Lự”* (慮) là suy tưởng; quý vị cũng chẳng thể suy nghĩ. Vì thế, nói *“ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ*

diệt”. “*Ly ngôn*” là ngôn ngữ đạo đoạn, “*ly niệm*” là “*tuyệt lự*”, tâm hành xứ diệt! Ngôn ngữ và tư lự đều chẳng thể thấu đạt được! Đó là chân tướng của nó.

“*Y thử tín giải, phát quang đại tâm*” (nương vào sự tín giải ấy, phát tâm rộng lớn). Sự tín giải ấy đã được diễn tả trong bốn câu trước đó: “*Tín giải chư pháp, giai như huyễn mộng, phi hữu, phi vô, ly ngôn, tuyệt lự*”, đã nêu bày chân tướng của hết thảy các pháp.

“*Phát quang đại tâm*” là gì? Chân tâm hiện tiền. Quý vị đối với hết thảy các pháp chẳng còn khởi tâm, động niệm, phân biệt, chấp trước nữa, khi ấy chính là “*phát quang đại tâm*”. Quảng đại tâm là gì? Chính là như trong phần trước đã nói: Tâm độ chúng sinh, tâm đoạn phiền não, tâm học pháp môn.

“*Tuy bất kiến hữu phiền não, thiện pháp*” (tuy chẳng thấy có phiền não hay thiện pháp), phiền não là bất thiện, chẳng trụ vào hai bên thiện và bất thiện. Là thế nào? Tâm thái như “*nhi bất bát vô đoạn khả tu*” (nhưng chẳng gặt bỏ “không có gì để có thể đoạn, không có gì để có thể tu”), quý vị vẫn rất sốt sắng đoạn ác tu thiện.

Quý vị biết “không có phiền não để đoạn”, nhưng vẫn đoạn trong ấy. Quý vị biết “cũng chẳng có thiện pháp để tu”, nhưng vẫn tu trong ấy.

Đối với hai câu này, Hoàng lão cư sĩ đã mở dấu ngoặc để chú giải, sợ chúng ta nghe không hiểu, đúng là từ bi! “*Bất bát vô tức bất bài trừ chi ý, bát giả, bài dã, vô giả, trừ dã*” (“Bất

bát” nghĩa là chẳng bài trừ. Bát (撥) là gạt bỏ, Vô (無) là trừ bỏ đi). Vì thế, câu trên đây có nghĩa là: *“Tuy bất kiến phiền não dữ thiện pháp, đản nhưng hữu khả tu dữ khả đoạn”* (tuy chẳng thấy có phiền não và thiện pháp, nhưng vẫn có cái được tu và cái có được đoạn).

Vì sao? *“Thị cố, tuy nguyện tất đoạn, tất tu, nhi bất vi ư Vô Nguyện tam-muội”* (Do vậy, tuy nguyện ắt đoạn, ắt tu, nhưng chẳng trái nghịch Vô Nguyện tam-muội).

Vô Nguyện tam-muội là Đại Tam Không tam-muội. Chính mình đã nhập cảnh giới ấy, nhưng vẫn phải tu. Đối với chính mình mà nói thì đã phá tập khí vô minh, nêu gương tốt cho chúng sinh, cũng giống như diễn tuồng, biết diễn tuồng là giả, vẫn diễn rất thật! Vì sao? Diễn cho kẻ khác xem, khiến cho kẻ khác sau khi xem sẽ bị cảm động mà giác ngộ. Đây là nói rõ chư Phật, Bồ tát ứng hóa trên thế gian, hiện thân, hành động đều hoàn toàn nhằm giúp đỡ chúng sinh.

A La Hán kết thúc nơi cảnh giới ấy, chẳng muốn thị hiện nữa, có được hay chẳng? Không được! Vì sao không được? Chưa đoạn xong tập khí vô thủ vô minh. Muốn đoạn tập khí vô thủ vô minh, quý vị phải học như Phật, Bồ tát: Vô vi, mà không gì chẳng làm, không gì chẳng làm mà vô vi.

Hai câu này chẳng phải là có cùng một ý nghĩa với câu *“nhập pháp môn Bất Nhị”* như đức Phật thường nói ư? Nhập pháp môn Bất Nhị mới là Đại thừa Bồ tát. Đối với chính mình mà nói thì mới có thể đoạn hết bốn mươi một phẩm tập khí

vô minh. Sau khi phá vô minh, theo kinh *Hoa Nghiêm*, hàng Sơ Trụ Bồ tát trong Viên giáo phá vô minh cũng là không khởi tâm, không động niệm, nhập cảnh giới ấy.

Chúng ta nghĩ: Người đạt tới mức chẳng khởi tâm, không động niệm, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước, lấy đâu ra bốn mươi một tầng cấp! Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, há có những thứ ấy? Đã có những thứ ấy, chẳng phải là lại có phân biệt, chấp trước hay chẳng? Vì thế, trong hội giảng kinh *Hoa Nghiêm*, chúng tôi đã nói rất minh bạch với các đồng học, có bốn mươi một tầng cấp Bồ tát hay chẳng? Không có!

Cảnh giới Hoa Nghiêm là cảnh giới bình đẳng, lấy đâu ra bốn mươi một tầng cấp? Vì sao đức Phật nói bốn mươi một tầng cấp? Chính là nói tập khí khởi tâm động niệm chưa đoạn, chứ thật ra chẳng có khởi tâm động niệm! Xác thực là chẳng có! Vẫn còn có tập khí khởi tâm động niệm, đấy là vi tế vô minh.

Vi tế vô minh rất khó đoạn, không có cách nào đoạn trừ! Vì thế, tu hành trong cảnh giới ấy được gọi là “*vô công dụng đạo*”. Cổ nhân thường nói “chẳng thể dùng sức trong ấy!”. Hễ dùng sức, toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều dấy lên!

Nói cách khác, trong cảnh giới ấy quý vị nói ra sao thì phải làm như vậy. Trong quá khứ, khi tu nhân, quý vị đã từng phát nguyện độ chúng sinh, nay quý vị thành Phật, có

sao chẳng độ chúng sinh? Quý vị nói ra sao thì phải làm như vậy, phải thực hiện; khi ấy chính là lúc quý vị thực hiện! Tuy thực hiện, nhưng chẳng khởi tâm động niệm. Hễ chúng sinh cảm, Phật, Bồ tát liền ứng, cảm ứng đạo giao.

Chúng sinh có cảm, Phật bèn vô tâm ứng. Ngài chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước mà ứng. Tuy ứng, vẫn là chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Hiện thân là như thế, mà thuyết pháp cũng như thế.

Vì vậy, Phật Thích Ca Mâu Ni nói Ngài giảng kinh bốn mươi chín năm, nhưng chẳng nói một lời nào! Chúng ta nghe lời ấy chẳng hiểu, có sao chẳng nói một lời nào? Hiện thời người ta đã ghi chép những lời Phật dạy thành một bộ *Đại Tạng Kinh*, nhưng Phật nói Ngài chẳng nói một từ nào! Đúng là chẳng nói một từ nào. Vì sao? Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Ngài nói gì? Rất khó thấu hiểu cảnh giới ấy, nghe không hiểu! Rõ ràng là Ngài giảng kinh nhiều ngàn ấy, có sao nói “ngay cả một từ cũng chẳng nói?” Vì thế, đức Phật có một tỷ dụ thiện xảo, Ngài dùng chuông trống làm tỷ dụ.

Quý vị gõ trống, dùng sức nện, âm thanh sẽ lớn. Gõ nhẹ, âm thanh bèn nhỏ. Trống có khởi tâm động niệm hay không? Có phân biệt, chấp trước hay không? Không có! Gõ mạnh kêu to, gõ nhẹ kêu nhỏ, chẳng gõ sẽ chẳng kêu, đức Phật muốn chúng ta từ chỗ này mà lãnh hội: Ngài thật sự không nói! Ngài nói là do lẽ nào? Do chúng sinh khởi tâm,

động niệm, Ngài bèn tự nhiên phản ứng. Tính Đức nơi tự tính vốn là như vậy.

Nếu không có phản ứng thì sao? Không có phản ứng tức là chết cứng rồi. Ngài chẳng phải là chết cứng, mà là sống động, hoạt bát. Vì thế, đức Phật thuyết pháp giống như kinh *Lăng Nghiêm* đã nói: *“Tùy chúng sinh tâm, ứng sở tri lượng”*, tức là tùy tâm, ứng theo khả năng lãnh hội của chúng sinh mà thuyết pháp.

Tiếp theo, *“tuy nguyện giai độ vô lượng hữu tình, nhi bất tổn năng độ, sở độ”* (tuy nguyện vô lượng hữu tình đều độ, nhưng chẳng có ý niệm thấy có người hóa độ và người được hóa độ). Hễ có năng độ và sở độ, tức là quý vị khởi tâm động niệm. Có cái chủ thể hiện và cái đối tượng hiện, có người nói và pháp được nói thì toàn bộ phân biệt, chấp trước sẽ dấy lên, quý vị là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân.

Chúng ta phải học theo thánh nhân, phải buông Năng và Sở xuống. Buông Năng và Sở xuống chính là nói “quyết định chẳng thể có chấp trước”. Trong cảnh giới, chẳng chấp trước có thân ta, chẳng chấp trước có thân người, buông tứ tướng xuống, vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng, quý vị đạt được cái tâm thanh tịnh.

Tâm thanh tịnh khởi tác dụng hằng thuận chúng sinh; chúng sinh có chấp trước, nếu quý vị chẳng chấp trước, trong tâm họ sẽ nghĩ quý vị là dị loại, chẳng thể nào sống cùng với quý vị! Vậy thì làm như thế nào? Phải thuận theo

họ mà chấp trước, chấp trước giống hệt. Thuận theo họ chấp trước là hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức. Hằng thuận và tùy hỷ là có phân biệt, có chấp trước, nhưng công đức chẳng có phân biệt hay chấp trước. Có chấp trước là chẳng chấp trước, chẳng chấp trước là có chấp trước, quý vị nghe có hiểu hay không? Tuyệt diệu! Tuyệt diệu ở chỗ này! Vì thế, Bồ tát ở nơi đâu cũng khiến cho hết thảy chúng sinh sinh tâm hoan hỷ, đúng là pháp hỷ sung mãn.

Lý này quả thật rất sâu, nghe không hiểu cũng chẳng sao, chẳng cần phải nghiên cứu, suy nghĩ nó, cứ nghe lần lượt nhiều lần. Vì thế, Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng ngại phiền, giảng mỗi ngày, thường xuyên giảng. Nói chung, nghe mãi sẽ có một ngày nào đó hoát nhiên khai ngộ. Vì sao hoát nhiên khai ngộ? Do huân tập lâu ngày!

Quý vị thấy bình thường chính mình huân tập phiền não đã lâu, bèn sinh phiền não; nay huân tập thánh giáo lâu ngày sẽ có lúc khai ngộ. Vì vậy, đừng sợ, cứ nghe cho nhiều. Hiện thời thuận tiện, do nghe mãi một đĩa CD mà có thể khai ngộ! Một đĩa CD nếu mỗi ngày nghe mười lần, nghe suốt ba năm, chắc chắn khai ngộ. Nghe một đĩa ấy suốt ba năm, tâm định rồi, quý vị đắc tam-muội, lẽ đâu chẳng khai ngộ? Chắc chắn khai ngộ!

Ai nấy đều có phần, vấn đề là quý vị có chịu tin hay không? Quý vị có thể tin tưởng hay không? Quý vị có bằng lòng làm như vậy hay không? Mấu chốt ở chỗ này! Chỉ cần bằng lòng, Đại thừa chẳng khó!

“Như thị phát tâm, công đức vô biên. Thiết sử chư Phật cùng kiếp diễn thuyết bĩ chư công đức, do bất năng tận” (Phát tâm như thế, công đức vô biên. Giả sử chư Phật trọn hết một kiếp diễn nói công đức ấy, vẫn chẳng thể nói trọn).

Lời này là thật, quý vị có thể chiếu theo những điều vừa nói trên đây để phát tâm, chúng sẽ giúp cho quý vị khai ngộ, giúp quý vị minh tâm kiến tính.

Tiếp theo là một câu nói yêu cầu hành nhân hãy quên hết: *“Cố năng tùy thuận ư Không, Vô Tướng, như kinh ngôn”* (Vì thế, có thể tùy thuận Không, Vô Tướng, như kinh dạy), đây là điều được nói trong kinh *Kim Cương*, *“như thị diệt độ vô lượng chúng sinh, thật vô chúng sinh đắc diệt độ giả”* (diệt độ vô lượng chúng sinh như thế, nhưng thật ra chẳng có chúng sinh nào được diệt độ).

Câu này trích từ kinh *Kim Cương*. Trong thế gian, chư Phật, Bồ tát diệt độ vô lượng chúng sinh, *“diệt”* là giúp chúng sinh diệt phiền não, giúp chúng sinh đoạn phiền não, giúp chúng sinh chứng Bồ đề. Tuy giúp đỡ họ, chẳng chấp tướng. Chúng sinh chấp tướng, chứ Phật, Bồ tát chẳng chấp tướng như thế. Các Ngài có thể tùy thuận Không, Vô Tướng. Vô Nguyên tam-muội như đã nói trong phần trước được gọi là Đại Tam Không tam-muội, tức là Không, Vô Tướng, Vô Nguyên.

Nói cách khác, trong cuộc sống hằng ngày, trong lúc mặc áo, ăn cơm, đều tương ứng với Không, Vô Tướng, Vô Nguyên. Trong khi làm việc cũng tương ứng, trong đãi người tiếp vật

cũng tương ứng, tương ứng với Đại Tam Không tam-muội, tương ứng với *Kim Cương Bát Nhã*.

Các Ngài không gì chẳng làm, làm rất tích cực; tuy rất tích cực, chẳng để lại dấu vết nào. Đó là gì? Nói cách khác, làm mà không làm, không làm mà làm; làm và không làm là một, chẳng hai, thật sự nhập pháp môn Bất Nhị. Vì thế, đấy là công đức chân thật, vô biên công đức, hết thấy chư Phật diễn nói các công đức ấy bất tận. Vì sao? Công đức ấy xứng tính, đạo lý ở chỗ này!

Chúng ta xem đoạn tiếp theo. Trong đoạn Tông Thú này, lão cư sĩ cũng nói rất nhiều, phân lượng rất lớn. "*Hựu Quán Kinh vân, dục sinh bỉ quốc giả, đương tu tam phúc*" (Lại nữa, *Quán Kinh* nói: "Muốn sinh về cõi ấy, hãy nên tu ba thứ phúc"). Đối với phần kinh văn trích dẫn ở chỗ này, do cụ đang giảng về phát Bồ đề tâm, nên chỉ trích dẫn điều thứ ba: "*Tam giả, phát Bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, độc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả*" (Ba là phát Bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, độc tụng Đại thừa, khuyến khích hành giả). Phía trước còn có hai điều, ở đây, chúng tôi tiện dịp nói luôn: "*Nhất giả, hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp*" (Một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp).

Quý vị phải biết điều đầu tiên là gì? Là căn bản, cơ sở của Bồ đề tâm. Không có điều thứ nhất, sẽ chẳng có điều thứ hai, điều thứ ba. Nay chúng ta nói tới phát Bồ đề tâm, chúng ta

thật sự làm, có sao làm chẳng giống, chẳng xuất hiện thành quả, do nguyên nhân nào? Thiếu căn bản, bỏ sót cơ sở.

Nhiều kẻ xuất gia đến trao đổi với tôi. Họ bàn gì tôi cũng chẳng nói năng gì hết. Vun bồi căn bản rất khẩn yếu, nhưng họ trọn chẳng nghĩ đến căn bản, làm sao quý vị có thể thành tựu được? Căn bản chính là bốn câu ấy, có thể làm được bốn câu trong điều thứ nhất này hay không? Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, có thể làm được hay không? Thực hiện hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng bằng Đệ Tử Quy. Khi mọi điều trong Đệ Tử Quy đều làm được, quý vị sẽ có căn bản này! Căn bản ấy cạn hay sâu, mạnh hay yếu, trong ấy còn có rất nhiều mức độ!

Từ tâm chẳng giết là giáo dục nhân quả. Tu Thập Thiện Nghiệp là căn bản của Phật pháp. Trong kinh *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, đức Phật đã giảng rất rõ ràng về pháp Nhân Thiên; đời sau quý vị biết dùng thân người ra sao, sinh lên trời như thế nào. Thanh Văn Bồ đề, Duyên Giác Bồ đề, cho đến Vô Thượng Bồ đề, đều lấy Thập Thiện làm căn bản. Tách rời Thập Thiện, đời sau quý vị sẽ chẳng được làm thân người, đừng mong tiến lên cao!

Tiến lên thiên đạo, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật đều đừng mong tưởng, vì ngay cả thân người mà quý vị còn chưa đạt được! Do vậy, tại Trung Quốc, văn hóa truyền thống của Trung Quốc là Nho, Thích, Đạo ba nhà, thiếu một cũng không được! Ba cội rễ của Nho, Thích, Đạo ở ngay trong câu

này. Căn bản của Nho gia là Đệ Tử Quy, căn bản của Đạo gia là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên và Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, căn bản của Phật pháp là kinh *Thập Thiện Nghiệp Đạo*. Hàng xuất gia còn phải vun bồi một căn bản nữa là *Sa Di Luật Nghi*, đó là căn bản của hàng xuất gia. Căn cơ không có thì làm sao có thể thành tựu? Chúng ta học Phật chớ nên lừa người; lừa người là có tội đấy!

Thật sự vun bồi ba thứ căn bản ấy, quý vị học Phật có thể tu thành Bồ tát, tu thành Phật, tu Đạo có thể thành thần, thành tiên; học Nho có thể thành thánh, thành hiền, quyết định có thành tựu. Nếu cả ba căn bản này đều không có, quý vị chẳng thể nào thành tựu điều gì!

Vun bồi ba thứ căn bản từ chỗ nào? Vun bồi từ Đệ Tử Quy, giống như ba tầng lầu, Đệ Tử Quy là tầng lầu thứ nhất, Cảm Ứng Thiên là tầng lầu thứ hai, Thập Thiện Nghiệp là tầng lầu thứ ba. Ba căn bản ấy trọng yếu hơn bất cứ thứ gì khác! Học Phật là học từ nơi đâu? Học từ nơi đây! Vào thời cổ, những căn bản này được vun bồi từ thuở bé, thông thường là Nho và Đạo, từ văn hóa truyền thống, quý vị có thể nhìn ra. Thực thể vật chất trong văn hóa truyền thống gồm ba thứ kiến trúc:

- Từ đường nhằm dạy điều gì? Dạy về Hiếu, hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, Xuân Thu tế tổ. Bình thường, từ đường là trường học. Các trường tư thực đều dùng từ đường làm địa điểm dạy học. Tư thực là gia học. Nói theo cách bây giờ, tư thực là trường học của con em trong gia tộc. Lúc bình

thường, từ đường chẳng có hoạt động, trừ Xuân Thu tế tự ra, chẳng có hoạt động nào; cho nên lợi dụng nơi chốn ấy để học hành. Vì thế, nó là giáo dục luân lý và đạo đức.

- Thứ hai là Khổng Miếu. Khổng Miếu cũng là hàng năm tế Khổng Tử một lần; đó là hoạt động của nơi ấy, chứ bình thường cũng chẳng có chuyện gì. Vì thế, những người đọc sách tại địa phương bèn lợi dụng nơi chốn này để kết xã. Quý vị đọc *Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký* thấy nói đến Văn Xương Xã^{17[1]}, họ lợi dụng nơi ấy để kết xã, nhằm học tập giáo dục đạo đức, tức là giáo dục đạo đức của cổ thánh tiên hiền, lợi dụng nơi chốn này.

- Thứ ba là miếu Thành Hoàng. Nói chung, miếu Thành Hoàng đều thuộc về Đạo gia hay Đạo giáo, dạy gì? Giáo dục nhân quả. Sự giáo học ở nơi ấy đánh động con người mạnh mẽ nhất. Khiến con người xúc động nhất chính là Thập Điện Diêm Vương nhằm biểu thị pháp.

Xưa kia, Diêm Vương Điện quá nửa là tượng đắp, nhằm thuyết minh Địa Ngục Biến Tướng Đồ, căn cứ theo *Ngọc Lịch Bảo Sao*^{18[2]}; đó là giáo dục nhân quả.

Trẻ nhỏ từ bé đã được huân tập từ ba thứ ấy, cho nên căn cội được vun bồi vững vàng; sau này, khi tiếp xúc Phật

17[1] Văn Xương Xã là một đoàn thể quy tụ những người cùng chí hướng muốn thực hiện những điều khuyên dạy trong bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân.

18[2] *Ngọc Lịch Bảo Sao* là thiện thư của Đạo giáo, tương truyền do một người tu hành là Đạm Sĩ đạo nhân vào cõi Âm, chứng kiến Thập Điện Diêm Vương xử án, ghi chép lại. Sách còn chép những lời khuyên dạy của các vị thần chương quản âm phủ. Nội dung có tác dụng khuyến thiện rất mạnh, nên sách này cũng được Phật môn Trung Hoa xem trọng.

pháp sẽ hết sức dễ dàng. Đối với họ, Thập Thiện Nghiệp Đạo chẳng khó khăn tí nào! Căn bản tốt đẹp mà! Vì thế, kẻ tại gia học Phật, đối với Thập Thiện Nghiệp, Tam Quy, Ngũ Giới, chẳng có tí vấn đề nào! Thật sự làm được; người xuất gia học Phật thật sự có căn bản. Thế hệ hiện tại của chúng ta phiền quá! Ba căn bản Nho, Thích, Đạo đều không có. Nếu chúng ta không có, chúng ta có hành được Thập Thiện Nghiệp hay chẳng? Không được. Trong kinh *Phật Tạng*, đức Phật đã nói: “*Phật tử, bất tiên học Tiểu thừa, hậu học Đại thừa, phi Phật đệ tử*” (Phật tử mà trước hết chẳng học Tiểu thừa rồi sau đó mới học Đại thừa, chẳng phải là đệ tử Phật). Phật Thích Ca Mâu Ni nói lời ấy: Quý vị chẳng học Tiểu thừa rồi sau đấy học Đại thừa, đức Phật chẳng chấp nhận quý vị!

Phật giáo truyền sang Trung Quốc rất hoàn chỉnh. Quý vị thấy *Tứ A Hàm* trong *Đại Tạng Kinh* là kinh Tiểu thừa. Kinh, Luật, Luận của Tiểu thừa. Vào thời Tùy-Đường, có hai tông là Thành Thật Tông và Câu Xá Tông; hai tông ấy là Tiểu thừa, phải học hai tông ấy trước. Học xong rồi mới học Đại thừa. Phật Thích Ca Mâu Ni dạy chúng ta điều này, thời cổ luôn là như vậy.

Nhưng kể từ giữa đời Đường trở đi, Phật giáo Trung Quốc chẳng học Tiểu thừa, tại gia lẫn xuất gia đều không học, vậy thì có học Đại thừa được hay không? Trung Quốc dùng Nho và Đạo để thay thế Tiểu thừa. Vì thế, người học Phật chẳng ai không đọc *Tứ Thư*, *Ngũ Kinh*, tối thiểu cũng đọc *Lão Trang*, dùng những thứ ấy làm cơ sở, rồi mới học Đại thừa bèn rất có hiệu quả. Đây là một đặc sắc của Phật

giáo Trung Quốc, cần phải biết: Do dùng Nho và Đạo làm cơ sở, nên Nho, Thích và Đạo dung hợp thành một Thể.

Tại Trung Quốc, trong xã hội, trên hình thức vẫn có Nho, Thích, Đạo; trên thực tế, Nho, Thích, Đạo đã dung hợp thành nhất thể. Kẻ học Đạo cũng đọc kinh Phật, cũng đọc *Tứ Thư, Ngũ Kinh*; học Nho cũng học Đạo, mà cũng học Phật rất phổ biến. Nhất là những kinh như kinh *Kim Cương*, kinh *Hoa Nghiêm*, kinh *Địa Tạng* đã biến thành những công khóa rất phổ biến, Nho cũng học, mà Đạo cũng học.

Điều thứ hai là học Phật, học Phật từ chỗ nào? “*Thọ trì Tam Quy, cù túc chúng giới, bất phạm oai nghi*” (Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi), tới lúc này mới nhập Phật môn. Quý vị vừa mở kinh Phật ra, bèn thấy “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”. Vì sao? Họ trọn đủ điều lành đầu tiên, cũng có nghĩa là người ấy thật sự thực hiện “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp*”, người ấy thật sự làm được. Do người ấy có điều kiện này, nên mới có thể tiếp nhận Tam Quy, Ngũ Giới trong Phật môn, khi xuất gia sẽ tiếp nhận Sa Di Giới và hai mươi bốn oai nghi trong mười giới điều của Sa Di.

Có cơ sở như vậy thì mới có thể đạt tới điều thứ ba chính là Đại thừa Bồ tát. Điều thứ nhất của Đại thừa Bồ tát là “*phát Bồ đề tâm, thâm tín nhân quả*”. Nhân quả ở đây chẳng phải là nhân quả Tiểu thừa, hay nhân quả thế gian; nhân quả thế gian đã học trong điều thứ nhất của Tam Phúc.

Nhân quả ở đây là gì? Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, nói về pháp môn Tịnh Độ, niệm Phật thành Phật! Chẳng phải là nói tới nhân quả thông thường. Cách nói này rất thấu triệt, chúng ta chớ nên không biết! Pháp môn này dạy quý vị niệm Phật, đối với nhân quả này, quý vị phải tin tưởng, tin sâu, nguyện thiết, không ai chẳng vãng sinh.

“*Độc tụng Đại thừa*”; “*độc*” (讀) là đối trước cuốn kinh để niệm. *Tụng* (誦) là rời khỏi bản kinh, đọc thuộc lòng; quý vị niệm rất thuộc sẽ có thể đọc thuộc lòng. Đó là gì? Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, quý vị sẽ có thể thành Phật! Đại thừa là nói đến gì? Nói theo nghĩa rộng sẽ là kinh *Đại thừa*. Giảng theo nghĩa hẹp là *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh*, tức là bộ kinh này, quý vị chắc chắn thành Phật, vãng sinh thành Phật.

Kinh này phù hợp thế kỷ hiện đại này nhất. Hiện thời, khoa học kỹ thuật tiến bộ, kiến thức bùng nổ, con người chuộng đơn giản. Đơn giản nhất là bộ kinh này, mà bộ kinh *Vô Lượng Thọ* này có thể bao gồm hết thảy các kinh do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong bốn mươi chín năm, thật đấy, chẳng giả đâu!

Trong phần trước, tôi đã thưa cùng quý vị, đúng là “*một tức là hết thảy*”, chẳng sót một điều nào. Vì thế, bộ kinh này vô cùng thù thắng, thập phương chư Phật tán thán. Tôi giảng kinh suốt năm mươi hai năm. Theo kinh nghiệm của tôi, giảng bất luận kinh nào đều chẳng có pháp duyên thù thắng như giảng kinh *Vô Lượng Thọ*.

Nếu quý vị nghe kinh, chú tâm suy nghĩ quan sát, sẽ có thể quan sát thấy giảng bộ kinh này pháp duyên vô cùng thù thắng, bất luận ở nơi nào. Vì sao? Chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ. Chúng ta mắt thịt chẳng thấy chúng sinh đông đảo! Cũng có những kẻ được Hoa Lục gọi là “có công năng đặc dị”, trong Phật pháp gọi là Thiên Nhãn Thông, có thể thấy các chúng sinh ấy, họ biết đạo tràng này thánh chúng rất đông! Vì thế, đọc bộ kinh này, giảng bộ kinh này, học tập bộ kinh này, cảm ứng thù thắng khôn sánh.

“Khuyến tấn hành giả” là giáo hóa chúng sinh; đọc tụng *Đại thừa* là tự hành, tức là chính mình nương theo kinh giáo tu hành, tự hành, hóa tha; *“khuyến”* là khuyên người khác.

“Hựu viết” (lại nói), là cũng trích từ *Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh* nói: *“Nhược hữu chúng sinh nguyện sinh bỉ quốc, phát tam chủng tâm, tức tiện vãng sinh”* (Nếu có chúng sinh nguyện sinh về cõi ấy, phát ra ba thứ tâm sẽ liền vãng sinh).

Đây là phát Bồ đề tâm, vì sao Bồ đề tâm lại có ba thứ? Trong giáo pháp Đại thừa thường nói tới nhất tâm, ba tâm ở đâu ra? Ba tâm là nhất tâm, nhất tâm là tam tâm, Phật pháp nói tới Thể, Tướng, Dụng.

Ở đây, nói tới “tam tâm” tức là có Thể và Dụng. Dụng được chia thành hai: Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. Ta dùng tâm gì để đối đãi chính mình, dùng tâm gì để đối xử với người.

Quán Kinh dạy: *“Nhất giả chí thành tâm, nhị giả thâm tâm, tam giả hồi hướng phát nguyện tâm. Cự tam tâm giả,*

tất sinh bỉ quốc” (Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm; trọn đủ ba tâm ấy, ắt sinh về cõi kia).

Quý vị thấy ở đây, Thể của Bồ đề tâm là chí thành tâm. Thành (誠) là gì? Giảng chữ này như thế nào? Trong bút ký đọc sách, tiên sinh Tăng Quốc Phiên đã định nghĩa rất hay, tương ứng với Giáo pháp Đại thừa. Ông ta nói: *“Nhất niệm bất sinh, thị vị Thành”* (Một niệm chẳng sinh thì gọi là Thành). Khởi tâm động niệm sẽ chẳng có Thành! Không khởi tâm, không động niệm, tâm ấy là thành tâm, chí thành là Thành đến tột bậc. Tiên sinh Tăng Quốc Phiên cũng là một người học Phật, tôi nghĩ định nghĩa của ông ta dựa theo những điều được nói trong kinh *Đại thừa*.

“Hai là thâm tâm”, thâm tâm là Tự Thụ Dụng. Đối với cuộc sống, công việc, đãi người, tiếp vật của chính mình, phải dùng tâm nào? Dùng thâm tâm. Thâm tâm là gì? Chúng ta dùng năm chữ *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”* trong tiêu đề của kinh này. Hơn hai mươi năm trước, tôi giảng kinh này tại Mỹ. Khi tôi giảng Bồ đề tâm theo cách như vậy, mọi người dễ hiểu. Tôi thêm một chữ Chính vào Giác, thành Chính Giác ; còn Tha Thụ Dụng thì sao? Tha Thụ Dụng là tâm từ bi, ở đây nói là *“hồi hướng phát nguyện tâm”*.

Đem hết thủy công đức do chính mình đã tu, đã học, hồi hướng cho pháp giới chúng sinh, phát nguyện cầu sinh thế giới Cực Lạc, từ bi tới cùng cực. Đây là nhiếp hết thủy chúng

sinh vãng sinh Phật quốc, từ bi tới cùng cực! Chưa vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì tâm từ bi chẳng viên mãn. Vì sao? Đời sau họ vẫn phải luân hồi trong lục đạo!

Đời này, quý vị yêu thương, che chở họ, giúp đỡ họ ra sao đi nữa, đời sau họ vẫn phải luân hồi. Đức Phật giúp đỡ chúng sinh bèn giúp đến tận cùng, thật sự giúp kẻ khác về đến nhà, chẳng thể làm nửa vời. Trong một đời phải đạt tới viên mãn, quý vị nhất định phải khuyên dạy kẻ ấy niệm Phật sinh Tịnh Độ.

Chính quý vị nhất định phải là một tấm gương vô cùng tốt đẹp, khiến cho kẻ ấy sau khi trông thấy sẽ thật sự sinh tâm cảm động, thật sự có thể buông xuống vạn duyên, vãng sinh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, tới thế giới Cực Lạc thành tựu hết thấy Phật pháp. Nơi ấy là một ngôi trường tốt đẹp; sinh về thế giới Cực Lạc sẽ vô lượng thọ, có thời gian lâu dài!

Tìm chẳng ra nơi chốn nào học Phật tốt hơn thế giới Cực Lạc, mười phương chư Phật tán thán. Quý vị thấy ngay cả Tỳ Lô Giá Na Phật trong thế giới Liên Hoa tạng cũng tán dương Văn Thù và Phổ Hiền đã dẫn bốn mươi một địa vị Pháp thân đại sĩ sang thế giới Tây Phương Cực Lạc, học tập Phật A Di Đà, tuyệt diệu!

Chúng ta thấy rõ chân tướng sự thật này, nghĩ thông suốt, sau đây sẽ khẳng định một mục quy tâm Tịnh Độ, chẳng làm điều gì khác nữa!

Trong các buổi giảng trước đây, tôi đã thưa với quý vị nhiều lần, thầy Lý ban cho tôi bản mi chú bộ kinh này. Sau khi tôi đọc xong, sinh tâm đại hoan hỷ.

Khi ấy, tôi đang giảng kinh *Hoa Nghiêm*, chẳng muốn giảng nữa. Giảng kinh *Hoa Nghiêm* được phân nửa, bộ *Bát Thập Hoa Nghiêm* giảng được phân nửa, bộ *Tứ Thập Hoa Nghiêm* giảng được phân nửa, tôi không muốn giảng, đã nghĩ sẽ phát tâm chuyên giảng bộ kinh này.

Trước sau tôi đã giảng kinh này mười lượt, lần này là lần thứ mười một, chuyên tu Tịnh Độ. Vì sao sau này lại giảng kinh *Hoa Nghiêm*? Tôi thưa với quý vị, là do ba người khai thỉnh, pháp sư Khai Tâm ở Đài Loan, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ ở Bắc Kinh, Hàn Quán Trưởng của Hoa Tạng Đồ Thư Quán hai hôm trước khi vãng sinh, ngã bệnh nằm trong bệnh viện, đã khẩn thiết yêu cầu, mong tôi giảng kinh *Hoa Nghiêm* viên mãn.

Do trước đây giảng không có các thiết bị, tôi giảng *Hoa Nghiêm* lần đầu tiên không chỉ chẳng thu hình, mà ngay cả thu âm cũng không có. Bà ta hy vọng tôi có thể giảng cặn kẽ từ đầu một lượt, khi ấy vẫn là dùng băng video, lưu lại cho người đời sau tham khảo. Tôi thấy bà ta bệnh rất nặng, nhằm an ủi bà ta bèn đáp ứng; đấy là nhân duyên giảng kinh *Hoa Nghiêm* lần thứ hai.

Tôi di dân sang Tân Gia Ba. Ở Tân Gia Ba gần bốn năm, cư sĩ Lý Mộc Nguyên biết chuyện này, đã thay mặt ba vị đại đức ấy chính thức khai thỉnh. Vì vậy, kinh *Hoa Nghiêm* được khai

giảng tại Tân Gia Ba Cư Sĩ Lâm. Chúng tôi giảng hơn bốn ngàn giờ, giảng được bao nhiêu? Đại khái là giảng một phần năm kinh *Bát Thập Hoa Nghiêm*, giảng rất tỉ mỉ, mọi người rất hoan hỷ. Kinh này là *Trung Bản Hoa Nghiêm*, xét đến tiến độ học tập của chúng ta lần này ở nơi đây. Ngày hôm nay là ngày thứ hai mươi lăm, chúng ta học đến trang hai mươi lăm, hai giờ học được một trang, e rằng bản *Đại Kinh Giải* của lão nhân gia cũng gần một ngàn trang, như vậy là một ngàn lần, tức là một ngàn lần hai giờ.

Phương pháp học tập này có thụ dụng, càng cẩn kẽ, càng hoan hỷ, đúng là pháp hỷ sung mãn, chúng tôi vẫn muốn tăng nhanh tiến độ hơn một chút. Vì thế, đối với ba thứ tâm này, chúng tôi dùng văn tự đơn giản dễ hiểu nhất để mọi người xem đến sẽ rất dễ hiểu. Đó là mười từ: Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi. Chúng ta phải thật sự phát những tâm ấy. Dùng những tâm ấy cầu sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, quyết định được vãng sinh. Đầy đủ ba tâm, ắt sinh về cõi ấy!

“Phát thử tam tâm, diệt tức phát Bồ đề tâm dã. Hựu Mật Tông tối trọng phát đại Bồ đề tâm” (Phát ba tâm ấy, cũng chính là phát Bồ đề tâm. Lại nữa, Mật Tông xem trọng phát đại Bồ đề tâm nhất). Hoàng lão cư sĩ từng tham Thiền, học Mật, cụ là Kim Cương Thượng Sư trong Mật Tông, Hiển Mật viên dung, thông Tông, thông Giáo, là một vị trưởng giả đại đức hiếm có.

“Kỳ giáo điển Bồ đề Tâm Nghĩa vân: Bồ đề chi tâm, thành Phật chi bản, đại sự nhân duyên mạc quá ư thử” (Giáo điển Bồ đề Tâm Nghĩa của họ có nói: “Tâm Bồ đề là cội rễ thành Phật, đại sự nhân duyên không có gì hơn điều này”). Những từ ấy nói lên tính trọng yếu của Bồ đề tâm. Bồ đề là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán có nghĩa là Giác. *“Tâm Bồ đề là giác tâm”* tức là như trong tiêu đề kinh đã nói *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”*.

Tôi thường thưa trình cùng quý vị, mà cũng nhắc nhở mọi người, tâm thanh tịnh là A La Hán, tâm bình đẳng là Bồ tát, giác tâm là Phật. Đức Phật đã giác ngộ, giác do đâu mà có? Giác do bình đẳng mà có, bình đẳng là tam-muội. Trì giới sẽ có thể đắc thanh tịnh tâm, nhân Giới đắc Định, Định là tam-muội. Đắc tam-muội, tâm bình đẳng hiện tiền, định tới một mức độ nhất định sẽ tự nhiên khai ngộ.

Giác là khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, đó là căn bản để thành Phật, là đại sự nhân duyên không gì hơn được! Đó là nói rõ chúng ta học Phật là một đại sự nhân duyên. Vì sao? Trở về tự tính. Chúng sinh mê mất tự tính, đọa lạc trong mười pháp giới, đọa lạc trong lục đạo luân hồi, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ và tạo tác hoàn toàn trái nghịch Tính Đức, cho nên chịu khổ chịu nạn.

Nói theo giáo nghĩa Đại thừa, tai nạn do đâu mà có? Tâm hạnh bất thiện. Vì sao? Học đã nhiều năm như vậy, tâm quý vị đều hiểu khá rõ ràng: *“Hết thấy các pháp sinh từ tâm*

tưởng”. Kiên định thiện tâm, thiện nguyện, hoàn cảnh cư trú của chúng ta sẽ biến thành đại địa cứng chắc, sẽ chẳng có tai nạn, động đất, đất đá chúi!

Hôm trước, xem một bản tin, tôi còn xem hình chụp minh họa, dường như ở Đài Loan bị núi lở, cả ngọn núi sụp xuống, cây cối mọc trên núi vẫn còn nguyên, ở chính giữa, đột nhiên mặt đất sụp nát. Trước nay chưa hề thấy hiện tượng này, chẳng hề thấy! Nói theo Phật pháp, đây là cái nhân gì? Tâm hạnh của chúng ta bất thiện cảm vờ đại địa lỏng lẻo, lay động, chẳng ổn định. Có đúng hay không?

Nay ta suy nghĩ, có mấy ai định tâm? Tâm đều chẳng định, có thể nói là “tâm hoảng, ý loạn”. Đại chúng trong xã hội hiện thời đều là như vậy, chẳng có cảm giác an toàn. Không giống như người thuở trước, trước đây lòng người an định, tâm họ an định ở nơi đâu? Định tại luân lý, đạo đức. Bởi lẽ giáo dục thuở trước nhằm dạy vun bồi vững vàng căn bản, dạy quý vị định tại hiếu đễ, định tại Ngũ Luân, định tại Ngũ Thường, định tại Tứ Duy, Bát Đức. Suốt đời khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, cuộc sống đều tốt đẹp, làm việc cũng tốt đẹp, đãi người tiếp vật, chẳng vượt quy củ, nên tâm họ định.

Hiện thời chẳng còn nữa; hiện thời tâm bất định, không có cảm giác an toàn, nên đại địa lỏng lẻo, đại địa cũng chẳng định; giải thích chuyện này theo giáo pháp Đại thừa sẽ thấy thông suốt.

Nếu chúng ta chẳng thể nghiêm túc học tập giáo huấn của thánh hiền hòng định cái tâm, những chuyện này (thiên tai) sẽ thường xuyên nảy sinh, càng ngày càng nhiều, phiền toái lắm! Có ngăn ngừa, cũng chẳng thể ngăn ngừa xiết!

Quý vị thấy trong hai năm qua, số lần động đất nhiều hơn quá khứ quá lớn. Xét trên toàn thế giới, mỗi tháng đều có vài lần, chẳng cố định ở một nơi nào cả! Số lần xảy ra càng ngày càng nhiều, tai hại ngày càng nghiêm trọng.

Hãy nhớ *“hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng”*, đức Phật nói câu này quá hay! Tâm chúng ta suy tưởng chuyện gì? Phải thường nghĩ đến giáo huấn, luân lý, đạo đức của thánh hiền, thường nghĩ đến giáo huấn của Phật.

Đức Phật bảo chúng ta hãy *“phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”*, tâm định chắc nơi thế giới Cực Lạc, tâm định chắc nơi A Di Đà Phật. Tâm chúng ta đã định, núi, sông, đại địa cũng được củng cố theo, sẽ chẳng xuất hiện vấn đề. Do vậy, phải định chắc nơi phát Bồ đề tâm. Chúng ta vẫn chưa thể thực hiện tâm chân thành. Vì sao? Nếu làm được, quý vị sẽ vượt thoát mười pháp giới, thành Phật rồi! Nhưng chúng ta phải hết sức nghiêm túc học tập tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, học trong cuộc sống hằng ngày.

Phần trước *Vãng Sinh Luận* đã dạy chúng ta học vô nhiễm thanh tịnh tâm. Biết những gì là ô nhiễm, chúng ta xa lìa ô nhiễm. Phải nhớ: Tự tư tự lợi là ô nhiễm, tiếng tăm, lợi dưỡng là ô nhiễm, hưởng thụ ngũ dục lục trần là ô nhiễm,

tham, sân, si, mạn là ô nhiễm. Ô nhiễm nhiều quá! Quý vị phải có tuệ nhãn, thấy rõ rệt, phân định rõ ràng, xa lìa hết thấy ô nhiễm, trở về tâm thanh tịnh.

Sau khi đạt được tâm thanh tịnh, lại tiến thêm bước nữa là tu tâm bình đẳng, tâm bình đẳng học từ nơi đâu? Học từ khiêm ty, tôi chẳng nói khiêm hư, mà là khiêm ty. Ngay cả kinh *Mân Cô* của Thiên Chúa giáo, đoạn thứ nhất dạy con người hãy học theo đức khiêm ty của Đức Mẹ Maria. Tại Trung Quốc, câu đầu tiên trong sách *Lễ Ký* là “*Khúc Lễ viết: Vô bất kính*” (Khúc Lễ nói: “Không gì chẳng kính”).

Theo *Lễ Ký*, tinh thần của lễ là gì? Tự nhún mình, đề cao người khác, chính mình khiêm ty, tôn trọng người khác, đó là lễ, là căn bản của lễ. Quyết định chẳng ngạo nghễ, ngã mạn! Ngạo nghễ, ngã mạn sẽ cảm với gì? Động đất. Chúng ta bèn hiểu: Nếu chúng ta tự nhún mình, tôn trọng người khác, nơi chúng ta ở sẽ chẳng bị động đất. Chúng ta phải tin tưởng Phật và lời đức Phật nói, nếu không tin sẽ chẳng có cách nào hết! Nhất định phải tin tưởng, quyết định chớ hoài nghi, sẽ phát sinh hiệu quả. Nếu quý vị có kiến thức giống như những người bình thường: “Phật là mê tín, không có căn cứ khoa học” sẽ rắc rối to! Tai nạn hiện tiền !

Tiếp theo: “*Hựu Bồ đề tâm Luận vân: Thử Bồ đề tâm, năng bao tàng nhất thiết chư Phật công đức pháp cố. Nhược tu chứng xuất hiện, tắc vi nhất thiết đạo sư. Nhược quy bản, tắc thị Mật Nghiêm độ, bất khởi ư tọa, năng thành nhất thiết*

Phật sự” (Lại nữa, *Bồ Đề Tâm Luận* nói: “Tâm Bồ đề này có thể chứa đựng pháp công đức của hết thảy chư Phật. Nếu tu chứng xuất hiện, sẽ là đạo sư của hết thảy. Nếu trở về gốc sẽ là cội Mật Nghiêm, chẳng rời khỏi tòa mà có thể thành tựu hết thảy Phật sự”).

Đây là một đoạn trích từ *Bồ Đề Tâm Luận*, từ đây cho đến cuối đều là những điều được nói trong *Bồ Đề Tâm Luận*. Bồ đề tâm có thể “*bao tàng*” (Bao (包) là bao dung, Tàng (藏) là chứa đựng) pháp công đức của hết thảy chư Phật, có nghĩa là tự tính vốn sẵn đủ hết thảy trí tuệ và đức tướng, có thể sinh ra vạn pháp. *Bồ Đề Tâm Luận* đã hiển thị vạn pháp từ đâu sinh ra? Sinh từ Bồ đề tâm. Đúng hay không? Đúng vậy! Ý nghĩa này quá sâu. Thể của tự tính là Bồ đề tâm, tự tính có thể sinh ra vạn pháp.

Huệ Năng Đại sư kiến tính đã nói năm câu để hình dung Bồ đề tâm: “*Hà kỳ tự tính, bản tự thanh tịnh*” (Nào ngờ tự tính vốn tự thanh tịnh). Chân tâm của chúng ta vĩnh viễn thanh tịnh, chưa hề bị ô nhiễm. Ô nhiễm là A Lại Da bị ô nhiễm, nó là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm; trước nay chân tâm chưa hề bị ô nhiễm! “*Bản bất sinh diệt*” (vốn chẳng sinh diệt), “*Bản tự cụ túc*” (vốn tự trọn đủ), trong câu này có rất nhiều ý, vốn tự trọn đủ thì điều thứ nhất là gì? Trí tuệ là bậc nhất, tức là như trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật đã nói: “*Hết thảy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai*”. Trí tuệ là bậc nhất. Trí tuệ là gì?

Trí tuệ là Bồ đề tâm, giác tâm, Bản Giác. *Khởi Tín Luận* giảng: “*Bản Giác vốn có, bất giác vốn không*”. Bất giác là A Lại Da, là vọng tâm. Bất giác vốn không, Bản Giác vốn có. Giác tâm là Bồ đề tâm. Giác tâm trọn đủ vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo; nên nó có thể sinh ra vạn pháp. Gặp duyên bèn hiện vạn pháp. Duyên ấy là gì? Nhất niệm động, nay chúng ta nói là “dao động”, một niệm vô cùng vi tế ấy dao động!

Sự dao động ấy không có nhân, sau khi dao động bèn có nhân, có quả; chỉ có cái đầu tiên là không có nhân, nên gọi là “vô thủy vô minh”, thứ ấy không có nhân! Nếu quý vị muốn truy cứu cái nhân của nó, tức là đẩy lên phân biệt, khởi lên chấp trước, quý vị sẽ càng mê sâu hơn! Sự dao động thứ nhất chẳng có nhân.

Đức Phật giảng rất hay, vì sao không có nhân? Vô thủy, không có khởi đầu. Vô thủy đương nhiên sẽ chẳng diệt. Hễ có khởi đầu sẽ có kết thúc, nó chẳng có khởi đầu! Vì thế, câu nói này đã nói toạc ý nghĩa, đã không có bắt đầu thì quý vị chẳng cần phải hỏi, chẳng cần phải nghĩ tới nó. Vì thế, chẳng thể nghĩ bàn! Hễ quý vị vừa nghĩ hoặc nói bèn trật lất rồi, mà cũng chẳng biết trật đến đâu nữa! Lời này nói thật hay! Đây là ngôn ngữ thiện xảo. Nó có thể chứa đựng, vốn ẩn chứa sẵn; câu nói thứ ba của Huệ Năng Đại sư, tức câu “*nào ngờ tự tính vốn tự trọn đủ*” mang ý nghĩa này!

Ở đây nói “*pháp công đức của hết thầy chư Phật*”, nó chính là “*trí tuệ và đức tướng*” như trong kinh *Hoa Nghiêm*

đã nói. Trong tiêu đề kinh này, trí tuệ là “Đại thừa”, đức là “Vô Lượng Thọ”, tướng là “trang nghiêm”, toàn bộ được bao gồm trong tiêu đề kinh.

Thế giới Cực Lạc là cái được hiện, “*nhược tu chứng xuất hiện, tắc vi nhất thiết đạo sư*” (nếu tu chứng xuất hiện, sẽ là đạo sư của hết thảy). Phật A Di Đà tu chứng xuất hiện, chúng ta thấy Ngài năm kiếp tu hành, đã tu thành công! Thế giới Cực Lạc bèn xuất hiện, thế giới Cực Lạc vẫn sinh từ tâm tưởng!

Ngẫu Ích Đại sư có một ngoại hiệu là Tây Hữu Đạo Nhân. Tây là Tây Phương, ngoại hiệu ấy nghĩa là gì? Tây Phương có thật! Ngài chứng minh với mọi người, cõi Tây Phương có thật, nên tự xưng là Tây Hữu Đạo Nhân.

Phật A Di Đà tu chứng xuất hiện, bèn xuất hiện thế giới Tây Phương Cực Lạc, Ngài trở thành đạo sư của hết thảy đại chúng vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Đạo Sư là Phật, chỉ dạy đại chúng tu hành chứng quả. Tu hành trong thế giới Cực Lạc vẫn là tiến lên cao hơn từng cấp một, nhưng tốc độ nhanh chóng, chẳng giống như các thế giới phương khác, thời gian tu hành rất dài. Vì sao? Chướng duyên quá nhiều, chướng ngại quá nhiều, hoàn cảnh tu hành chẳng tốt đẹp, thọ mạng ngắn ngủi, còn chưa thành công mà thọ mạng đã hết rồi! Chuyển thế trở lại, tối thiểu bỏ phí thời gian mười mấy, hai mươi năm, hễ làm lỡ bèn bị thoái chuyển, thoái chuyển với một mức độ lớn!

Người trong thế giới Tây Phương Cực Lạc chẳng có sinh tử, vô lượng thọ. Hơn nữa, họ chẳng lãng phí, bỏ lỡ thời gian một phút, một giây nào! Đây là do bản nguyện và oai thần của Phật A Di Đà gia trì, niệm niệm đều tiến bộ.

Hoàn cảnh tu học ấy tìm đâu ra? Trong các cõi Phật ở mười phương đều chẳng có! *“Nhược quy bản, tắc thị Mật Nghiêm độ”* (nếu trở về gốc, sẽ là cõi Mật Nghiêm). Mật là gì? Chẳng phải là bí mật. Nếu bí mật chẳng thể nói với ai thì chưa hề là chuyện tốt. *“Mật”* (密) trong Phật pháp là “thâm mật”, tức là Lý quá sâu, Lý và Sự vô cùng sâu mầu. *“Nghiêm”* (嚴) là trang nghiêm. Cõi Mật Nghiêm là gì? Chính là thế giới Tây Phương Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng.

Nói rộng, cõi Thật Báo Trang Nghiêm của hết thầy chư Phật đều là cõi Mật Nghiêm; nhằm phân biệt với mười pháp giới, các cõi thuộc mười pháp giới chẳng kiên cố như vậy. Cõi Mật Nghiêm vĩnh viễn chẳng có tai biến. Nó được thành tựu như thế nào? Chúng ta phải nhớ: Bồ đề tâm thành tựu.

Chúng tôi nhắc lại câu này một lượt, mọi người sẽ khắc sâu ấn tượng, *“chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi”*. Quý vị có thể làm được những điều ấy, sẽ *“tu chứng xuất hiện, làm đạo sư của hết thầy”*, sẽ thấy Phật A Di Đà. Vì sao? Chính quý vị là Phật A Di Đà, thấy thế giới Cực Lạc, cõi Mật Nghiêm là thế giới Cực Lạc. Thân là thân kim cương bất hoại, tức chính báo; cõi nước là y báo, trang nghiêm khôn sánh!

Thế giới Tây Phương Cực Lạc được gọi là cõi do thất bảo thành tựu; “*thất*” chẳng phải là con số, mà nhằm biểu thị sự viên mãn. “*Thất*” phải hiểu như thế nào? Đông, Nam, Tây, Bắc, trên, dưới, chính giữa, dùng ý nghĩa này, đó là ý nghĩa viên mãn. Nói cách khác, do vô lượng vô biên trân bảo hợp thành. Đó là gì? Lòng tin kiên định thành tựu.

Chúng sinh trong thế gian này mê mất tự tính. Hiện thời, chúng sinh mang tâm gì nặng nhất? Tâm nghi nặng nhất! Vì thế, hết thấy điều lỏng lẻo, phiền phức bèn xảy ra. Đối với chuyện gì cũng đều hoài nghi, thật sự phiền phức; nghiêm trọng nhất là hoài nghi thánh giáo, hoài nghi giáo huấn của tiền nhân.

Ngạn ngữ có câu: “*Bất thính lão nhân ngôn, ngật khuy tại nhĩn tiền*” (chẳng nghe lời người già, thua thiệt ngay trước mắt). Tiền nhân yêu thương, quan tâm người đời sau, chẳng lừa gạt quý vị. Phật, Bồ tát yêu thương, quan tâm chúng sinh, cũng chẳng lừa gạt quý vị. Quý vị không tin, sẽ chẳng có phúc báo.



TÌNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 26



Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang hai mươi lăm, dòng thứ tư, từ dưới đếm lên, xem từ chữ cuối cùng.

“Hựu Tán Bồ đề tâm viết: Nhược nhân cầu Phật tuệ, thông đạt Bồ đề tâm, phụ mẫu sở sinh thân, tốc chứng Đại Giác vị” (Lại nữa, bài *Tán Bồ đề tâm* có đoạn: “Nếu ai cầu Phật tuệ, thông đạt Bồ đề tâm, từ thân cha mẹ sinh, mau chứng ngôi Đại Giác”).

Trong những điều được giảng bởi bốn câu kệ này, câu đầu tiên nói về sự học Phật, các đồng học chúng ta phải chú ý, học Phật là học gì? Là cầu Phật tuệ; Phật tuệ ở đâu? Phật tuệ vốn sẵn có. Tuy sẵn có, nhưng chúng ta mê mất.

Cầu Phật tuệ là tìm lại trí tuệ Bát nhã sẵn có trong tự tính, đó gọi là “học Phật”, thật sự học Phật! Trong *Đại Kinh* thời thời khắc khắc nhắc nhở chúng ta một câu mà đức Phật đã nói rất nhiều lần: *“Một tức là hết thấy, hết thấy tức là một”*. Tìm được Phật tuệ thì toàn bộ vô lượng công đức trong tự tính đều tìm được. Đức Phật thường nhắc tới trí tuệ và đức tướng, ở đây chỉ nói đại lược những điều chính yếu, chứ nói chi tiết sẽ chẳng thể nói trọn!

Vô lượng vô biên trí tuệ và đức tướng toàn bộ đều tìm lại được, đó là thật sự học Phật. Quan trọng nhất trong việc cầu Phật tuệ là phát Bồ đề tâm. Ở đây, “*thông*” và “*đạt*” đều mang ý nghĩa “*phát*”. “*Thông*” là thông suốt, trôi chảy, chẳng có chướng ngại, “*đạt*” là đạt đến. Bồ đề tâm là gì? Trước, tôi đã

thưa cùng quý vị, “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi*” viên mãn!

Nay chúng ta tìm lại Bồ đề tâm như thế nào? Thứ nhất, tâm chúng ta chẳng chân thành! Vì sao? Tâm chúng ta có chấp trước, có phân biệt, có vọng tưởng. Nếu nói thông thường đơn giản, thì không khởi tâm, không động niệm sẽ là chân tâm, khởi tâm động niệm là vọng tâm.

Vì sao có vọng tâm? Đức Phật nói rất hay: “*Nhất niệm bất giác nhi hữu vô minh*” (một niệm bất giác bèn có vô minh). Một niệm bất giác là vô minh, gọi là vô thí vô minh. Vô thí chẳng phải là quá khứ quá lâu chẳng thể tìm được bèn gọi là vô thí, chẳng phải là ý nghĩa ấy!

Thưa quý vị, vô thí là chẳng có khởi đầu, đúng vậy, nó là nhất niệm ngay trong lúc này! Bồ tát Di Lặc đã nói, trong một giây, hiện thời chúng ta dùng giây làm đơn vị, nếu một giây khảy ngón tay năm lần, sẽ có một tỷ sáu trăm triệu niệm. Một niệm trong ấy gọi là “*nhất niệm bất giác*”. Chẳng phải là chúng ta tưởng tượng mà nói ra; chúng ta tưởng tượng thì sẽ chẳng biết có bao nhiêu niệm. Mỗi vọng tưởng đều dùng con số “triệu” để tính toán. Một niệm ngắn nhất trong một cái khảy ngón tay, nhưng một cái khảy ngón tay đã trải qua ba trăm hai mươi triệu niệm.

Đức Phật nói tới cái niệm ấy, niệm ấy vô thí. Niệm niệm đều vô thí; do vậy, niệm niệm cũng chẳng diệt, bất sinh, bất diệt, thật vậy! Quý vị chẳng tìm được sự sinh diệt của nó. Vì

thế, đối với vấn đề này, chúng ta thường hiểu nó là sinh diệt đồng thời, tốc độ quá nhanh! Không chỉ chẳng có cách nào diễn tả bằng ngôn ngữ, mà ngay cả thức thứ sáu của chúng ta cũng chẳng nắm bắt được sự sinh diệt ấy.

Thức thứ sáu phân biệt nhanh lẹ nhất mà vẫn chẳng nắm bắt được! Vì sao đức Phật biết được ý niệm vi tế như thế là nhất niệm bất giác? Đức Phật dạy: Từ Bát Địa Bồ tát trở lên đều biết! Chúng ta bèn hiểu Bát Địa Bồ tát có công phu định lực ra sao, quý vị tu Thiền Định đến Bát Địa sẽ thấy.

Tâm phải thanh tịnh dường ấy mới có thể cảm nhận được sự sinh diệt trong dao động vô cùng vi tế ấy, khởi lên và diệt mất có cùng ý nghĩa với sinh diệt. Vì thế, Bát Địa Bồ tát thấy được, Cửu Địa thấy được, Thập Địa thấy được, Đẳng Giác thấy được, Diệu Giác thấy được, rất nhiều người thấy, chẳng phải chỉ một. Vì vậy, Bồ đề là giác ngay trong một niệm hiện tiền, vô minh là một niệm mê ngay trong hiện tiền. Một niệm giác sẽ bất động.

Huệ Năng Đại sư đã nói rất hay: *“Nào ngờ tự tính vốn chẳng lay động”*, đó là một niệm giác. Một niệm mê là vọng động, là chuyển động. Vô minh là tướng động, cho nên Nghiệp Tướng của A Lại Da là vô minh, tức vô thủ vô minh.

Vì vậy, chúng ta cầu Phật tuệ, nhất định phải phát Bồ đề tâm. Hiện tại, tâm chúng ta chẳng thành thật, chúng ta hiểu rõ điều này, đúng là chẳng chân thành. Chúng ta phải học theo đức Phật, học theo Pháp thân Bồ tát, sử dụng chân tâm,

dùng thành ý, phải bắt đầu ngay từ bây giờ, chớ nên chờ đợi! Hễ chờ đợi là xong luôn, phải thực hiện ngay trong hiện tiền, xử sự, đãi người, tiếp vật, sinh sống, làm việc đều dùng cái tâm chân thành.

Mọi người nghĩ trong xã hội này, nếu dùng cái tâm chân thành sẽ rất thiệt thòi, người khác lừa gạt ta, ta chẳng lừa người khác sẽ bị thiệt thòi.

Quý vị phải giác ngộ, kẻ khác lừa ta, ta cũng lừa hẩn, như vậy chính là người khác tạo nghiệp lục đạo, ta cũng tạo nghiệp lục đạo; người khác tạo nghiệp tam đồ, ta cũng tạo nghiệp tam đồ, chẳng phải là ý nghĩa ấy hay sao?

Nếu quý vị muốn thoát ly tam đồ, thoát ly mười pháp giới, hãy học theo Phật, Bồ tát hành chân thật, chẳng giả. Điều này rất trọng yếu, đó là giác ngộ!

Quý vị nhất niệm giác, sẽ chẳng theo sóng đuổi sóng, chẳng tạo nghiệp trong biển khổ lục đạo, chẳng tạo nữa, sử dụng tâm chân thành. Tâm chân thành xét theo Tự Thụ Dụng là tâm thanh tịnh, quả thật chẳng còn nhiễm dơ nữa, điều này cần phải có công phu. Vì sao? Trong thế gian này, đặc biệt là trong xã hội hiện tiền, ngũ dục lục trần luôn dụ dỗ, mê hoặc quý vị, tài, sắc, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ, thứ gì cũng đều dụ dỗ, mê hoặc, mà quý vị có thể chẳng bị lay động thì mới đắc tâm thanh tịnh.

Nếu quý vị bị chúng lay động, tâm thanh tịnh sẽ mất đi ngay lập tức, Bồ đề sẽ chẳng thông suốt, con đường ấy chẳng

thông suốt. Tâm thanh tịnh thì con đường ấy sẽ thông suốt. Sau khi đắc tâm thanh tịnh, nếu còn có thể tiến thêm bước nữa, đắc tâm bình đẳng. Bình đẳng là Phật tâm.

Phật nói ở đây chính là địa vị Phật trong mười pháp giới, Phật tâm. Tiến cao hơn bước nữa là vị Phật thật sự, Bồ đề tâm bền thông suốt, đạt tới viên mãn.

Do vậy, biết tâm bình đẳng gần với Bồ đề tâm nhất. Quý vị xem tiêu đề kinh này, sau “thanh tịnh, bình đẳng” là “giác”; bình đẳng mới có thể giác, bất bình đẳng sẽ chẳng giác. Phải triệt để diệt sạch tập khí ngã mạn thì mới bình đẳng.

Từ chỗ này, quý vị có thể hiểu rõ vì sao phải học khiêm ty? Vì sao ta phải khiêm ty đối với người khác, khiêm ty đối với hết thảy chúng sinh? Vốn là để thông với Bồ đề tâm. Mảy may tập khí kiêu mạn nào sẽ đều chướng ngại Bồ đề tâm, chẳng thông suốt.

Quý vị nói xem: Khiêm ty có ích cho ai? Có đại lợi ích cho chính mình! Chẳng phải là đối với người khác, mà sự thật là thông suốt Bồ đề tâm của chính mình! Quý vị nói xem chuyện này có trọng yếu lắm hay chẳng? Thông đạt Bồ đề tâm phải thực hiện bằng khiêm ty; khiêm ty đối với người khác, khiêm ty đối với hết thảy động vật, đối với muỗi, trùng, kiến đều khiêm ty.

Chúng ta gọi chúng nó là “Bồ tát kiến, Bồ tát muỗi”. Cung kính từ nội tâm đối với chúng nó, chúng nó sẽ cảm nhận được! Hiện thời, kể như chúng ta đã hiểu rõ, học sách *Hoàn*

Nguyên Quán, chúng ta biết mỗi vi trần, mỗi sợi lông, hay nói theo thuật ngữ khoa học hiện tại, mỗi tế bào, mỗi hạt (hạt cơ bản), đều do Ngũ Uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức hiện ra. Nói cách khác, nó có thể tích rất nhỏ, nhục nhãn của chúng ta chẳng thể thấy được! Nó có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, những thứ này là A Lại Da, nó có thể biến hiện vạn pháp. Hết thấy vạn pháp đều do những hạt cơ bản này hợp thành. Có khoa học gia nói những hạt cơ bản này là một hiện tượng dao động. Chẳng sai! Quả thật là hiện tượng dao động, một niệm bất giác là dao động, từ dao động mà có, nói chẳng sai tí nào! Hễ chẳng động bèn chẳng có, Ngũ Uẩn chẳng có! Vì thế, Bát nhã hiện tiền, chiếu kiến Ngũ Uẩn đều Không; nay chúng ta biết Ngũ Uẩn là hạt cơ bản, nhỏ hơn tế bào!

Thật sự có thể thông đạt thì “*phụ mẫu sở sinh thân, tức chứng Đại Giác vị*” (thân do cha mẹ sinh, mau chứng ngôi Đại Giác). Hai câu này nói đến sự chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo trong một đời. Chỉ cần quý vị dùng Bồ đề tâm, chắc chắn có thể chứng đắc.

Pháp môn Tịnh Tông này bảo đảm quý vị thành tựu trong một đời, chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, thật sự tu hành, công phu chân thật, trong cuộc sống chẳng còn khởi tâm động niệm nữa. Trong công việc, trong đãi người, tiếp vật, trong hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng khởi tâm, không động niệm, bèn thành Phật viên mãn!

Chuyện này chưa thể làm được! Chưa thể không khởi tâm, không động niệm, khó quá! Chẳng phải là người tầm thường mà hòng làm được. Phật pháp nói người có thể làm được như vậy là bậc thượng thượng căn. Phật Thích Ca Mâu Ni đã thị hiện như thế.

Tại Trung Quốc, vào đời Đường, Huệ Năng Đại sư cũng biểu diễn, bậc thượng thượng căn đấy! Kẻ căn cơ trung hạ, tập khí phiền não nặng nề huân tu từ vô thủy kiếp gặp duyên, có thể tu hành thành tựu trong một đời hay không?

Thiền Đạo Đại sư đã nói một câu rất hay: *“Tổng tại ngộ duyên bất đồng”* (nói chung là do gặp duyên sai khác). Duyên là cơ hội! Nếu quý vị gặp được cơ duyên tốt đẹp, sẽ có thể thành tựu, sẽ quay đầu trong một đời này!

Gặp gỡ thánh giáo, gặp Đại thừa, gặp Tịnh Độ, là duyên!

Gặp gỡ thiện tri thức tốt lành, tức là gặp thầy, thiện hữu và đồng học tốt lành, gặp hoàn cảnh tu học tốt đẹp, thật sự khó! Quả thật chẳng dễ dàng!

Những điều ấy quý vị đều gặp, chắc chắn sẽ thành tựu trong một đời này, duyên trọn đủ, thiện căn trọn đủ, phúc đức trọn đủ. Thiện căn là có thể tin, có thể hiểu; phúc đức là thật sự làm. Vậy thì quý vị sẽ nhanh chóng chứng địa vị Đại Giác.

Tiếp theo: *“Hựu chư kinh chi vương Hoa Nghiêm kinh vân: Vong thất Bồ đề tâm, tu chư thiện pháp, thị danh ma nghiệp”* (Lại nữa, vua của các kinh là kinh *Hoa Nghiêm* có dạy: “Tu các pháp lành mà quên mất Bồ đề tâm thì gọi là ma nghiệp”).

Kinh *Hoa Nghiêm* nói như thế, chúng ta đọc qua, nhưng tu hành bèn quên luôn Bồ đề tâm. Thật sự! Thậm chí quý vị học tập kinh giáo, giảng kinh, thuyết pháp trên giảng tòa, quên sạch Bồ đề tâm. Có sao quên sạch? Chẳng phải là tâm chân thành, vẫn xen tạp tiếng tăm, lợi dưỡng, vẫn xen tạp tự tư tự lợi, quên sạch Bồ đề tâm, quên sạch sanh sanh ư! Nói cách khác, hễ còn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng có Bồ đề tâm! Đó là gì? Đó là tâm lục đạo chúng sinh, là tâm luân hồi. Tâm luân hồi giảng kinh cũng là nghiệp luân hồi, bất quá nó là thiện nghiệp trong nghiệp luân hồi, quả báo trong tương lai là tam thiện đạo, không thoát khỏi lục đạo luân hồi, vì vậy, nói nó là ma nghiệp!

Do đó, tu hết thấy các thiện pháp, tu Phật pháp, đều gọi là ma nghiệp, là phúc báo trong lục đạo. Quý vị tu đến Sắc Giới Thiên, tu tới Vô Sắc Giới Thiên, vẫn chưa được! Tuổi thọ trong Vô Sắc Giới Thiên đã hết, vẫn phải đọa lạc, ngàn năm bảo là “trèo cao, ngã đau”.

Trèo tới Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, sau khi đã chết, trong kinh đức Phật thường dạy, thường là đọa xuống địa ngục A Tỳ. Vì sao? Tín tâm của người ấy dao động! Người ấy làm tướng Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên là Đại Bát Niết Bàn do chư Phật đã chứng đắc, ngộ là đạt tới cảnh giới ấy thì chính mình đã chứng đắc Đại Bát Niết Bàn, bất sinh, bất diệt! Tới khi công phu định lực mất đi, thọ mạng như trong kinh đã nói cũng chính là công phu định lực của vị trời ấy, công phu định lực của vị ấy tồn tại tám mươi ngàn đại kiếp.

Khi đã hết tám mươi ngàn đại kiếp, định mất đi. Khi mất đi, vị ấy bèn nghĩ: “Trước kia, chư Phật, Bồ tát đã đối gặt ta, chúng đấng Đại Niết Bàn sẽ chẳng sinh, chẳng diệt. Có sao nay phiền não của ta lại hiện hành?”. Do một niệm ấy bèn tạo tội nghiệp địa ngục A Tỳ, hủy báng thánh hiền, Phật, Pháp, Tăng. Do tội nghiệp ấy bèn đọa địa ngục, quý vị nói có đáng sợ lắm hay không? Vị ấy chẳng biết chính mình làm lỗi, lại đổ thừa Tam Bảo.

“Phát tâm chi yếu, bất ngôn khả dụ” (Tầm trọng yếu của phát tâm, chẳng thể dùng lời lẽ nào tả được), chúng ta nhất định phải nhớ lời này!

Kế tiếp: *“Nguyên Hiếu sư đẳng”* (các vị như ngài Nguyên Hiếu v.v...), vị này đã nói trong phần trước, *“dĩ phát Bồ đề tâm vi chính nhân, niệm Phật vi trợ nhân”* (cho rằng: Phát Bồ đề tâm là chính nhân, niệm Phật là trợ nhân). Trong *Yếu Giải*, Ngẫu Ích Đại sư đã tuân theo ý nghĩa này! Trong bản *Yếu Giải* chú giải kinh *Di Đà* của Ngẫu Ích Đại sư, Ngài nói “có thể vãng sinh hay không là do tín nguyện có hay không quyết định”.

Quý vị thấy tín nguyện là phát Bồ đề tâm là chính nhân, còn công phu niệm Phật sâu hay cạn sẽ quyết định phẩm vị cao hay thấp sau khi vãng sinh Cực Lạc. Có thể vãng sinh hay không do tín nguyện quyết định; phẩm vị cao thấp do công phu niệm Phật của quý vị quyết định.

Ngẫu Ích Đại sư cũng giảng cùng một ý nghĩa với các vị như Ngài Nguyên Hiếu: *“Ngã quốc Thiện Đạo, Linh Chi dữ*

Nhật Bản Tịnh Tông chư gia, tắc dĩ trì danh vi Chính Hạnh, phát tâm vi Trợ Hạnh” (Các vị như Thiện Đạo, Linh Chi của nước ta và các vị trong Tịnh Tông Nhật Bản xem trì danh là Chính Hạnh, phát tâm là Trợ Hạnh). Đây là “*người nhân thấy là nhân, người trí thấy là trí*”. Các vị tổ sư đại đức có quan điểm khác nhau, có những vị nghĩ trì danh niệm Phật là Chính Hạnh, phát Bồ đề tâm là Trợ Hạnh. Chính và Trợ phải cùng tu. Có Chính mà chẳng có Trợ, sẽ chẳng thể thành công. Có Trợ mà chẳng có Chính, cũng chẳng thể thành công.

Do vậy, Liên Trì Đại sư dung hội trong *Di Đà Kinh Sớ Sao*. Liên Trì Đại sư đã “*hòa hội chi viết: Hoàn dĩ trì danh vi Chính Hạnh, phục dĩ trì danh vi phát Bồ đề tâm*” (bèn nói dung hòa, tổng hợp rằng: “*Vẫn lấy trì danh làm Chính Hạnh, lại xem trì danh là phát Bồ đề tâm*”).

Thật sự trì danh là phát Bồ đề tâm. Vì sao? Vì trì danh niệm Phật đến nhất tâm bất loạn chẳng phải là Bồ đề tâm ư? Trì danh chưa đạt tới nhất tâm bất loạn sẽ chẳng phải là Bồ đề tâm, chư vị phải biết điều này!

Bồ đề tâm là tâm thanh tịnh, là tâm bình đẳng. Ta niệm một câu Phật A Di Đà này, niệm suốt ngày từ sáng đến tối, trong tâm là A Di Đà Phật, miệng là A Di Đà Phật, toàn bộ những thứ khác đều buông xuống, đó là Bồ đề tâm. Nếu ta niệm A Di Đà Phật, cầu sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhưng chẳng buông những thứ khác xuống, để chúng xen tạp vào đó, sẽ chẳng phải là Bồ đề tâm.

Các thuyết đều có lý, Liên Trì Đại sư muốn dung hội, đây là *“một là hết thấy, hết thấy là một”*, pháp môn Bất Nhị, Bồ đề tâm và trì danh là một, không hai.

Thật sự trì danh niệm Phật, quả thật đã viên mãn Bồ đề tâm. Nếu không, có sao khi người ấy vãng sinh lại có thể có tướng lành tốt đẹp ngàn ấy, biết trước lúc mất, ra đi rất tiêu sái, rất tự tại? Do Bồ đề tâm! Trong *Sớ Sao*, Liên Trì Đại sư đã nói: *“Tắc song thủ lưỡng gia nhi hòa hội kỳ nghĩa dã”* (dùng cả hai thuyết để dung hội ý nghĩa).

“Kim sùng” (nay tôi đề cao), hiện thời, chúng ta tôn trọng, *“phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi bản kinh chi Tông”* (phát Bồ đề tâm, một mực chuyên niệm là Tông của kinh này). Đây là ghép chung phát tâm và trì danh lại thành tông chỉ và nguyên tắc chỉ đạo tu học trong kinh này.

Nói cách khác, Tông ấy là Tông của bản kinh bậc nhất trong Tịnh Độ Tông, mà tám chữ *“phát Bồ đề tâm, luôn luôn chuyên niệm”* cũng là nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong tu Tịnh Độ, *“Chính thị song thủ lưỡng gia”* (tức là lấy ý kiến của cả hai học phái). *“Lưỡng gia”* là hai phái, tức hai học phái xưa nay, thu nhận chủ trương của hai học phái.

“Phục hựu nhiếp quy danh hiệu, chính dữ Liên Trì Đại sư chi ý tương khế” (lại còn nhiếp về danh hiệu, thật sự khế hợp với ý của Liên Trì Đại sư). Phát tâm vãng sinh, đương nhiên phẩm vị vãng sinh càng cao càng hay! Đây là do trì danh, sốt sắng, thật thà niệm Phật, phẩm vị bèn cao. Chúng

ta phải hiểu rõ ràng, minh bạch những ý nghĩa này, sẽ rất hữu ích đối với sự tu học của chính mình.

“Thả thủ bát tự, triển chi tắc vi Triệt Ngộ thiền sư chi giáo” (Vả nữa, tám chữ ấy khai triển sẽ thành lời dạy của thiền sư Triệt Ngộ), khai triển tám chữ ấy sẽ thành bốn câu nói của Triệt Ngộ Đại sư: *“Chân vị sinh tử, phát Bồ đề tâm, dĩ thâm tín nguyện, trì Phật danh hiệu”* (Thật sự vì sinh tử, phát tâm Bồ đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật). Lão nhân gia niệm Phật vãng sinh Tịnh Độ, là bậc đại đức trong nhà Thiền, quay đầu niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ.

Chúng ta phải ghi nhớ nghĩa chữ ấy, thật sự vì sinh tử, không tạo nghiệp sinh tử luân hồi nữa, sinh tử luân hồi khổ chẳng thể nói được! Sau khi ta thoát ly lục đạo, sẽ thành tựu trong thế giới Cực Lạc; nói thật ra, chẳng thành tựu cũng được! Vừa đến thế giới Cực Lạc, ngay lập tức tới mười phương thế giới hóa độ chúng sinh cũng được. Vì sao? Bản nguyện và oai thần của Phật Di Đà gia trì quý vị.

Tuy quý vị là phàm phu, nhưng trí tuệ và đức năng bằng với Thất Địa Bồ tát. Quý vị là A Duy Việt Trí Bồ tát, chỉ cần thấy A Di Đà Phật, sẽ được đãi ngộ như A Duy Việt Trí Bồ tát, quý vị bèn đạt được.

Vì thế, quý vị chứng đắc A Duy Việt Trí đương nhiên là rất tốt, phổ độ chúng sinh; còn nếu chưa chứng đắc, nhưng quý vị có tâm đại từ bi, thấy chúng sinh quá khổ, cũng được, quý vị ứng hóa trong lục đạo. Phật A Di Đà và chư đại Bồ tát

sẽ thường chiếu cố quý vị. Thật sự chứng đắc A Duy Việt Trí trong thế giới Cực Lạc. A Duy Việt Trí viên chứng ba thứ Bất Thoái, chính là hàng Sơ Trụ Bồ tát trong Viên giáo như trong kinh *Hoa Nghiêm* đã giảng.

Người ấy ứng hóa trong lục đạo có bị mê hay không? Người ấy sẽ chẳng mê. Vì sao? Đã kiến tính, minh tâm kiến tính thì làm sao có thể bị thoái chuyển cho được? Chẳng có lẽ nào! Bồ tát như thế nào sẽ mê? Trong mười pháp giới, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật trong mười pháp giới, tứ thánh pháp giới ứng hóa trong lục đạo sẽ bị mê khi cách ăm, chứ Pháp thân Bồ tát chẳng bị.

Hàng Bồ tát trong mười pháp giới chỉ có Vị Bất Thoái là Bất thoái chuyển, còn Hạnh và Niệm vẫn còn. Đạt được minh tâm kiến tính, thoát ly mười pháp giới, chứng đắc Sơ Trụ của Viên giáo, hay Sơ Địa trong Biệt Giáo, sẽ chẳng thoái chuyển.

Trong địa vị ấy, chư Phật Như Lai vẫn gia trì người ấy, tăng tấn trí tuệ và đạo lực cho người ấy, giúp đỡ người ấy, người ấy sẽ thành tựu công đức giáo hóa chúng sinh trong ấy.

Tiếp theo đó là rút gọn lại phần trên thành bốn câu nói của Triệt Ngô Đại sư. “*Ước chi, tắc vi Ngẫu Ích Đại sư sở xướng chi tín nguyện trì danh*” (rút gọn lại sẽ chính là “tín nguyện trì danh” như Ngẫu Ích Đại sư đề xướng).

Ngẫu Ích Đại sư nói “tín nguyện trì danh” được lão pháp sư Ấn Công, tức Ấn Quang Đại sư là vị tổ sư thứ mười ba của Tịnh Tông chúng ta, thọ trì suốt đời!

Quý vị đọc *Văn Sao* thấy Ngài thường dạy người khác tín nguyện trì danh, cầu sinh Tịnh Độ. Lão nhân gia, truyền tâm, truyền pháp gồm mười sáu từ: “*Đôn luân, tận phạm, nhàn tà, tồn thành, tín nguyện trì danh, cầu sinh Tịnh Độ*” (Vẹn hết luân thường, trọn hết bản phạm, dứt lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện trì danh, cầu sinh Tịnh Độ).

Suốt đời tổ Ấn Quang hành trì mười sáu từ ấy; mười sáu từ ấy nói rất thấu triệt. “*Di Đà Yếu Giải* dĩ ‘tín nguyện trì danh’ vi Tông” (sách *Di Đà Yếu Giải* lấy “tín nguyện trì danh” làm Tông). Trong phần *Minh Tông Luận Dụng* của sách *A Di Đà Kinh Yếu Giải*, Ngẫu Ích Đại sư đã dùng “tín nguyện trì danh” làm Tông, vì kinh *Di Đà* và kinh này là cùng một bộ, Đại Bản và Tiểu Bản, nên nguyên tắc chỉ đạo tương đồng.

Tiếp theo đó: “*Tịnh vân: Tín nguyện trì danh vi nhất kinh yếu chỉ*” (Lại còn nói, tín nguyện trì danh là ý chỉ chính yếu của bộ kinh). Những câu này đều do Ngẫu Ích Đại sư nói. “*Tín nguyện vi tuệ hạnh, trì danh vi hành hạnh, đắc sinh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô; phẩm vị cao hạ, toàn do trì danh thâm thiểu*” (Tín nguyện là tuệ hạnh, trì danh là hành hạnh, được vãng sinh hay không toàn là do có tín nguyện hay không? Phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn).

Hai câu này nói rất tuyệt! Đây là nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao trong Tịnh Tông. “*Cố tuệ hạnh vi tiền đạo, hành hạnh vi chính tu*” (do vậy, tuệ hạnh để dẫn đường, hành hạnh là hạnh chính yếu phải tu tập). Tín nguyện thì như trong khi

giảng giải kinh *Di Đà*, chúng tôi đã giảng câu: “*Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phúc đức, nhân duyên để được sinh về cõi ấy*”. Thiện căn là gì? Thiện căn là có thể tin, có thể hiểu, đấy là thiện căn. Phúc đức là gì? Phúc đức là có thể niệm, quý vị thật sự hành, thật sự trì danh. Nhân duyên là hoàn cảnh trợ duyên bên ngoài, quý vị gặp gỡ pháp môn này, gặp những thiện tri thức tu học pháp môn này, họ giúp đỡ quý vị, đấy là ngoại duyên.

Trọn đủ ba thứ thiện căn, phúc đức, nhân duyên này, quyết định được vãng sinh. Ba thứ ấy, thiếu một thứ nào, cũng đều chẳng được! Quý vị có phúc đức, có nhân duyên, nhưng thiếu thiện căn, gặp pháp môn này sẽ như thế nào? Chẳng tin tưởng, mà cũng không có cách nào lý giải; vì thế, ý nguyện niệm Phật cầu vãng sinh chẳng dấy lên. Nếu không có phúc đức, quý vị có thể tin và hiểu, nhưng không hành được, chẳng chống nổi tiếng tăm, lợi dưỡng trước mắt dụ dỗ, mê hoặc.

Chẳng phải là quý vị không hiểu, nhưng sức dụ dỗ, mê hoặc quá mạnh, biết rõ mà vẫn cố phạm, kẻ như vậy rất nhiều! Vì vậy, tổ Ấn Quang suốt đời đề xướng giáo dục nhân quả, hết sức có lý!

Hiểu nhân quả, sẽ biết vấn đề sinh tử đúng là chuyện lớn! Đời đời kiếp kiếp mê hoặc, điên đảo làm chuyện ấy, kết bao nhiêu oan nghiệp với hết thảy chúng sinh. Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, hiểu rành rẽ đạo lý và chân tướng sự thật

của nhân quả, thật sự giác ngộ, sẽ không làm nữa, hạ quyết tâm chẳng làm nữa, trong đời này ta nhất định phải thoát lục đạo, ra khỏi mười pháp giới. Đó là sức mạnh của nhân quả, vậy thì quý vị thật sự làm.

Thật sự làm là đại phúc đức, vô lượng phúc đức. Hành hạnh là chính tu, niệm niệm chẳng lìa A Di Đà Phật, nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, tương ứng với A Di Đà Phật. *“Như mục túc tịnh vận”* (như mắt và chân cùng vận dụng), đây là nói tỷ dụ, dễ hiểu, ta thấy đường, ta liền bước một bước.

Lại nói: *“Thâm tín phát nguyện, tức Vô Thượng Bồ đề. Hợp thử tín nguyện, đích vi Tịnh Độ chỉ nam, do thử nhi chấp trì danh hiệu, nãi vi Chính Hạnh”* (Tín sâu, phát nguyện, tức là Vô Thượng Bồ đề. Hợp tín và nguyện lại, sẽ đích xác là kim chỉ nam cho Tịnh Độ. Do những điều ấy, chấp trì danh hiệu, chính là Chính Hạnh).

Ngẫu Ích Đại sư nói mấy câu này rất hay! Trong Chính Hạnh còn có điều kiện, phải niệm như thế nào? Trong câu Phật hiệu ấy trọn đủ “thâm tín, phát nguyện, phát nguyện cầu sinh Tịnh Độ”.

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành; nếu đã thành Phật đạo, quý vị hãy nghĩ xem, độ chúng sinh, đoạn phiền não, học pháp môn chẳng phải đều gộp trong ấy hay sao? Bốn câu Tứ Hoằng Thệ Nguyện; mỗi câu sau sâu hơn câu trước. Hễ có điều thứ nhất, ắt có điều thứ hai. Có điều thứ hai, nhất định

phải có điều thứ nhất. Có điều cuối cùng thì ba điều trước đó nhất định phải trọn đủ; vì thế, nó là viên mãn.

Do vậy, “tin sâu, phát nguyện” là vô thượng Bồ đề. “*Hợp thử tín nguyện*” là chỉ nam của Tịnh Độ, nương theo đó chấp trì danh hiệu là Chính Hạnh. Ngẫu Ích Đại sư nói: Đầy đủ những điều kiện này mới là Chính Hạnh thật sự. “*Đại Bản A Di Đà Kinh*” là kinh *Vô Lượng Thọ*, “*diệc dĩ phát Bồ đề nguyện vi yếu, chính dữ thử đồng*” (cũng xem phát Bồ đề nguyện là trọng yếu, hoàn toàn tương đồng với điều này).

Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ mười tám là chấp trì danh hiệu, nguyện thứ mười chín là “phát Bồ đề tâm” và “vãng sinh Tịnh Độ đều là A Duy Việt Trí Bồ tát”. Câu này cũng nhằm nói tới nguyện thứ mười chín. “*Khả kiến tín nguyện trì danh dữ phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, chính thị đồng chỉ*” (có thể thấy tín nguyện trì danh và phát Bồ đề tâm, một bề chuyên niệm, đúng là cùng một tông chỉ), có cùng một tông chỉ!

Ngẫu Ích Đại sư nói bốn từ, kinh *Vô Lượng Thọ* nói tám từ, nhưng có cùng một ý nghĩa, chỉ thú hoàn toàn tương đồng. “*Ngẫu Ích Đại sư dĩ tín nguyện trì danh vi Tiểu Bản chi Tông. Đại Tiểu lưỡng bản, tông chỉ ưng đồng. Cố kim viết*” (Ngẫu Ích Đại sư xem “tín nguyện trì danh” là Tông của Tiểu Bản. Tông chỉ của hai bản Đại và Tiểu phải giống nhau, nên nay nói), nay chúng ta đang học tập kinh *Vô Lượng Thọ*, “*phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, vi Đại Bản chi Tông. Chính*

thị tuân phụng Ngẫu Ích Đại sư chi thùý giáo dã” (phát Bồ đề tâm, một bề chuyên niệm là Tông của Đại Bản, đấy chính là tuân phụng lời dạy của Ngẫu Ích Đại sư vậy), hoàn toàn tương ứng với lời dạy của Ngẫu Ích Đại sư.

Đoạn tiếp theo lại giải thích *“nhất hướng chuyên niệm”*. *“Nhất Hướng nhị tự chữ hữu số nghĩa”* (hai chữ Nhất Hướng có mấy nghĩa sau):

- Thứ nhất, *“triều hướng nhất phương tiền tấn”* (hướng theo một phương để tiến lên); *“nhất phương”* là Tây Phương, mục đích là thế giới Cực Lạc thế giới, chữ Nhất Hướng có ý nghĩa thứ nhất như vậy.

- Thứ hai, *“thiên hướng nhất biên”* (ngã theo một bên), quyết định chẳng lấy Đông, Nam, Bắc, chuyên lấy Tây Phương, cũng chẳng lấy phía trên, hay phía dưới, riêng lấy Tây Phương, cũng là cùng một ý nghĩa với *“triều hướng nhất phương”* trong đoạn trên.

- Thứ ba là *“nhất vị”* (một vị).

- Thứ tư là *“tổng thị”* (luôn là).

- Thứ năm là *“nhất đoạn thời gian”* (một khoảng thời gian). Ý nghĩa thứ năm là *“nhất đoạn thời gian”* cũng nói rất hay, tức là nói khoảng thời gian hiện tiền này, chẳng nói tới quá khứ, mà cũng không nói tới tương lai.

Trong khoảng thời gian hiện tiền này, chúng ta nhất định phải hoàn thành, phải đạt mục đích. *“Tổng thị”* nghĩa là khởi

tâm động niệm luôn là A Di Đà Phật, quyết định chẳng có tạp niệm. “*Nhất vị*” và “*tổng thị*” mang ý nghĩa này.

“*Cố tri nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, tức chuyên hằng y chỉ trì danh niệm Phật pháp môn chi nghĩa dã*” (nên biết một bề chuyên niệm Phật A Di Đà chính là ý nghĩa chuyên luôn luôn y chỉ pháp môn trì danh niệm Phật). Chúng ta hãy nên buông xuống vạn duyên. Không chỉ buông xuống vạn duyên, mà ngay cả Phật pháp cũng buông xuống.

Liên Trì Đại sư đã nêu gương cho chúng ta, lão nhân gia nói: “*Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp biệt nhân ngộ*” (Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ), Ngài không làm nữa! “*Bát vạn tứ thiên hạnh, nhiều dữ biệt nhân hành*” (tám mươi bốn ngàn hạnh, dành cho kẻ khác hành). Quý vị thích học pháp môn ấy thì học, lão nhân gia cung kính tán thán. Chính Ngài thì sao? Chính Ngài chuyên niệm Di Đà thật sự.

Có một năm, do thuở trước Ngài trụ tại Hàng Châu, tôi đến thăm đạo tràng của Ngài; hiện thời nơi ấy mở quán trà, quả thật, chúng tôi thấy như vậy rất khó chịu! Trong Đại Hùng Bảo Điện, toàn bộ tượng Phật chẳng còn nữa, biến thành quán trà, đạo tràng của tổ sư đấy nhé! Đại điện chùa ấy có tên là Thần Vận Điện; vì thế, chúng tôi nghĩ đến chuyện ấy cũng rất khó chịu!

Có một năm, Hàng Châu bị hạn hán vô cùng nghiêm trọng, quan Thái thú, thuở ấy là Thái thú, hiện thời là Thị trưởng, đến cầu xin lão hòa thượng: “Mong lão hòa thượng

hãy phát tâm từ bi cầu mưa dứt hạn hán”. Trong Phật môn, quý vị thấy bản *Đại Khóa tụng* có nghi thức cầu mưa, đó là cầu long vương. Liên Trì Đại sư bảo mọi người: “Ta không biết nghi quy ấy, ta chỉ biết niệm Phật. Chúng ta cùng nhau niệm Phật là được rồi”. Ngài dẫn cả đồng người, gõ mõ niệm A Di Đà Phật, bước trên bờ ruộng, quả thật, Ngài đi tới đâu, mưa tuôn tới đó, thật sự linh ứng! Dùng một câu A Di Đà Phật, nghi thức gì cũng đều chẳng có, hễ thành ắt linh mà!

Trong truyện ký của Liên Trì Đại sư có chép câu chuyện như thế. Một câu Phật A Di Đà vô cùng hữu dụng, chỉ cần thành tâm, thành ý, chắc chắn chẳng hoài nghi, nhất định chẳng xen tạp, sẽ có cảm ứng. Liên Trì Đại sư dùng câu Phật hiệu Phật A Di Đà để cầu mưa, bèn cầu được!

Hiện thời, hình như là năm trước, tại huyện Khánh Vân, tỉnh Sơn Đông, cư sĩ Tề Tổ Bình dựng chùa ở nơi ấy, tức Kim Sơn Tự. Lúc ấy, ở nơi đó, bốn trăm mẫu ruộng tiểu mạch (lúa mì) sắp thu hoạch, bỗng nhiên bị nạn châu chấu. Chuyện này phiền lắm, tiểu mạch sẽ bị châu chấu ăn sạch. Nông dân vùng phụ cận bảo bà ta phải phun thuốc sát trùng. Tề cư sĩ gọi điện thoại hỏi tôi, phun thuốc sát trùng là sát sinh!

Tôi nói: “Bà hãy suy nghĩ xem nên xử lý ra sao!”. Cuối cùng, bà ta nghĩ thông suốt, chẳng sát sinh, trợn chẳng phun thuốc sát trùng, thà đem hơn bốn trăm mẫu tiểu mạch để cho châu chấu ăn, cúng dường chúng nó, cũng chẳng sát hại chúng nó.

Dấy lên ý niệm ấy, bà ta dẫn một đám người vào ruộng lúa mạch niệm A Di Đà Phật, đi nhiều quanh ruộng niệm Phật. Trời tuôn một trận mưa nhỏ, sau khi một trận gió quét qua, chẳng còn một con trùng gây hại nào! Những nông dân vùng phụ cận rất kinh ngạc, vì sao không có? Thật vậy! Chẳng tìm được con nào, bội thu! Nếu bà ta phun thuốc trừ sâu, sẽ kết oán cùng những chúng sinh ấy, phiền phức to lớn.

Bà ta đã phát tâm từ bi, một con châu chấu nhỏ cũng chẳng giết. Bà ta cũng không nghĩ chúng nó sẽ rời đi, kết quả là những con tiểu trùng ấy thật sự chẳng còn, bà ta kể cho tôi nghe chuyện này.

Tiếp theo, sách viết: *“Nhất hướng chuyên niệm, bản u Di Đà bản nguyện đệ thập bát, thập niệm tất sinh chi đại nguyện”* (Một mực chuyên niệm vốn là nguyện thứ mười tám trong bản nguyện Di Đà, tức là đại nguyện mười niệm ắt được vãng sinh). Câu này nói tới nguyện thứ mười tám *“Di Đà nhân trung phát thập niệm tất sinh đại nguyện”* (Trong lúc tu nhân, đức Di Đà đã phát ra đại nguyện “mười niệm ắt được vãng sinh”). Đó là nói tới lúc lâm chung, nói về hạng người nào? Suốt đời chẳng nghe Phật pháp, chẳng có tín ngưỡng tôn giáo, khi lâm chung, đầu óc tỉnh táo, chẳng mê hoặc tí nào, gặp gỡ thiện hữu, gặp một người niệm Phật, khuyên người ấy niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, vừa nghe liền tin tưởng, vừa nghe liền bằng lòng, thật sự làm, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, mười niệm bèn vãng sinh.

Mười niệm ấy là tịnh niệm tiếp nối, chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, mười tiếng! Đó là bản nguyện của A Di Đà Phật. Ngẫu Ích Đại sư cũng dựa vào nguyện này mà bảo: “Có thể vãng sinh hay không được quyết định bởi có tín nguyện hay không?”. Người ấy thật sự tin, nguyện thiết tha, trì danh niệm Phật, tịnh niệm tiếp nối, bất quá thời gian rất ngắn mà có thể thành công, là do tương ứng với bản nguyện của A Di Đà Phật.

“Cố hành nhân phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, tất đắc vãng sinh Tịnh Độ, viên chứng Bất Thoái chi diệu quả” (cho nên hành nhân phát Bồ đề tâm, một mực chuyên niệm, ắt được vãng sinh Tịnh Độ, chứng trọn vẹn diệu quả Bất Thoái). Viên chứng ba thứ Bất Thoái: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái.

“Kinh trung thượng bối, trung bối, cập hạ bối vãng sinh chi nhân, giai do ư phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, nhi vãng sinh Cực Lạc Tịnh Độ. Cái dĩ quả giác nhân tâm, cứu cánh phương tiện, toàn hiển Di Đà Nhất Thừa nguyện hải, lục tự hồng danh, bất khả tư nghị chi oai thần công đức” (Người vãng sinh thuộc bậc thượng, bậc trung và bậc hạ trong kinh đều do phát Bồ đề tâm, một mực chuyên niệm Phật A Di Đà mà vãng sinh Cực Lạc Tịnh Độ. Ấy là vì dùng quả giác để làm cái tâm tu nhân, phương tiện rất ráo, hiển lộ toàn vẹn biển nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà. Sáu chữ hồng danh có oai thần và công đức chẳng thể nghĩ bàn).

Qua những câu này, cụ Hoàng Niệm Tổ đã buốt lòng rất miêng khuyên dạy chúng ta, chúng ta đã trọn đủ duyên, chỉ e thiện căn và phúc đức còn thiếu kém đôi chút. Thiếu kém đôi chút chẳng sao, trong một đời này, chúng ta có thể bổ khuyết.

Nói gần gũi hơn tí nữa thì hiện nay ta bù đắp cho đủ, nguyện vọng cầu vãng sinh sẽ được thỏa. Nếu chẳng bù đắp cho đủ, cả đời này rất có thể sẽ lỡ làng! Trong tình hình giống như thế, bản thân chúng ta hãy nên khẳng định đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, chúng ta đã từng nhiều lần gặp gỡ pháp môn này, vì sao chẳng vãng sinh? Là vì chẳng bù đắp cho đủ tín nguyện bị khiếm khuyết đôi chút, cho nên vẫn phải lưu chuyển theo nghiệp.

Ta ưa thích pháp môn này, nhưng pháp môn nọ rất trọng yếu, vẫn tu tập thêm pháp môn ấy, chẳng giống như cổ đại đức. Cổ đại đức phải đạt được Tịnh Độ trước rồi mới học thêm pháp khác. Giống như Giao Quang Đại sư, Ngài đã chứng đắc Tịnh Độ, khi lâm chung, Phật A Di Đà tới tiếp dẫn, Ngài đã đạt được, tức là đã đạt được Tịnh Độ, nhưng Ngài nghĩ chú giải kinh *Lăng Nghiêm* có vấn đề. Những chú giải của cổ đại đức chưa phải là ý nghĩa của Phật, nên xin Phật A Di Đà cho hoãn lại để con viết xong xuôi bộ chú giải này. Phật A Di Đà chấp thuận.

Quý vị thấy Ngài đã nắm chắc Tịnh Độ, cũng có nghĩa là đối với sự vãng sinh của chính mình chẳng còn bị trở ngại, có thể tự tại trụ trong thế gian này một thời gian dài hay ngắn:

Muốn đi sớm một ngày bèn được, có thể đi. Muốn giúp đỡ chúng sinh, ở lại mấy năm cũng chẳng trở ngại, do có công phu ấy bèn được!

Nếu không có công phu ấy, chúng ta phải nhớ: Chúng ta xem thế giới Cực Lạc là đại sự hàng đầu. Vì sao? Tới thế giới Cực Lạc bèn thành Phật. Tổ sư đại đức bảo chúng ta: “*Đản đắc kiến Di Đà, hà sầu bất khai ngộ*” (chỉ thấy Phật Di Đà, lo chi chẳng khai ngộ). “*Ngộ*” ấy là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật, chẳng phải là ngộ tầm thường!

Sau khi thật sự triệt ngộ, sẽ giống như Phật, thực hiện nguyện thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, “*Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ*”, quý vị có thể thật sự làm được, đối với chính mình, độ chúng sinh chẳng bị trở ngại mảy may nào. Chúng sinh có cảm, quý vị bèn có ứng, cảm ứng đạo giao trọn chẳng trái thời!

Từ sách *Hoàn Nguyên Quán*, chúng ta thấy ý niệm ấy dấy lên sẽ trọn khắp pháp giới, ý niệm cảm của chúng ta sẽ trọn khắp pháp giới. Phật, Bồ tát trọn pháp giới hư không giới, những vị Bồ tát ấy là Pháp thân Bồ tát, sẽ lập tức ứng. Có khi chúng ta cầu mà chẳng có ứng, có phải là chẳng linh hay chẳng? Chẳng phải.

Lúc tôi mới học Phật đã có những nghi vấn ấy. Chương Gia Đại sư giải thích: Chẳng phải là không có ứng. Có ứng, nhưng quý vị chẳng cảm nhận được, do nguyên nhân nào? Chính quý vị có nghiệp chướng. Chúng ta cảm, ví như làn sóng của

chúng ta gửi tới Phật, Bồ tát. Phật, Bồ tát có sự hồi ứng; khi sự hồi ứng trở về bên ta, do ta có nghiệp chướng, nên chính mình chẳng cảm nhận được! Hễ nghiệp chướng tiêu trừ, sẽ có ứng vô cùng rõ rệt. *“Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”*, Sự Lý cảm ứng cũng rất sâu, đức Phật dạy có bốn thứ.

Vì vậy, học Phật, niệm Phật cũng là tiêu nghiệp chướng. Kinh dạy niệm Phật A Di Đà một tiếng, tiêu trừ trọng tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử, mới biết công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn. Cổ đại đức thường nói: *“Niệm kinh chẳng bằng niệm chú, niệm chú chẳng bằng niệm Phật”*.

Vì sao chúng ta niệm Phật chẳng tiêu nghiệp chướng? Tâm chúng ta không thanh tịnh, chưa đoạn nghi lự, cho nên có hoài nghi, xen tạp, lại còn thường xuyên gián đoạn. Vì thế, Phật, Bồ tát ứng, chúng ta rất khó cảm nhận.

Hiểu rõ chân tướng sự thật này, sau đấy, chúng ta mới biết sám trừ nghiệp chướng là một đại sự rất trọng yếu. Sám hối nghiệp chướng; sám hối bằng cách nào? Vẫn là một câu cũ rích: “Buông xuống!”. Đừng chứa trong lòng những thứ tạp nhạp, tâm địa khôi phục thanh tịnh, sám trừ nghiệp chướng.

Nghiệp chướng chẳng trừ, tâm quý vị làm sao có thể thanh tịnh được? Đời trước, đời này, tập khí nghiệp chướng, “đời trước” là tập khí, thấy đều phải buông xuống. Nói cách khác, chớ nên nghĩ tới nữa! Những chuyện ấy không chỉ là chuyện quá khứ, mà còn là chuyện đã qua lâu rồi, phải nhớ kỹ lời Phật dạy: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*.

Đã là hư vọng, quý vị nghĩ tới nó để làm gì? Quý vị nhớ tới nó để làm gì? Quý vị nghĩ tới nó sẽ lại tạo nghiệp. Quý vị nhớ tới nó cũng tạo nghiệp! Thân khẩu chẳng tạo nghiệp, nhưng ý tạo nghiệp. Ý nghiệp chẳng ngừng!

Thân khẩu tạo nghiệp còn có lúc gián đoạn, khi ngủ, thân khẩu chẳng tạo nghiệp, nhưng ý vẫn tạo nghiệp, ý niệm của quý vị chẳng ngừng. Nói cách khác, quý vị vẫn đúng là “trong tâm vướng mắc quá nhiều, không bỏ xuống được”. Hiện thời phải biết: Nếu muốn liễu sinh tử, nếu muốn vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, hãy hết sức hâm mộ Phật, Bồ tát, mong mỗi ta cũng có thể làm Phật, Bồ tát, quý vị sẽ thật sự buông xuống. Quý vị chẳng thể làm Phật là vì chưa buông xuống; hễ buông xuống sẽ làm được!

Pháp môn này là do Phật A Di Đà dùng tâm quả giác làm phương tiện rất ráo dạy bảo chúng ta, chẳng giống các pháp môn thông thường. Pháp môn thông thường là lấy cái tâm tu nhân để cầu sự giác ngộ nơi quả địa. Vì thế, những pháp môn ấy theo từng giai đoạn, tiến lên cao hơn theo từng giai đoạn một, từ Thập Tín tới Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác. Tiến lên cao như thế, dùng cái tâm tu nhân để chứng quả giác. Pháp môn này chẳng giống như vậy, mà là quả giác.

Danh hiệu Phật A Di Đà là quả giác, lấy quả giác tâm làm nhân địa tâm (cái tâm trong lúc tu nhân), nhân và quả chẳng hai. Cho nên chúng ta niệm câu “đức hiệu” Phật A Di Đà này

sẽ thành A Di Đà Phật. Chỗ y cứ thật sự là dựa trên căn cứ nào? Tự tính Di Đà, duy tâm Tịnh Độ, dựa trên điều này!

Tây Phương Tịnh Độ của Phật A Di Đà do đâu mà có? Do tự tính sinh ra, hiện ra! Nay chúng ta dùng tự tính để niệm Phật, cho nên vượt khỏi những tầng lớp ấy, chẳng cần đến bốn mươi một tầng cấp, đốn siêu, thành tựu.

“Toàn hiển Di Đà Nhất Thừa nguyện hải, lục tự hồng danh, bất khả tư nghị chi oai thần, công đức” (Hiển lộ trọn vẹn biển nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà, sáu chữ hồng danh có oai thần và công đức chẳng thể nghĩ bàn). Chúng ta phải thật sự tin vào những Lý Sự này. Vì thế, pháp môn này gọi là “pháp khó tin”, quý vị không tin, người khác không tin, đó là hiện tượng bình thường.

Nếu không, làm sao có thể gọi là “pháp khó tin?”. Bồ tát khó tin, Thanh Văn, Duyên Giác khó tin. Có lúc phàm phu lại tin tưởng; vậy thì phàm phu vượt trội Thanh Văn, Bồ tát hay chẳng? Đương nhiên chẳng thể vượt trội được! Vì sao phàm phu có thể tin? Trong đời quá khứ, đã từng học pháp môn này; trong A Lại Da thức có chủng tử Tịnh Độ, đời này gặp gỡ, khiến cho chủng tử trong quá khứ hiện hành.

Nếu chẳng có nhân ấy, sẽ chẳng thể nào tin tưởng. Bất luận sơ học gian nan ra sao, học mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, năm mươi năm, sẽ thật sự tin. Đó là gì? Chủng tử trong A Lại Da thức hiện hành. Nếu đã học tập từ những kiếp lâu xa, chủng tử sẽ gieo rất sâu trong A Lại Da thức.

Duyên thù thắng, có bạn lành, có thuận cảnh giúp đỡ quý vị. Chúng tử trong đời quá khứ nhất định sẽ hiện hành, cho nên tiếp nhận. Có khi tới lúc lâm chung, sự tiếp nhận ấy mới tỏ lộ, nhưng hễ tiếp nhận là được rồi, lâm chung mười niệm bèn vãng sinh.

Người ấy vãng sinh trong phẩm vị nào? Nói nhất quyết là Hạ Hạ phẩm thì cũng rất khó nói. Hạ Hạ phẩm là đa số, nhưng cũng có người là Thượng Thượng phẩm, tuy là thiểu số. Điều này liên quan đến sự tu học trong đời quá khứ, tuyệt đối chẳng phải là thành tựu trong một đời này!

“Hựu nhất hướng chuyên niệm giả, cổ vân: Thượng tận hình thọ, hạ chí thập niệm. Thượng tận hình thọ giả, chỉ từng phát tâm niệm Phật chi nhật, chung thân niệm Phật” (Lại nữa, đối với chuyện một bề niệm Phật, cổ nhân nói: “Bậc thượng là suốt đời, bậc hạ là chỉ mười niệm”. Bậc thượng thọ trì suốt đời là kể từ ngày phát tâm niệm Phật, bèn suốt đời niệm Phật). Kể từ khi hiểu rõ ràng, minh bạch Tịnh Tông, bèn hoàn toàn tiếp nhận, bắt đầu thật thà niệm Phật, hễ sống một ngày bèn niệm một ngày, đó gọi là *“tận hình thọ”*.

“Trực chí mạng chung chi tối hậu nhất niệm, thử nãi kỳ thượng giả. Kỳ hạ giả, vị năng cập thử, hoặc nhân chướng trọng, hoặc dĩ sự phần, vị hạ đa niệm” (Mãi cho đến một niệm cuối cùng lúc lâm chung, đó là bậc thượng. Còn bậc hạ thì chưa được như vậy, hoặc vì chướng nặng, hoặc do lăm việc, chẳng rảnh rỗi để niệm nhiều). Đây là nói tới phúc đức.

Chư vị nhất định phải hiểu phúc đức thật sự là gì? Niệm Phật là phúc đức thật sự. Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối Phật hiệu chẳng dứt, đó là người đại phúc đức! Vì sao nói là người đại phúc đức? Vãng sinh Cực Lạc thế giới chẳng phải là phúc đức tuyệt diệu ư? Chẳng phải là đại phúc đức thì làm sao quý vị có thể vãng sinh?

Suốt ngày từ sáng đến tối niệm câu Phật hiệu này, quý vị càng niệm, phẩm vị càng cao! Như trong *Thập Lục Quán Kinh* đã nói, trong tương lai quý vị vãng sinh, hoa sen càng ngày càng to!

Các thứ trong thế giới Cực Lạc đều giống nhau, chỉ có hoa sen khác biệt. Vì sao? Công phu niệm Phật của mỗi cá nhân khác nhau, nên hoa sen lớn hay nhỏ khác nhau, ánh sáng và màu sắc của mỗi hoa sen khác biệt. Do vậy, người trong thế giới Cực Lạc thấy rất rõ ràng, người trong hoa sen ấy còn chưa sinh về, nhưng đã thấy hoa sen trước, tức là thấy hoa sen trong ao bảy báu, thấy hoa ấy, liền biết công phu niệm Phật của người ấy khá lắm, hay công phu niệm Phật của người ấy dở hơn một chút, họ đều có thể thấy rõ ràng từ nơi ấy.

Hoa sen to, ánh sáng và màu sắc tốt đẹp, chắc chắn người ấy đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thành Phật rất nhanh, vận dụng công phu sâu xa mà!

Trong kinh, đức Phật dạy: Tu hành một ngày trong thế giới Sa Bà bằng tu hành một trăm năm trong thế giới Tây

Phương Cực Lạc. Thế giới này khá lắm, giúp cho chúng ta thành tựu rất nhanh, còn sang thế giới Tây Phương Cực Lạc, thành tựu thông thả, ở nơi đây rất nhanh.

Cái hay của thế giới Tây Phương là thọ mạng dài, vô lượng thọ, chẳng bị mê khi cách ăm, thành tựu trong một đời. Thế gian này sóng gió quá lớn, thoát chìm, thoát nổi đời đời kiếp kiếp, cho nên khổ nhiều, vui ít. Nhưng nếu tu hành thì nơi đây đúng là tu hành tốt đẹp, thời thời, khắc khắc, từng phút, từng giây đều khảo nghiệm công phu của quý vị.

Quyết định chẳng sinh phiền não, trong thuận cảnh chẳng tham luyến, phải đoạn cái tâm tham luyến ấy, trong nghịch cảnh chẳng oán hận. Nói cách khác, trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, bất luận hoàn cảnh nhân sự với nhau, hay hoàn cảnh vật chất. Tu gì? Tu thanh tịnh, bình đẳng. Giác chẳng cần nhắc tới, hễ thanh tịnh bình đẳng sẽ tự nhiên giác. Đạo lý này tương ứng với “chuyển thức thành trí” của Pháp Tướng Tông.

Tướng Tông nói “chuyển thức thành trí” là *“lục, thất nhân thượng chuyển. Ngũ, bát quả thượng chuyển”* (chuyển thức thứ sáu và thứ bảy trong khi tu nhân; chuyển năm thức trước và thức thứ tám nơi quả). Chuyển thức thứ sáu, tức Ý Thức, thành Diệu Quán Sát Trí, đó là tâm thanh tịnh. Chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tính Trí, tức là thức thứ bảy chẳng còn phân biệt, bình đẳng sẽ hiện tiền. Giác là chuyển nơi quả.

Do vậy, chúng ta phải xem trọng tu thanh tịnh và bình đẳng; nghĩa là thức thứ sáu và thức thứ bảy đã chuyển, thức thứ tám và năm thức trước sẽ chuyển theo. Chúng ta dùng phương pháp gì để chuyển? Dùng một câu Phật hiệu này!

Trong thuận cảnh mới có một tí tham niệm dấy lên, bèn A Di Đà Phật, chuyển niệm ấy thành A Di Đà Phật. Trong nghịch cảnh mới có một tí oán hận, bèn A Di Đà Phật, chuyển toàn bộ thành A Di Đà Phật. Cách này tuyệt diệu! Vì thế, tổ sư đại đức thường nói *“ám hợp đạo diệu”* (thâm hợp đạo mầu), chẳng thấy chuyển, nhưng thật sự chuyển biến. Câu Phật hiệu này, câu nọ tiếp câu kia chẳng để gián đoạn. Trong mỗi tiếng Phật hiệu chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, công phu thuần thực!

Tiếp đó, sách viết: *“Tắc ư mỗi nhật hành Thập Niệm pháp, diệc phù ư nhất hướng chuyên niệm”* (Dù mỗi ngày hành pháp Thập Niệm, cũng phù hợp tông chỉ một mực chuyên niệm). Pháp Thập Niệm do tổ sư đại đức nói với kẻ gặp lúc công việc bận bịu, nhiều việc quá, không có thời gian để niệm Phật, cũng chẳng có thời gian để tụng niệm công khóa sáng tối, quý vị bèn dùng cách Thập Niệm.

Buổi sáng thức dậy, sau khi rửa mặt, súc miệng, hướng về tượng Phật, nếu không có tượng Phật, hãy ngoảnh mặt về phương Tây, cứ hết một hơi là một niệm. Một niệm chẳng câu nệ nhiều hay ít, cứ niệm một hơi A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, hết một hơi là một niệm. Niệm mười

hơi, suốt đời chẳng gián đoạn, cũng gọi là “*nhất hướng chuyên niệm*”.

Khi tôi ở Tân Gia Ba, tôi dạy các đồng học một cách Thập Niệm khác, tức là thập thanh Phật hiệu. Dùng pháp Thập Niệm này, so về mặt thời gian càng dễ làm hơn. A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, niệm mười câu như vậy, mỗi ngày niệm chín lần.

Buổi sáng thức dậy, rửa mặt, súc miệng, niệm một lần; buổi tối trước khi ngủ niệm một lần. Đó là hai lần. Mỗi ngày khi ăn ba bữa cơm đều niệm Phật hiệu mười câu rồi mới ăn, đó là ba lần. Do vậy, ta có năm lần rồi!

Quý vị buổi sáng đi làm, buổi chiều tan sở, trước khi làm việc, ngồi nơi bàn giấy niệm mười câu rồi mới làm. Khi tan sở, sau khi làm xong công việc, niệm Phật hiệu mười câu rồi mới rời khỏi chỗ.

Buổi sáng, buổi chiều thành bốn lần, tổng cộng chín lần. Niệm đâu nghĩ tại đó, tuy rất đơn giản, thời gian chỉ một phút là xong, nhưng hết sức có hiệu quả. Vì sao? Thời thời khắc khắc quý vị đều nghĩ tới Phật. Dùng cách này làm “định khóa” (công khóa nhất định), những khi khác là “tán khóa”. Tán khóa là khi nào quý vị nghĩ đến, bèn niệm khi đó; còn cách này mỗi ngày chín lần, mỗi lần niệm mười câu Phật hiệu, lấy nó làm định khóa, thật sự chẳng tốn thời gian, chẳng lỡ làng công việc. Pháp môn này quả thật vô cùng thuận tiện, phù hợp với “*nhất hướng chuyên niệm*”.

“Cánh hạ tắc như Quán Kinh sở thuyết ác nghịch chi nhân, lâm dục mạng chung, đắc linh thánh giáo, chí tâm hối cải, thập niệm xưng danh, diệt đắc vãng sinh, cố vân thập niệm tất sinh dã” (Thấp hơn nữa là như *Quán Kinh* nói kẻ ác nghịch lúc sắp mất mạng, được nghe thánh giáo, chí tâm hối cải, xưng danh mười tiếng, cũng được vãng sinh, nên nói là “mười niệm ắt vãng sinh”).

Điều này được nói trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ*. Kinh nói kẻ tội nghiệp Thập Ác, Ngũ Nghịch sẽ đọa địa ngục A Tỳ, đại ác chẳng thể tha, kẻ ấy khi lâm chung, nếu gặp được một người niệm Phật khuyên nên niệm Phật, bèn chân tâm hối cải. Có thể chân tâm hối cải là do thiện căn trong đời quá khứ hiện tiền, cả đời này chẳng tu điều lành nào.

Kẻ Thập Ác, Ngũ Nghịch, lâm chung quay đầu, thật sự hối cải, niệm A Di Đà Phật mười lần bèn tắt hơi, vẫn có thể vãng sinh. Đây là điều được nói trong nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà. Pháp môn này quá thù thắng.

Tiếp đó, lão cư sĩ bảo chúng ta: *“Hành giả ưng tri”* (Hành giả hãy nên biết), hành giả là người niệm Phật, nhất định phải biết. *“Nhất hướng chuyên niệm chỉ tòng sơ phát tâm niệm Phật, nhất trực đáo lâm chung tối hậu nhất niệm”* (“Một mực chuyên niệm”, nghĩa là kể từ lúc mới phát tâm niệm Phật thẳng tới một niệm cuối cùng lúc lâm chung), đó gọi là nhất hướng chuyên niệm.

“Nhi kỳ quan kiện thật tại tối hậu” (Nhưng mấu chốt quá thật là lúc cuối cùng), quan trọng nhất là lúc quý vị sắp mất, một niệm cuối cùng là Phật A Di Đà thì quý vị mới có thể vãng sinh.

Một niệm cuối cùng khi lâm chung phải là A Di Đà Phật! Do vậy, trợ niệm rất trọng yếu. Trọng yếu ở chỗ nào? Trợ niệm là do sợ người ấy trong một niệm cuối cùng sẽ quên sạch, chúng ta dùng phương pháp này để nhắc nhở, khiến cho một niệm cuối cùng của người ấy là A Di Đà Phật, người ấy sẽ chắc chắn vãng sinh.

Chẳng cần biết công phu niệm Phật suốt đời của người ấy ra sao, một niệm cuối cùng rất trọng yếu. Đối với một niệm cuối cùng, người ta thường chẳng thể nắm chắc, nếu tập khí phiền não dấy lên hiện hành, sẽ bỏ lỡ cơ hội này. Niệm Phật suốt đời, tới một niệm cuối cùng, trong lòng có vướng mắc thì hỏng rồi! Những chuyện như vậy chúng tôi đã đích thân trông thấy!

Tiếp đó là nêu tỷ dụ: *“Như thượng thuyết ác nghịch chi nhân”* (kẻ ác nghịch như vừa mới nói trên đây), đó là kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác. *“Thập thanh niệm Phật”*, kẻ ấy chỉ niệm mười tiếng. *“Đệ nhất thanh thị sơ niệm, đệ thập thanh tắc mạng chung”* (Tiếng thứ nhất là niệm đầu tiên, tiếng thứ mười bèn mạng chung), vẫn xem như là *“tùng sơ phát tâm trực chí mạng chung quân tại trì danh”* (từ sơ phát tâm cho đến khi mạng chung đều luôn trì danh).

Người ấy phúc báo quá to, cả đời làm ác, lâm chung gặp được bạn lành, vẫn vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Vốn phải đọa lạc địa ngục A Tỳ, quý vị thấy: Đã đưa kẻ đó từ địa ngục A Tỳ đến thế giới Cực Lạc làm Phật. Bởi lẽ, người ấy phù hợp tông chỉ “*nhất hướng niệm Phật*”. Quá thù thắng!

Chúng ta chớ nên không hiểu điều này. Chuyện này là có, rất khó có, rất hy hữu, nhưng người niệm Phật chúng ta nhất thiết chớ nên có tâm lý cầu may. Hiện thời, ta làm một ít chuyện xấu vẫn chẳng sao; khi lâm chung, ta còn có cách, ta vẫn trở tay kịp, [nghĩ như vậy] là sai rồi!

Khởi lên ý niệm ấy chính là ác niệm khôn sánh, toan kiếm kế hở trong bản nguyện của A Di Đà Phật. Đây là điều quá đáng ghét, chắc chắn chẳng thể nào chấp nhận được! Do vậy, chúng ta chớ nên không biết chuyện này. Con người phải thật thà, phải thành khẩn, chớ nên có một ác niệm. Có ác niệm tức là bất hảo mất rồi!

“Phản chi, như hữu nhân niệm Phật số thập niên, hoặc ư tối hậu giai đoạn, khinh thị trì danh nhi cải hành tha pháp, hoặc ư lâm chung bất hân Cực Lạc nhi luyến thế gian, vị năng niệm Phật, thị tắc bất danh nhất hướng chuyên niệm” (ngược lại, như có kẻ niệm Phật mấy chục năm, nhưng trong giai đoạn cuối cùng, lại xem thường pháp trì danh, đổi sang tu phép khác, hoặc lúc lâm chung chẳng ưa thích Cực Lạc, luyến tiếc thế gian, chưa thể niệm Phật, sẽ chẳng thể gọi là “một mực chuyên niệm”).

Chuyện này chúng tôi cũng thấy rất nhiều, có thật; không chỉ có, mà còn rất nhiều! Tới lúc lâm chung, người ấy lưu luyến thế giới này, lưu luyến lớn nhất là tình cảm đối với người thân, đó là tập khí nặng nhất. Vì vậy, trong sách *Sức Chung Tu Tri*, cổ đại đức đã bảo: Nhằm tiễn người ấy đi vãng sinh, khi tiễn người ấy sắp vãng sinh trong chốc lát, tốt nhất là đừng để người ấy thấy mặt người nhà, quyến thuộc, con cái. Vì sao? Trông thấy sẽ động tâm, hễ động tâm sẽ hỏng chuyện! Vì thế, hãy để cho bạn bè trong nhà Phật, đồng tu niệm Phật tới chăm sóc người ấy, tiễn người ấy vãng sinh.

Sau khi người ấy vãng sinh, người nhà, quyến thuộc mới có thể tiến vào. Hơn nữa, thường là tám tiếng đồng hồ sau khi người ấy đã tắt hơi, người nhà, quyến thuộc mới được bước vào, vì sợ nhiễu loạn trong khi thần thức người ấy đang rời khỏi thân xác. Người thật sự vãng sinh, hễ tắt hơi bèn ra đi, vãng sinh nhanh chóng.

Có người nhờ vào trợ niệm, tuy tắt hơi, nhưng hoàn toàn chẳng đi, linh hồn vẫn còn quanh quẩn bên thân thể. Lúc ấy, công đức niệm Phật vô cùng thù thắng, khiến cho người ấy nghe mỗi âm thanh đều là Phật hiệu, cuối cùng cũng theo Phật hiệu ra đi thì tốt lắm!

Phải biết: Niệm Phật đưa thần thức của người đã mất đi vãng sinh rất nhiều. Đúng là có nhiều người vãng sinh nhờ vào trợ niệm. Vì thế, trợ niệm phải đúng pháp. Nếu chẳng đúng pháp sẽ phiền phức rất lớn!

Chúng ta xem đoạn kế tiếp: *“Hoặc nghi niệm Phật hà dĩ hữu như thị công đức”* (Hoặc nghi niệm Phật, niệm Phật làm sao có công đức như thế cho được). Nghi là một căn bản phiền não. Căn bản phiền não gồm sáu thứ, sau tham, sân, si, mạn là nghi, cuối cùng là Ác Kiến.

Ác Kiến là Tư Hoặc, gồm Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến, gọi gộp chung là Ác Kiến. Nghi là chướng ngại lớn nhất của Bồ tát, Bồ tát chẳng thể khai ngộ, chẳng thể kiến tính, người niệm Phật chẳng thể vãng sinh đều do phạm phải chữ [Nghi] này.

Đây chẳng phải là chân tín, do lòng tin không kiên định. Chẳng phải là nói quý vị chẳng có tín tâm, mà là nói quý vị chưa có lòng tin một trăm phần trăm chẳng nghi ngờ! Tín tâm chín mươi chín phần trăm, vẫn còn có một phần nghi. Một phần nghi ấy sẽ là chướng ngại nghiêm trọng, chướng ngại quý vị chẳng thể thành tựu, quý vị nói chuyện này có phiền phức hay chẳng?

Trong quá khứ, chúng tôi nghe thầy giảng, cảm thấy rất khó lý giải, thầy đã nêu một thí dụ. Thầy nói thí dụ như cái chén trà này đựng đề hồ, cả một chén đề hồ đầy ắp, đề hồ là thức uống ngon nhất. Trong ấy có một giọt độc dược; do một giọt như vậy, cả chén đề hồ đều biến thành độc dược, quý vị uống một hớp sẽ phải tử vong.

Điều này nói gì vậy? Quý vị có lòng tin chín mươi chín phần trăm, một phần trăm là nghi, đó là một giọt độc dược

phá hoại chín mươi chín phần trăm tín tâm của quý vị. Tỷ dụ hay lắm, khiến cho chúng ta thật sự có thể đề cao cảnh giác, chớ nên hoài nghi kinh giáo, chớ nên hoài nghi Phật, Bồ tát, chớ nên hoài nghi thiện căn, phúc đức, nhân duyên của chính mình. Có một tí hoài nghi sẽ chướng ngại chính mình thành tựu! Chân tín, quý vị thấy kinh nói đến chân tín nguyện, chân tín, thiết nguyện (lòng tin chân thật, nguyện thiết tha), công đức ấy vô cùng thù thắng.

“Nhân năng niệm sở niệm, giai thị Thật Tướng cố” (Vì năng niệm và sở niệm đều là Thật Tướng), cụ Niệm Tổ giải thích vì sao niệm Phật có công đức thù thắng như thế? Năng niệm là giác tâm, sở niệm là quả Phật (vị Phật đã chứng quả), nhân quả tương ứng. Giác tâm chẳng mê là Thật Tướng, quả Phật cũng là Thật Tướng; vì thế, công đức chẳng thể nghĩ bàn.

Người niệm Phật lâm chung, kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác lâm chung niệm Phật mười niệm đều vãng sinh, từ địa ngục A Tỳ bèn thành Phật, vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới, tới thế giới Cực Lạc làm A Duy Việt Trí Bồ tát, đều là Thật Tướng.

“Di Đà Yếu Giải vân: Quang tắc hoành biến thập phương, thọ tắc thụ cùng tam tế. Hoành thụ giao triệt, giai Pháp Giới Thể. Cử thử thể tác Di Đà thân độ, diệt tức cử thử thể tác Di Đà danh hiệu. Thị cố Di Đà danh hiệu tức Chúng sinh Bản Giác Lý tính. Trì danh tức Thỉ Giác hợp Bản, Thỉ Bản bất nhị, sinh Phật bất nhị. Cố nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật,

niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật dã” (Sách *Di Đà Yếu Giải* viết: “Quang theo chiều ngang tròn khắp mười phương, Thọ theo chiều dọc tốt cùng ba đời. Ngang và dọc xen nhau thấu triệt, đều là Pháp Giới Thể. Nêu lên cái Thể ấy để làm thân và cõi nước của Phật Di Đà; mà cũng lấy cái Thể ấy tạo thành danh hiệu Di Đà. Vì thế, danh hiệu Di Đà chính là Bản Giác Lý tính của Chúng sinh. Trì danh là Thỉ Giác hợp với Bản Giác. Thỉ Giác và Bản Giác chẳng hai. Chúng sinh và Phật chẳng hai. Vì thế, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”).

Chuyện này Phật, Bồ tát, tổ sư đại đức đã giảng thấu triệt. Quang chiếu tròn mười phương, tượng trưng không gian. Thọ là quá khứ, hiện tại, tương lai, đại biểu thời gian; nay chúng ta gọi là “thời - không”.

“*Hoành thụ giao triệt*”, Hoành (chiều ngang) là không gian, Thụ (chiều dọc) là thời gian. Thời gian và không gian đều vô lượng, vô tận, chẳng có ngăn mé. Đây là Pháp Giới Thể, đây là công đức viên mãn trong tự tính; kinh *Hoa Nghiêm* nói đến Thể, Tướng, Dụng. Nêu lên cái Thể ấy để làm Di Đà thân, [thân ấy] tức là Pháp Tính thân, Tây Phương Tịnh Độ là Pháp Tính Độ, chẳng rời khỏi tự tính. Lấy cái Thể ấy làm danh hiệu Di Đà, tức là danh hiệu của Pháp Tính. Vì thế, danh hiệu này là Bản Giác Lý tính của hết thảy chúng sinh, tức là đức hiệu của tự tính vốn sẵn trọn đủ. Dùng danh hiệu rất sâu này để kêu gọi tự tính của chúng ta quay trở về.

Trong Mật giáo có nói “tam mật tương ứng”, nhưng trong Tịnh Tông cũng phải nói tới tam mật tương ứng. Câu danh hiệu này chẳng khác gì mật chú trong Mật Tông, nó là tiếng Phạn. A Di Đà Phật là phiên âm. Nó là tự tính, vì thế, quý vị phải hiểu ý nghĩa này. A nghĩa là Vô, Di Đà nghĩa là Lượng, Phật nghĩa là Giác. Quý vị nghĩ tới Giác, nhất định sẽ nghĩ đến Giác - Chính - Tịnh. Chữ Giác trong tiêu đề kinh này là gì? “Chính” là bình đẳng, bình đẳng thì mới Chính; trước đó là Thanh Tịnh, Giác - Chính - Tịnh, Thanh Tịnh là Tịnh, Bình Đẳng là Chính, Giác.

Vô lượng giác, vô lượng bình đẳng, thanh tịnh, thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình, tự nhiên tất cả hết thảy ô nhiễm đều chẳng còn, quý vị trở về Giác - Chính - Tịnh, trở về Thanh Tịnh, Bình Đẳng bèn tịnh.

Thỉ Giác hợp với Bản Giác. Thỉ Giác và Bản Giác chẳng hai. Chúng sinh và Phật chẳng hai; chúng sinh bèn thành Phật. Đó là “*nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Tương ứng bằng cách nào? Từ chỗ này, chúng ta mới biết được tin tức. Đây cũng là như chúng tôi thường nhắc nhở đồng học, tương ứng như thế nào? Niệm niệm tương ứng với “thanh tịnh, bình đẳng, giác”; nhân đã tương ứng, quả bèn tương ứng.

Nơi nhân là Thỉ Giác, là chúng sinh; nơi quả là Bản Giác, là Phật. Nơi quả là gì? Đại thừa *Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm* là tương ứng. Có nhân, nhất định có quả. Do vậy, từ tiêu đề

kinh này, quý vị nhìn vào nửa phần sau và nửa phần trước sẽ thấy: Thỉ Giác và Bản Giác chẳng hai, Chúng sinh và Phật chẳng hai. Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật.

Pháp môn thù thắng như vậy tìm đâu ra? Trừ Tịnh Tông ra, sẽ chẳng tìm được! Thù thắng, hy hữu, khó gặp khôn sánh! Vì vậy, chúng ta phải quý trọng, phải thật sự tu tập!

Ở đây, nhân tiện, tôi báo một tin cùng mọi người, tối nay, tôi đáp máy bay sang Úc, ngày mai là mùng Một sẽ tới nơi; mùng Một lên núi, chẳng thể giảng kinh. Ngày mốt là mùng Hai, chúng tôi sẽ bắt đầu giảng tiếp. Từ Internet, quý vị sẽ có thể thu được bài giảng. Tuy rời khỏi nơi đây hai mươi mấy ngày, nhưng chúng ta vẫn cùng nhau giảng kinh, học tập chẳng gián đoạn. Cảm ơn mọi người.



TÌNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 27



Chur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang hai mươi bảy, dòng thứ ba, từ dưới đếm lên:

“Hoặc nghi niệm Phật hà dĩ hữu như thị công đức, nhân năng niệm, sở niệm, giai thị Thật Tướng cố. Di Đà Yếu Giải vân: Quang tắc hoành biến thập phương, Thọ tắc thụ cùng tam tế. Hoành thụ giao triệt, giai Pháp Giới Thể. Cử thử Thể tác Di Đà thân độ, diệc tức cử thử Thể tác Di Đà danh hiệu. Thị cố Di Đà danh hiệu tức Chúng sinh Bản Giác Lý tính. Trì danh tức Thỉ Giác hợp Bản, Thỉ Bản bất nhị, sinh Phật bất nhị. Cố nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật dã” (Hoặc có kẻ nghi niệm Phật làm sao có công đức như thế? Vì năng niệm và sở niệm đều là Thật Tướng. Sách *Di Đà Yếu Giải* viết: “Quang theo chiều ngang trọn khắp mười phương, Thọ theo chiều dọc rớt ráo ba đời. Ngang và dọc xen nhau thấu triệt, đều là Pháp Giới Thể. Nêu lên cái Thể ấy để làm thân và cõi nước của Phật Di Đà, mà cũng lấy cái Thể ấy tạo thành danh hiệu Di Đà. Vì thế, danh hiệu Di Đà chính là Bản Giác Lý tính của chúng sinh. Trì danh là Thỉ Giác hợp với Bản Giác; Thỉ Giác và Bản Giác chẳng hai, chúng sinh và Phật chẳng hai. Vì thế, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”). Lần trước, chúng tôi giảng tới chỗ này, nay sẽ đọc phần tiếp theo.

“Do thượng khả kiến, Di Đà danh hiệu tức Pháp Giới Thể, cố danh hiệu công đức bất khả tư nghị” (Do những điều trên đây có thể thấy danh hiệu Di Đà chính là Pháp Giới Thể, nên

danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn). Đây là tổng kết những nghĩa thú trong phần trước, để chúng ta nhận thức danh hiệu Di Đà.

Câu danh hiệu này rất đơn giản, đưa trẻ ba tuổi cũng biết niệm, nhưng quả thật, nghĩa lý trong danh hiệu, đừng nói là ông lão tám mươi chẳng hiểu rõ, mà đúng như trong kinh đức Phật đã nói: *“Duy Phật dữ Phật, phương năng cứu cánh”* (Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo).

Đẳng Giác Bồ tát đối với nghĩa lý quá sâu trong câu danh hiệu này cũng giống như cách một lớp the ngấm trắng. Công đức của danh hiệu A Di Đà Phật dẫu mười phương chư Phật trần thuyết, sát thuyết^{19[1]} đều nói chẳng cùng tận. Ngẫu Ích Đại sư nói những lời này, câu nào cũng đều là lời thật, vì danh hiệu là thể tính của pháp giới, nên danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn!

Một người suốt đời có thể niệm một câu Phật hiệu, công đức bèn chẳng thể nghĩ bàn, nhưng người ấy có được thụ dụng hay không, cũng rất khó nói! Thật sự thụ dụng, ắt phải trọn đủ ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh. Vãng sinh lại phải trọn đủ những điều kiện như kinh đã dạy: *“Không thể do chút ít thiện căn, phúc đức, nhân duyên, mà được sinh về cõi ấy”*.

19[1] *Trần thuyết*: Dẫu vật chất nhỏ nhất như vi trần cũng luôn nói vô thượng diệu pháp. Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm, trong mỗi vi trần đều có cõi nước, trong cõi nước có Phật thường nói kinh *Hoa Nghiêm*. Về sau, kinh điển thường dùng chữ “trần sát” để diễn tả cảnh giới Sự Sự vô ngại, trùng trùng duyên khởi. *Sát thuyết*: Toàn bộ cõi nước đều thuyết pháp. Hòa thượng Tuyên Hóa lại giảng “sát thuyết” có nghĩa là nội dung giảng giải rộng lớn không ngăn mé, nên dùng cõi nước (sát độ) để hình dung sự rộng lớn của các pháp được nói.

Quý vị phải ghi nhớ, thiếu thiện căn, phúc đức, nhân duyên là không được! Do vậy biết: Chúng ta muốn thật sự vãng sinh Tịnh Độ trong một đời này, quý vị phải niệm niệm tu tập, tích lũy thiện căn, phúc đức, nhân duyên. Chúng ta cũng từng nghe nói, trong kinh này, đức Phật cũng có nói: Khi lâm chung, mười niệm ắt vãng sinh, có phải là mâu thuẫn với câu kinh *“không thể do chút ít thiện căn, phúc đức, nhân duyên, mà được sinh về cõi ấy”* hay không?

Tôi tin là có nhiều người mang niềm hoài nghi này! Niềm hoài nghi này từ xưa tới nay đều có; trong kinh điển, luận, trước thuật, giảng giải, cổ đại đức cũng đều giảng rất rõ ràng, rất minh bạch. Kể suốt đời không tin tôn giáo, không tin tưởng Phật pháp, nhưng lúc lâm chung, thỉnh thoảng gặp duyên phận như vậy, gặp gỡ một vị thiện hữu khuyên kẻ ấy niệm Phật, khuyên kẻ ấy cầu sinh Tịnh Độ.

Trong sát-na ấy, kẻ đó sau khi nghe xong bèn tin tưởng, tiếp nhận, phát nguyện cầu sinh Tịnh Độ, nghiêm nhiên cũng có thể vãng sinh. Đây chẳng phải là mâu thuẫn với câu kinh Di Đà *“Không thể do chút ít thiện căn, phúc đức, nhân duyên, mà được sinh về cõi ấy”* hay sao?

Phàm phu chúng ta cảm thấy ở đây có vấn đề, nhưng đối với người thật sự có công phu, nhìn vào, không chỉ chẳng thấy có vấn đề, mà còn thấy là hoàn toàn tương ứng với những điều đã được giảng trong kinh. Do nguyên nhân nào? Suốt đời này, người ấy chẳng tu, nhưng trong kiếp trước người ta

có tu, đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã tích lũy thiện căn, phúc đức, nhân duyên, cả đời này chẳng có cơ duyên gặp gỡ Phật pháp, gần như luống uổng một đời. Nào ngờ khi lâm chung gặp gỡ thiện hữu cảnh tỉnh, dẫn khởi chủng tử thiện căn và phúc đức trong A Lại Da thức của người ấy phát khởi, người ấy bèn thành tựu.

Có phải là ngẫu nhiên hay chẳng? Chẳng phải! Huệ Năng Đại sư hai mươi bốn tuổi, ở trong phương trượng thất của Ngũ Tổ, nghe kinh chút xíu như thế, bèn đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, có phải là ngẫu nhiên ư?

Nếu là ngẫu nhiên, trong pháp hội của Ngũ Tổ, học trò đông ngàn ấy, theo Ngài nhiều năm như vậy, vì sao chẳng khai ngộ?

Người học Phật cần phải biết: Nhân quả thông ba đời; thiện căn, phúc đức, nhân duyên đã gieo trong đời quá khứ, tới đời này, duyên chín muồi, người ấy bèn hưởng thụ. Nếu đời này thiếu duyên, vẫn phải là trong đời sau hoặc trong những đời sau nữa, nói chung khi gặp được duyên, không nhất định là khi nào, chúng ta chớ nên không biết điều này.

Do vậy, đối với những điều kinh điển đã nói, hay những điều tổ sư đại đức đã dạy, chúng ta chưa thể tin tưởng thì có thể còn mang nghi vấn, nhưng đừng nên phản đối. Còn mang lòng nghi nghĩa là gì vậy?

Chỗ này tôi không hiểu, nhưng tôi trọn chẳng hoài nghi hay phản bác, bởi lẽ đức hạnh và trí tuệ của chính tôi vẫn chưa đủ.

Nỗi nghi ấy là chuyện tốt, cổ đại đức thường nói “*tiểu nghi tiểu ngộ, đại nghi đại ngộ*”, không nghi ngờ sẽ chẳng ngộ. Nghi ở đây chẳng phải là hoài nghi, mà là sau khi ta nghe, ta tin lời người ấy giảng đúng là có lý, nhưng hiện thời ta chưa đủ trí tuệ và đức hạnh, còn phải dụng công thêm; nói chung, sẽ có ngày ta hiểu rõ vấn đề này. Đây là chính xác, là tâm thái tu học tốt đẹp trong Phật môn.

Tiếp theo lại nói: “*Danh hiệu tức chúng sinh chi Bản Giác Lý tính*” (Danh hiệu chính là Bản Giác Lý tính của chúng sinh). Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật đã nói rất nhiều lần: “*Hết thấy chúng sinh vốn là Phật*”. Vì vậy, trong Tịnh Tông nói “*tự tính Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”; lời ấy có lý, có căn cứ.

Trong kinh *Đại thừa*, đức Phật thường nói: “*Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng*”. Suốt đời này chúng ta chẳng có tưởng, kiếp trước chúng ta có tưởng hay chẳng? Kiếp trước nữa, chúng ta có tưởng hay chẳng? Quá khứ vô thủy, vị lai vô chung, chẳng biết chúng ta luân hồi trong lục đạo đã trải bao nhiêu kiếp, trong thời gian dài như vậy, chúng ta đã từng gặp Phật hay chưa? Có nghiêm túc tu hành hay chưa? Khẳng định là có, ai nấy đều có.

Vì sao đời này không tin? Tập khí phiền não quá nặng, che lấp, chèn ép thiện căn, phúc đức, nhân duyên đã tu từ vô thủy kiếp, nên vẫn y như cũ chẳng giác! Ngày nào đó gặp nhân duyên, đột nhiên hiểu rõ, chúng (thiện căn, phúc đức) sẽ khởi tác dụng.

Phật A Di Đà chẳng phải là vật ngoài tâm, ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm, đúng là do tự tính biến. Quý vị phải hiểu cảnh giới hiện tiền cũng do tự tính biến. Tam đồ và địa ngục có phải do tự tính biến hay không? Phải! Do vậy biết: Y báo và chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là trong một niệm.

Cớ sao bất giác? Cớ sao mê đến nỗi này? Chẳng may may liên quan đến cảnh giới bên ngoài, chẳng liên quan đến chư Phật, Bồ tát, cũng chẳng liên quan đến y báo và chính báo trang nghiêm bên ngoài.

Hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, chúng ta có thể biến địa cầu hiện tiền thành thế giới Cực Lạc hay không? Câu trả lời là khẳng định, chắc chắn là có thể, chỉ cần tâm địa quý vị đạt được thuần tịnh thuần thiện.

Thuần tịnh thuần thiện, quý vị sẽ thành A Di Đà Phật. Thuần tịnh thuần thiện, địa cầu liền biến thành thế giới Cực Lạc.

Từ kinh điển, chúng ta nghe nói đạo lý và chân tướng sự thật này rất nhiều, nhưng có đủ hay không? Không đủ! Vì sao không đủ? Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta chẳng thể chuyển đổi ý niệm! Từ chỗ này, chúng ta hiểu chính mình tập khí phiền não nặng lắm. Vì sao? Do vô lượng kiếp huân tu mà thành, từ sáng đến tối, quý vị thấy, nghe, tiếp xúc, hết thấy đều là huân tập phiền não.

Do vậy, có người đã từng hỏi Phật, Bồ tát: “Chúng con làm thế nào để cứu vớt xã hội này và địa cầu?”. Người ấy nói:

“Phật, Bồ tát nói một câu: - Giảng kinh, giáo học”. Người ấy đem chuyện này kể với tôi, tôi nói: “Đúng! Chẳng sai tí nào!”. Tôi nói: “Quý vị đã thật sự hỏi Phật, Bồ tát”. Suốt một đời Phật Thích Ca Mâu Ni, kể từ sau khi khai ngộ, Ngài bèn bắt đầu giảng kinh, giáo học, dạy suốt một đời, viên tịch lúc bảy mươi chín tuổi.

Nếu thực hiện tốt giáo dục, hết thấy mọi người xem trọng giáo dục của cổ thánh tiên hiền, mọi người trong thế giới này sẽ biến thành A Di Đà Phật, hoàn cảnh đều biến thành thế giới Cực Lạc.

Chưa tiếp xúc Phật pháp tức là thiếu duyên phận, chẳng thể nói người ấy không có thiện căn, phúc đức, nhân duyên, chỉ có thể nói là người ấy chưa có duyên tiếp xúc. Chúng ta đã được tiếp xúc, đã tiếp xúc thì phải giác ngộ. Chẳng giác ngộ sẽ vô dụng, cả đời này vẫn tự tư tự lợi, vẫn tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, vẫn tạo nghiệp tam đồ lục đạo. Người ấy chẳng thể lìa bỏ lục đạo và tam đồ trong tự tính, lìa bỏ chẳng được! Đó là mê, mê rất nặng.

Nếu ngày nào đó, người ấy giác ngộ, hễ chuyển biến sẽ biến thành Cực Lạc, sẽ biến thành Phật Di Đà. Phật pháp là pháp thanh tịnh, pháp bình đẳng, chẳng có chúng sinh nào là ngoại lệ, nhất định phải hiểu đạo lý này.

Trong *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*, Hiền Thủ quốc sư đã giảng hết sức rõ ràng; bài luận văn ấy chẳng dài, chỉ là một cuốn sách nhỏ mỏng manh, nhưng hết thấy những điều

được nói trong ấy là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, nói tới duyên khởi của vũ trụ, duyên do của vạn pháp, bản thân chúng ta do đâu mà có. Thật sự khó có, quả thật chẳng dễ dàng. Ngài đã giảng rõ ràng, minh bạch.

Tiếp, sách nói: *“Khởi tâm niệm Phật thị vi Thỉ Giác”* (Khởi tâm niệm Phật là Thỉ Giác). Chúng ta khởi lên ý niệm, niệm A Di Đà Phật, quý vị bắt đầu giác ngộ; nhưng chính mình chẳng cảm thấy bản thân ta giác ngộ, do nguyên nhân nào? Quý vị niệm Phật chưa đủ công phu. Nếu quý vị có thể khẳng khẳng một mực niệm một câu Phật hiệu này, khi niệm bèn buông xuống vạn duyên. Vì sao? Chúng quấy nhiễu quý vị.

Vì thế, trong kinh giáo, tổ sư đại đức dạy chúng ta nhất tâm niệm Phật, làm như vậy sẽ hữu hiệu! Nhất tâm là trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu, trừ một câu Phật hiệu ra, thứ gì cũng đều chẳng có, lúc đó mới gọi là “nhất tâm”.

Nhất tâm là tâm chân thành, nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật.

Quý vị có thể giữ được sự chân thành, kinh *Di Đà* nói quý vị có thể giữ được sự chân thành ấy trong một ngày, bậc thượng căn sẽ khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, đó là bậc thượng căn, một ngày bèn thành tựu.

Kinh nói rất hay, kẻ căn tính thấp nhất, bảy ngày cũng có thể thành tựu. Có thể chấp trì tới bảy ngày, nhất tâm niệm Phật, trong tâm thật sự chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp,

chẳng gián đoạn, bảy ngày thành tựu. Vì thế, mục tiêu của Tinh Tấn Phật Thất là ở chỗ này.

Tôi chưa từng đả Tinh Tấn Phật Thất, bởi tôi cũng chẳng dám làm. Xưa kia, tôi ở Đài Trung, thân cận thầy Lý. Thầy Lý bảo tôi cụ đã từng mở Tinh Tấn Phật Thất hai lần, làm Chủ Thất, số người tham dự ước chừng chỉ có mười mấy người. Sau lần Phật Thất ấy, đã xảy ra chuyện. Nói thật ra, nếu quý vị chẳng dụng công, oán thân trái chủ sẽ chẳng tìm đến, đến khi đó (lúc tham gia Tinh Tấn Phật Thất), họ tìm quý vị tính sổ.

Quý vị tham gia Tinh Tấn Phật Thất, thật sự dụng công mong vãng sinh, họ sẽ đặc biệt chú ý; khi ấy, họ sẽ đến nhiều loạn. Họ đến nhiều loạn, quý vị bèn bị ma dựa. Do vậy, hai lần thầy Lý tổ chức Tinh Tấn Phật Thất đều gặp phải chuyện này, có học trò bị ma dựa. Bị ma dựa là một vấn đề nghiêm trọng!

Người ta tham gia Phật Thất đang là người bình thường, niệm Phật vài ngày liền biến thành bệnh thần kinh, quý vị phải chịu trách nhiệm. Thầy Lý phải tốn thời gian hơn nửa năm để chữa cho người ấy khôi phục bình thường. Vì thế, sau đấy thầy Lý chẳng dám tổ chức Tinh Tấn Phật Thất nữa.

Đây là nói tinh tấn tu hành ắt phải trọn đủ thiện căn, phúc đức, và nhân duyên. Quý vị chẳng có thiện căn và phúc đức, chỉ hoài nghi một chút, hoặc có đôi chút ý niệm tự tư tự lợi đều không được, đó là quý vị chưa buông xuống sạch sành sanh. Thật sự buông xuống triệt để thì mới có thể tham gia

phương pháp tu hành ấy. Vì thế, từ đó về sau, tôi không dám tiến hành, và thầy cũng nhắc nhở tôi chớ làm.

Duyên của cụ thù thắng hơn tôi. Cụ được thân cận lão pháp sư Ấn Quang, Ngài là nhất đại tổ sư. Duyên của chúng tôi thua cụ, mà cụ tổ chức Tinh Tấn Phật Thất còn gặp rắc rối, huống gì chúng tôi! Càng về sau, đời sau kém hơn đời trước!

Hiện nay, chúng ta dùng phương pháp gì? Nói thật ra, ổn thỏa, thích đáng nhất, an toàn nhất, mà cũng có hiệu quả nhất là giảng kinh, giáo học. Chuyện này thuộc loại tiệm tu, chắc chắn chẳng có khuyết điểm.

Ở nơi đây, sang năm học viện của chúng ta đã được thành lập tròn mười năm. *Thiên Học Ký* trong sách *Lễ Ký* đã nói rất hay, pháp thế gian và xuất thế gian đều giống nhau, “*thất niên thiếu thành, cửu niên đại thành*” (bảy năm thành tựu nhỏ, chín năm thành tựu lớn), chúng ta có thành tựu hay không?

Cổ đại đức đã nói: “*Sư phụ lãnh tấn môn, tu hành tại cá nhân*” (Sư phụ hướng dẫn nhập môn, cá nhân phải tự tu hành), đặc biệt là trong thời đại hiện tại này, xã hội đề xướng dân chủ, tự do, cởi mở.

Trong xã hội hiện tại, cha mẹ chẳng thể kiềm chế con cái, thầy chẳng thể quản trò. Vì sao? Có nhân quyền! Khác hẳn xã hội trong quá khứ! Hiện thời, chúng ta chỉ có thể khuyên nhủ, đúng là tu hành và thành tựu đều do chính mỗi cá nhân tự nỗ lực.

Kinh giáo do Phật nói, chú giải do Bồ tát soạn. Phật, Bồ tát chốn chốn nhắc nhở chúng ta, nếu chúng ta y giáo phụng hành, chắc chắn có thành tựu. Thành tựu cạn hay sâu, lớn hay nhỏ, mấu chốt chẳng do thời gian quý vị học dài hay ngắn, chẳng phải do quý vị vận dụng công phu cạn hay sâu, mà do quý vị buông xuống nhiều hay ít.

Thuở trước, khi tôi đang học tập, Chương Gia Đại sư đã bảo tôi lời ấy. Trải qua năm mươi chín năm học tập, kiểm nghiệm, chứng tỏ lời ấy chính xác, quý vị buông xuống nhiều hay ít! Quý vị chẳng thể buông xuống, dầu tu ba trăm năm vẫn là phàm phu, có thể nâng cao công phu lên một bước hay không? Chẳng thể! Nâng lên cao một bước cũng chẳng thể!

Giống như bước lên cầu thang, quý vị phải buông nấc thứ nhất xuống thì mới có thể lên được nấc thứ hai, lại buông nấc thứ hai xuống thì mới có thể lên được nấc thứ ba, buông xuống triệt để! Quý vị chỉ đặt một chân lên nấc trên, còn chân kia chẳng chịu buông bỏ nấc dưới, sẽ vĩnh viễn chẳng có cách nào lên cao được! Do vậy, dù ba trăm năm, quý vị vẫn chẳng có cách nào lên cao hơn một nấc được! Buông xuống trọng yếu lắm! Vì sao chẳng buông xuống?

Tôi khuyên các đồng học, tối thiểu cũng phải mười mấy năm, hai mươi năm, chúng ta nhất định phải buông tự tư tự lợi xuống! Khởi tâm động niệm, nói cách khác, chúng ta sống ở thế gian là vì điều gì?

Tôi thừa với mọi người, tôi vì hai chuyện, một là nhằm giữ cho chính pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni được trường tồn, hai là vãng sinh Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật.

Tôi hiểu rõ, minh bạch Phật pháp, suốt đời này làm hai chuyện ấy, sống một ngày bèn làm một ngày. Đức Thế Tôn đã nêu gương cho chúng ta.

Đức Thế Tôn trước khi diệt độ, hể còn một hơi thở, Ngài còn giảng kinh, thuyết pháp. Quý vị thấy cuối cùng Ngài dạy chúng ta Tứ Y Pháp. Tôn giả A Nan hướng về lão nhân gia thỉnh giáo: “Đức Thế Tôn tại thế, chúng con nương theo Phật là thầy. Đức Thế Tôn nhập diệt, chúng con nên nương theo ai làm thầy? Đức Thế Tôn tại thế, hết thấy mọi người đều nương theo Phật để cộng trụ; Phật nhập diệt, chúng con nương vào ai để cộng trụ?”.

Đức Thế Tôn nói, đó là giáo huấn của Ngài đã lưu lại. Đức Thế Tôn chẳng tại thế, chúng ta “*dĩ giới vi sư*” (lấy giới làm thầy), đức Phật dạy như vậy. “*Dĩ khổ vi sư*” (lấy khổ làm thầy). Ngài dạy hai câu ấy.

Nương vào ai để trụ? Nương vào Tứ Niệm Xứ để trụ, sẽ chẳng khác gì đức Phật tại thế; nương vào Lục Hòa Kính để trụ. Chúng ta nương vào Lục Hòa Kính và Tứ Niệm Xứ, sẽ chẳng khác gì Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn tại thế. Chúng ta trì giới, chẳng sợ khổ, giống như vẫn ở cùng Phật Thích Ca Mâu Ni. Hơi thở chưa dứt, đức Phật vẫn dạy bảo đạo chúng ta, từ bi đến tột cùng!

Vì vậy, chẳng buông xuống tự tư tự lợi, sẽ chẳng có cách nào nhập môn, cách trở Phật môn quá ư xa xôi! Sửa đổi tập khí ấy bằng cách nào? Thay đổi ý niệm! Thay ý niệm tự tư tự lợi bằng ý niệm lợi ích người khác, lợi ích chúng sinh, lợi ích quốc gia, lợi ích xã hội, lợi ích toàn bộ thế giới, quý vị nghĩ tưởng những điều ấy.

Ta dùng phương pháp gì để giúp đỡ chính mình, giúp đỡ xã hội, giúp đỡ quốc gia, giúp đỡ thế giới này? Phương pháp tốt nhất là y giáo phụng hành, học Phật. Quý vị hãy suy nghĩ: Chúng đắc Phật quả, nguyện vọng của quý vị sẽ được thực hiện viên mãn.

Chúng tôi lại nói rõ hơn một chút, đối với chính mình, thân tâm khỏe mạnh, mọi người đều mong muốn chuyện này, gia đình hòa thuận. Chúng ta ở trong đạo tràng này, đạo tràng hòa thuận. Trong đạo tràng đều là người một nhà, chính mình khiêm ty, cung kính, quan tâm, chiếu cố người khác, hỗ trợ hợp tác, gia đình ấy sẽ hưng vượng và vui vẻ lắm!

Gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an hòa, quốc thái dân an, thế giới hòa hợp, đều đạt được, chẳng phải là không thể thực hiện được.

Hãy làm từ chính mình, thay đổi từ tâm thái của chính mình. Buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống; buông hưởng thụ ngũ dục lục trần xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống. Tâm định rồi! Tâm định sẽ chẳng bị cảnh giới bên ngoài

xoay chuyển, cũng có thể nói là cảnh giới bên ngoài chẳng thể ảnh hưởng quý vị. Tới khi ấy, quý vị có thể ảnh hưởng thế giới bên ngoài. Giống như kinh *Lăng Nghiêm* đã nói: “*Nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai*” (Nếu có thể chuyển vật, ắt sẽ giống Như Lai). Quý vị chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, sẽ có thể chuyển biến cảnh giới bên ngoài.

Do vậy, quý vị thấy thánh nhân thế gian và xuất thế gian giải quyết vấn đề của chính mình, giải quyết vấn đề gia đình, đoàn thể, quốc gia, thế giới, đều dùng giáo học. Giáo học làm đầu, đó là chân lý.

Quý vị có thể thật sự tin tưởng, thật sự làm, quý vị có đại trí tuệ, sẽ thật sự giải quyết vấn đề. Nếu quý vị không tin, mà nghĩ còn có biện pháp tốt đẹp hơn, làm theo cách ấy, đến khi đạt kết quả, đem so sánh với cách làm này, sẽ liền hiểu rõ.

Nhiều người từ xưa tới nay, đều tuân theo giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Hiện thời, bình thiên hạ được gọi là thế giới hòa hài, không gì chẳng tuân thủ “*giáo học làm đầu*”. Gia đình thực hiện tốt giáo dục trong gia đình, xã hội cũng thực hiện tốt giáo dục, quốc gia cũng thực hiện tốt giáo dục, cả thế giới hòa hài.

Xã hội hiện thời loạn lạc như thế, tai nạn lắm như vậy, nguyên nhân thật sự là gì?

Chúng ta vứt bỏ giáo dục, nên mới sinh ra phiền phức. Quý vị nhất định phải biết giáo dục, đó chính là giáo dục

luân lý. Thật sự hiểu rõ giáo dục luân lý, con người sẽ yêu thương nhau, con người biết tự yêu thương mình. Luân lý là nói về quan hệ; quý vị hiểu rõ ràng, minh bạch các mối quan hệ, sẽ yêu thương người khác. Người khác là cha mẹ của ta, lẽ nào ta chẳng yêu thương họ? Hiểu rõ quan hệ, người khác là con cái của ta, lẽ nào chẳng yêu thương, quan tâm họ?

Hiểu thông suốt Đại thừa Phật pháp, quý vị mới thật sự giác ngộ, giống như trong kinh đức Phật đã nói: *“Hết thấy người nam là cha ta, hết thấy người nữ là mẹ ta”*. Đời đời kiếp kiếp, nhân quả ba đời. Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta luôn có những mối quan hệ mật thiết như vậy, nhưng hễ chuyển thế bèn quên mất.

Nếu quý vị có trí nhớ, những thứ trong A Lại Da đều được khôi phục; quý vị đều có thể nhớ kỹ, sẽ biết hết thấy mọi người có quan hệ với quý vị như thế nào. Lời Phật giảng là chân thật, chẳng giả. Không chỉ hết thấy mọi người có quan hệ với ta như thế, mà tất cả động vật và chúng ta cũng có mối quan hệ như vậy.

Kinh *Lăng Nghiêm* dạy: *“Nhân tử vi dương, dương tử vi nhân”* (Người chết thành dê, dê chết thành người). Đường nào trong lục đạo chúng ta cũng đã từng trải qua, thời gian lại rất dài, lại còn trải qua rất nhiều lần, chẳng phải là một hai lần, quan hệ mật thiết!

Còn nữa, theo luân lý được nói trong nhà Phật, cây cối, hoa, cỏ có quan hệ với chúng ta; núi, sông, đại địa có quan hệ với

chúng ta. Vì sao? Do tâm tính của chúng ta sinh ra, do A Lại Da của chúng ta biến. Quan hệ với chúng ta như thế nào? Rất mật thiết, nhất thể, có cùng một tự tính thanh tịnh viên minh thể. Vì vậy, luân lý được giảng trong nhà Phật mới thật sự là giảng đến rốt ráo viên mãn, chẳng có một thứ nào là ngoại lệ.

Nếu không hiểu thông suốt mối quan hệ ấy thì kinh Phật thường dùng một tỷ dụ để giảng giải rất hay! Tỷ dụ được dùng nhiều nhất để nói là “*nằm mộng*”. “*Mộng, huyền, bọt, bóng*”, tỷ dụ chủ yếu là nằm mộng, còn huyền, bọt nước, hình bóng là những ví dụ kèm thêm.

Chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng. Quý vị hãy nhớ, khi nào tỉnh giấc mộng, hãy suy nghĩ: Người, vật, cây cối, hoa cỏ, núi, sông, đại địa, hư không trong giấc mộng ấy do đâu mà có?

Người hiện thời bảo chúng do tâm ý thức biến hiện, nói cũng khá lắm, ý thức là thức thứ sáu. Thức thứ sáu có thể phân biệt, còn chủng tử thì sao? Chủng tử ở trong A Lại Da thức. Quả thật hoàn toàn do chính mình biến hiện, toàn bộ cảnh giới trong mộng đều do chính mình biến hiện. Đối với những cảnh giới trước mắt, chúng ta học qua Duy Thức sẽ biết, toàn là Hiện Lượng của A Lại Da, là Tướng Phần và Hiện Lượng của A Lại Da.

A Lại Da do đâu mà có? A Lại Da biến hiện từ chân tính. Sau khi mê chân tính, A Lại Da bèn xuất hiện. Ba tế tướng (nghiệp tướng, cảnh giới tướng và chuyển tướng) của A Lại

Da biến hiện ra cái được Phật pháp gọi là “y báo và chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới”.

Lại mở rộng ra, sẽ giống như phẩm *Hoa Tạng Thế Giới* và *Thế Giới Thành Tựu* của kinh *Hoa Nghiêm*, chẳng có ngăn mé. Tụ tính không gì lớn có thể lọt ra ngoài, không gì nhỏ chẳng gồm trong, chẳng có ngăn mé, nhất thể!

Tuy vậy, chúng ta chẳng có cách nào chứng đắc, do nguyên nhân nào? Phiền não tập khí chẳng thể buông xuống được, quý vị sẽ chẳng thể chứng đắc, nhưng chúng ta tiếp nhận sự hun đúc của kinh giáo, hun đúc trong một thời gian dài, cũng hiểu rõ, minh bạch. Sự minh bạch ấy được gọi là “giải ngộ”. Ngộ có hai thứ:

- Một là minh bạch, tức là giải ngộ, nghe đức Phật nói bèn hiểu rõ chẳng sai.

- Loại thứ hai là chứng ngộ.

Chứng ngộ thì mới có thụ dụng. Vì sao? Hoàn toàn là cảnh giới Hiện Lượng^{20[2]} của chính mình. Giải ngộ chẳng phải vậy! Giải ngộ chẳng phải là cảnh giới Hiện Lượng, mà là cảnh giới Tỷ Lượng^{21[3]}, là cảnh giới nương vào Thánh Ngôn Lượng^{22[4]} mà khởi.

20[2] Hiện Lượng (Pratyaksa-pramāṇa) là một thuật ngữ trong Nhân Minh. Lượng có nghĩa đo lường, cân nhắc, phán đoán. Hiểu rộng hơn là tiêu chuẩn dùng để phán định, suy xét. Hiện Lượng là cảm giác, chưa xen lẫn những khái niệm, trọn chẳng bị phân biệt, tư duy xen vào. Chẳng hạn khi mắt thấy sắc, liền nhận biết rõ ràng, nhưng chưa suy lường đó là vật gì, tên gọi là gì, màu sắc ra sao, hình dáng thế nào, đáng ưa hay đáng ghét v.v... thì sự nhận biết ấy gọi là Hiện Lượng.

21[3] Tỷ Lượng (Anumāṇa-pramāṇa): Sự nhận biết do so sánh điều gì chưa biết với cái đã biết.

22[4] Thánh Ngôn Lượng (còn gọi là Chính Giáo Lượng, Chí Giáo Lượng), sự nhận biết căn cứ trên thánh giáo của chư Phật, Bồ tát.

Vì thế, niệm Phật là giác ngộ, là Thỉ Giác. Thỉ Giác và Bản Giác là một, không hai. Thỉ Giác của chúng ta trong hiện thời chính là giải ngộ, khi Bản Giác hiện tiền sẽ là chứng ngộ.

Quý vị thấy *“Thỉ Giác hợp Bản”*, dùng phương pháp niệm Phật này để triệt ngộ tự tính, có cùng một cảnh giới với đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính trong Tông Môn, chỉ là dùng phương pháp khác nhau.

Một câu Phật hiệu niệm tới rốt ráo, niệm đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, sẽ là đại triệt đại ngộ; khi ấy, cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai sẽ hiện tiền. Điều khẩn yếu là chính mình phải thật sự làm! *“Thật sự làm”* là chính mình thật sự buông xuống, thật sự làm chuyện ấy, xem nó là một đại sự phải thực hiện trong đời này thì mới có thể thực hiện được trong một đời.

“Kim sở niệm chi Phật, chính ngã Bản Giác” (nay vị Phật được niệm chính là Bản Giác của ta), tức là tự tính thanh tịnh viên minh thể. *“Cố vân trì danh tức thị Thỉ Giác hợp Bản”* (nên nói trì danh chính là Thỉ Giác hợp với Bản Giác). Cũng chớ nên quên tiêu chuẩn trì danh do Đại Thế Chí Bồ tát đã giảng: *“Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế”* (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm nối tiếp), phải niệm như vậy thì mới được.

Nhiếp trọn sáu căn là buông xuống vạn duyên, niệm của quý vị sẽ là tịnh niệm. Nếu quý vị chẳng thể nhiếp trọn sáu căn, mắt sẽ chạy theo sắc tướng bên ngoài, tai sẽ ruổi theo thanh trần để nghe ngóng, tâm quý vị luôn hướng ra ngoài,

đều đặt nơi cảnh giới lục trần, cũng tức là tâm quý vị tán loạn. Nhiếp trọn sáu căn, tâm bèn định; mắt ta chẳng thấy sắc, tai chẳng nghe tiếng, định rồi.

Học theo Bồ tát Quán Thế Âm xoay cái Nghe để nghe nơi tự tính, tai vốn nghe bên ngoài, nay chẳng nghe bên ngoài nữa, mà nghe bên trong. Bên trong là gì? Bên trong là tự tính, quay đầu. Lục căn đều quay đầu, chẳng duyên theo bên ngoài, chẳng duyên theo cảnh giới lục trần bên ngoài, đấy là tự tính vốn định.

Hễ quay đầu thì tự tính vốn định, kinh *Lăng Nghiêm* gọi điều ấy là *Thủ Lăng Nghiêm Đại Định*. Tâm ấy đúng là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng.

Trong tịnh niệm ấy có một câu Phật hiệu, cho nên tịnh niệm ấy dễ tu. Nếu trong tịnh niệm ấy thứ gì cũng chẳng có, sẽ chẳng dễ dàng, phàm phu chúng ta không tu được!

Phàm phu chúng ta có nhất niệm, nhất niệm là A Di Đà Phật. Phật A Di Đà tương ứng với Tính Đức của tự tính; Phật A Di Đà là đức hiệu của Tính Đức. Niệm tới khi tự tính Bát nhã hiện tiền sẽ gọi là “hoát nhiên đại ngộ”. Lý nhất tâm bất loạn, Đại Thế Chí Bồ tát dạy chúng ta [như vậy].

Nay chúng ta thực hiện thì phải nhớ: Hãy thực hiện ở chỗ sáu căn tạm thời đừng khởi tác dụng nào khác, xa lìa cảnh giới lục trần, tìm một nơi thanh tịnh để thu gom cái tâm! Dùng hoàn cảnh để giúp đỡ chính mình. Chẳng hoài nghi pháp môn này, chẳng hoài nghi Tịnh Độ, chẳng hoài nghi A Di Đà Phật,

chẳng hoài nghi vị thầy trong đạo tràng chúng ta đang tu học, chẳng hoài nghi đồng học, quý vị sẽ chẳng bị chướng ngại!

Một câu Phật A Di Đà này quý vị cứ niệm niệm tiếp nối, tiếp nối là chẳng gián đoạn, công phu đặc lực sẽ thành tựu. Ở đây, cụ Niệm Tổ giảng là *“thị cố niệm niệm tương ứng, nhi niệm niệm tức Phật, thị hiển trì danh công đức bất khả tư nghị”* (vì thế, niệm niệm tương ứng, nhưng niệm niệm chính là Phật, tỏ rõ công đức trì danh chẳng thể nghĩ bàn).

“Hựu cứ Mật điển” (lại nữa, dựa trên kinh điển của Mật Tông), đây là điều được nói trong Mật Tông, *“lục tự hồng danh trung nhất cá A tự, công đức dĩ thị vô lượng. Nhật Hưng Giáo Đại sư viết: ‘Tự A tự xuất nhất thiết đà-la-ni, tự nhất thiết đà-la-ni sinh nhất thiết Phật’* (công đức của một chữ A trong sáu chữ hồng danh đã là vô lượng. Hưng Giáo Đại sư^{23[5]} của Nhật Bản nói: “Từ chữ A sinh ra hết thấy đà-la-ni, từ hết thấy đà-la-ni sinh ra hết thấy Phật”).

23[5] Hưng Giáo Đại sư (Kōgyō-Daishi) là ngài Giác Vãng (Kakuban, 覺鑰, 1095-1143). Sư sinh tại tỉnh Phi Tiên (Hizen) thuộc đảo Cửu Châu (Kyushu), tục danh là Di Thiên Tuế Ma (Yachitose Maro). Sư được mười tuổi thì cha mất, nên đi tu năm mười ba tuổi, theo học với ngài Khoan Trợ (Kanjo), viện chủ Thành Tự Viện. Sư thông hiểu Mật Tông, và nghiên cứu Tịnh Độ với ngài Thanh Liên (Shōren). Được sự bảo trợ của thiên hoàng Điều Vũ (Toba), Ngài sáng lập chùa Denbō-in (Truyền Pháp Viện, về sau được gọi là Đại Truyền Pháp Viện). Với nhiệt tình chân hưng Mật Tông, Sư đã cố gắng thống nhất hai chi phái Ono (Tiểu Dã) và Hirosawa (Quảng Trạch), và trở thành tọa chủ hai chùa Đại Truyền Pháp và Kim Cương Phong (tổng bản sơn của Mật Tông), nhưng bị những tăng sĩ vì quyền lợi cá nhân chống đối dữ dội nên phải từ chức, lui về Mật Nghiêm Viện (Mitsugon-in). Các tăng sĩ chống đối vẫn không buông tha, họ tấn công đốt trụ chùa Đại Truyền Pháp, khiến ngài Giác Vãng cùng các đệ tử phải lánh về Negoro-ji (Căn Lai Tự), rồi tịch ở đó. Sau này, thiên hoàng Đông Sơn (Higashiyama) đã truy tặng Ngài đạo hiệu Hưng Giáo Đại sư. Một đệ tử của Ngài là Lại Du (Raiyu) đã sáng lập tông phái Mật Tông mới dựa trên lời dạy của Ngài, gọi là Tân Nghĩa Chân Ngôn Tông (Shingi Shingon Shu). Một trong những quan điểm đặc sắc của ngài Giác Vãng là đề xướng học thuyết “himitsu nembutsu” (bí mật niệm Phật), xem niệm Phật là một cách tu Mật pháp cao siêu không thua gì các pháp tu khác trong Mật Tông. Trong tác phẩm Amida Hisshaku (A Di Đà Bí Thích), Ngài đã chú giải tỉ mỉ ý nghĩa của từng chữ trong sáu chữ danh hiệu, cũng như đề xướng niệm Phật kết hợp với tụng “tâm chân ngôn” (tâm chú) “Hrih” của A Di Đà Phật.

Đây là điều được nói trong kinh điển Mật Tông. “A” là chữ cái thứ nhất trong tiếng Phạn, tất cả văn tự (vì tiếng Phạn dùng mẫu tự để ghép lại) đều từ chữ này diễn biến, nó là chữ cái thứ nhất. Giống như tiếng Anh dùng chữ A làm mẫu tự thứ nhất, A trong tiếng Anh cũng được phát âm là A (như trong tiếng Quan Thoại). “Từ chữ A sinh ra hết thấy đà-la-ni”. Đà-la-ni là chú, quả thật trong hết thấy các bài chú đều có âm A này, nó chứa được vô lượng vô biên nghĩa.

Tùy thuộc nó nằm trong câu chú nào, mà giảng như thế nào, nhưng thấy đều tương ứng với tự tính. “Hết thấy đà-la-ni sinh ra hết thấy Phật”. Đà-la-ni (Dhāranī) là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tổng Trì, nghĩa là “gồm chung hết thấy các pháp, nắm giữ hết thấy các nghĩa”. Có những chú chẳng dài, nhưng chú *Lăng Nghiêm* rất dài, có tới hai ngàn từ.

“*A Di Đà Phật*” cũng là một chú ngữ, nhưng rất ngắn, chỉ gồm một câu là A Di Đà Phật. Bất luận bộ kinh điển nào, bất luận câu chú ngữ nào đều là một pháp môn, nhà Phật nói “*tám mươi bốn ngàn pháp môn*”. Thật ra, đừng nên hiểu tám mươi bốn ngàn là con số, phải hiểu nó biểu thị sự đại viên mãn.

Quý vị thấy trong *Tứ Hoằng Thệ Nguyện* có câu: “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”, chẳng nói tám mươi bốn ngàn, mà là pháp môn vô lượng thệ nguyện học! Tám mươi bốn ngàn pháp môn mở rộng thành vô lượng pháp môn,

vô lượng pháp môn quy nạp lại thành tám mươi bốn ngàn pháp môn.

Do vậy, tám mươi bốn ngàn và vô lượng có cùng một ý nghĩa. Trong Tịnh Độ Tông, lại quy nạp, quy nạp tới cuối cùng, dùng “bảy” làm con số viên mãn. “Bảy” có ý nghĩa gì? “Bảy” là Đông, Nam, Tây, Bắc, phía trên, phía dưới, gọi là “lục phương”, còn có chính giữa thêm vào đó thành “bảy phương”, đó là viên mãn. Vì thế, nó tượng trưng sự viên mãn.

“Thập” xét theo con số, từ một đến mười là viên mãn, đều nhằm biểu thị sự đại viên mãn, đừng hiểu là con số; nếu không, quý vị sẽ thấy sai!

Kinh *Hoa Nghiêm* nói “*một chính là hết thấy, hết thấy chính là một*”, lời này nói rất hay! Nói “một” là nói tới tự tính, hết thấy các pháp đều do tự tính sinh ra, hiện ra, biến ra. Trên thực tế, cái biến là A Lại Da, nhưng A Lại Da từ tự tính thanh tịnh viên minh thể biến hiện; cho nên là một, không hai.

Tự tính là chân tâm, A Lại Da là vọng tâm, chân vọng chẳng hai. Bất luận là xét theo Lý, hay xét theo Sự, Phật pháp luôn dạy chúng ta, trọn pháp giới hư không giới hết thấy các pháp và chính mình là một Thể. Thật sự nhận thức, thật sự chứng đắc trong tự tính có vô lượng trí tuệ, vô lượng từ bi, vô lượng đức hạnh tự nhiên lưu lộ. Trí tuệ, đức hạnh, từ bi lưu xuất, trong cuộc sống, công việc, đãi người, tiếp vật, quý vị dùng gì? Dùng tâm từ bi, dùng trí tuệ, dùng đức hạnh, vậy

thì quý vị là Phật, Bồ tát, là đại thánh, đại hiền, giúp đỡ hết thảy chúng sinh quay đầu, giúp đỡ hết thảy chúng sinh tu hành chứng quả.

Chúng ta đọc câu văn kế tiếp: *“Hựu A tự chân ngôn, thập phương Phật tâm, chư Phật Pháp thân, đồng sở gia trì”* (Lại nữa, chân ngôn chữ A là tâm của mười phương chư Phật, Pháp thân của chư Phật cùng gia trì). Ở đây, cụ Hoàng dùng chữ *“hựu”* vì những điều này đều là lời giảng của Hưng Giáo Đại sư người Nhật. Chữ A này là tâm của mười phương chư Phật, là tâm chú. Chữ A là Phật tâm, tâm chú, chúng ta thường nói chữ A ấy là “nguyên âm” của vũ trụ, nguyên là nguyên thủy. “Nguyên âm” tức là âm thanh nguyên thủy, nguyên âm của vũ trụ là thanh âm A này!

Tất cả hết thảy các âm thanh đều từ âm này biến hiện; vì thế, nó là mẫu âm thứ nhất. Mẫu âm trong hết thảy các âm thanh được biến hiện từ nó; vì thế, nó là Phật tâm. Đã là Phật tâm, đương nhiên nó được hết thảy chư Phật gia trì, Pháp thân Phật gia trì.

Lại nói: *“Tỳ Lô Xá Na, dĩ thử A tự danh vi Bí Tạng”* (Tỳ Lô Xá Na Phật gọi chữ A này là Tạng Kín Nhiệm). *“Bí”* (祕) ở đây chẳng phải là bí mật! Trong Phật pháp chẳng có bí mật. Chuyện bí mật chẳng thể nói với người khác mới gọi là “bí mật”, còn trong Phật pháp, *“bí”* là thâm mật (sâu xa, kín nhiệm). Lý quá sâu, Sự quá rắc rối, vô lượng nhân duyên thành tựu một pháp.

Chúng ta nói đơn giản nhất thì trong sinh vật, đơn giản nhất là một tế bào, nhưng nói theo Phật pháp, tế bào cũng do vô lượng nhân duyên mới có thể sinh khởi. Vì thế, thường dùng từ Bí Tạng. Dùng từ ngữ này để hiển thị ý nghĩa: Những Lý được bao hàm trong ấy quá sâu, duyên quá phức tạp, dùng chữ A này để biểu thị điều ấy.

“Hữu tam thân duy thuyết A tự nhất pháp” (lại nữa, ba thân chỉ nói một pháp chữ A). *“Tam thân”* là Như Lai quả địa, tức Pháp thân, Báo Thân, và Ứng Hóa Thân, đó là tam thân. Pháp thân là Lý, Báo Thân và Ứng Hóa Thân đều là Sự tướng. Báo Thân là Tự Thụ Dụng gồm Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. Ứng Hóa Thân hoàn toàn là Tha Thụ Dụng, trong ấy chẳng có Tự Thụ Dụng. Tự Thụ Dụng Báo Thân ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm; đồng thời, dùng thân này để dạy những vị vừa mới chứng Pháp thân Phật.

Quý vị chỉ cần buông vô minh xuống, buông vô thủ vô minh xuống thì cũng là như chúng tôi thường nói: “Đối với hết thảy các pháp, không khởi tâm, không động niệm”; đấy là buông xuống vô minh. Vẫn còn khởi tâm động niệm thì không được, quý vị chưa buông xuống. Thật sự chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, sẽ kiến tính. Kiến tính, Báo Thân sẽ hiện tiền.

Đối với Báo Thân, trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: *“Thân hữu vô lượng tướng, tướng hữu vô lượng hảo”* (thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng hảo). Bản thân

quý vị biết, hàng Bồ tát chứng đắc Báo Thân đều biết, họ thuộc về cảnh giới ngang nhau. Vì sao hảo? Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Thế Tôn dạy: *“Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai”*. Khi quý vị chứng đắc Báo Thân, hết thấy trí tuệ, đức năng, tướng hảo trong tự tính đều hiện ra toàn bộ.

Ba thứ ấy là gì vậy? Chính là nửa phần trước của tiêu đề bản kinh này, Đại thừa là trí tuệ, Vô Lượng Thọ là đức, Trang Nghiêm là tướng. Quý vị chứng đắc các điều kiện, tâm quý vị thật sự đạt được Thanh Tịnh, đạt được Bình Đẳng, Giác là khai ngộ, toàn bộ đều ở trong tựa đề bản kinh! Tam thân cũng chỉ dùng một chữ A; trong một chữ này, thấy đều trọn đủ, đó là *“A tự nhất pháp”*.

“Chư kinh quảng tán thủ pháp công đức, văn danh xúc nhĩ, chúng tội bằng tiêu, xướng thanh kiến tự, vạn đức vân tập” (Các kinh khen ngợi rộng rãi công đức của pháp này, danh hiệu nghe lọt vào tai, các tội tiêu tan, xướng âm thanh, thấy mặt chữ, muôn đức nhóm về như mây), hai câu này nói rất hay.

“Thiền quán đản tín, trực du Tịnh Độ, thâm tu viên trí, hiện chứng Phật đạo” (kẻ thấy biết nông cạn, chỉ tin tưởng, bèn về thẳng cõi Tịnh; người tu sâu trí vẹn, chứng Phật đạo trong hiện đời). Kẻ công phu nông cạn, nhưng chân tín, chân phát nguyện, cầu sinh Tịnh Độ, sinh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong thế giới Cực Lạc; đấy là kẻ công đức nông cạn.

Người tu sâu, trí tuệ viên mãn xuất hiện, dùng tiêu đề bản kinh này để nói sẽ là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đạt được thanh tịnh, bình đẳng. Trong ấy cũng có cạn hay sâu khác nhau; vì thế, giác có tiểu ngộ, có đại ngộ, có đại triệt đại ngộ khác nhau. Vì sao? Buông xuống nhiều hay ít khác nhau. Buông chấp trước xuống, nhưng chẳng buông phân biệt xuống, có giác hay không? Có, giác một ít, là A La Hán. Ít hơn A La Hán là Tu Đà Hoàn, nhưng đều phải buông chấp trước xuống, buông xuống nhiều hay ít khác nhau.

Thật sự phải luyện, luyện sao cho hết thảy chấp trước đều chẳng cần tới, khi chúng ta sinh sang Tây Phương Tịnh Độ sẽ sinh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, không thuộc cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Nếu phân biệt cũng buông xuống, không chỉ chẳng chấp trước, mà ý niệm phân biệt cũng chẳng sinh, khi sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, Phật đến tiếp dẫn, Phật quang chiếu gọi, nâng cao công phu, gia trì quý vị sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chứng tỏ pháp môn này thù thắng.

Nói thật thà, học Thiền, học Giáo, học Mật, thật sự thành tựu trong một đời đều chẳng dễ dàng, duy nhất pháp môn này đúng là “*vạn người tu, vạn người đến*”. Ngay cả công phu buông xuống của Tu Đà Hoàn, quý vị cũng chẳng làm được thì cũng không sao cả! Chỉ cần quý vị có thể tin, thật sự bằng lòng ra đi, chẳng đoạn một phẩm phiền não cũng chẳng sao, sinh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, hạ bối vãng sinh.

Thế giới Cực Lạc là một thế giới đặc biệt. Đặc biệt ở chỗ nào? Đặc biệt ở chỗ “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Vì vậy, trong một đời, sinh về thế giới Cực Lạc, thành A Duy Việt Trí Bồ tát. A Duy Việt Trí Bồ tát thường được hiểu là Sơ Trụ trong Viên giáo, hay Sơ Địa trong Biệt Giáo, không chỉ vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới, họ vãng sinh thế giới Cực Lạc là sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

Nhưng chúng ta ở trong thế giới này, một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, Ngẫu Ích Đại sư nói, người vãng sinh ấy thật sự là phàm phu, ngay cả quả vị Tu Đà Hoàn vẫn chưa chứng đắc, cũng là như chúng ta thường nói là “chưa nhập môn”.

Đối với Đại thừa, nói theo kinh *Hoa Nghiêm*, người ấy chưa chứng đắc địa vị Sơ Tín trong Thập Tín, nhưng có thể vãng sinh. Vãng sinh thế giới Cực Lạc được hưởng thụ, tuy người ấy vẫn thuộc cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nhưng hưởng thụ như thế nào?

Trí tuệ, thần thông, đạo lực bằng với hàng Sơ Trụ Bồ tát trong Viên giáo. Người ấy chẳng phải là Sơ Trụ Bồ tát trong Viên giáo, nhưng trí tuệ và đức tướng bằng với hàng Sơ Trụ; đây là do bản nguyện và oai thần của Phật A Di Đà gia trì.

Nói cách khác, chẳng phải do chính người ấy có, mà do đức Phật ban cho người ấy được hưởng thụ giống hết hàng Pháp thân đại sĩ. Vì vậy, hạ hạ phẩm vãng sinh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư có thể trở lại thế giới Sa Bà độ chúng sinh hay không? Có thể!

Người ấy có thể ở trong thế giới này độ chúng sinh thì có bị mê hay không? Có khi bị mê! Nhưng mê thì có bị đọa lạc hay chẳng? Chẳng bị đọa lạc. Vì sao? Phật chiếu cố người ấy, Pháp thân Bồ tát chiếu cố người ấy.

Trong kinh *Kim Cương*, đức Thế Tôn chẳng phó chúc đó ư? Phó chúc hàng đại Bồ tát thường chiếu cố những vị tiểu Bồ tát. Cụm từ “tiểu Bồ tát” chỉ loại người này. Các Ngài gia trì, chỉ dạy người ấy khiến họ giác ngộ ngay lập tức. Bởi lẽ, người ấy rất dễ giác ngộ, rất dễ quay đầu, đạo lý ở chỗ này.

Vì sao người ấy chẳng có thành tựu thật sự trong thế giới Cực Lạc mà lại đến thế giới này? Tâm người ấy từ bi thiết tha, thấy chúng sinh trong thế gian này quá đáng thương, nên tới đây. Chúng ta hiểu rõ ràng tình hình này, trên thế giới này, thật sự có người tái lai hay chẳng? Thật sự có.

Có sao bậc tái lai cũng hồ đồ? Người ấy vốn là tái lai từ cõi Phàm Thánh Đồng Cư nên mới có tình hình ấy, chứ trong cõi Phương Tiện quyết định chẳng có. Đặc biệt là người trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, những người thuộc bậc trung và bậc hạ giống như vậy cũng rất nhiều, nhất định là Phật và những vị đại Bồ tát thường xuyên chiếu cố họ. Nếu chẳng chiếu cố họ, họ sẽ bị mê, thật sự bị mê.

“A tự công đức như thị, cố Phật hiệu chi công đức khả tri hỹ” (chữ A có công đức như thế, nên có thể biết công đức của Phật hiệu vậy). Một chữ đã có công đức chẳng thể nghĩ

bàn, huống hồ câu danh hiệu A Di Đà Phật! Những điều được nói ở đây đều nhằm cực lực tán thán danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta thật sự đã biết, quý vị niệm danh hiệu này tốt đẹp hơn niệm những thứ khác.

Cổ đại đức nói lời thật: *“Niệm kinh chẳng bằng niệm chú, niệm chú chẳng bằng niệm Phật”*. Vì sao ngày nay chúng ta vẫn nhấn mạnh chuyện niệm kinh? Vì chúng ta chưa liễu giải công đức của danh hiệu này, niệm kinh nhằm giúp cho quý vị liễu giải, niệm kinh nhằm giúp quý vị phá nghi, khai ngộ. Niệm kinh cũng nhằm giúp đỡ quý vị thu hồi cái tâm, vì tâm quý vị tán loạn, chẳng phải là tịnh niệm.

Dùng phương pháp niệm kinh để thu hồi cái tâm, đều nhằm nhiếp trọn sáu căn. Niệm một bộ kinh, tâm định rồi, tâm thanh tịnh, thâm liễu tâm tư bộp chộp, xao động, rồi mới niệm Phật, công phu sẽ đắc lực, mang ý nghĩa như thế đó! Phải hiểu rõ ràng, minh bạch thì mới có thể thật sự thu được hiệu quả.

Cuối cùng, ở đây, lão cư sĩ bảo chúng ta: *“Thả thủ nhất cú Phật hiệu, hạ thủ tối dị, vô phân nam, nữ, lão, thiếu, bất luận trí, ngu, nhàn, mang, nhân nhân năng niệm, cá cá khả hành. Danh triệu vạn đức, diệu cảm nan tư”* (Vả lại, một câu Phật hiệu này thực hiện dễ dàng nhất, chẳng phân biệt nam, nữ, già, trẻ, bất luận trí, ngu, rảnh, bận, ai cũng có thể niệm, ai cũng có thể hành. Danh chiêu vời vạn đức, cảm ứng mau nhiệm khó thể nghĩ tượng).

Cụ viết những câu này nhằm khuyên dạy chúng ta, một câu Phật hiệu này tu tập dễ dàng nhất; trong vô lượng pháp môn, chẳng có pháp môn nào dễ hơn được nữa, một câu Phật hiệu này là pháp dễ dàng nhất.

Vì thế, chẳng phân biệt nam, nữ, già, trẻ, chẳng phân biệt trí, ngu, rảnh rỗi, bận bịu, mỗi cá nhân đều có thể niệm, lúc nào, chỗ nào cũng đều có thể niệm. Niệm Phật chớ nên câu thúc.

Chúng ta nằm ngủ có thể niệm được chăng? Niệm được. Nằm ngủ chớ nên niệm ra tiếng. Vì sao? Niệm ra tiếng thương tổn thân, khí, niệm thầm có công đức giống hệt như niệm ra tiếng.

Niệm Phật trong nhà vệ sinh dường như chẳng cung kính? Chẳng cung kính thì chẳng niệm ra tiếng! Thiếu cung kính là chuyện nhỏ. Vì sao? Phật, Bồ tát chẳng quở trách quý vị, chính quý vị nhiếp tâm mới là chuyện lớn! Lớn tiếng niệm Phật trong nhà vệ sinh mà Phật quở trách chúng ta, Ngài sẽ chẳng phải là Phật. Ngài sinh phiền não? Làm sao Phật có thể sinh phiền não? Đâu có đạo lý ấy!

Phật chỉ mong quý vị thành tựu, mong câu Phật hiệu này thật sự có thể không chế phiền não của quý vị. Niệm Phật chẳng có gì khác, mà vì lẽ này!

Quý vị chẳng niệm Phật, vọng niệm nổi lên, dùng câu Phật hiệu này để thay thế vọng niệm, vọng niệm chẳng còn nữa, toàn là câu Phật hiệu này. Vậy thì quý vị đã công phu

thành phỉến, thật sự đạt công phu thành phỉến, có thể vãng sinh bất cứ lúc nào.

Trong công phu thành phỉến cũng có ba bậc chín phẩm, ba phẩm thuộc bậc thượng vãng sinh tự tại, muốn đi lúc nào bèn đi lúc đó, muốn ở lại thêm mấy năm cũng chẳng trở ngại. Đây là kỳ vọng của A Di Đà Phật, chư Phật, Bồ tát đối với chúng ta. Đó gọi là gì? Đó là cung kính thật sự!

Cung kính chẳng phải các thứ chấp trước hình thức trong thế gian này; nhưng chúng ta cũng phải xem trọng hình thức. Vì sao? Tránh cho người khác tạo khẩu nghiệp, chủ yếu là ở chỗ này.

Kẻ mới học chẳng biết, nghĩ quý vị thiếu cung kính, bèn tạo khẩu nghiệp, họ trông thấy, khó chịu, phê bình quý vị. Kẻ ấy chẳng liễu giải Phật pháp thấu triệt.

Liễu giải thấu triệt thì người ta thấy hiện tượng ấy vẫn chẳng khởi tâm, không động niệm, chớ hề có phân biệt, chấp trước. Lý và Sự chúng ta đều phải hiểu rõ ràng, minh bạch. Do vậy, nếu hiểu thì ai nấy đều có thể niệm, ai nấy đều có thể hành.

“Danh triệu vạn đức, diệu cảm nan tư”. Đối với câu này, chúng tôi nghĩ đến lời tựa rất dài do Mai Quang Hy Đại sư đã viết ở trước (phần chính văn của bản kinh này) nhằm giới thiệu cận kề bản hội tập này. Trong phần phụ lục của bản giảng nghĩa này có bài tựa ấy, quý vị hãy nên đọc, trong ấy, có những thông tin rất quan trọng.

Cụ đã giảng thấu triệt câu “*danh triệu vạn đức, diệu cảm nan tư*” này. Trong ấy, có một đoạn giảng giải như sau: Vào thời đại Tùy - Đường, đúng là vào thời đó, cao tăng đại đức quá nhiều. Trong bản chú giải kinh này, đã trích dẫn lời các pháp sư Hàn Quốc và Nhật Bản, đều là những người đã đến Trung Quốc du học vào thời ấy. Sau khi trở về, họ bèn trở thành tổ sư khai sơn của nhiều tông phái. Những vị ấy đã thân cận Thiền Đạo Đại sư, thân cận Trí Giả Đại sư, có quan hệ hết sức sâu dày với các Ngài.

Trong bản *Đại Kinh Giải* này, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã trích dẫn họ rất nhiều. Họ từng nghĩ, trong hết thảy các kinh do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong bốn mươi chín năm, bộ kinh nào quan trọng nhất, có thể đại diện cho những gì lão nhân gia đã nói suốt cả một đời?

Kết quả là hết thảy mọi người đều tôn sùng *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*. Vì thế, kinh *Hoa Nghiêm* được xưng tụng là “*kinh trung chi vương*” (vua của các kinh), cũng có nghĩa là hết thảy những kinh khác do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm đều là quyển thuộc của *Hoa Nghiêm*. Kinh *Hoa Nghiêm* là chính yếu nhất, mọi người đều công nhận.

Tôi tiếp xúc Phật pháp là do Giáo sư Phương Đông Mỹ giới thiệu. Cụ nói kinh *Hoa Nghiêm* là khái luận của toàn bộ Phật học, cũng là tôn sùng kinh đến vị trí trọng yếu nhất, tức là kinh *Hoa Nghiêm* là khái luận của toàn bộ triết học trong kinh Phật.

Kinh *Hoa Nghiêm* tới cuối cùng, thành tựu viên mãn ra sao? Hai vị đại Bồ tát Văn Thù và Phổ Hiền hướng dẫn bốn mươi một địa vị Pháp thân đại sĩ trong hội *Hoa Nghiêm* cầu sinh Tịnh Độ, tới thế giới Cực Lạc để gặp A Di Đà Phật, tới thế giới Cực Lạc để tham học, như vậy thì mới thành tựu.

Kinh *Hoa Nghiêm* dẫn về Cực Lạc, mà bộ kinh này chuyên giảng Cực Lạc, cũng có nghĩa là kinh *Hoa Nghiêm* tới cuối cùng quy về kinh *Vô Lượng Thọ*. Vậy thì kinh *Vô Lượng Thọ* cao hơn kinh *Hoa Nghiêm*, không dưới *Hoa Nghiêm*, mà ở trên *Hoa Nghiêm*. Nhưng *Hoa Nghiêm* khó khăn!

Nhập cảnh giới Hoa Nghiêm phải tu Pháp Giới Quán, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Kinh này còn cao hơn kinh *Hoa Nghiêm*, nhưng dùng một câu Phật A Di Đà là có thể thành tựu. Nói cách khác, một câu Phật A Di Đà bèn nhập cảnh giới Hoa Nghiêm; cho nên kinh *Vô Lượng Thọ* được xếp vào bậc nhất.

Bản kinh *Vô Lượng Thọ* hiện thời của chúng ta là bản hội tập, chia toàn bộ bản kinh thành bốn mươi tám phẩm, nói là “bốn mươi tám chương” cũng được, do lão cư sĩ Hạ Liên Cư phân chia.

Trong bốn mươi tám phẩm ấy, phẩm nào trọng yếu nhất? Chúng ta tìm phẩm trọng yếu nhất, đương nhiên là phẩm thứ sáu. Phẩm thứ sáu do đích thân Phật A Di Đà giảng, chẳng phải do Phật Thích Ca Mâu Ni nói, mà do chính Phật A Di Đà nói. Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ thuật lại, kể cho chúng ta biết.

Từng câu, từng chữ trong bốn mươi tám nguyện đều do Phật A Di Đà nói. Bốn mươi tám nguyện thì có bốn mươi tám điều, điều nào trọng yếu nhất? Trong quá khứ, các tổ sư đại đức cũng công nhận nguyện thứ mười tám quan trọng nhất.

Nguyện thứ mười tám là gì? Mười niệm ắt vãng sinh. Do vậy, tại Nhật Bản có tông phái gọi là Bản nguyện Niệm Phật. Họ dựa vào nguyện thứ mười tám, niệm Phật A Di Đà bèn thành công. Chẳng sai! Cổ đại đức Nhật Bản sáng lập pháp môn này. Các Ngài thành tựu, nhưng người hiện thời tu học pháp môn ấy, tôi thấy rất nhiều vấn đề. Vấn đề to lớn. Vì sao? Họ không hiểu giáo nghĩa.

Cổ đại đức dùng một câu A Di Đà Phật này, nhưng họ có cơ sở, họ hiểu rõ, còn những người học theo hiện thời, một tí lý luận trong các bộ đại kinh, đại luận, họ cũng không biết, chấp trì một câu danh hiệu này, phiền não lẫn tập khí đều chẳng đoạn, làm sao có thể thành tựu cho được?

Họ cũng chẳng thật sự phát tâm. Tông chỉ của kinh này là *“phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”*, họ có một mục chuyên niệm, nhưng chẳng phát Bồ đề tâm. Bồ đề tâm là gì? Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi. Cổ nhân niệm một câu Phật A Di Đà này, quý vị quan sát cẩn thận, thật vậy, các Ngài có tâm ấy, cho nên các Ngài tương ứng.

Người niệm Phật hiện tại dùng vọng tâm, tự tư tự lợi, tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, tham cầu hưởng thụ ngũ dục, lục trần, lại còn tổn người, lợi mình, làm sao có thể vãng sinh?

Niệm câu danh hiệu này, họ chỉ có thể đạt được lợi ích là gieo một chủng tử niệm Phật trong A Lại Da thức, sẽ có thành tựu trong đời kế tiếp hay đời sau nữa, chứ đời này họ chẳng thể thành tựu. Chúng ta chớ nên không biết điều này!

Lại giảng Bồ đề tâm rõ ràng, trong phần trước của bản chú giải này, chúng ta đã đọc thấy *“phát Bồ đề tâm là phát tâm thành Phật, phát tâm làm Phật. Phát tâm làm Phật là phát tâm độ chúng sinh”*. Chẳng có cái tâm giúp đỡ và thành tựu chúng sinh, niệm câu Phật A Di Đà sẽ chẳng tương ứng với thế giới Cực Lạc.

Vì thế, Ngẫu Ích Đại sư đã giảng rất hay, trong phần trước, chúng ta đã đọc rồi, có thể vãng sinh hay không được quyết định bởi có tín nguyện hay không? Phẩm vị cao hay thấp do công phu niệm Phật cạn hay sâu. Ngài nói lời này hay quá!

Bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà được hết thảy chư Phật Như Lai tán thán. Vì sao? Rộng độ chúng sinh, thích hợp khắp ba căn, thâm trọn lợi căn lẫn độn căn. Trong tâm Phật A Di Đà chẳng có gì khác, niệm niệm luôn giúp đỡ chúng sinh mau chóng thành Phật giống hệt như Ngài. Sau khi thành Phật, sẽ phổ độ Chúng sinh. Ngài chẳng tự tư tự lợi, chẳng tạo tiếng tăm, lợi dưỡng; ngày nay chúng ta niệm Phật gặp chương ngại lớn nhất, vấn đề là ở chỗ này! Do vậy, trong hai mươi, ba mươi năm gần đây, tôi thường nói, thường khuyên dạy các đồng học, chính mình cũng phải thật sự làm, buông tự tư tự lợi xuống.

Tôi lớn tuổi như vậy, đã ngoài tám mươi, người đã nên chết rồi, sống một ngày phải báo ân Phật một ngày. Báo ân Phật là gì? Tự hành, khuyên người khác. Mỗi ngày đọc tụng kinh *Vô Lượng Thọ*, tuân theo lý luận và phương pháp trong kinh *Vô Lượng Thọ* để tu học nhằm tự lợi; đồng thời chia sẻ những điều tâm đắc trong sự học tập của chính mình với các đồng học hữu duyên. Kinh gọi đó là “tâm độ chúng sinh”.

Sống một ngày, làm một ngày, có nghĩ tới ngày mai hay không? Không nghĩ tới ngày mai, chẳng có ngày mai; tám mươi tuổi đã đáng nên chết, còn mong tưởng gì nữa! Sống một ngày bèn làm một ngày, sống hai ngày bèn làm hai ngày, điều gì cũng chẳng nghĩ tới, điều gì cũng đều buông xuống.

Năm xưa, lão cư sĩ Triệu Phác Sơ, vị này là bậc trưởng thượng, là trưởng bối của chúng tôi, hết sức yêu thương tôi, mà cũng rất quan tâm, khuyên tôi rất nhiều lần, lá rụng về cội!

Tôi là người vô cùng hoài niệm cái cũ, đối với quê nhà có tình chấp rất sâu. Bao nhiêu năm nghĩ tới quê cũ, nơi quê cũ còn có tiểu miếu, thật ra là Thiền Tự, tôi tính trùng tu.

Nhiều năm như vậy, tôi biết nhất định sẽ gặp khó khăn, đấy cũng là một thứ tình chấp, cần phải buông xuống. Quê nhà của chư Phật, Bồ tát ở đâu? Trọn khắp pháp giới hư không giới, chẳng phải là một chỗ, nơi nào cũng đều là quê nhà, hết thấy thời, hết thấy chỗ, hết thấy chúng sinh và

chính mình đều cùng một Thể. Vì vậy, ắt phải buông xuống loại tình chấp ấy, chẳng còn nghĩ tới nữa!

Trong thế giới này, cả xã hội đều đang động loạn, tai nạn dồn dập, nơi nào có duyên bèn đến nơi đó. Mỗi ngày đều nghĩ là ngày cuối cùng của ta, không nghĩ tới ngày mai, chẳng có ngày mai, ta ở trong thế gian này cho tới hôm nay bèn kết thúc. Điều gì trọng yếu nhất? Niệm Phật trọng yếu nhất, khuyên người khác niệm Phật trọng yếu nhất. Trừ điều này ra, chuyện gì cũng đều chẳng khẩn yếu, đều nên triệt để buông xuống!

Do vậy, quý vị hiểu một câu danh hiệu này, danh hiệu triển khai thành bốn mươi tám nguyện. Một câu danh hiệu này tổng nhiếp bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện triển khai thành kinh *Vô Lượng Thọ*, kinh *Vô Lượng Thọ* triển khai thành *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*, *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* triển khai thành hết thảy các pháp do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong bốn mươi chín năm.

Quý vị thấy cương lĩnh là một câu A Di Đà Phật, quý vị mới thật sự hiểu “*danh triệu vạn đức, diệu cảm nan tư*”. Hết thảy các kinh được nói trong bốn mươi chín năm quy về kinh *Hoa Nghiêm*. Kinh *Hoa Nghiêm* quy về *Vô Lượng Thọ*. *Vô Lượng Thọ* quy vào bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện quy vào một câu Phật hiệu này!

Nếu lại khuếch đại, khuếch đại hết thảy các pháp do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong bốn mươi chín năm sẽ là vô

tận pháp môn do mười phương ba đời hết thầy chư Phật đã nói. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, mới biết một câu Phật hiệu này chẳng thể nghĩ bàn, vì sao quý vị chẳng niệm? Vì sao niệm gián đoạn? Vậy là quý vị lầm lẫn quá rồi! Mấy ai biết bí mật này? Người thật sự biết quá ít!

Chúng ta thấy phần cuối còn có mấy câu: *“Tùng hữu niệm xảo nhập vô niệm, tức phàm tâm đốn hiển quả đức”* (Từ hữu niệm khéo nhập vô niệm, dùng ngay cái tâm phàm để nhanh chóng hiển bày quả đức).

Phàm phu thành Phật, dùng pháp môn này rất nhanh chóng, một đời thành tựu, đơn giản, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, đáng tin cậy, tìm pháp môn nào khác giống như vậy chẳng ra!

Cuối cùng, cụ nói: *“Như Sớ Sao vân”* (như sách *Sớ Sao* viết), tức là Liên Trì Đại sư nói, *“tề chư thánh ư phiến ngôn”* (bằng chư thánh trong một lời). *“Phiến ngôn”* là danh hiệu, *“tề”* (齊) là bình đẳng với họ. *“Chư thánh”* là ai? Bốn mươi một địa vị Pháp thân đại sĩ, quý vị dùng một câu Phật hiệu này sẽ bình đẳng với họ!

Vì sao biết? Chính Phật A Di Đà nói ra, sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ tát, chẳng phải là bình đẳng hay sao? A Duy Việt Trí Bồ tát là bốn mươi một địa vị Pháp thân đại sĩ.

“Việt tam kỳ ư nhất niệm” (vượt khỏi ba đại A-tăng-kỳ kiếp trong một niệm). *“Việt”* (越) là siêu việt (vượt lên, vượt

thoát), “tam kỳ” là ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Một câu Phật A Di Đà này bèn vượt qua, chẳng cần phải tốn thời gian dài như thế. Trong đời này vãng sinh thế giới Cực Lạc, bèn vượt hơn những vị Bồ tát đã tu trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp.

“Cực viên, cực đốn, chí giản, chí dị” (Cực viên, cực đốn, đơn giản, dễ dàng tốt bậc), đơn giản đến tốt bậc, dễ dàng tới tốt bậc, viên cực, đốn cực. Được làm thân người, nghe Phật pháp, gặp gỡ pháp môn như thế này, quả thật không dễ dàng!

“Cổ tri phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, bất đản vi bản kinh chi cương tông, thật diệc vi nhất Đại Tạng giáo chi chỉ quy dĩ” (Nên biết “phát Bồ đề tâm, một mực chuyên niệm” chẳng phải chỉ là cương lĩnh và tông chỉ của kinh này, mà quả thật cũng là chỗ chỉ quy của giáo pháp trong Đại Tạng vậy).

Lời kết luận cuối cùng hay quá! Vì thế, người tu Tịnh Tông chúng ta muốn thành tựu trong một đời này, nhất định phải biết tám từ ấy, quý vị phải hiểu rất rõ ràng, phải biết rất thâm nhập, phải phát Bồ đề tâm.

Phát Bồ đề tâm thì nhất định phải phát tâm làm Phật, ta phải thành Phật trong một đời này. Vì sao phải thành Phật? Ta phải độ chúng sinh, phải giúp đỡ hết thảy chúng sinh khổ nạn, mong mỗi họ đều có thể thành Phật giống như ta!

Nếu quý vị có tâm như vậy, có nguyện như vậy, một câu Phật A Di Đà này sẽ có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế,

tám từ ấy không chỉ là cương yếu và tông chỉ của kinh *Vô Lượng Thọ*, mà nói thật ra, nó là chỉ quy của hết thảy kinh giáo do Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng trong bốn mươi chín năm.

“*Chỉ quy*” có ý nghĩa giống như cương tông (cương yếu, tông chỉ). Nói cách khác, thọ trì một câu Phật A Di Đà này, thật sự phát tâm làm Phật, phát tâm độ chúng sinh, giúp đỡ hết thảy chúng sinh thoát lìa biển khổ, lìa khổ được vui, quý vị có cái tâm ấy, sẽ có hành vi ấy.

Giúp đỡ ra sao? Phải nói tường tận, rõ ràng pháp môn và kinh điển này cho họ biết, họ mới có thể lìa khổ rất ráo, được vui rất ráo. Do vậy, đại thánh đại hiền thế gian và xuất thế gian giúp đỡ hết thảy chúng sinh khổ nạn chỉ dùng phương pháp giáo học.

Tự mình giải quyết vấn đề của chính mình, cũng là nghiêm túc học tập thì mới có thể làm được. Chính mình chẳng nghiêm túc học tập, sẽ chẳng có cách nào giúp đỡ người khác.

Giúp đỡ cả nhà, giúp đỡ toàn bộ xã hội, giúp đỡ cả thế giới đều do cùng một đạo lý này. Vì vậy, nhất định phải nghiêm túc nỗ lực nêu gương tốt cho mọi người thấy, người ta sẽ tin tưởng.

TÌNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 28



Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang hai mươi tám. Đoạn Ất, “*thứ minh Thú*” (kế tiếp giảng về Thú). Xin xem phần kinh văn sau:

“*Phù Tông chi sở quy giả, danh Thú. Phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm chi sở quy, tại u vãng sinh Cực Lạc Tịnh Độ, chứng tam Bất Thoái. Cố bản kinh dĩ viên sinh tứ độ, kính đặng Bất Thoái vi Thú*” (Phàm chỗ Tông quy vào thì gọi là Thú. Chỗ quy về của “phát Bồ đề tâm, một mực chuyên niệm” là vãng sinh Cực Lạc Tịnh Độ, chứng ba thứ Bất Thoái. Vì thế, kinh này lấy “sinh trọn vẹn trong bốn cõi, mau chóng đạt lên Bất Thoái” làm Thú).

Trước hết, giải thích đơn giản, dễ hiểu tiểu đề của khoa này. Trong phần trước, đoạn thứ nhất giảng về Minh Tông, tức là giảng rõ nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao của bộ kinh này, đó cũng là phương hướng.

Trong đoạn này, Thú (趣) là thú hướng (hướng đến), quy thú (hướng về). Chúng ta nương theo tông chỉ và nguyên tắc chỉ đạo này để học tập, cuối cùng chúng ta sẽ đạt được kết quả như thế nào. Đây là Thú.

Do trong phần trước đã nói tông chỉ là “*phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, tám từ ấy trọng yếu phi thường! Phát Bồ đề tâm là gì, phải hiểu rõ ràng, minh bạch. Trong phần trước, nói đơn giản thì phát Bồ đề tâm là “phát tâm thành Phật, tâm làm Phật”.

Làm Phật nghĩa là gì? Làm Phật là muốn phổ độ hết thảy chúng sinh, giúp đỡ chúng sinh mê hoặc, điên đảo ấy được giống như chư Phật, cũng đều trở về tự tính, đều chứng đắc Bồ đề rốt ráo viên mãn, đấy là Thù.

Niệm niệm chẳng đánh mất Bồ đề tâm, câu này rất trọng yếu. Kinh *Hoa Nghiêm* có nói: Nếu quý vị quên mất Bồ đề tâm, hết thảy các pháp đã tu đều là ma nghiệp. “Nghiệp” là sự nghiệp, quý vị làm những việc ấy đều dính dáng tới ma! Vì sao? Đều là phúc báo trong tam giới, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, đó gọi là ma!

Phật là vượt thoát luân hồi, vượt thoát mười pháp giới. Quý vị chẳng thể thoát ra, đó gọi là “vùi dập”. Quý vị vẫn bị vùi dập trong lục đạo, phải liễu giải rất rõ ràng, rất minh bạch ý nghĩa này.

Vì thế, chúng ta học Phật, mục tiêu là thế giới Cực Lạc. Cuối cùng, chúng ta vãng sinh thế giới Cực Lạc. Khi nào? Ngay trong một đời này.

Tới thế giới Cực Lạc để làm gì? Đến chứng ba thứ Bất Thoái. Vị Bất Thoái là vĩnh viễn chẳng còn lui xuống địa vị phàm phu trong mười pháp giới. Chư vị phải biết: Lục đạo trong mười pháp giới gọi Nội Phàm, nghĩa là phàm phu còn thuộc trong tam giới.

Tứ thánh pháp giới gọi là Ngoại Phàm, tức là ở ngoài lục đạo, nhưng chưa ra khỏi mười pháp giới thì vẫn phàm phu.

Tiêu chuẩn phân biệt phàm và thánh ở nơi đâu? Phàm phu dùng A Lại Da, tức vọng tâm; thánh nhân dùng chân tâm, dùng tự tính, sai biệt ở chỗ này. Chỉ cần dùng A Lại Da, sẽ chẳng thoát khỏi mười pháp giới. Tuy tứ thánh pháp giới dùng vọng tâm, nhưng dùng chính đáng, hoàn toàn tuân theo giáo huấn của Phật, Bồ tát, y giáo phụng hành.

Vì thế, rất giống Phật, Bồ tát, tuy chưa phải là chân thật, nhưng rất tương tự, tuy trên thực tế chẳng giống, cũng tức là họ chưa chuyển Thức thành Trí. Chuyển bát thức thành tứ trí, sẽ là Phật thật sự, là thánh nhân thật sự.

Chúng ta hiểu rõ ràng, minh bạch những Sự Lý này. Chính mình là hạng người như thế nào, chẳng cần phải hỏi người khác, chính mình biết quá rõ ràng! Ta là phàm phu, hay là Phật, Bồ tát chẳng rõ rệt hay sao?

Nếu là phàm phu, hãy nghiêm túc, nỗ lực, nương theo Tông Thú trong kinh giáo để tu hành. Bồ đề tâm là tâm thành Phật, tâm độ chúng sinh. Thành Phật bằng cách nào? Độ chúng sinh ra sao?

Thưa quý vị, chính là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi, dùng những điều ấy để viên thành Phật đạo, mà vẫn dùng những điều ấy để giáo hóa chúng sinh!

Tự mình thành tựu chẳng dễ dàng, giáo hóa chúng sinh càng khó hơn. Vì thế, đem những gì chính mình đã tu, đã hành đưa về Tịnh Độ, cầu sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, chuyện này dễ dàng, đỡ tốn công hơn!

Sinh sang thế giới Tây Phương Cực Lạc, tuy chưa đoạn tập khí phiền não, nhưng cũng giống như đã chuyển Thức thành Trí. Trong thế giới Cực Lạc, trong một đời, chắc chắn chứng đắc quả vị rốt ráo: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái.

“Cố bản kinh dĩ viên sinh tứ độ” (Nên kinh này lấy sinh trọn vẹn về bốn cõi), phía trước thêm một chữ Viên; Viên là viên mãn. Đối với bốn cõi ấy, quý vị chỉ cần sinh vào một cõi, bốn cõi đều viên mãn! Hơn nữa, sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, liền chứng đắc ba thứ Bất Thoái. Lời nguyện thứ mười chín của Phật A Di Đà đã bảo rõ ràng: Vãng sinh thế giới Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ tát. A Duy Việt Trí là đạt được ba thứ Bất Thoái, quý vị bèn viên chứng ba thứ Bất Thoái. Đây là điều hiếm có, khó gặp! Phải biết chuyện này là chân thật, nên chuyện này mới gọi là “đại sự”.

Trọn pháp giới, hư không giới, trong hết thảy các cõi Phật, chẳng có chuyện nào lớn hơn chuyện này! Ngày nay chúng ta may mắn gặp gỡ, há chẳng cảm ơn? Há chẳng trân trọng? Há chẳng phát tâm thành tựu trong một đời này? Vậy là quý vị đã lầm lẫn quá đổi, chẳng có gì quan trọng hơn chuyện này.

Phải như thế nào thì mới được? Tổ Ấn Quang dạy chúng ta, đem chữ “Tử” dán trên trán, thời thời khắc khắc nghĩ ta sắp chết. Điều ấy có nghĩa là gì? Khi quý vị buông thân, tâm, thế giới xuống, *“phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”*, sẽ dạy quý vị điều ấy.

Tôi cũng thường nói, hoặc khuyên lơn, cổ vũ đồng học: Hãy xem ngày hôm nay như ngày cuối cùng của ta trên thế gian này. Ngày hôm nay là ngày cuối cùng của ta, chuyện gì nên làm, chuyện gì chớ nên làm, há chẳng phải là rõ ràng, minh bạch ư?

Chuyện nên làm là phát tâm niệm Phật, cầu Phật tiếp dẫn, những chuyện khác đều kém quan trọng hơn. Trong những chuyện thứ yếu, thứ nhất giúp đỡ chúng sinh hữu duyên, khuyên dạy họ phát tâm niệm Phật, đấy là chuyện thứ yếu. Chuyện kém quan trọng hơn có thể buông xuống. Khi cần thiết, chuyện này cũng có thể buông xuống; về thế giới Cực Lạc trước đã! Đến thế giới Cực Lạc, sau khi thành tựu rồi sẽ trở lại cũng chẳng muộn!

Đây là đại sự nhân duyên khiến đức Thế Tôn xuất hiện trên thế gian. Chúng ta chớ nên không biết đại sự nhân duyên này, chớ nên chẳng nắm chắc duyên phận này.

Trong phần tiếp theo, chúng ta cũng phải học tập kỹ càng, những điều nói trong đoạn này đều là kinh văn! Biết chúng ta phải sinh về đâu, trước hết, phải hiểu rõ ràng, minh bạch chỗ ta sẽ sinh về.

“Phù Tịnh Độ hữu tứ độ” (phàm Tịnh Độ có bốn cõi). Ở đây nói Tịnh Độ có bốn thứ: Thứ nhất là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, thứ hai là cõi Phương Tiện Hữu Dư, thứ ba là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, thứ tư là Thường Tịch Quang Tịnh Độ.

“*Dĩ hạ lược thuyết minh tứ độ vãng sinh chi tướng*” (Dưới đây, nói đại lược tướng vãng sinh trong bốn cõi). Tiếp đó, đoạn Minh Thù này chia thành bốn đoạn. Chúng ta xem đoạn thứ nhất, tức cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Danh xưng này nêu rõ nơi ấy vừa có phàm phu, vừa có thánh nhân.

Nói cách khác, từ lục đạo tới tứ thánh pháp giới, nếu tiến cao lên thì có Đại thừa và Tiểu thừa. Tiểu thừa có Tứ Quả và Tứ Hướng^{24[6]}; Đại thừa theo như kinh *Hoa Nghiêm* nói có năm mươi một giai vị, tức [năm mươi một] địa vị Bồ tát. Trong phạm vi của cõi này, thánh và phàm đều ở cùng một chỗ, nên gọi là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Tuy ở cùng một nơi, nhưng chiều không gian (spatial dimensions, không gian duy thứ) của mỗi tầng lớp khác biệt.

Chúng ta xem tiếp, đoạn văn tự kế tiếp là: “*Cực Lạc thế giới chi Phàm Thánh Đồng Cư độ, thị đồng cư Tịnh Độ*” (Cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong thế giới Cực Lạc là cõi Tịnh Độ đồng cư). Hãy chú ý chữ “Tịnh”, nó là Đồng Cư Tịnh Độ, khó

24[6] Tứ Hướng là bốn địa vị hướng tới Tứ Quả, gồm:

1. Dự Lưu Hướng (Srotāpatti-pratipannaka), bắt đầu kiến đạo, mới thấy được lý Tứ Thánh Đế, đắc tuệ nhãn vô lậu thanh tịnh (còn gọi là thanh tịnh pháp nhãn), tiến thẳng về Sơ Quả (Dự Lưu Quả, Tu Đà Hoàn) chẳng đoạn trong ba ác thú. Do chưa chứng quả, nhưng chắc chắn sẽ chứng, nên gọi là Hướng.

2. Nhất Lai Hướng (Sakrāgāmi-pratipannaka): Đoạn trừ sáu phẩm đầu trong chín phẩm *Tu Hoặc* trong Dục Giới, nhưng chưa đoạn ba phẩm sau nên còn phải thác sinh lần nữa trong thiên giới.

3. Bất Hoàn Hướng (Anāgāmi-pratipannaka): Bậc thánh giả đã chứng quả Nhất Lai, sắp đoạn trừ ba phẩm cuối trong *Tu Hoặc*, tuy cố gắng đoạn ba phẩm cuối, vẫn chưa đoạn hết, còn sót một hai phẩm, chưa hoàn toàn chứng đắc Tam Quả (Bất Hoàn Quả), nên gọi là Bất Hoàn Hướng.

4. A La Hán Hướng (Arhat-pratipannaka), còn gọi là Vô Học Hướng, là bậc thánh giả đã đắc Tam Quả, tiến hướng địa vị A La Hán, nhưng chưa chứng nhập.

Tu Hoặc nói đủ là Tu Đạo Sở Đoạn Hoặc, tức là một danh xưng khác của Tư Hoặc.

có! Vì sao? Phàm phu, tức lục đạo phàm phu, ở trong thế giới ấy tiếp nhận sự giáo huấn của Phật A Di Đà. Thế giới Cực Lạc hoàn toàn thực hiện những gì đã nói trong câu này.

Trong thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà dạy mỗi ngày. Phật A Di Đà rất tuyệt vời! Ngài chứng nhập tự tính viên mãn; vì thế, Tính Đức khởi tác dụng, thật sự phát huy tác dụng đến tột cùng. Nghĩa là sao? Thế giới Cực Lạc có bao nhiêu chúng sinh, Phật A Di Đà liền biến hóa bấy nhiêu thân. Mỗi cá nhân đối diện Phật A Di Đà, được Phật đích thân chỉ dạy. Đây là Tính Đức phát huy viên mãn. Đồng thời, phàm phu trong thế giới Cực Lạc, do tất cả nhân dân trong thế giới Cực Lạc đều là thiện tâm, đều tu thiện, cho nên chỉ có thiện đạo, chẳng có ác đạo.

Lục đạo trong cõi ấy chỉ gồm hai đường, chẳng có A Tu La, chẳng có ngạ quỷ, địa ngục, súc sinh, chỉ có hai đường nhân thiên! Nhưng nhân thiên bên đó, do được bản nguyện và oai thần của Phật A Di Đà gia trì. Trong phần trước, chúng ta đã học, họ đều là A Duy Việt Trí Bồ tát. Điều này có nghĩa là: Tuy họ là phàm phu, nhưng cuộc sống vật chất, cuộc sống tinh thần, đời sống tu hành, đều hưởng thụ giống hệt, có cùng một mức độ như Pháp thân Bồ tát.

Pháp thân Bồ tát cũng có thể hóa vô lượng vô biên thân, giống như A Di Đà Phật, họ có thể hóa ra vô lượng vô biên thân. Hóa thân để làm gì? Hóa thân tới hết thấy các cõi Phật trong mười phương để cúng Phật, nghe pháp, chẳng thể

nghĩ bàn! Cúng Phật là tu phúc, tu vô lượng vô biên phúc báo, nghe pháp là tu tuệ.

Nếu chúng ta hỏi, mười phương chư Phật Như Lai giảng pháp gì cho những người ấy? Theo tôi suy nghĩ rồi nói ra, quý vị suy ngẫm xem có lý, đồng ý hay không nhé?

Mười phương hết thầy chư Phật Như Lai đều giảng kinh *Vô Lượng Thọ*, đều dạy quý vị “*phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. Quý vị nghĩ xem có thể là như vậy hay chăng? Có đúng như vậy hay không?

Thuở đức Thế Tôn tại thế đã nhiều lần tuyên giảng kinh *Vô Lượng Thọ*, cho dù nói hết thầy các kinh, cũng thường xuyên giới thiệu kèm thêm thế giới Cực Lạc và A Di Đà Phật. Chúng ta có thể dự đoán được! Vì sao? Trong kinh *Đại thừa*, đức Phật bảo: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp thân, nhất tâm, nhất trí tuệ, lực vô úy diệc nhiên*” (Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp thân, một tâm, một trí tuệ, lực, vô úy cũng thế).

Đây là căn cứ lý luận để chúng ta dựa vào, suy ra mười phương chư Phật giáo hóa chúng sinh đều dùng kinh *Vô Lượng Thọ*. *Vô Lượng Thọ* là chỗ quy thú của kinh *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa*. Đương nhiên mười phương chư Phật giảng bộ kinh này.

Vì vậy, quý vị muốn học kinh giáo thì học kinh gì? Quý vị học kinh *Vô Lượng Thọ* là bản kinh được hết thầy chư Phật cùng nhau tuyên dương; đấy là Đại thừa viên mãn. Bộ kinh

này học thông, môn nào cũng đều thông, chớ nên chuốc phiền nữa!

Khi thật sự thông hiểu một kinh, sẽ thông hiểu hết thầy kinh. Học thông suốt bộ kinh này, quý vị sẽ có thể giảng kinh *Hoa Nghiêm*, có thể giảng kinh *Pháp Hoa*, cũng có thể giảng hết thầy các kinh, đấy là bí quyết.

Quý vị thật sự hiểu rõ ràng, thật sự hiểu tông chỉ của Tịnh Tông Học Viện, sẽ hiểu rõ tông thú, có còn phải nhiều lời hay không? Chẳng cần! Phải nhận thức Đồng Cư Tịnh Độ chẳng thể nghĩ bàn!

Tiếp, sách viết: *“Ngã đẳng sở tại chi Sa Bà thế giới, diệt thị Phàm Thánh Đồng Cư độ”* (Thế giới Sa Bà chúng ta đang ở cũng là cõi Phàm Thánh Đồng Cư), cũng là cõi Phàm Thánh Đồng Cư.

“Thử độ diệt hữu phàm, hữu thánh, như Văn Thù thường hiện Ngũ Đài” (Cõi này cũng có phàm và thánh, như ngài Văn Thù thường hiện thân ở núi Ngũ Đài). Văn Thù Bồ tát thường xuất hiện tại Ngũ Đài sơn; *“Chư A La Hán thường vãng Thiên Mục hoặc Nhạn Đãng”* (Các vị A La Hán thường đến núi Thiên Mục hoặc Nhạn Đãng). Hai rặng núi này ở tỉnh Chiết Giang. Núi Thiên Mục gồm năm ngọn, Đông, Nam, Tây, Bắc, Trung, ở tại Chiết Giang. Nhạn Đãng là đạo tràng của Thiên Thai Đại sư, cách núi Thiên Thai chẳng xa.

“Thị giai thử độ chi thánh dã” (Đó đều là các bậc thánh trong cõi này). Đây là nêu ví dụ, chẳng hạn như Quán Âm tại

Phổ Đà, Địa Tạng tại Cửu Hoa, Phổ Hiền tại Nga Mi. Những vị ấy đều là thánh nhân. “*Đản ngã đẳng sở cư chi Đồng Cư độ thị Đồng Cư uế độ*” (Nhưng cõi Đồng Cư chúng ta đang sống là Đồng Cư uế độ), chẳng phải là Tịnh Độ. Do nguyên nhân nào? Nói chung, chẳng là nhân quả.

Nhân quả ấy do chính mình tạo; chính mình đã tạo cái nhân thì chính mình phải gánh lấy quả báo. Phật, Bồ tát đối với quý vị cũng chẳng thể làm gì được! Ất phải sám trừ sạch nghiệp chướng, tập khí. Sau khi sám trừ, Phật, Bồ tát mới có thể giúp đỡ.

Phật A Di Đà có thể phân thân giáo hóa hết thấy chúng sinh trong thế giới Cực Lạc, vì sao chẳng dạy dỗ trong thế giới của chúng ta? Chúng ta nghiệp chướng quá nặng, đức Phật có thị hiện dạy ta hay không? Có! Hạng người nào? Người thật sự tu tập, có phúc báo, nghiệp chướng nhẹ nhàng! Còn đối với kẻ nghiệp chướng nặng nề thì chẳng được. Vì sao? Kẻ ấy chẳng tiếp nhận, chẳng tôn trọng.

Nếu có trường hợp nào mà Phật, Bồ tát mỗi ngày giảng nói với kẻ ấy, mỗi ngày đều hiện thân cho kẻ ấy thấy, xem chừng ma đấy! Phải nghĩ trọn hết các phương pháp để đuổi ma đi, hiện tượng ấy bất bình thường! Xã hội cũng chẳng chấp nhận.

Chẳng phải là Phật, Bồ tát không đến, mà là duyên chưa chín muồi, đôi khi có vài người duyên chín muồi mới thấy Phật, Bồ tát, điều đó gọi là “*Phật độ kẻ hữu duyên*”.

Thật sự tin, chịu phát nguyện, chịu phát Bồ đề tâm, chịu phát nguyện cầu sinh Tịnh Độ, nguyện tâm khẩn thiết, sẽ có cảm ứng. Trong nguyện tâm mà còn một tí tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn thì không được rồi, chẳng có cảm ứng!

Chúng tôi cũng đã từng gặp những người có cảm ứng. Họ có những tập khí ấy hay chẳng? Có chứ, nhưng thường là mỏng nhẹ. Họ có những tập khí ấy, nhưng thời gian tương đối ngắn. Thí dụ như nổi nóng, nổi giận một trận, người ấy liền lập tức giác ngộ, hối lỗi.

Có người tức giận ba ngày hay cả tuần chẳng thể hóa giải được, như vậy là quá ư nặng nề! Phật, Bồ tát muốn giúp quý vị, quả thật cũng chẳng giúp được mảy may nào! Do vậy, Phật độ chúng sinh cần phải hợp thời đủ duyên, các Ngài nhất định sẽ tới.

Thời, duyên chưa chín muồi, cầu cách nào cũng chẳng cầu được. Thật sự cầu được, sẽ có họa hại xảy tới! Không chỉ bất lợi cho bản thân quý vị, mà còn bất lợi đối với gia đình quý vị, thậm chí bất lợi đối với toàn thể xã hội. Phật, Bồ tát chẳng làm chuyện ấy! Yêu ma, quỷ quái sẽ làm chuyện ấy; chúng nó chỉ sợ quý vị chẳng loạn, Phật, Bồ tát chẳng như vậy.

Trong kinh *Đại thừa* thường nói, Phật, Bồ tát ở nơi đâu cũng đều làm cho hết thảy chúng sinh sinh tâm hoan hỷ. Quý vị chẳng ưa thích Phật, Bồ tát; Phật, Bồ tát sẽ chẳng đến, không phải là khiến cho quý vị rất vui vẻ hay sao? Quý vị

thấy các Ngài từ bi lắm. Quý vị ưa thích Phật, Bồ tát, các Ngài bèn đến. Quý vị chán ghét, các Ngài sẽ không tới. Chắc chắn là hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức, chúng ta làm đệ tử Phật phải học tập Phật, Bồ tát điều này!

Một người thật sự chẳng vì chính mình, chẳng vì gia đình, khởi tâm động niệm luôn vì chúng sinh khổ nạn, vì an định xã hội, vì hòa bình thế giới, vì chính pháp được trường tồn, đó là đúng! Những gì đáng nên buông xuống, tự nhiên quý vị thấy đều buông xuống. Bất luận là cuộc sống, công việc, đái người, tiếp vật, thân tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đó gọi là *“tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh”*. Tâm quý vị thanh tịnh, bất luận ở nơi đâu cũng đều là Đồng Cư Tịnh Độ.

“Cố tuy đồng danh Đồng Cư, nhi thật hữu bất đồng dã” (Vì thế, tuy cùng gọi là Đồng Cư, nhưng thật ra chẳng đồng). Đây là nói rõ cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Phật Thích Ca Mâu Ni và cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong thế giới Cực Lạc, danh xưng tương đồng, nhưng trên thực tế, sai biệt rất lớn, sai biệt là do chúng sinh mê hay ngộ. Cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong thế giới Cực Lạc, chúng sinh giác ngộ, giác ngộ nhưng chưa chứng quả, đó là gì? Giải ngộ, chưa buông tập khí phiền não xuống!

Chúng sinh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư thuộc thế giới Cực Lạc tuy chưa chứng ngộ, nhưng được bản nguyện và oai thần của Phật A Di Đà gia trì, nên giống như chứng ngộ. Họ thật sự chưa chứng ngộ, nhưng cũng gần bình đẳng

với người đã chứng ngộ, gần giống như nhau. Nói “gần giống như nhau”, đương nhiên chẳng phải là hoàn toàn như nhau. Phật lực gia trì chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng ta đọc tiếp: *“Như Yếu Giải vị thứ chi Đồng Cư viết”* (Như sách *Yếu Giải* nói về Đồng Cư trong cõi này). Đây là những điều do Ngẫu Ích Đại sư đã nói trong sách *Yếu Giải*: *“Do thật thánh quá khứ hữu lậu nghiệp”* (Do bậc thật thánh có nghiệp hữu lậu trong quá khứ).

Thật là chân thật. Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả thật sự đoạn phiền não, sở chứng thuộc những tầng cấp này, có thể đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, chứng Sơ quả Tu Đà Hoàn.

Lại đoạn sáu phẩm đầu trong tám mươi một phẩm Tư Hoặc thuộc tam giới, chứng Nhị Quả Tư Đà Hàm. Những vị này chưa đoạn hết phiền não tập khí trong quá khứ. Đó là những địa vị chân thật. *“Quyền thánh”* là các vị như Văn Thù, Phổ Hiền, *“đại quyền thị hiện chi Bồ tát”* (các vị Bồ tát đại quyền thị hiện).

Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, Địa Tạng đều đã thành Phật trong kiếp lâu xa, nay đang trụ trong thế gian này. Chúng ta biết, các Ngài nên dùng thân Bồ tát để độ, bèn hiện thân Bồ tát, nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân Phật.

Hòa thượng Hư Vân triều bái Ngũ Đài Sơn, trên đường đi ngã bệnh, được một người ăn mày chăm sóc. Người ăn

mày ấy tên là Văn Cát, ở Ngũ Đài Sơn, hai lần hòa thượng ngã bệnh đều gặp người ấy chăm sóc; về sau mới biết người ấy là Văn Thù Bồ tát giúp đỡ lão hòa thượng Hư Vân đang bệnh tật. Dùng thân ăn mày để độ, bèn hiện thân ăn mày để thuyết pháp, đó gọi là “đại quyền thị hiện”.

“Đại từ bi nguyện”, xuất hiện trên thế gian, “cố phàm phu đắc dữ thánh nhân đồng cư” (cho nên phàm phu được ở chung với thánh nhân), những vị A La Hán, những vị Phật, Bồ tát ở cùng một chỗ với người phàm. “Chí thật thánh hôi thân” (Tới khi bậc Thật Thánh diệt thân), những vị thánh giả khi đã hết thọ mạng, chúng ta nói các Ngài vãng sinh. “Quyền thánh cơ tận” (Cơ duyên ứng hiện của bậc quyền thánh đã hết), nói thật ra, những vị Phật, Bồ tát đại quyền thị hiện chẳng nhập Niết Bàn.

Thời gian các Ngài trụ trong thế gian này dài hay ngắn tùy thuộc chúng sinh ở nơi này có căn tính đáng độ hay không. Nếu căn cơ của chúng sinh ở nơi này có thể độ, các Ngài sẽ ở lâu hơn một chút. Nếu nơi này không có căn cơ để độ, các Ngài sẽ rời đi.

Căn cơ đáng độ là gì vậy? Tức là người có đủ sáu thứ tín tâm như Ngẫu Ích Đại sư đã giảng trong sách *Yếu Giải*, có thể cảm động chư Phật, Bồ tát đại quyền thị hiện trong thế gian này.

Trong sáu thứ tín tâm ấy, thứ nhất là Tín Tự, tin vào chính mình. Tin bản tính của chính mình vốn thiện, tin bản tính

của chính mình là Phật, ta cũng vốn là Phật, phải tin tưởng điều này. Thứ hai là Tín Tha. Ta là vị Phật mê hoặc, chư Phật là những vị Phật rất gần với giác ngộ, các Ngài đã chứng đắc vị Phật viên mãn trong tự tính.

Ta phải tin tưởng các Ngài, các Ngài tới giúp đỡ ta, thành tựu ta, chỉ dạy ta trở về tự tính. Thứ ba là Tín Sự, thứ tư là Tín Lý, thứ năm là Tín có Sự, có Lý; thứ sáu là Tín Nhân Quả.

Đó là sáu thứ Tín. Trọn đủ sáu thứ tín ấy, Phật, Bồ tát tự nhiên ứng hiện trong thế gian này, các Ngài phải giúp đỡ quý vị! Vì sau khi quý vị đã có sáu thứ tín ấy, cơ duyên quý vị đắc độ đã chín muồi. Nếu sáu thứ tín ấy chẳng trọn đủ, nói cách khác, trong một đời này, quý vị chẳng thể vượt thoát lục đạo, chẳng thể vượt thoát mười pháp giới. Phật, Bồ tát tới nơi đây, chủ yếu chẳng vì quý vị mà tới, quý vị là kẻ kèm theo (hưởng ké)! Nếu quý vị có phúc báo ấy, sẽ được hưởng lây, gieo một tí thiện căn, chẳng phải vì độ quý vị mà các Ngài xuất hiện. Nếu các Ngài đến thế gian này, chắc chắn trong thế gian này có mấy người cơ duyên chín muồi, tối thiểu là có một người!

“Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai”. Một người có căn cơ ấy, các Ngài sẽ đến. Nếu hoàn toàn chẳng có ai, các Ngài sẽ không tới, phải hiểu đạo lý này! Vì sao có người thấy, có kẻ chẳng thấy? Do đời đời kiếp kiếp trong quá khứ có duyên học tập khác nhau.

Chúng ta xem tiếp, do vì Thật Thánh diệt thân, đã qua đời rồi, cơ duyên giáo hóa của bậc Quyền Thánh đã hết,

“tiền thăng trầm thác dị, khổ lạc huyền thù, nãi tạm đồng, phi cứu cánh đồng dã” (liền thăng trầm rất khác, sướng khổ khác biệt vời vợi, đó là tạm thời đồng, chẳng phải là rốt ráo đồng vậy).

Ý nói cõi Đồng Cư của chúng ta và cõi Đồng Cư trong thế giới Cực Lạc khác nhau. Chúng ta là tạm thời đồng, còn kia là rốt ráo đồng. Thế giới Cực Lạc có lạc, chẳng có khổ; thế giới của chúng ta khổ và lạc khác biệt vời vợi. Thế giới Cực Lạc chỉ có tiến lên, chẳng có thoái chuyển. *“Trầm”* là thoái chuyển.

Trong thế gian này, nếu chúng ta chẳng chú tâm, cẩn thận, rất có thể bị trầm luân trong địa ngục, cũng có thể nói là ngã xuống tận đáy hang! Chúng ta sinh lên cao hơn, con người sinh lên thiên đạo. Thiên đạo có Dục Giới Thiên; phân chia đại lược thì Dục Giới Thiên có sáu tầng, nếu chia tỉ mỉ sẽ chẳng thể nói trọn hết, nhất định phải hiểu điều này!

Nếu có thể chế ngự Dục, Dục là gì? Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Dùng gì để chế phục? Dùng công phu định lực. Quý vị thật sự tu định, tâm định là thanh tịnh, đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ chẳng động tâm. Chẳng phải là thật sự không động tâm, mà là do công phu định lực chế ngự.

Nếu lúc Định mất đi, những phiền não sẽ lại hiện tiền, từ tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, tham, sân, si, mạn lại dậy lên, phiền não hiện tiền. Do vậy, trong lục đạo, đúng là thăng trầm bất định. Sinh lên trời, hưởng hết phúc trời,

thường đọa xuống địa ngục rất nhiều, nhất là Sắc Giới Thiên và Vô Sắc Giới Thiên, hầu như đều đọa lạc tam đồ. Dục Giới Thiên đỡ hơn một chút, Dục Giới Thiên đọa vào nhân đạo vì họ trèo không cao lắm!

Tiếp đoạn kể: *“Hựu thiên nhưỡng chi gian, kiến văn giả thiếu. Hạnh hoạch kiến văn, thân cận, bộ xu giả thiếu”* (Lại nữa trong vòng trời đất, người được thấy nghe thánh nhân thì ít. Người được may mắn thấy nghe bèn thân cận, hướng theo lại ít). Ở vùng phụ cận của những đạo tràng ấy, nếu chúng ta dò hỏi thôn dân, thôn dân phụ cận Ngũ Đài Sơn đã từng gặp Bồ tát Văn Thù hay chưa? Có! Thật sự trông thấy. Sau khi vừa thấy, liền chẳng còn nữa. Có tìm cũng chẳng được, bèn biết là Bồ tát hiện thân.

Chúng tôi từng triều bái núi Kê Túc^{25[7]}. Núi Kê Túc là đạo tràng của tôn giả Ca Diếp, [tức là đạo tràng của bậc] A La Hán! Trên thực tế, Ngài là Bồ tát, có ai đã gặp chưa? Có! Tôi còn nghe nói có lữ khách từ Đài Loan đến văn cảnh, lạc đường, trong khi đang lo lắng, gặp một cụ già chống gậy đi ở phía trước, bèn thưa hỏi, được cụ chỉ đường, bảo hãy đi theo đường này, quay đầu nhìn lại, chẳng thấy cụ già đâu nữa. Do vậy, mọi người nghĩ cụ già có thể tôn giả Đại Ca

25[7] Núi Kê Túc ở huyện Tân Xuyên, tỉnh Vân Nam, nằm ranh giới các huyện Tân Xuyên Đặng Xuyên, Vĩnh Thắng, Hạc Khánh, Nhị Nguyên v.v... Ngọn cao nhất đến 3.248 mét. Do hình thể của núi giống như cái chân gà nên gọi là Kê Túc. Đúng ra, phải gọi là rặng núi vì Kê Túc gồm có đến 47 quả núi nhỏ hợp lại. Cảnh nổi tiếng nhất gọi là Thiên Trụ Phật Quang. Vào cuối Hạ, sang Thu, sau khi mưa tạnh, bốn phía ngọn Thiên Trụ có mây rắng vờn quanh giống như ngọn núi tỏa hào quang bảy màu. Nơi này cũng có rất nhiều chùa, tám ngôi đại tự, ba mươi bốn chùa nhỏ hơn, sáu mươi lăm am viện, và hơn một trăm bảy mươi tịnh thất. Tăng nhân đến hơn năm ngàn người.

Diếp xuất hiện chỉ đường, khiến cho người ấy đến được Hoa Thủ Môn^{26[8]}.

Thường có những chuyện như vậy, thường xảy ra. Người thấy nghe ít ỏi, người được may mắn thấy nghe, tuy có may mắn thấy, nhưng thấy mà chẳng biết, đợi đến khi quay đầu, chẳng thấy nữa, muốn tìm cũng chẳng tìm được, muốn hỏi cũng chẳng hỏi được. Đây là sự thật, chúng tôi tin tưởng thật sự có.

“Hựu Phật thế thánh nhân túng đa, như trân, như thụ, bất năng biến mãn quốc độ, như chúng tinh, vi trần” (Lại nữa, thuở Phật tại thế, thánh nhân dẫu nhiều, vẫn giống như vật quý, như diêm lành, chẳng thể đầy khắp cõi nước như các ngôi sao, vi trần). Chẳng hạn như thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, bậc thánh nhân nhiều, Bồ tát đông đảo, A La Hán đông đảo, những vị này đều giúp Phật Thích Ca Mâu Ni giáo hóa chúng sinh. Trong kinh chẳng nói như thế này hay sao?

“Nhất Phật xuất thế, thiên Phật ủng hộ” (Một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ). Vị Phật ấy có duyên với thế gian này, bèn dùng thân Phật, hoặc dùng thân phật Bồ tát, hoặc dùng thân phật tổ sư đại đức đến thế gian này. Nhiều vị Phật, Bồ tát cùng đến với vị Phật ấy, có vị làm học trò, có vị làm hộ pháp, có vị làm quần chúng, thị hiện các thân phật khác nhau.

26[8] Hoa Thủ Môn là một thắng cảnh tại núi Kê Túc. Ở phía Tây Nam của tháp Lăng Nghiêm, có một vách đá rộng hơn hai mươi mét, cao hơn bốn mươi mét, dựng đứng như tường thành, chính giữa có vết lõm trông như một cánh cửa đóng kín. Cảnh quan hùng vĩ nhất là những khi mưa to gió lớn, sấm giăng, chớp giật, mưa tạt vào vách đá Hoa Thủ Môn trông rất ngoạn mục, tiếng sấm bị vách núi vọng lại âm ỉ khiến người nghe kinh tâm động phách.

Theo Ngài học tập, họ được gọi là Ảnh Hưởng Chúng. Những vị ấy có trí tuệ, có phúc đức, đều tới thân cận vị tôn giả này, khiến cho đông đảo quần chúng trông thấy, dấy lòng kính ngưỡng vị tôn giả ấy, chúng tử Phật pháp bèn gieo trong A Lại Da thức điền.

Giống như diễn tuồng, người này đóng vai chính, nhất định phải có rất nhiều người phụ diễn thì vở tuồng ấy mới diễn hay được! Nếu một mình người ấy tới, không được, nhất định phải là một nhóm người. Phật pháp và thế gian pháp có cùng một đạo lý, thật sự tham thấu thì pháp thế gian vốn là Phật pháp, thế gian và xuất thế gian chẳng hai! Đó là đúng.

Vì thế, thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, thánh nhân tuy đông, nhưng so với tỷ lệ nhân số trên cả thế giới vẫn quá ít, vẫn giống như vật báu, hiếm lành. Vật báu và hiếm lành rất hiếm hoi, chẳng thể đầy ắp trọn khắp cả cõi nước như các ngôi sao, như vi trần được! Đây là nói phàm phu đông đảo, kẻ mê mất tự tính rất nhiều !

Tiếp: *“Hựu cư tuy đồng, nhi sở tác, sở biện, tắc huýnh bất đồng”* (lại nữa, tuy cùng ở, nhưng việc làm rất khác biệt). So sánh hai thế giới, phàm phu trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của thế gian này mỗi ngày làm gì? Tạo nghiệp, tạo nghiệp luân hồi, tạo nghiệp tam đồ, họ thật sự làm!

Bên thế giới Cực Lạc, tuy là phàm phu trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, vãng sinh trong ba phẩm Hạ, nghiệp chướng

tập khí vẫn còn rất nặng, nhưng tới thế giới Tây Phương Cực Lạc, bèn đi học, mỗi ngày Phật, Bồ tát dạy người ấy, chỉ dạy người ấy, ngoài chuyện này ra, chuyện gì cũng chẳng có.

Tới thế giới Cực Lạc không cần làm việc, nơi đó chẳng làm lụng, các ngành nghề đều chẳng có, toàn là giáo dục. Phật A Di Đà là hiệu trưởng, chư Phật, Bồ tát đều là giáo sư đến dạy học.

Trừ chuyện này ra, chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có tiệm buôn, có chính phủ, có quốc vương, có cõi trời các thiên vương...! Thế giới Cực Lạc chỉ có Phật, chỉ có Bồ tát. Bồ tát và A La Hán đều là học trò.

Chúng tôi nghĩ: Trên thực tế, thế giới Cực Lạc giống như một viện đại học Phật giáo do chư Phật Như Lai cùng nhau sáng lập, mời Phật A Di Đà làm hiệu trưởng, mười phương chư Phật, Bồ tát thường tới thế giới Cực Lạc để dạy học, Cực Lạc là một nơi như vậy đó!

Quý vị ở nơi đó là học tập cho đến khi tốt nghiệp, tốt nghiệp là chứng đắc viên mãn Bồ đề, chẳng phải do Phật A Di Đà gia trì, mà do chính quý vị chứng đắc. Sau khi chứng đắc, quý vị có ở lại thế giới Cực Lạc hay không? Chẳng ở! Quý vị phổ độ chúng sinh trọn pháp giới hư không giới, giúp đỡ hết thảy những kẻ hữu duyên với quý vị. Quý vị giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Âm Bồ tát, nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy. Biết phải dạy họ pháp môn gì, quý vị sẽ dạy pháp môn ấy. Chúng sinh yêu

thích khác nhau, nhưng tới cuối cùng, nhất định hướng dẫn về Cực Lạc.

Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, tám mươi bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn thấy nhằm dẫn dắt, đều trở về Tịnh Độ. Vì sao biết? Nhìn từ kinh *Hoa Nghiêm*, quý vị thấy hàng Bồ tát, La Hán vãng sinh thế giới Hoa Tạng. Các Ngài tu học các pháp môn bất đồng, vô lượng pháp môn, học khác nhau, cuối cùng đều về thế giới Hoa Tạng.

Sau khi tới thế giới Hoa Tạng, chắc chắn là nghe lời hai vị đại Bồ tát Văn Thù và Phổ Hiền, sang thế giới Cực Lạc tham phỏng A Di Đà Phật, tiếp nhận giáo huấn của A Di Đà Phật, triệt ngộ tâm tính, chứng đắc viên mãn Phật quả trong thế giới Cực Lạc, ở chỗ của Phật A Di Đà. Từ chỗ này, chúng ta thấy thế giới Cực Lạc thù thắng, thấy Phật pháp đại viên mãn. Việc làm rất khác biệt!

Lại xem đoạn văn kế tiếp: “*Án Yếu Giải nghĩa*”, (Xét theo nghĩa thú được giảng trong sách *Yếu Giải*), “*thử độ phàm thánh chi đồng cư tổn ư Cực Lạc giả hữu tứ*”, (Cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong Sa Bà này có bốn điều thua kém thế giới Cực Lạc).

Thứ nhất: “*Tạm đồng, thử độ Tiểu thừa Sơ, Nhị, Tam Quả, chứng A La Hán, tiện nhập tịch diệt*” (Tạm đồng: Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả Tiểu thừa trong cõi này chứng A La Hán liền nhập tịch diệt). Trước khi các Ngài chứng A La Hán, bậc Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả đều ở trong lục đạo, ở trong nhân gian hay trên cõi trời.

Chúng đắc A La Hán bèn ra đi, vượt thoát lục đạo, vào tứ thánh pháp giới, nhập tịch diệt. Nhập tịch diệt là vào trong tứ thánh pháp giới, chẳng ở chung với chúng ta. Ở chung với chúng ta chỉ là Sơ, Nhị, Tam Quả.

“Đại Quyền Bồ tát, độ sinh cơ tận, tiện bất phục thị hiện” (Đại Quyền Bồ tát cơ duyên hóa độ chúng sinh đã hết bèn chẳng thị hiện nữa), vị này cũng ra đi. Trong thế gian này, Đại Quyền Bồ tát có hai phương cách ở chung với chúng ta: Thứ nhất là Ứng Thân, giống như Phật Thích Ca Mâu Ni cũng có cha mẹ, được sinh ra, sống trong thế gian này vài chục năm, sinh tử tự tại, chẳng phải do nghiệp lực, các chúng sinh hữu duyên nhờ Ngài mà đắc độ.

Nếu chẳng có hạng người ấy, khi Ngài đến thế gian này, phải biết hết thấy chúng sinh đáng độ đều đã độ, chẳng còn ai chưa độ, nên Ngài ra đi. Phật Thích Ca Mâu Ni bảy mươi chín tuổi bèn viên tịch, chẳng ở chung với chúng ta. Vì thế, sự “ở chung” này là tạm thời, chẳng phải là rốt ráo.

“Cố dữ thử độ phàm phu chỉ thị tạm thời đồng cư, phi cứu cánh dã. Tại bỉ tịnh Đồng Cư độ, tắc khả dữ chư đại Bồ tát câu hội nhất xứ, trực chí thành Phật” (Vì thế chỉ là tạm thời ở chung với phàm phu trong cõi này, chẳng phải là rốt ráo. Trong cõi Đồng Cư thanh tịnh kia, thì có thể cùng ở một chỗ với các vị đại Bồ tát mãi cho đến khi thành Phật).

Chúng ta sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, tuy là hạ hạ phẩm vãng sinh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, quý vị

hằng ngày ở chung với chư Phật Như Lai, Pháp thân Bồ tát, mãi cho đến lúc quý vị chứng đắc đến rốt ráo Phật quả, các Ngài sẽ trở về Thường Tịch Quang, chẳng ở chung nữa, mà trở về Thường Tịch Quang.

Sau khi trở lại Thường Tịch Quang, nếu những người trong cõi Đồng Cư của thế giới Cực Lạc có duyên với quý vị, quý vị sẽ từ Thường Tịch Quang trở về giúp đỡ họ, đến đi tự tại! Phật độ kẻ hữu duyên. Duyên có hai thứ, có thiện duyên và ác duyên. Bất luận thiện hay ác, chỉ cần có duyên, khi họ chịu tiếp nhận Phật pháp, quý vị sẽ tự nhiên hiện thân giúp đỡ họ, thành tựu bọn họ. Đây là chỗ khác nhau thứ nhất.

Thứ hai, *“Nan ngộ, tuy hữu thánh giả hiện cư thử độ, đản bất dị kiến văn thân cận”* (Khó gặp; tuy có thánh giả thị hiện sống trong cõi này, nhưng chẳng dễ gì thấy, nghe, thân cận). Thật vậy, thế giới này có Phật, Bồ tát, A La Hán ở trên địa cầu này, nhưng phàm phu chúng ta chẳng dễ gì gặp được! Chẳng có duyên phận đặc thù, sẽ không gặp được. Đó là sự thật, chúng ta phải hiểu rõ.

“Nhi tại Cực Lạc tắc giai như sư, như hữu, triêu tịch đồng tụ dã” (Nhưng trong Cực Lạc, thánh nhân như thầy, như bạn, sáng tối cùng tụ họp). Thế giới Cực Lạc khác hẳn, trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của thế giới Cực Lạc, quý vị và thánh nhân suốt ngày từ sáng đến tối ở cùng một chỗ, thân cận, chẳng tách lìa. Những vị ấy quả thật là thầy, mà cũng là đồng học.

Thầy của thế giới Cực Lạc là Phật A Di Đà và thập phương chư Phật đến thế giới dưới thân phận Bồ tát. Các Ngài đến thế giới Cực Lạc giúp đỡ chúng ta, giống như mang thân phận trợ giáo. Chúng ta có thể sáng tối cùng tụ họp, chẳng phải là ngăn ngại, tạm bợ, mà là sống cùng nhau, học tập cùng nhau.

Trước khi thành Phật, trong thế giới Cực Lạc, công việc của quý vị là học tập, các Ngài sẽ giúp đỡ quý vị. Đây là chỗ khác nhau thứ hai!

Thứ ba: *“Hy thiếu”* (hiếm hoi). Thế giới này *“thánh giả như trân, như thủy, hy hữu nan逢”* (bậc thánh như vật quý, như đầm lành, hiếm có, khó gặp). Vì sao thế gian này ít như thế? Điều này có liên quan đến nghiệp cảm của chúng sinh, đó mới là nguyên nhân thật sự.

Chúng sinh ưa thiện, chuộng đức, quý vị sẽ gặp được những người hiếm có, khó gặp, họ sẽ dạy quý vị. Nếu quý vị chẳng cảm thấy hứng thú đối với luân lý, đạo đức, và thánh học, mà cảm thấy hứng thú đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian này, Phật, Bồ tát sẽ không đến.

Phật, Bồ tát chẳng có hứng thú đối với những thứ đó; đó là tạo nghiệp. Quý vị ưa thích những thứ ấy, cũng có người tới gia trì và giúp đỡ quý vị. Ai vậy? Yêu ma quỷ quái.

Chư vị đọc kinh *Lăng Nghiêm* sẽ hiểu! Bốn loại yêu ma quỷ quái lớn ưa thích những thứ đó, chúng sẽ đến. Tuy quý

vị đạt được một chút vui sướng, tự nghĩ là vui sướng, nhưng trên thực tế là sự kích thích, chẳng phải là khoái lạc thật sự.

Tôi giảng kinh, thường dùng tỷ dụ hút thuốc phiện. Khoái lạc ngũ dục lục trần trong thế gian giống như hút thuốc phiện. Nó là một thứ kích thích ngắn ngủi, tạm bợ trong sát-na, hậu hoạn vô cùng, khổ chẳng thể nói nổi. Đó chẳng phải là chân lạc, mà là mê hoặc, điên đảo của người đời.

Do vậy, bậc thánh nhân đến thế gian này, cơ hội cũng rất ít. Thế gian này có mấy kẻ lương thiện, hiếu học, các Ngài sẽ đến. Thời gian các Ngài đến thế giới này cũng rất ngắn ngủi, tạm bợ, đến để chỉ dạy những người hữu duyên. Kẻ hữu duyên học rất nhanh, học sơ sơ đã đi vào nề nếp, các Ngài bèn rời đi, chúng ta ngay cả mong được hưởng ké một chút cũng chẳng được!

Phải hiểu rõ đạo lý ở chỗ này, vì bản thân chúng ta chưa phát tâm. Nếu thật sự phát tâm học tập, Phật, Bồ tát sẽ thường trụ trong thế gian. Chính mình vẫn tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, đương nhiên các Ngài phải ra đi sớm; các Ngài chẳng mảy may lưu luyến thế gian này! Chúng ta biết các Ngài hiện thân, người ta chứng đắc thanh tịnh Pháp thân.

Theo kinh *Hoa Nghiêm*, trong Viên giáo, bậc Sơ Trụ trở lên đều có năng lực này. *Phẩm Phổ Môn* nói tới ba mươi hai ứng thân, thấy đều có năng lực sau đây: Nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân Phật. Bậc Sơ Trụ trong Viên giáo hiện thân Phật, Ngài là chân Phật, chẳng phải là giả Phật.

Trọn khắp pháp giới hư không giới và Ngài là một Thể, quý vị nói xem Ngài trụ nơi đâu? Vì vậy, bất luận nơi chốn nào, thời gian nào, chỉ cần có người thật sự khởi tâm động niệm mong học Phật, Ngài liền thị hiện.

Mỗi chúng sinh chúng ta phải biết: Quá khứ vô thủy, vị lai vô chung; thời gian vô thủy, vô chung, không gì lớn lao lọt ra ngoài, không gì nhỏ nhất chẳng gồm trong. “*Thủy chung*” là nói tới thời gian. “*Thời - không*” (thời gian, không gian) là Pháp thân; thời - không là Tính Đức của bậc kiến tính, là Pháp thân của người ấy.

Vì vậy, Pháp thân trọn khắp hết thảy mọi nơi, hết thảy mọi lúc. Bất luận chúng sinh nào chỉ cần có cảm, lập tức bèn ứng, chẳng có đến đi, hiện diện ngay trong hiện tiền. Vì vậy, Đại thừa nói “*tức tại đương hạ*” (ở ngay trong lúc này). Câu ấy là thật, là lời thật, ngay trong hiện tại. Chẳng có quá khứ, vị lai, chẳng có cõi này hay phương khác. Thời - không cũng chẳng tồn tại.

Khi mê, có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thời - không; khi giác ngộ chẳng có. Trong *Bách Pháp Minh Môn Luận*, Bồ tát Thiên Thân đã giảng chân tướng sự thật này rất rõ rệt. Trong bách pháp, thời gian và không gian là Bất Tương Ứng Hành Pháp. Người hiện thời gọi Bất Tương Ứng Hành Pháp là “khái niệm trừu tượng”, chẳng phải là sự thật. Chúng ta phải nhận biết rõ ràng, phải hiểu minh bạch, Bồ tát ở đâu? Ngay trong hiện tiền! Chưa từng rời khỏi chúng ta,

mà chúng ta cũng chưa hề rời khỏi Ngài. Bất quá, chúng ta mê tự tính nên chẳng thấy! Nếu giác ngộ tự tính, quý vị sẽ biết chưa hề rời khỏi.

“Nhi Cực Lạc tắc kỳ trung đa hữu Nhất Sinh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, đản khả dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết” (Nhưng Cực Lạc thì trong ấy có nhiều vị là Nhất Sinh Bồ Xứ, số ấy rất nhiều, chẳng thể tính toán mà có thể biết được, chỉ có thể nói là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ).

Đoạn này là kinh văn trong kinh *Di Đà* do đức Phật nói. Thế giới Tây Phương Cực Lạc thánh hiền đông đảo, toàn là đại thánh, chẳng phải là tiểu thánh, Nhất Sinh Bồ Xứ mà! Bồ tát Quán Thế Âm giống như Di Lặc Bồ tát, trong tương lai, Phật A Di Đà lão nhân gia duyên đã tận, Ngài sẽ thoái vị, trở về Thường Tịch Quang, Quán Âm Bồ tát bèn thay thế, kế tục Ngài thành Phật trong thế giới Cực Lạc.

Khi Quán Âm Bồ tát duyên tận, trở về Thường Tịch Quang, Đại Thế Chí Bồ tát bèn kế tục Quán Âm Bồ tát. Do vậy, thế giới ấy chỉ có Chính Pháp, chẳng có Tượng Pháp, cũng chẳng có Mật pháp. Trong thế gian này của chúng ta, pháp vận của đức Phật có Tượng Pháp và Mật pháp, thế giới Cực Lạc chẳng có.

Thế giới Cực Lạc vĩnh viễn có Phật trụ thế, từng vị kế tục nhau. Quý vị thấy lần này, Phật Thích Ca Mâu Ni nhập diệt, vị Phật kế tiếp là Bồ tát Di Lặc sẽ giáng thế thành Phật nhằm khi nào? Kinh *Di Lặc Hạ Sinh* cho biết là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, Bồ tát Di Lặc mới giáng thế.

Trong khoảng thời gian dài như vậy, thế gian này chẳng có Phật, không có Phật giáo, đáng thương thay! Chúng sinh tạo nghiệp. Phật, Bồ tát vẫn từ bi, có người thay mặt Phật; trong thời gian dài như thế, ai thay mặt? Địa Tạng Vương Bồ tát.

Hiện thời là thời kỳ Mạt pháp của Thích Ca Phật, Địa Tạng Bồ tát đã nhận nhiệm vụ, đã thay mặt Phật. Địa Tạng nghĩa là gì? Phải biết đó là hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy. Chỉ cần chúng sinh thật sự hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo, người ấy sẽ có duyên gặp gỡ thánh hiền.

Nếu chẳng có tâm nguyện ấy, suốt đời chẳng gặp được. Dẫu gặp gỡ, cũng chỉ là trong sát-na đã trôi qua (chẳng còn gặp gỡ nữa), chẳng được thánh hiền giáo huấn. Do vậy biết: Tâm thái trọng yếu lắm, tâm thái quyết định hết thảy, pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng có ngoại lệ.

Trong thế giới Cực Lạc đã là Nhất Sinh Bồ Xứ, là Đẳng Giác Bồ tát, đây là địa vị Bồ tát tối cao, lại tiến cao hơn là Cứu Cánh Viên Mãn Phật (quả vị Phật rốt ráo viên mãn), người như vậy đông lắm! Nhiều đến mức độ nào? Chẳng có cách nào tính toán, chỉ có thể dùng “*vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết*” (vô lượng vô biên A-tăng-kỳ để nói).

A-tăng-kỳ (Asamkhyā) là đơn vị danh xưng, là một trong mười con số lớn của Ấn Độ. Bao nhiêu A-tăng-kỳ? Vô lượng vô biên, huống chi những vị thấp hơn Đẳng Giác càng nhiều! Thập Địa Bồ tát, Thập Hạnh Bồ tát, Thập Hồi

Hướng Bồ tát, Thập Trụ Bồ tát, chẳng biết là bao nhiêu! Hết thấy những vị ấy đều là học trò của A Di Đà Phật. Đẳng Giác Bồ tát là trợ giáo của A Di Đà Phật.

Trên thực tế, Phật A Di Đà hằng ngày chẳng rời khỏi quý vị, mỗi ngày đích thân giảng kinh, thuyết pháp cho quý vị. Quý vị thấy Đẳng Giác Bồ tát nhiều ngàn ấy ở bên cạnh giúp đỡ quý vị, lẽ nào quý vị chẳng thành tựu? Đâu có đạo lý ấy! Chúng ta ở trong thế gian này, thân cận một vị Tu Đà Hoàn còn chẳng có duyên phận ấy, tìm mãi không ra.

Trong thế giới Cực Lạc, thân cận Đẳng Giác Bồ tát đông ngàn ấy. Không nhìn vào chuyện gì khác, chỉ nhìn riêng điều này, chúng ta phải nên khẳng định một mục tu Tịnh Độ, biết vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc trong một đời nhất định chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo. Nếu chẳng đến đó, bất luận tu học pháp môn nào, phiền não tập khí chưa đoạn được, vẫn không thoát khỏi lục đạo luân hồi.

Nghĩ đến luân hồi đáng sợ, hãy nên học theo pháp sư Oánh Kha, dẫu bỏ cái mạng này cũng phải cầu sinh Tịnh Độ. Có thể thành công hay không? Pháp sư Oánh Kha làm mẫu cho chúng ta thấy; Sư thật sự niệm được Phật A Di Đà hiện đến. Sau khi niệm ba ngày, Phật A Di Đà thật sự dẫn Sư đi.

Thứ tư: *“Sở tác bất đồng. Tại thử độ, thánh giả hàm du thánh vực”* (Việc làm khác nhau. Trong cõi này, bậc thánh đều ngao du trong cõi thánh). Ở nơi đây, trong cõi Đồng

Cư, Phật, Bồ tát tuy trụ trong thế gian này, nhưng đối với nơi cư trụ của các Ngài, kinh điển đã nói rất hay, *“cảnh chuyển theo tâm”*.

Các Ngài là bậc minh tâm kiến tính, tự nhiên các Ngài trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Các Ngài đã chuyển biến cõi Phàm Thánh Đồng Cư thành cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chúng ta ở chung với các Ngài, nhưng chúng ta là tâm luân hồi, nên thấy đại địa là uế độ, lục đạo trong uế độ, tâm chúng ta chẳng thanh sạch. Chớ nên chẳng biết đạo lý này!

“Cảnh chuyển theo tâm”. Chúng ta ở trong thế gian này có tai nạn, nhưng các Ngài chẳng có tai nạn. Bất luận chỗ nào, các Ngài ở nơi đó quả thật giống như thế giới Cực Lạc. Báo độ của các Ngài do vô lượng trân bảo hợp thành, tuyệt đối chẳng phải là bùn cát, cây cối, hoa, cỏ cũng đều là trân bảo, vĩnh hằng không thay đổi, chẳng giống như chúng ta ở nơi đây: Mùa Xuân mọc lên, mùa Hạ tăng trưởng, mùa Thu thu hoạch, mùa Đông ẩn tàng. Bốn mùa biến hóa. Cõi Thật Báo của Bồ tát chẳng biến hóa, hết thủy vạn vật hóa hiện, hóa sinh theo ý niệm. *“Việc làm khác nhau”*: Những vị thánh giả đều dạy học.

“Nhi Chúng sinh luân hồi lục đạo, thăng trầm vô định” (Nhưng chúng sinh luân hồi trong lục đạo, thăng trầm chẳng nhất định). Tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, chịu báo luân hồi, đấy là điều chắc chắn! Chúng ta khởi tâm động niệm, nghĩ gì? Nhớ gì? Nói gì? Tạo gì?

Nếu chúng ta phản tỉnh, quý vị sẽ biết đúng như kinh *Địa Tạng* đã dạy: “*Vô bất thị tội, vô bất thị nghiệp*” (Không gì chẳng phải là tội, không gì chẳng phải là nghiệp). Tội là gì? Nghiệp là gì? Chúng ta suy tưởng, nhớ nghĩ, tạo tác, hoàn toàn trái nghịch tự tính. Đó là tội nghiệp.

Trong *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*, Hiền Thủ quốc sư đã quy nạp Tính Đức thành bốn điều. Tính Đức cũng là “*vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết*”, nói chẳng hết, quy nạp thành bốn điều. Đây là bốn cột trụ của Tính Đức, chúng ta hãy nghĩ xem chính mình có tương ứng với những điều ấy hay không.

1) Điều thứ nhất là “*tùy duyên diệu dụng*”. Chúng ta là tùy duyên, chẳng phải là diệu dụng. Chúng ta tùy duyên khởi dụng toàn là phiền não, toàn là tội nghiệp. Tùy duyên thấy đều áp dụng vào luân hồi, tâm luân hồi, ý niệm luân hồi, dùng trật lất rồi! Diệu dụng là gì?

Trong tùy duyên, xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bèn là “*diệu*”. Trong tùy duyên chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bèn là Phật. Có vọng tưởng, nhưng chẳng có phân biệt và chấp trước thì là Bồ tát. Có vọng tưởng và phân biệt, nhưng chẳng có chấp trước, là A La Hán.

Nay chúng ta toàn bộ đều có, trong tùy duyên có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đây là lục đạo phàm phu, như vậy sẽ chẳng diệu, chúng ta làm tương phản với thánh nhân.

2) Điều thứ hai, “*Oai nghi hữu tắc*” (Oai nghi đúng pháp tắc). Đó là cuộc sống trên thế gian này; những điều biểu diễn

đều nhằm nêu gương tốt nhất cho hết thảy đại chúng; đó là Phật, Bồ tát.

Biểu diễn điều gì? Diễn xuất luân lý, diễn xuất đạo đức, diễn xuất nhân quả, diễn xuất giáo huấn của chư Phật, vì người khác diễn nói. “*Diễn*” là biểu diễn, làm gương tốt cho người khác xem, giúp đỡ chúng sinh giác ngộ.

3) Điều thứ ba, “*nhu hòa chất trực*”. Đây là nói trong cuộc sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật hằng ngày đều phải có thái độ ôn hòa, đặc biệt là trong thời đại hiện tại.

Trong thời đại này, những chúng sinh trên địa cầu hiển hiện như thế nào? Tự tư tự lợi, bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối, họ đang biểu diễn những thứ ấy. Quý vị thấy tư tưởng, ngôn ngữ, hành vi của họ đáng ngán quá! Trái nghịch hoàn toàn với Tính Đức. Nói cách khác, sự tạo tác ấy chắc chắn dẫn đến ngày tàn của thế giới, đi theo con đường hủy diệt, hướng đến địa ngục A Tỳ! Đáng sợ quá!

4) Điều thứ tư, “*Đại chúng sinh khổ*” (Chịu khổ thay cho chúng sinh). Con người hiện thời nghĩ theo kiểu nào? Tổn người, lợi mình, hoàn toàn tương phản với “chịu khổ thay cho chúng sinh!”. Hãy nên bỏ mình vì người, đó là đúng. Quyết định chớ nên làm chuyện tổn người lợi mình.

Trong *Hoàn Nguyên Quán*, Hiền Thủ Đại sư đã quy nạp Tính Đức thành bốn điều như vậy.

Đức Phật thường giảng Thập Thiện Nghiệp, Tính Đức là Thập Thiện Nghiệp. Thập Thiện Nghiệp và Tứ Đức trong

Hoàn Nguyên Quán hoàn toàn tương ứng. Chúng ta có thực hiện những gì kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo đã dạy hay không? Có thật sự làm hay không? Thật sự làm, sẽ là nghiêm túc học Phật, y giáo phụng hành. Có những người muốn làm, nhưng chẳng biết phải thực hiện từ chỗ nào! Ngày xưa, xét trên cơ bản, việc giáo dục hoàn toàn phù hợp Phật pháp.

Chúng ta hãy khởi sự từ sự giáo học đơn giản, dễ hiểu: *Đệ Tử Quy* dạy chúng ta hiểu thân, tôn sư, đó là giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức. Hơn nữa, đó là giáo dục cơ sở cần phải tu, con người chẳng thể không học! *Cảm Ứng Thiên* là giáo dục nhân quả, phải thời thời khắc khắc ghi nhớ trong lòng: Thiện có thiện quả, ác có ác báo, nhân duyên quả báo chẳng sai sót mảy may!

Quý vị thật sự tham thấu thì mới tin tưởng, mới biết đoạn ác tu thiện, sám trừ nghiệp chướng trọng yếu lắm!

Vì sao ngày nay quý vị học Phật chẳng có tiến bộ? Chắc cũng có người nói vì sao tiến bộ chậm thế? Đều là do nghiệp chướng của quý vị quấy phá, nghiệp chướng chướng ngại quý vị; đó là nhân tố thứ nhất. Oán thân trái chủ đến gây rối, cũng tới chướng ngại quý vị; đó là nhân tố thứ hai. Chỉ cần tiêu trừ nghiệp chướng của chính mình, oán thân trái chủ bên ngoài sẽ rất dễ hóa giải.

Nghiệp chướng chẳng trừ, oán thân trái chủ sẽ không tha quý vị, quý vị vẫn tiếp tục làm ác. Giả danh học Phật, dùng

Phật pháp để che đậy sự xấu xa của chính mình, người ta càng xem thường quý vị.

Đã có căn bản Nho và Đạo thì Thập Thiện Nghiệp cũng sẽ rất dễ làm được. Cổ nhân học Phật, trong một trăm năm trước, người học Phật thành tựu nhiều! Vì sao? Họ được hưởng sự giáo dục ấy, từ nhỏ đã được cha mẹ, người lớn dạy!

Tôi nhớ thuở nhỏ, chúng tôi sinh trưởng tại nông thôn, trẻ con chơi đùa với nhau, cũng có lúc cãi cọ, cũng có lúc cãi lẫy ồn ào, người qua đường trông thấy, bèn răn dạy chúng tôi.

Thuở ấy, người lớn giáo huấn, chúng tôi đều ngoan ngoãn nghe, chẳng dám phản kháng! Đến khi cha mẹ chúng tôi biết chuyện, bèn đối đãi, cảm ơn, cảm kích những người khách ấy.

Quý vị nói có phải là xã hội thuở ấy rất hài hòa, thật tốt đẹp hay không? Trẻ nhỏ được cha mẹ trông chừng, người trong nhà dòm chừng, người ngoài cũng trông chừng; trẻ nhỏ đi tới đâu cũng được người lớn răn nhắc.

Trong xã hội hiện thời, chẳng còn tình trạng ấy nữa, cha mẹ không quản được trẻ nhỏ, thầy chẳng thể quản trò, làm sao được nữa, hiện tượng này đáng sợ lắm! Điều này khiến cho chúng tôi hiểu thật sự vì sao cổ thánh tiên hiền thế gian và xuất thế gian xem trọng giáo dục ngàn ấy, chúng tôi hiểu rõ.

Con người do dạy dỗ mà trở thành tốt đẹp, cũng do dạy dỗ mà thành xấu xa, tùy thuộc cách dạy như thế nào! Trẻ nhỏ hiện

thời đều bị dạy hư hỏng. Ai dạy chúng nó? TV dạy, Internet dạy chúng nó, người trong nhà mặc kệ. Hiện thời, cách dạy trẻ nhỏ rất khả ái, rất sinh động, nhưng mười năm, hai mươi năm sau, sẽ có phiền phức xảy ra, lúc ấy, hối cũng chẳng kịp!

Chúng ta xem tiếp phần dưới: *“Phàm thánh tuy đồng cư thử độ, nhi kỳ sở tác dữ thành tựu tắc huýnh nhiên bất đồng”* (Phàm và thánh tuy cùng sống trong cõi này, nhưng việc làm và thành tựu khác biệt rất xa). Vì sao bất đồng?

Tiếp đó, sách viết: *“Tại Cực Lạc tắc đồng tận vô minh, đồng đẳng Diệu Giác”* (Tại Cực Lạc thì cùng dứt vô minh, cùng lên Diệu Giác). Diệu Giác là đạt đến Phật quả viên mãn rốt ráo, còn cao hơn Đẳng Giác một tầng.

Đại chúng vãng sinh cõi Đồng Cư của thế giới Cực Lạc mỗi ngày đều học tập, không ngừng nâng cao, muốn tiến lên địa vị Diệu Giác, đoạn hết tập khí vô minh, trở về cõi Thường Tịch Quang, trở về tự tính. Đây là việc làm và thành tựu của họ.

“Cố tri Đồng Cư Tịnh Độ chi đồng cư, thắng ư thử gian vô lượng ức bội dã” (nên biết sự đồng cư trong cõi Đồng Cư Tịnh Độ thù thắng hơn cõi này vô lượng ức lần). Đúng vậy, chẳng thể sánh bằng!

Nhìn lại cõi Đồng Cư của chúng ta: *“Hựu thử độ chi phàm”* (Lại nữa, phàm phu trong cõi này), đây là phàm phu lục đạo; *“bao quát địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh tam ác thú”* (bao gồm ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh), đây là ba ác

đạo; *“Nhi bỉ độ Đồng Cư tắc thượng vô ác đạo chi danh, hà hướng hữu thật”* (Nhưng trong Đồng Cư cõi kia, cái tên ác đạo còn chẳng có, hướng là có thật). Đây là điều được giảng trong kinh *Di Đà*, thế giới Tây Phương còn chưa nghe tới danh xưng ác đạo, lẽ đâu có chuyện ấy?

“Đắc vãng sinh giả, bất phục cánh nhập tam ác đạo, vĩnh ly ác thú” (người được vãng sinh, chẳng đọa trong ba ác đạo nữa, vĩnh viễn là đường ác). Cho dù quý vị đới nghiệp vãng sinh, hạ hạ phẩm vãng sinh sinh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, thậm chí sinh vào biên địa, cũng chẳng còn đọa tam ác đạo, vĩnh viễn là đường ác. Đó là chỗ thù thắng của thế giới Cực Lạc.

“Bất tự thử gian chúng sinh, sinh tử hải trung, đầu xuất, đầu một, triển chuyển ác đạo, khổ thú thời trường dã” (Chẳng giống như chúng sinh trong cõi này, thoát nổi, thoát chìm trong biển sinh tử, xoay vần trong ác đạo, ở mãi trong nẻo khổ).

Không như thế gian này, chúng sinh trong thế gian này, lục đạo luân hồi là biển cả sinh tử. *“Đầu xuất”* là giống như quý vị ở trong biển, ngoi đầu lên hít một hơi không khí trong lành. Đó là gì? Tam thiện đạo, lập tức chìm xuống dưới. Do vậy, trong lục đạo, quý vị nhất định phải biết, thời gian trong thiện đạo rất ngắn, thời gian trong ác đạo rất dài!

Quý vị thấy trong thiện đạo tạo bao nhiêu ác nghiệp, vào trong ba ác đạo tiêu sạch những nghiệp ấy rồi quý vị mới

thoát ra. Lúc thoát ra, lại tạo ác. Thời gian thoát ra ngăn ngủi, thời gian tạo tác ác nghiệp thì nhiều, lại đọa xuống! Vì thế, nhà của chúng sinh trong lục đạo ở đâu? Nhà ở trong tam ác đạo, thoát khỏi tam ác đạo là lữ du, là đi ngắm cảnh. Lần này đi ngắm cảnh, gặp gỡ Phật pháp, thù thắng khôn sánh!

Nếu quý vị có thể thật sự nắm vững, sẽ vĩnh viễn rời tam ác đạo, vĩnh viễn vượt thoát lục đạo luân hồi! Nếu chẳng thể nắm vững cơ duyên này, nhất định phải biết: Quý vị vẫn tiếp tục ở trong lục đạo, vẫn phải tiếp tục chờ đợi trong tam ác đạo, thời gian chờ đợi vô cùng dài, khổ chẳng thể nói nổi!

Thật sự giác ngộ điều này, mới thật sự phát Bồ đề tâm, thật sự chịu niệm Phật, thật sự chịu buông xuống! Trên con đường Bồ đề, phải dựa vào chính mình, chính mình chẳng thật sự phát tâm, thật sự phát nguyện, Phật, Bồ tát đều chẳng giúp được. Thật sự phát tâm, sẽ cảm động chư Phật, Bồ tát. Chư Phật, Bồ tát đại từ, đại bi, tìm đến chúng sinh hữu duyên.

Hữu duyên là gì? Thật sự phát tâm, phát nguyện sẽ là người hữu duyên. Nguyện tâm ấy không dấy lên nổi, chân tâm chẳng phát ra được Phật A Di Đà dẫu từ bi cũng chẳng có cách nào giúp đỡ quý vị!



TÌNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 29



Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang ba mươi, dòng thứ sáu, đọc từ dưới lên.

“Cánh hữu tấn giả, như Yếu Giải vân: Đương tri ngô nhân đại sự nhân duyên, Đồng Cư nhất quan tối nan thấu thoát” (Tiến cao hơn nữa sẽ như sách *Yếu Giải* đã nói: “Phải nên biết, đối với đại sự nhân duyên của chúng ta, một cửa ải Đồng Cư khó vượt thoát nhất”).

Trong *Yếu Giải*, Ngẫu Ích Đại sư đã nói như thế. Đoạn văn giảng về Tông Thú này rất dài, cũng nhằm thuyết minh một chủ đề vô cùng quan trọng trong tu học Tịnh Tông, giảng về phương hướng tu học và mục tiêu của chúng ta, ắt phải hiểu rất rõ ràng, rành rẽ thì chúng ta mới có thể thành tựu trong một đời này.

Qua câu này, Ngẫu Ích Đại sư đã nhắc nhở chúng ta: Cần phải biết rằng, đối với chúng ta, nói theo cách bây giờ là những kẻ phát nguyện cầu sinh Tịnh Độ. Đó là chuyện lớn, còn có chuyện nào khác lớn hơn được nữa?

Liễu sinh tử, thoát tam giới, thành Phật quả viên mãn rốt ráo, còn có chuyện gì lớn hơn chuyện này? Trong kinh *Pháp Hoa*, đức Thế Tôn nói: Ngài vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời. Nói cách khác, những chuyện khác thì những bậc thánh hiền, hào kiệt thông minh, trí tuệ trong thế gian này có thể giải quyết, chỉ riêng chuyện này là

họ chẳng thể giải quyết, nên chư Phật, Bồ tát mới xuất hiện trong cõi đời. Nếu có ai khác có khả năng giải quyết, chư Phật, Bồ tát chẳng cần phải chuốc lấy phiền phức!

Khải thị này rất quan trọng, chúng ta phải học tập. Một ải Đồng Cư là khó nhất, hễ vượt qua được cửa ải này thì những cõi trên đó đều thuận tiện hơn. Đúng như ngôn ngữ thế gian đã nói: *“Phàm sự khởi đầu nan”* (凡事起頭難: Mọi việc khởi đầu đều khó khăn). Tu học Phật pháp là trở về tự tính, cũng là một bước khởi đầu rất khó, khó *“thấu thoát”* nhất; *“thấu”* (透) là hiểu rõ, *“thoát”* (脫) là giải thoát, thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly tam giới.

Tiếp theo đó, cụ Niệm Tổ viết: *“Cái dĩ Đồng Cư độ chi phàm phu”* (Bởi lẽ, phàm phu trong cõi Đồng Cư), tức là lục đạo phàm phu, *“Tu đoạn tận Kiến Tư nhị Hoặc, phương đắc Lưu Tận Thông, thử tịnh sinh tử lưu, xuất Đồng Cư, nhi thăng Phương Tiện Hữu Dư độ, thử danh thụ xuất tam giới, kỳ sự thậm nan dã”* (Phải đoạn hai thứ Hoặc là Kiến Hoặc và Tư Hoặc, mới đắc Lưu Tận Thông, cắt đứt dòng chảy sinh tử, thoát khỏi Đồng Cư, vượt lên cõi Phương Tiện Hữu Dư. Đó gọi là “vượt khỏi tam giới theo chiều dọc”, chuyện này rất khó).

Do đâu mà có phàm phu trong lục đạo? Nay chúng ta cũng hiểu rõ: Lục đạo là cảnh giới do Kiến Tư phiền não biến hiện. Cách nhìn sai lầm, cách nghĩ sai lầm. Kiến Hoặc là cách nhìn sai lầm. Tư Hoặc là cách nghĩ sai lầm, cũng có nghĩa là quý vị nhìn sai, nghĩ trật đối với chân tướng của vũ

trụ và nhân sinh. Do vậy, biến hiện cảnh giới sai lầm; cảnh giới sai lầm là lục đạo luân hồi.

Đây là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, trong đó có cả thánh lẫn phàm, đã được giới thiệu trong phần trước. Phải đoạn hai loại đại phiền não này, hai loại phiền não lớn này đều là vô lượng vô biên.

Nhằm thuận tiện dạy bảo, đức Phật đã quy nạp lại; quy nạp Kiến Hoặc thành tám mươi tám phẩm; quy nạp Tư Hoặc thành tám mươi một phẩm, chia ra thành chín địa, mỗi địa gồm chín phẩm, chín lần chín thành tám mươi một phẩm, đều phải đoạn tận thì mới có thể cắt đứt dòng sinh tử, tức là đoạn luân hồi sinh tử trong lục đạo, lục đạo chẳng còn nữa.

Do vậy, lục đạo là giả, chẳng thật. Quý vị đã đoạn Kiến Tư phiền não, sẽ chẳng có lục đạo. Kẻ chưa đoạn Kiến Tư phiền não, vẫn ở trong lục đạo. Cộng nghiệp và biệt nghiệp khác nhau! Kiến Tư phiền não nhiều như thế, nên để thuận tiện dạy học, đức Phật đã quy nạp Kiến Tư phiền não thành năm loại lớn để nói cho tiện.

Kiến giải sai lầm thì điều đầu tiên là hiểu lầm thân thể là chính mình. Đó là sai lầm đầu tiên; vì thế, thứ đầu tiên phải phá trong Kiến Hoặc là Thân Kiến, thật sự giác ngộ thân chẳng phải là chính mình. Thân là gì? Thân là cái ta có, chẳng phải là ta.

Rốt cuộc trong Phật pháp có nói đến Ngã hay chẳng? Có! Có Chân Ngã. Quý vị thấy trong Đại Bát Niết Bàn của Như Lai

có bốn tịnh đức, tức là có bốn thứ chân thật, đó là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Bốn tịnh đức này thật sự có.

Thường là gì? Vĩnh hằng, bất sinh, bất diệt, chẳng có biến hóa; đó là Chân Thường. Chân Lạc là gì? Hai bên khổ và vui đều không có, đó là Chân Lạc. Khổ và Lạc là tương đối, tương đối sẽ chẳng vĩnh hằng. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta: Ngay cả sự vui trên thế gian này phải từ bỏ, trong ấy có đạo lý, nó là giả, chẳng thật. Nếu thật thì có bỏ cũng bỏ chẳng được! Hễ có sinh thì có diệt. Phàm những gì có sinh và có diệt đều gọi là pháp sinh diệt, đều là chẳng thật.

Thân thể có sinh, có diệt. Tính linh bất sinh, bất diệt. Linh tính là chính mình. Huệ Năng Đại sư kiến tính, đã tìm được linh tính. Linh tính là như thế nào? Đầu tiên là thanh tịnh, *“nào ngờ tự tính vốn tự thanh tịnh”*, chưa từng bị ô nhiễm. Dẫu đọa lạc trong ngạ quỷ hay trong địa ngục, vẫn chẳng bị ô nhiễm.

Đức Phật cũng thường nói tới ô nhiễm, cái bị ô nhiễm là gì? A Lại Da bị ô nhiễm. Bản thân A Lại Da cũng là pháp sinh diệt; do vậy, nó chẳng thật. Nó là từ chân khởi vọng, biến thành vọng. Đó là điều thứ nhất trong Kiến Hoặc, là cội nguồn của hết thảy các biến hóa chẳng chân thật.

Trong các tôn giáo thường nói tới Tạo Vật Chủ (Tạo Hóa), ai là Tạo Vật Chủ? A Lại Da là Tạo Vật Chủ, pháp Đại thừa giảng điều này rất rõ ràng.

Sách *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán* cũng cho biết: Nhất niệm bất giác, từ trong tự tính biến hiện A Lại Da. A Lại Da có

ba tế tướng: Nghiệp tướng, chuyển tướng, cảnh giới tướng. Nói theo danh từ khoa học hiện thời là năng lượng, thông tin, và vật chất, có cùng một ý nghĩa với A Lại Da.

Năng lượng là nghiệp tướng của A Lại Da. Thông tin là chuyển tướng của A Lại Da. Vật chất là cảnh giới tướng của A Lại Da.

Trừ những thứ này ra, trọn khắp pháp giới, hư không giới, chẳng có một pháp nào để có thể được! Tất cả hết thảy trang nghiêm nơi y báo và chính báo đều từ nó biến hiện ra, nên gọi là “*duy thức sở biến*”. Nó là năng biến (chủ thể có khả năng biến), hết thảy các pháp là sở biến (cái được biến hiện). Đã có thể biến thì nhất định phải có “cái có thể sinh” (năng sinh). Nếu không có năng sinh, nó sẽ biến gì? Tự tính năng sinh, năng hiện. A Lại Da là năng biến, sở biến. Phật pháp giảng rất rõ ràng, thấu triệt.

Trong Phật pháp, A Lại Da còn được gọi bằng danh từ “*thần thức*”. Thần thức là gì? Người thế gian chúng ta gọi “thần thức” là “linh hồn”, cũng có người gọi nó là “*linh tính*”, đều được! Nếu nó giác ngộ thì gọi là linh tính, khi nó mê thì gọi là linh hồn.

Linh tính và linh hồn là cùng một chuyện, là một thứ, là chính mình, còn thân thể chẳng phải là chính mình.

Trong Phật pháp nói linh hồn, “vong linh” được nhắc tới trong sự siêu độ chính là linh hồn, nó không thoát khỏi tam giới, mà cũng chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Nếu có thể

đoạn hết Kiến Tư, sẽ vượt thoát lục đạo luân hồi, chẳng gọi là “linh hồn” nữa, mà gọi là “linh tính”. Vì sao? Vì đã giác ngộ.

Chẳng giác ngộ sẽ chẳng thể thoát khỏi luân hồi; hễ giác ngộ bèn vượt thoát. Vì vậy, A La Hán được gọi là Chính Giác. Người thế gian cũng giác ngộ, khoa học gia giác ngộ, triết học gia giác ngộ, nhà tôn giáo cũng giác ngộ, chẳng thể nói họ không giác ngộ.

Tuy giác ngộ, nhưng Phật chẳng nói họ là Chính Giác theo tiêu chuẩn của “Chính” trong Phật pháp. Phải tuân theo tiêu chuẩn nào thì mới được gọi là Giác? Chẳng có Kiến Tư phiền não thì là Chính Giác. Nếu còn có Kiến Tư phiền não sẽ là Tà Giác, chẳng gọi là Chính Giác.

Kiến phiền não là sai lầm về mặt kiến giải, quý vị còn có Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến, dẫu giác ngộ to tát cách mấy cũng chẳng thể gọi là Chính Giác!

Quý vị còn có những Tư Hoặc như tham, sân, si, mạn, nghi, tức là đã suy nghĩ sai lầm. Đức Phật quy nạp vô lượng vô biên Kiến Tư phiền não thành mười điều, Kiến Hoặc gồm năm điều, Tư Hoặc gồm năm điều. Chỉ cần có những thứ ấy, sẽ không thể gọi là Chính Giác. Chính Giác chẳng có cả mười thứ ấy, chẳng dễ dàng! Nhưng mười điều ấy chẳng phải là không thể đoạn. Vì sao? Chúng chẳng thật, trong tự tính không có những thứ ấy!

Phật, Bồ tát dạy chúng ta, những gì có sẵn trong tự tính thì nhất định phải bảo trì, vĩnh viễn bảo trì; những gì trong

tự tính không có, hãy buông xuống ngay lập tức. Thật sự chịu buông xuống, sẽ chứng quả, sẽ thành Chính Giác.

Thành Chính Giác là chứng quả A La Hán. Thành Chính Đẳng Chính Giác là chứng quả vị Bồ tát, thành Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác là thành Phật.

Trong kinh giáo Đại thừa, đức Phật thường giảng những điều này, thời thời khắc khắc nhắc nhở chúng ta, khởi đầu bằng đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc thì mới có thể đắc Lưu Tận Thông.

Lưu Tận Thông là gì? Lưu (漏) là Kiến Tư phiền não, chữ Lưu là tỷ dụ. Ví như một chén trà, dưới đáy có lỗ thủng, bị hỏng rồi, đựng nước, nước sẽ bị rịn ra. Cũng giống như Pháp Tính của chúng ta, hoặc nói là tự tính hay bản tính đều được, đều có cùng một ý nghĩa, trong bản tính hề có Kiến Tư phiền não, sẽ giống như tự tính có thiếu sót, vô lượng vô biên công đức đều bị rò rỉ.

Lưu Tận là chẳng còn rò rỉ, “chẳng rò rỉ” sẽ thông suốt. “*Thông*” (thần thông) ấy chính là loại cuối cùng trong sáu thứ thần thông. A La Hán mới đắc Lưu Tận Thông. Tam quả thánh nhân A Na Hàm chỉ đắc năm thứ thần thông trước đó, tức Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Túc Mạng, Thần Túc. Thần Túc là phi hành biến hóa.

Bộ tiểu thuyết *Tây Du Ký* của Ngô Thừa Ân có nói Tôn Ngộ Không có bảy mươi hai phép biến hóa, quá nhỏ, quá ư nhỏ bé! So với hần, thần thông của A La Hán hơn rất nhiều.

Ngài có thể biến hóa tùy ý, bởi lẽ, A La Hán mới có trọn đủ Lục Thông.

Cuối cùng đắc Lưu Tận, vĩnh viễn thoát khỏi lục đạo. Vì sao? Chẳng có nhân trong lục đạo, đương nhiên chẳng thể thấy các hiện tượng trong lục đạo. Lục đạo giống như nằm mộng. Quý vị tỉnh giấc mộng, cảnh giới trong mộng hoàn toàn không còn nữa! Cảnh giới ấy không có, xuất hiện cảnh giới gì? Xuất hiện cõi Phương Tiện Hữu Dư, tiến cao hơn. Cõi Phương Tiện Hữu Dư là tứ thánh pháp giới, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật trong mười pháp giới, gồm bốn tầng cấp khác nhau!

Nếu tiến cao hơn nữa, còn phải đoạn phiền não, quý vị thấy đoạn hết Kiến Tư phiền não, còn có Trần Sa phiền não. Trần Sa phiền não do đâu mà có? Do phân biệt mà có. Tâm phân biệt khởi lên vô lượng, vô biên, vô tận, vô số tác dụng. Đức Phật dùng Trần Sa làm tỷ dụ, phiền não nhiều như trần sa (cát bụi). Những thứ ấy vẫn là hư vọng, trong tự tính thanh tịnh tâm không có phiền não. Nếu có những thứ ấy, Bình Đẳng Tính Trí sẽ bị chướng ngại.

Có Trần Sa phiền não, quý vị sẽ chẳng bình đẳng. Tự tính là bình đẳng. Tự tính là pháp môn Bất Nhị chân chính. Bất Nhị là Nhất. Nhất mới là bình đẳng, Nhị sẽ không bình đẳng. Do vậy, có thể buông phân biệt xuống, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn phân biệt nữa. Các pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều trở về tự tính, một pháp giới mà!

Khi đạt đến một pháp giới, duyên chín muồi, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, buông khởi tâm động niệm xuống, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài thật sự chẳng khởi tâm, chẳng động niệm.

Cảnh giới bên ngoài là gì? Trọn chẳng phải là vô tri. Vô tri là vô minh, quý vị vẫn chưa giác ngộ. Trí tuệ Bát nhã hiện tiền, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể.

Trí tuệ, đức năng dùng để làm gì? Dùng để phổ độ chúng sinh. Tuy phổ độ chúng sinh, nhưng vẫn chẳng khởi tâm động niệm y như cũ. Chẳng khởi tâm, không động niệm, nên có thể độ hết thấy chúng sinh trong trọn khắp pháp giới, hư không giới, người ấy thành Phật, chứng đắc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Trong kinh *Đại thừa*, đức Phật thường nhắc nhở, chỉ dạy chúng ta điều này. Do vậy, phải chiếu theo thứ tự thuận ấy để tiến cao hơn từng bước. Trong tứ thánh pháp giới, từ Thanh Văn tiến lên Bích Chi Phật, từ Bích Chi Phật tiến lên Bồ tát, từ Bồ tát tiến lên Phật, tức là Tương Tự Phật. Lại tiến lên cao hơn bước nữa thì mới là một vị Phật thật sự, thoát lìa mười pháp giới.

Biết mười pháp giới cũng chẳng thật. Mười pháp giới vẫn là cảnh mộng. Giác ngộ điều này, chẳng thấy mười pháp giới nữa, đã tỉnh rồi. Do điều này có thể biết: Lục đạo là cảnh trong giấc mộng!

Thực sự tỉnh giấc mộng mười pháp giới, sau khi tỉnh lại, trước mắt người ấy là cảnh giới gì? Là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật, Bồ tát, còn gọi là Nhất Chân pháp giới. Trong cõi Thật Báo có tướng, vì người trong cõi Thật Báo đều đã chứng đắc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác phải biết điều này; nhưng họ còn có giai tầng địa vị vì còn có tập khí vô minh vô thủ chưa đoạn!

Chẳng có cách nào đoạn tập khí. Mỗi cá nhân mang theo tập khí dày hay mỏng khác nhau. Tập khí nặng nề là Thập Trụ, Thập Hạnh; tập khí nhẹ hơn là Thập Hồi Hướng, Thập Địa; nhẹ hơn tí nữa là Đẳng Giác. Chẳng có tập khí sẽ là địa vị Diệu Giác.

Tuy nói là bốn mươi một địa vị, nhưng thật ra, kinh *Hoa Nghiêm* đã nói rất hay: *“Một tức hết thấy, hết thấy chính là một”*. Nói tới Sơ Trụ Bồ tát, Sơ Trụ Bồ tát là “nhất”, “hết thấy” là gì? Bốn mươi hai địa vị. Trí tuệ, công đức, đạo lực của bốn mươi một địa vị khác phơi bày, hiển lộ viên mãn trong địa vị này, chẳng có mảy may sai biệt nào. Bởi lẽ, cõi Thật Báo thật sự là một thế giới bình đẳng, chẳng có thứ gì bất bình đẳng.

Đoạn sạch tập khí vô thủ vô minh, lúc ấy mới có thể trở về tự tính, Thường Tịch Quang là tự tính. Trong tự tính, trí tuệ, đức tướng viên mãn hết thấy đều hiện tiền. Khi nào sẽ hiện tiền? Chúng sinh có cảm, sẽ tự nhiên hiện tiền. Vì người ấy hiện tiền chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm

còn không có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước! Do chuyện này, tiến lên từng bước một khó khăn lắm, quá ư khó khăn!

“Kim thử vãng sinh pháp môn, nãi xả Đồng Cư uế, nhi sinh Đồng Cư tịnh, đắc sinh Cực Lạc, tức đoạn sinh tử, cố danh hoành xuất tam giới” (Nay pháp môn Vãng sinh này, bỏ cõi Đồng Cư uế để sinh vào cõi Đồng Cư Tịnh, được sinh vào Cực Lạc, liền đoạn sinh tử, nên gọi là ra khỏi tam giới theo chiều ngang). Tịnh Độ màu nhiệm ở chỗ này! Quý vị thấy chúng ta vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc vẫn ở trong cõi Đồng Cư.

Trong phần trước, đã nói rất rõ ràng: Cõi Đồng Cư trong thế giới Tây Phương Cực Lạc là Tịnh Độ, cõi Đồng Cư trong thế giới này là uế độ. Đều là Đồng Cư, nhưng thật sự thánh và phàm chẳng ở cùng! Do nguyên nhân nào? Giáo dục!

Trong thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà thực hiện giáo dục thành công. Trong thế giới này, Phật Thích Ca Mâu Ni giáo dục chẳng thành công ư? Đúng vậy! Rốt cuộc vấn đề ở chỗ nào? Chẳng do Phật, trong kinh giáo thường nói: *“Phật Phật đạo đồng, pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp”*.

Bất đồng ở chỗ nào? Bất đồng ở chỗ căn tính của chúng sinh khác nhau, chúng ta chớ nên không biết điều này. Người vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, đúng như trong kinh điển đã nói, nhiều thiện căn, lắm phúc đức, lắm nhân duyên. Đó là thiện căn, phúc đức, nhân duyên tích lũy từ vô lượng kiếp đến nay đã viên mãn, nên mới có thể vãng sinh.

Viên mãn sẽ có thể chẳng vãng sinh hay chẳng? Không thể nào! Vì chỉ cần quý vị viên mãn thì viên mãn là cảm, Phật, Bồ tát liền biết, sẽ tự nhiên ứng, sự cảm ấy gọi là “*minh cảm*” (冥感: cảm ngầm ngầm).

Quý vị chẳng dấy lên ý niệm cầu các Ngài, nhưng chính các Ngài tự đến, vì duyên của quý vị đã chín muồi, Phật bèn đến giúp đỡ quý vị sinh về thế giới Cực Lạc. Tới thế giới Cực Lạc, phẩm vị cũng do chính mình cảm được, chẳng phải do Phật A Di Đà an bài cho quý vị, phải biết điều này. Do vậy, chúng ta hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, biết phải nên tu theo cách nào. Ta đến thế giới Cực Lạc nâng cao phẩm vị của chính mình, học theo A La Hán chẳng chấp trước, học Bồ tát chẳng phân biệt, tận tâm tận lực học tập.

Học tập nơi đâu? Học tập trong cuộc sống, công việc, học tập, xử sự, đãi người, tiếp vật, thấy đều phải học tập, bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, nhất định phải học theo năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử. Cảnh giới gì cũng đều có thể tiếp cận, tiếp xúc, vấn đề là quý vị phải hiểu. Hiểu điều gì? Ta luyện tập trong cảnh giới, đó là tu hành, tu hành thật sự! Học chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, thật sự tu! Không câu nệ nghi thức, khởi tác dụng to lớn chẳng ngăn ngại.

Sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc liền đoạn sinh tử, lục đạo luân hồi sinh tử chẳng còn nữa, đây là chỗ thù thắng của Đồng Cư Tịnh Độ; vì thế, gọi là “*hoàn thành xuất tam giới*”.

“Nhi vãng sinh chi nhân, bất đãi đoạn thử Kiến Tư nhị Hoặc, đản năng phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, tiện môn Phật nguyện minh gia, quyết đắc vãng sinh Tịnh Độ, kỳ sự chí dị, cố danh Dị Hành Đạo” (Nhưng người vãng sinh chẳng đợi đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc, chỉ cần phát Bồ đề tâm, một bề chuyên niệm, sẽ được Phật nắm nắm gia hộ, quyết được vãng sinh Tịnh Độ. Chuyện này dễ dàng nhất, nên gọi là Đạo Dễ Hành).

Được bản nguyện của Phật A Di Đà gia trì, quý vị nhất định được vãng sinh. Cụ Niệm Tổ nói: *“Như thị phương tiện trực tiệt”* (phương tiện thẳng thừng, gọn gàng như vậy); *“phương”* (方) là phương pháp, *“tiện”* (便) là tiện nghi (便宜), có nghĩa là phương pháp thích hợp nhất giúp cho quý vị thành tựu trong một đời, thẳng thừng, nhanh chóng, chẳng có mảy may vòng vo nào!

“Thù thắng hy hữu”: Trong tám mươi bốn ngàn pháp môn, chẳng tìm được pháp môn nào khác dễ dàng như vậy! Cũng có thể nói phương tiện này dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, thẳng thừng, nhanh chóng, trực nhập (tiến vào trực tiếp), do nguyên nhân nào? Đều do bản nguyện và oai thần của Phật A Di Đà gia trì.

“Nãi thập phương thế giới chi sở vô. Cổ tri Cực Lạc Đồng Cư, thắng ư thập phương Phật độ” (Mười phương thế giới đều chẳng có cõi nào giống như vậy. Vì thế, biết cõi Đồng Cư trong Cực Lạc vượt trội mười phương cõi Phật). Không chỉ

vượt trội cõi Đồng Cư hiện thời của Phật Thích Ca Mâu Ni, mà đối với các cõi Phàm Thánh Đồng Cư của mười phương chư Phật Như Lai. Sự tịnh - uế trong ấy khác biệt rất lớn. Có thể nói: Chỉ có một mình thế giới Tây Phương Cực Lạc là cõi thuần tịnh, vô uế.

Kế tiếp: *“Hựu đới nghiệp vãng sinh, nhưng thuộc phàm phu, đản vô thoái chuyển, nhất sinh thành Phật, cố vãng sinh Đồng Cư, diệt tức viên sinh tứ độ dã”* (Lại nữa, đới nghiệp vãng sinh tuy vẫn thuộc phàm phu, nhưng chẳng thoái chuyển, thành Phật trong một đời, nên vãng sinh Đồng Cư cũng chính là sinh về bốn cõi trọn vẹn).

Điều này vô cùng trọng yếu! Chúng ta niệm Phật vãng sinh thế giới Cực Lạc, chính mình nhất định phải biết ta vẫn là phàm phu; nhưng như thế nào? Sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc sẽ chẳng thoái chuyển, không chỉ là Vị Bất Thoái, mà đồng thời chứng đắc Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái trong cõi Đồng Cư. Điều này giống như Sơ Trụ Bồ tát trong Viên giáo và Sơ Địa Bồ tát trong Biệt giáo.

Sinh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư thuộc địa vị gì? Hạ hạ phẩm vãng sinh. Quý vị có chứng đắc quả vị Bồ tát hay không? Không! Chưa chứng đắc, nhưng ngang cấp!

Chúng tôi thường nói: “Sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, quý vị đã hưởng thụ sự đãi ngộ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm”. Vì thấp nhất trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm là Sơ Trụ Bồ tát, tức Sơ Trụ Bồ tát trong Viên giáo, đến thế giới

Tây Phương Cực Lạc được bản nguyện và oai thần của Phật A Di Đà gia trì, quý vị sẽ “*giai tác A Duy Việt Trí Bồ tát*” (đều là Bất Thoái Chuyển Bồ tát). Vì thế, vãng sinh Đồng Cư giống như đã viên mãn đạt được bốn cõi, một tức là nhiều, nhiều tức là một.

Cõi Phương Tiện, cõi Đồng Cư, cõi Thật Báo, cõi Thường Tịch Quang đều dung hợp một chỗ, chẳng tách rời, sinh về một là sinh về hết thảy, như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền đều ở trong cõi Thật Báo.

Trong bốn cõi Tịnh Độ của Phật Thích Ca Mâu Ni nơi thế gian này, chúng ta chẳng thấy hàng Bồ tát trong cõi Thật Báo, cũng chẳng thấy được Bồ tát và Thanh Văn trong cõi Phương Tiện! Nhưng quý vị vãng sinh thế giới Cực Lạc sẽ khác hẳn. Trong cõi ấy không có chướng ngại.

Nay chúng ta gọi sự chướng ngại ấy là “chiều không gian” (không gian duy thứ, spatial dimension). Bên cõi kia không có chiều không gian, nên hằng ngày chúng ta gặp mặt đại Bồ tát. Chư Phật Như Lai thường đến thế giới Cực Lạc giúp Phật A Di Đà giáo hóa chúng sinh, quý vị mỗi ngày đều được tiếp xúc.

Những vị đại thánh đại hiền là bạn bè, giúp quý vị tiến cao hơn, đến nơi nào khác để tìm được pháp duyên thù thắng ấy? Thật rõ ràng, thật minh bạch, quý vị đối với Tây Phương Tịnh Độ khẳng khít một mực, chẳng có ý niệm thứ hai, trong đời này ta nhất định phải đến đó, không đến không được! Tín nguyện kiên định!

“Phương Tiện Hữu Dư độ, nhược nhân niệm Phật công thâm” (Cõi Phương Tiện Hữu Dư, nếu người niệm Phật công hạnh sâu xa). Công phu niệm Phật sâu dày.

“Dĩ ly tạp loạn chi tâm, chuyên niệm nhất cú danh hiệu, tâm khẩu tương ứng, tự tự phân minh” (Dùng cái tâm lìa tạp loạn, chuyên niệm một câu danh hiệu này, tâm và miệng tương ứng, từng chữ phân minh). Ở chỗ này, chuyên niệm một câu danh hiệu, tâm và miệng tương ứng, từng chữ phân minh, đấy là công phu thành phẩm, là điều kiện phải hội đủ để vắng sinh cõi Đồng Cư.

“Tâm bất ly Phật, Phật bất ly tâm, niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn, như thị niệm Phật, danh Sự nhất tâm” (Tâm chẳng lìa Phật, Phật chẳng lìa tâm, niệm niệm tiếp nối, chẳng gián đoạn. Niệm Phật như thế gọi là Sự nhất tâm). Kiến Tư phiền não đã đoạn.

“Nhược đạt thử cảnh giới”, quý vị đạt tới cảnh giới ấy, “tuy bất cầu đoạn Hoặc, nhi Kiến Tư phiền não tự nhiên đoạn lạc” (Tuy chẳng cầu đoạn Hoặc, mà Kiến Tư phiền não tự nhiên đoạn rơi). Vì thế, Kiến Tư phiền não là phiền phức, cần phải đoạn. Càng muốn đoạn, càng chẳng đoạn được. Vì sao? Ý niệm “muốn đoạn” chính là chấp trước kiên cố, mà Kiến Tư phiền não cũng là chấp trước. Chấp trước chẳng thể đoạn chấp trước!

Vậy thì làm sao? Không quan tâm tới nó là được rồi! Chỉ cần thật sự nắm vững cương lĩnh tu học như kinh đã dạy: *“Phát*

Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm” sẽ thành công. Chuyện gì khác cũng đều chẳng mong tưởng, Kiến Tư phiền não sẽ tự nhiên đoạn. Chẳng cần nghĩ ta phải làm như thế nào để đoạn sạch Ngã Chấp, phá trừ Thân Kiến, phá sạch Biên Kiến, đừng bận lòng vì những chuyện ấy! Niệm niệm chỉ nghĩ đến chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi, đấy là Bồ đề tâm. Ở trong ấy, không có chấp trước, phân biệt, vọng tưởng.

Chúng ta biến đổi sức chú ý, hãy chuyên chú nơi nhất tâm, chuyên chú nơi “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, chuyên chú cầu sinh Tịnh Độ, thân cận Di Đà. Đó là đúng, chẳng sai một tí nào! Những thứ khác đều chẳng cần nghĩ tới, chẳng nghĩ tới chẳng phải là buông xuống ư?

Trong cuộc sống hằng ngày, niệm niệm chẳng quên “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, đó là chân tu! Trong cuộc sống, đừng bị ô nhiễm bởi cuộc sống; trong công việc, đừng bị ô nhiễm bởi công việc; trong xử sự đối người tiếp vật, cũng không bị hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau) ô nhiễm, cũng không bị hoàn cảnh vật chất ô nhiễm, thật sự tu hành.

Lúc đó mới có thể khế nhập “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*” của kinh *Hoa Nghiêm*, như vậy thì quý vị vắng sinh Tịnh Độ, chẳng ở trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, mà là trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Tổ sư đại đức thường khám nghiệm học trò: “*Người có hiểu hay không?*”. Vấn đề thật sự là chính mình có hiểu hay không? Luôn luôn giác, chỗ nào cũng giác.

“Thật Báo Trang Nghiêm độ. Nhược ước Phật, niệm Phật, lịch lịch phân minh, hành, trụ, tọa, ngọa, duy thử nhất niệm, vô đệ nhị niệm” (Cõi Thật Báo Trang Nghiêm: Nếu nhớ Phật, niệm Phật, rành mạch, phân minh, đi, đứng, nằm, ngồi, chỉ có một niệm này, không có niệm thứ hai).

Mấy câu này nói về công phu thành thiền, công phu thành thiền sẽ có thể vãng sinh. Nói thật ra, chúng ta mong đời này làm được một bước, sinh về nơi đâu? Sinh về cõi Đồng Cư.

“Bất vị tham, sân, phiền não chư niệm chi sở tạp loạn, thị danh Sự nhất tâm” (Chẳng bị các niệm tham, sân, phiền não làm loạn thì gọi là Sự nhất tâm). Đó là buông Kiến Tư phiền não xuống.

Trong đoạn trước đã nói, trong tâm không có Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ, Giới Thủ, Tà Kiến; Tham, sân, si, mạn, nghi cũng không có, đấy là Sự nhất tâm, sinh về cõi Phương Tiện Hữu Dư trong thế giới Cực Lạc.

“Sự thượng tức đắc, Lý thượng vị triệt, thuộc Định môn nhiếp, vị hữu Tuệ cố” (Đã đắc về mặt Sự, nhưng chưa thấu triệt Lý, thuộc về Định môn, do chưa có Tuệ).

Ở đây dùng Giới, Định, Tuệ để giảng, do đó có thể biết: Sinh về cõi Đồng Cư là thuộc vào Giới môn. Đức Phật dạy chúng ta trì giới niệm Phật, giới ấy rất thanh tịnh, mọi giới đều giữ được, điều này khẩn yếu lắm! Nay chúng tôi nói là “vun bồi ba căn bản”; vun bồi vững bền ba căn ấy là được

rồi. Vì sao? Quý vị là *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”* như trong kinh đã nói, quý vị có phần!

Quý vị là thiện nam tử, thiện nữ nhân vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, Phật nhất định đến tiếp dẫn quý vị, phải hiểu đạo lý này! Dẫu niệm Phật tốt đẹp, niệm nhiều cách mấy đi nữa, cổ nhân nói niệm đến mức độ nào? *“Gió thổi chẳng lọt, mưa tạt không ướt”*, niệm đạt tới công phu như vậy, nhưng nếu không có giới, quý vị vẫn chẳng thể vãng sinh. Vì sao? Quý vị chẳng phải là thiện nam tử, thiện nữ nhân! Công phu ấy có phải là phí uống hay chẳng? Chẳng phí uống!

Công phu ấy sẽ là thiện căn cho đời sau, chứ đời này chưa vãng sinh được! Khi nào sẽ có thể vãng sinh? Khi nào giới thanh tịnh, quý vị sẽ vãng sinh. Giới luật thanh tịnh cũng thuộc loại Niệm Phật tam-muội, vừa mới đắc tam-muội, công phu không sâu, rất cạn! Sự nhất tâm công phu sâu hơn, thật sự đắc Niệm Phật tam-muội, chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động; do vậy người ấy có Định, nhưng chưa khai Tuệ.

Đối với bản kinh này, người ấy đạt được tâm thanh tịnh, đạt được tâm bình đẳng, nhưng chưa giác. Giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, chưa đạt được điều này; vì thế, người ấy sinh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư.

“Nhược ư bách xích can đầu, cánh tấn nhất bộ, ư tự bản tính, hốt nhiên kế hợp” (nếu ở đầu sào trăm thước, tiến thêm một bước nữa, bỗng nhiên sẽ kế hợp bản tính của chính mình).

Sự khế hợp ấy là kiến tính, minh tâm kiến tính, buông khởi tâm động niệm xuống. Khởi tâm động niệm là vô minh. Vô minh là khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm chẳng có mở đầu; chẳng thể nói nó có khởi đầu, chẳng thể nói nó có nguyên nhân, nó chẳng có nguyên nhân, điều này rất khó hiểu!

Trong hội Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã dùng hình ảnh *“Diễn Nhã Đạt Đa mê đầu nhận ảnh”* (anh chàng Diễn Nhã Đạt Đa lầm nhận hình bóng cái đầu của chính mình phát cuồng) để hình dung. Mong sao từ thí dụ ấy, quý vị sẽ có thể hiểu được, có thể hiểu đại khái. Những lời Phật nói ấy bao hàm những nghĩa vô cùng sâu!

“Liễu tri năng niệm, sở niệm, duy thị nhất tâm, bất trụ hữu niệm, bất lạc vô niệm” (Hiểu rõ năng niệm và sở niệm chỉ là một tâm, chẳng trụ hữu niệm, chẳng rơi vào vô niệm). Đây là *“niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm”*. Thanh tịnh, bình đẳng, giác hiện tiền, đây là kiến tính.

“Liễu tri” là kiến, năng niệm và sở niệm chỉ là nhất tâm; năng niệm là ta, là chính mình. Duy tâm sở hiện, đức Phật A Di Đà được niệm cũng là duy tâm sở hiện. Nhất tâm, vô nhị tâm. Chẳng trụ hữu niệm, chẳng rớt vào vô niệm, trên mặt Sự thì có, niệm Phật chẳng gián đoạn; nơi Lý thì chẳng có!

Cớ sao về Lý chẳng có? Nếu chúng ta thật sự hiểu rõ lời Bồ tát Di Lặc nói: *“Một cái khảy ngón tay có niệm”*, quý vị sẽ hiểu rõ: Có niệm hay không? Không có niệm, về Lý không có; nhưng Sự thì sao? Nơi Sự là tướng *“tương tục tương*

tự” (gần như là tương liên tục). Về căn bản, tương tương tự tương tục chẳng tồn tại!

Vì sao niệm? Pháp vốn là như thế, tự nhiên, chẳng khởi tâm động niệm. Chẳng khởi tâm động niệm, nhưng Phật hiệu lại chẳng gián đoạn! Đó là gì? Tập khí vô minh từ vô thủy. Có thể nói theo cách như vậy được hay không? Có thể đoạn tập khí ấy hay không? Chẳng thể đoạn!

Vì sao chẳng thể đoạn? Trong nhân địa đã từng phát nguyện: *“Chúng sinh vô biên thế nguyện độ”*; vì thế, vô niệm mà niệm chính là sự hiện hữu cụ thể của nguyện này. Trong sự hiện hữu ấy, chẳng có khởi tâm động niệm, đương nhiên không có phân biệt, chấp trước. Cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng vướng mắc hai bên. Chẳng trụ hữu niệm là chẳng chấp Có. Không rơi vào vô niệm là chẳng chấp Không. Nhị biên hợp nhất, chẳng thấy nhị biên nữa! Có nhị biên thì là Biên Kiến. Không có nhị biên sẽ gọi là Chính Tri Chính Kiến, Phật Tri Phật Kiến.

Tiếp đó, trích dẫn lời Liên Trì Đại sư đã nói trong *Sớ Sao*, đều là nói về niệm Phật: *“Nhược ngôn kỳ hữu, tắc năng niệm chi tâm, bản thể tự không, sở niệm chi Phật, liễu bất khả đắc”* (Nếu nói là có thì cái tâm năng niệm bản thể vốn là không, đức Phật được niệm, rõ ràng chẳng thể được!). Trong một cái khảy ngón tay có niệm, nên rõ ràng chẳng thể được!

“Nhược ngôn kỳ vô, tắc năng niệm chi tâm, linh linh bất muội” (Nếu nói nó là Không thì cái tâm năng niệm sáng suốt

linh thông chẳng mê mờ). Chúng ta nhìn từ tướng: “*Sở niệm chi Phật, lịch lịch phân minh*” (đức Phật được niệm vằng vặc phân minh). Vì thế, đối với sự niệm Phật ấy, quý vị chẳng thể nói người ấy hữu niệm, mà cũng chẳng thể nói người ấy vô niệm; cũng có thể nói người ấy hữu niệm, và cũng có thể nói người ấy vô niệm.

“*Vô niệm nhi niệm, niệm nhi vô niệm, ngôn tư lộ tuyệt, bất khả trạng huống*” (Vô niệm mà niệm, niệm nhưng vô niệm, nói năng lẫn suy nghĩ đều đứt bật, chẳng thể diễn tả được).

Trong cảnh giới ấy, không có cách nào dùng ngôn ngữ để diễn tả rõ ràng! Càng nói càng mơ hồ, phạm vi công dụng của ngôn ngữ hữu hạn; quả thật có những chỗ ngôn ngữ chẳng thể diễn đạt được!

“*Tư*” (思) là thức thứ sáu, tức Ý Thức, có năng lực rất lớn, bên trong nó có thể duyên tới A Lại Da, bên ngoài nó có thể duyên đến hư không pháp giới, nhưng nó chẳng duyên tự tính.

Vì vậy, ngôn ngữ đứt bật, tâm hành xứ diệt, không thể diễn đạt được! Không thể diễn tả thì chẳng có cách gì nói, mà cũng chẳng có cách nào hình dung.

“*Duy thị nhất tâm, thanh tịnh bản nhiên chi thể, cánh hữu hà pháp nhi đắc tạp loạn, thị danh Lý nhất tâm, thuộc Tuệ môn nhiếp, kiêm đắc Định cố*” (Chỉ là nhất tâm, bản thể vốn sẵn thanh tịnh, há còn có pháp nào tạp loạn được nó. Điều đó gọi là Lý nhất tâm, thuộc về Tuệ môn, kèm thêm đắc Định).

Trí tuệ đã khai, đương nhiên có Định, không có Định thì làm sao có thể khai trí tuệ cho được? Trí tuệ khởi tác dụng, nhưng công phu định lực chẳng mất. Nếu bỏ mất công phu định lực, sẽ chẳng có Tuệ. Tác dụng của không có Định là phiền não, phiền não khởi tác dụng. Tác dụng của có Định là trí tuệ. Nếu chúng ta dùng tiêu đề kinh *Vô Lượng Thọ* để nói, tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí tuệ, nhưng chưa viên mãn. Tâm bình đẳng khởi tác dụng là đại trí tuệ, vẫn chưa viên mãn. Giác tâm khởi tác dụng là trí tuệ viên mãn.

Giác tâm khởi tác dụng, tâm bình đẳng hay bất bình đẳng, thanh tịnh hay chẳng thanh tịnh? Đương nhiên là thanh tịnh, bình đẳng! Thanh tịnh là Định, bình đẳng cũng là Định, chỉ có chữ Giác là trí tuệ Bát nhã vốn sẵn có trong tự tính hiện tiền viên mãn, nó nương vào đâu? Nương vào thanh tịnh và bình đẳng. Quý vị phải biết: Trong mười pháp giới, chúng ta nói tới nhân tố thứ nhất, Phật là tâm bình đẳng, Bồ tát là tâm thanh tịnh, quý vị thấy nó trọng yếu lắm!

Do vậy, người tu hành phải thời thời khắc khắc cảnh giác chính mình. Một khi tâm chẳng thanh tịnh, bèn ngay lập tức quay đầu, bởi ta sai rồi! Cớ sao chẳng thanh tịnh? Khởi phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng. Chỗ mầu nhiệm của Tịnh Tông khiến cho Tịnh Tông là phương tiện bậc nhất trong các phương tiện chính là gì? Lập tức bảo quý vị hãy trở về với A Di Đà Phật, khôi phục cái tâm thanh tịnh của chính mình!

Trong cái tâm thanh tịnh của chính mình, chỉ có một câu A Di Đà Phật.

Ngay từ đầu, đã chẳng nói rồi đó sao? Nhớ Phật, niệm Phật, vãng vặc phân minh, đi, đứng, nằm, ngồi, chỉ có một niệm này, không có niệm thứ hai nào! Khi ấy, tâm quý vị là thanh tịnh, bình đẳng, nhưng sau khi quý vị bỏ Phật hiệu đi, tâm quý vị lại chẳng thanh tịnh, lại bất bình đẳng.

Chúng ta dốc công sức tu tập ở chỗ này, tu đến mức tâm thanh tịnh hiện tiền, vẫn chẳng thể bỏ phương pháp này, vẫn dùng phương pháp này, tu đến mức tâm bình đẳng, vẫn y như cũ, chẳng bỏ phương pháp này! Thật sự thành Phật, vẫn chẳng lìa bỏ phương pháp này, khi ấy, niệm Phật nhằm dạy chúng sinh. Trước khi thành Phật, phương pháp này là tự lợi. Chính mình đã thành tựu, một câu Phật hiệu này vẫn niệm đến cùng, nhằm hóa độ người khác. Tự hành, dạy người, chỉ có một pháp này.

Căn tính của chúng sinh khác nhau, như Phật Thích Ca Mâu Ni giảng hết thảy các kinh, đối với căn cơ nào, Ngài bèn giảng pháp môn đó, nhưng tới cuối cùng đều hướng dẫn về Cực Lạc.

Qua những lời trình bày, hướng dẫn của tổ sư đại đức, chúng ta thấy hết thảy các pháp môn do đức Thế Tôn đã nói cả đời trong suốt bốn mươi chín năm, cuối cùng quy về đâu? Quy về Hoa Nghiêm, trở về Hoa Tạng. Hoa Tạng đến cuối

cùng, hai vị đại Bồ tát Văn Thù và Phổ Hiền suất lãnh bốn mươi một địa vị Pháp thân đại sĩ trong hội Hoa Tạng đến bái phỏng Phật A Di Đà, dẫn về Cực Lạc.

Từ kinh *Hoa Nghiêm*, chúng ta thấy được chuyện này! Hành động ấy của Văn Thù và Phổ Hiền đương nhiên là thuận theo ý của Phật Tỳ Lô Giá Na. Phật Tỳ Lô Giá Na không có ý này, Văn Thù và Phổ Hiền sẽ chẳng thể làm như vậy được!

Phật Tỳ Lô Giá Na tán đồng, hoan hỷ. Vì sao? Thân cận Phật A Di Đà sẽ thành tựu mau chóng! Chư Phật Như Lai mong cho hết thảy chúng sinh lập tức thành Phật, đây là bản nguyện của chư Phật Như Lai. Do vậy, cổ đức nói rất hay: *“Ngàn kinh vạn luận, đâu đâu cũng chỉ về”*, chẳng có một pháp nào chẳng quy về Tịnh Độ. Do vậy, trong giáo pháp Đại thừa, chúng tôi cũng thường nói có ba khoa mục chung. Thứ nhất là giới luật, tám mươi bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, bất luận pháp môn nào cũng đều chẳng thể rời khỏi giới luật; giới luật là cơ sở. Hiện thời, chúng ta nói là *“vun bồi căn bản giáo dục”*, quý vị chẳng thể không có căn bản. Giới luật là cội rễ, tức căn bản. Khoa mục chung thứ hai cần phải tu tập là Lý. Lý là gì? Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến, đó là Lý. Đây là khoa mục chung bắt buộc phải học trong bất luận pháp môn nào. Thứ ba là quy túc, tức là thế giới Tây Phương Cực Lạc, bất luận pháp môn nào đến cuối cùng thảy đều trở về thế giới Cực Lạc. Ba đại khoa mục chung, chúng ta chẳng thể nào không nghiêm túc học tập.

Thưa quý vị, ba đại khoa này trọn đủ viên mãn trong bộ kinh chẳng được xem như quá dài này, chúng ta chớ nên không biết. Sự tu học của chúng ta lấy những điều này làm căn bản chính yếu, là môn chủ yếu để học tập, là khóa trình tu tập chính yếu. Hết thấy các kinh, thậm chí kinh điển của các tôn giáo khác đều là khóa trình phụ trợ cho chúng ta. Quý vị thông suốt một môn này, sẽ thông suốt hết thấy toàn bộ các kinh; hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian cũng đều thông.

Chúng ta xem câu chốt do cụ Niệm Tổ đã viết trong đoạn này: *“Niệm Phật nhược đạt Lý nhất tâm, phá nhất phần vô minh, tắc sinh Thật Báo Trang Nghiêm độ, đồng thời phần chứng Thường Tịch Quang Tịnh Độ”* (Nếu niệm Phật đạt đến Lý nhất tâm, phá một phần vô minh, sẽ sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đồng thời chứng một phần Thường Tịch Quang Tịnh Độ).

Lý nhất tâm nhất định là phá vô minh. Vô minh là gì? Khởi tâm động niệm. Phá bằng cách nào? Sáu căn của chúng ta thấy sắc, nghe tiếng chẳng khởi tâm, không động niệm, sẽ chẳng có vô minh. Khởi tâm động niệm, vô minh tồn tại; khởi tâm động niệm là vô minh. Chúng ta có thể làm được điều này hay không? Chẳng thể nói là không làm được, nhưng rất khó, so với thanh tịnh và bình đẳng còn khó hơn!

Có thể nói là cả đời này chúng ta có thể thành tựu hay không, hoàn toàn phụ thuộc vào công phu tu học cá nhân,

mà cũng là nói quý vị có thể buông xuống hay không! Buông xuống có tầng lớp, chúng ta chẳng phải là bậc thượng thượng căn. Trước hết, phải buông chấp trước xuống, khôi phục cái tâm thanh tịnh, rồi lại buông phân biệt xuống, khôi phục tâm bình đẳng.

Cuối cùng, chẳng khởi tâm, không động niệm, Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác hiện tiền. Hành nhân bắt đầu chứng Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, thành Phật. Theo kinh *Hoa Nghiêm*, chư vị phải hiểu người như vậy là Sơ Trụ Bồ tát.

Chúng ta đọc kinh *Hoa Nghiêm*, thấy cảnh giới của Thập Trụ và cảnh giới của Thập Địa vô cùng tương tự. Do nguyên nhân gì? Chư Phật Như Lai chứng đến viên mãn rốt ráo, chẳng khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm thấy đều không có, còn có gì hay chẳng? Thứ gì cũng đều không có! Toàn bộ trí tuệ và đức tướng trong tự tính đều hiện tiền.

Do vậy, quý vị nói bốn mươi một địa vị Pháp thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm là bình đẳng hay bất bình đẳng? Thật sự bình đẳng. Trong khi học tập, chúng tôi đã từng báo cáo tỉ mỉ cùng quý vị, chẳng thể nói bốn mươi một địa vị ấy là có, mà cũng chẳng thể nói là không.

Vì sao chẳng thể nói là có? Khởi tâm động niệm còn không có, lấy đâu ra bốn mươi một địa vị? Nếu có bốn mươi một địa vị, chẳng phải là trong ấy có phân biệt ư? Nếu quý vị chấp trước những địa vị ấy là có, đó chẳng phải là nẩy sinh

chấp trước ư? Do chấp trước là có; do phân biệt bèn nói là bốn mươi một địa vị, há có đạo lý ấy? Đó là gì? Đó là mười pháp giới, chứ trong cõi Thật Báo đâu có những danh xưng ấy! Chẳng thể nói là có!

Vì sao chẳng thể nói là không? Tuy chẳng khởi tâm động niệm, nhưng có tập khí; tập khí có mức độ dày hay mỏng khác nhau! Người đã chứng đắc từ lâu, tập khí cũng rất mỏng, người đến nay mới chứng đắc, tập khí cũng rất nồng đậm.

Do nói theo mức độ tập khí dày hay mỏng mà có bốn mươi một cấp bậc, chuyện là như vậy đó, phải hiểu rõ ràng, minh bạch. Chúng ta có thể thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch hay không? Chẳng dễ dàng!

Chúng ta hiểu phải làm như thế nào, đó là giải ngộ, nhưng chưa khế nhập cảnh giới. Vì sao? Khế nhập cảnh giới sẽ không động tâm, nay chúng ta vẫn động tâm, vẫn khởi tâm động niệm. Vì thế, chúng ta cầu sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, cầu ở nơi đâu? Chỉ cầu cõi Phàm Thánh Đồng Cư, phải biết điều này! Vì sao? Quý vị đặt vững mục tiêu ở nơi đó, ổn thỏa, thích đáng, chắc chắn sẽ thành tựu, chẳng thất bại. Nếu quý vị nâng mục tiêu cao hơn, sẽ chẳng chắc ăn, vì quý vị thiếu trí tuệ, thiếu định lực, thiếu khả năng ấy. Do vậy, nhất định phải hiểu bản thân thật rõ ràng, rành rẽ!

Trong đoạn lớn kế tiếp, giảng rất nhiều về cõi Thật Báo, chúng ta lại xem kinh văn: *“Thật Báo Trang Nghiêm độ nãi Pháp thân đại sĩ chi sở du cư, Biệt giáo Sơ Địa, Viên giáo Sơ*

Trụ dĩ thượng chư đại sĩ thí đắc sinh tử” (Cõi Thật Báo Trang Nghiêm là chỗ ngao du, cư trú của hàng Pháp thân đại sĩ, các đại sĩ từ Sơ Địa trong Biệt giáo hay Sơ Trụ trong Viên giáo trở lên mới được sinh về cõi ấy).

Nếu chúng ta niệm tới Lý nhất tâm, quý vị hiểu Lý nhất tâm là minh tâm kiến tính, là Sơ Trụ Bồ tát trong Viên giáo, hoặc Sơ Địa Bồ tát trong Biệt Giáo, sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

“Phá nhất phần vô minh, chứng nhất phần Pháp thân, phương sinh tử độ” (Phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp thân, mới sinh vào cõi ấy). Nói *“một phần vô minh”* có nghĩa là gì? Chúng ta học *Hoàn Nguyên Quán*, sẽ hiểu khá rõ khái niệm này. Theo Bồ tát Di Lặc đã nói, nay chúng ta nói theo cách bây giờ là một giây, hiện thời nói đến thời gian luôn dùng một giây làm đơn vị, một giây phải chia thành bao nhiêu phần? Chúng tôi thường nói, một giây khảy ngón tay bốn lần, sẽ là một tỷ hai trăm tám mươi triệu, tức là một phần của một tỷ hai trăm tám mươi triệu phần của một giây là một phần vô minh.

Y báo và chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới xuất hiện trong một niệm vô minh ấy, mỗi niệm đều là một phần vô minh. Nếu đoạn sạch một phần vô minh ấy, mười pháp giới sẽ chẳng còn, quý vị sẽ chứng một phần Pháp thân, hết thấy các pháp là chính mình, còn thân thể thì sao? Thân thể này cũng là một phần trong đó, chẳng lọt ra ngoài.

Y báo và chính báo trang nghiêm trọn khắp pháp giới hư không giới được biến hiện trong một niệm vô minh. Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng, một phần vô minh ấy cũng là tâm tưởng.

Lúc ấy, liễu giải hết thấy các pháp và chính mình có mối quan hệ: *“Một chính là hết thấy, hết thấy chính là một”*, đó chính là luân lý được giảng trong Đại thừa Phật pháp. Trong tâm Bồ đề, chân thành là Lý thể, Pháp thân Lý thể, Chân là chẳng giả, vĩnh hằng không thay đổi; Thành: Chẳng phải là hư vọng. Luân lý ấy là: Trọn khắp pháp giới hư không giới chỉ là chính mình. Pháp thân: Pháp là hết thấy các pháp, hết thấy các pháp là thân của chính mình, đó cũng là hết thấy các pháp.

Quý vị chỉ chấp trước thân xác này là thân của chính mình thì trật rồi, hết thấy các pháp mới là thân của chính mình. Như thân thể của chúng ta là do vô số tế bào hợp thành, nếu quý vị chấp trước một tế bào trong đó là chính mình thì đã sai mất rồi. Mỗi tế bào đều là chính mình, làm sao quý vị có thể chấp trước một tế bào cho được?

Khi nào quý vị thật sự giác ngộ, khắp pháp giới hư không giới do nhất tâm của chính mình hiện, duy tâm sở hiện, toàn là chính mình. Cũng giống như chúng ta nằm mộng, sau khi tỉnh mộng, chính quý vị hãy suy nghĩ kỹ càng, tất cả hết thấy người, sự, vật trong mộng, có gì chẳng phải do tâm chính mình biến hiện?

Chúng ta dùng cảnh mộng làm tỷ dụ, vì cảnh mộng dễ hiểu, ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm, toàn bộ cảnh mộng do nhất tâm hiện ra. Sau đấy, quý vị lại mở rộng, vũ trụ như chúng ta nhận biết trong hiện thời cũng do nhất tâm của chính mình hiện ra, hết sức giống với cảnh mộng.

Đây là quan niệm luân lý trong Phật pháp được giảng đến mức rốt ráo viên mãn. Luân lý như các bậc tiên hiền đã nói, chỉ giảng về mối quan hệ giữa con người với nhau. Mục tiêu cuối cùng là: *“Phàm là người, đều phải yêu thương”*. Điều đó gọi là Đức. Phật pháp giảng luân lý rất viên mãn.

Trong *Luận Ngữ* đã thật sự cũng có nói đến: *“Phiếm ái chúng, nhi thân nhân”* (Yêu thương rộng khắp mọi người, thân cận kẻ nhân từ). *“Chúng”* là gì? Chúng sinh, do các duyên hòa hợp mà sinh ra các hiện tượng. Ta do các duyên, tức Tứ Đại và Ngũ Uẩn hòa hợp, hoa, cỏ, cây cối cũng do các duyên hòa hợp; núi, sông, đại địa vẫn là các duyên hòa hợp.

Nói tới Ngũ Uẩn là đã hoàn toàn khái quát các duyên. Trong Ngũ Uẩn, Sắc là vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tinh thần; tinh thần và vật chất vĩnh viễn chẳng thể tách rời. Cây cối, hoa, cỏ có Thọ, Tưởng, Hành, Thức hay không? Có!

Chúng tôi ở đây mười năm, trồng những loài rau và cây cối. Chúng tôi trò chuyện với chúng, những cây cối, hoa cỏ ấy hiểu được ý nghĩ của chúng ta. Chúng ta ưa thích, tôn trọng, yêu thương chúng, cây cỏ sẽ đặc biệt xanh tươi, hoa

đặc biệt thơm, trái đặc biệt ngọt, chúng hiểu được ý nghĩ của chúng ta.

Không chỉ thực vật có Thọ, Tướng, Hành, Thức, mà khoáng vật cũng có, có thứ nào chẳng do Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức thành tựu? Đức Phật đã giảng trọn hết.

Tiến sĩ Giang Bản Thắng làm thí nghiệm với nước, nước là khoáng vật, nó có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Vì sao? Trong tự tính vốn sẵn có kiến, văn, giác, tri, khi đã giác ngộ thì gọi là kiến, văn, giác, tri, vì trong kiến, văn, giác, tri không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Trong Thọ, Tướng, Hành, Thức có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, hễ mê liền biến thành tám thức, trong tám thức có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Theo quan niệm luân lý của Phật pháp, biết hết thấy các pháp và chính mình là một Thể. Quý vị dùng tâm gì để đối đãi? Thân thiết như cha và con!

Tình thân trong Phật pháp là đại từ đại bi, không có pháp nào chẳng có quan hệ với chính mình. Nếu quý vị nói có một pháp đối lập, mâu thuẫn với chính mình, quý vị đã lầm lẫn quá rồi! Chính quý vị đã mê hoặc, điên đảo tận gốc, làm sao có chuyện như vậy được?

Do vậy, trong lục đạo, người giác ngộ hòa quang đồng trần với chúng sinh trong lục đạo, nhưng người ấy hiểu rõ ràng, minh bạch, chẳng mê hoặc, điên đảo như chúng sinh. Chúng sinh trong lục đạo đều mê hoặc, điên đảo, mê mất

tự tính, người ấy là bậc giác ngộ. Những chúng sinh ấy đã làm rất nhiều chuyện xấu, trái nghịch tự tính, người ấy có ghim trong lòng hay không? Chẳng để ở trong lòng. Người ấy có trách móc họ hay không? Chẳng trách móc họ! Vì sao? Người ấy khẳng định hết thấy chúng sinh tính vốn lành, nơi hữu tình gọi là Phật Tính, tính vốn lành; nơi vô tình gọi là Pháp Tính, vẫn là tính vốn lành.

Trong tự tính, chẳng tìm được một chút mảy may thiếu khuyết nào, tìm không được, viên mãn mà! Nhỏ nhất là vi trần cũng đầy đủ trí tuệ và đức tướng, lớn như hư không pháp giới vẫn trọn đủ trí tuệ và đức tướng, thật đấy, chẳng giả! Người đã mê sẽ làm chuyện sai trái, quý vị phải dạy họ, giúp họ quay đầu, đó là đúng; chư Phật, Bồ tát làm theo cách ấy. Tuyệt đối chẳng hề có ý niệm muốn trừng phạt người đó.

Nếu thấy kẻ đó đã làm bao nhiêu chuyện xấu, phải trừng phạt kẻ đó, người có cái nhìn như thế sẽ chẳng phải Bồ tát. Chưa giác ngộ, vẫn là lục đạo phàm phu. Thật sự giác ngộ sẽ chẳng thể nào có ý niệm ấy. Ai thật sự giác ngộ? Từ A La Hán trở lên. Các Ngài đã đắc Chính Giác, đối với hữu tình chúng sinh trong mười pháp giới, chẳng cần biết họ làm chuyện sai quấy nào, cũng thấy họ giống như con cái của chính mình. Quý vị có thể trách móc chúng nó hay chẳng? Có thể vứt bỏ chúng nó hay không? Không! Sẽ cố gắng dạy dỗ chúng. Dùng tấm lòng yêu thương để dạy bảo, chẳng có kẻ nào không thể dạy dỗ thành tốt đẹp, không có một ai chẳng thể quay đầu, chỉ là họ mê sâu hay cạn khác nhau.

Mê sâu sẽ khó quay đầu một chút, phải tốn thời gian dài hơn một chút, nhưng chắc chắn sẽ quay đầu. Kẻ chẳng thể quay đầu trong đời này, sẽ quay đầu trong đời sau. Phật, Bồ tát độ chúng sinh đời đời kiếp kiếp chưa hề gián đoạn.

Đời này có thể quay đầu, có thể thành tựu, đều là do thiện căn, phúc đức, nhân duyên đã tích lũy đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, đến đời này chín muồi, nên đắc độ. Chưa chín muồi phải giúp cho kẻ ấy chín muồi, chưa gieo thiện căn sẽ giúp cho kẻ ấy gieo thiện căn. Tâm ấy bình đẳng, không có dày, mỏng, chẳng có cao, thấp, nên gọi là “phổ độ”.

Tiếp theo: *“Thử độ đại sĩ, sắc tâm tự tại, thân độ hỷ hiện, ư nhất hào đoan hiện bảo vương sát, ư vi trần lý chuyển đại pháp luân”* (Các bậc đại sĩ trong cõi ấy sắc và tâm tự tại, thân và cõi hiện lẫn nhau, trong một đầu lông hiện cõi bảo vương, trong một vi trần chuyển đại pháp luân).

Ngài đắc đại tự tại, những chuyện này hoàn toàn là thật, chẳng có câu nào là vọng ngữ hay khoa trương! Như Lai là *“đấng nói lời thật, nói sự thật, nói đúng như sự thật”*. *“Như ngữ”* là gì? Hoàn toàn là chân tướng sự thật. Các bậc đại sĩ trong cõi ấy (Thật Báo Trang Nghiêm), nói thật ra, rất nhiều vị đại Bồ tát đã thành Phật từ nhiều kiếp lâu xa, nay Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện thành Phật ở nơi đây. Ngài là giáo chủ.

Một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ, vô lượng chư Phật dùng thân phận Bồ tát đến giúp Phật Thích Ca Mâu Ni

tiếp dẫn, giáo hóa, thành tựu chúng sinh, đến làm trợ thủ. Phàm phu chúng ta thấy hình như có cao, thấp, trên thực tế là bình đẳng, hoàn toàn bình đẳng.

Vì giáo hóa chúng sinh, hằng thuận chúng sinh, do chúng sinh có bất bình đẳng, có cao, thấp, nên Bồ tát cũng thị hiện sự cao thấp cho quý vị thấy.

“*Thân độ hồ hiện*” (thân và cõi hiện lẫn nhau), nhờ vào Sắc và Tâm tự tại. Vì sao tự tại? Chẳng chướng ngại! Chẳng có gì chướng ngại ư? Không có Vô Minh, Trần Sa, Kiến Tư chướng ngại.

Kinh *Hoa Nghiêm* nói buông toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống sẽ chẳng có chướng ngại, đắc tự tại. Thân và cõi hiện lẫn nhau, câu này hay quá! Thân tự tại, cõi tự tại; thân thanh tịnh, cõi bèn thanh tịnh; thân bình đẳng, cõi bèn bình đẳng. Thân chẳng tự tại, chúng ta sống trên đại địa này cũng chẳng tự tại. Vì sao? Cảnh chuyển theo tâm, tướng do tâm sinh. Nếu chúng ta thấu triệt, hiểu rõ ý nghĩa này, nếu có thể vận dụng trong cuộc sống hằng ngày thì mới thật sự được thụ dụng!

Sáu câu tiếp đó nói rõ đức dụng tự tại của các Ngài: Trong một đầu lông, sách *Hoàn Nguyên Quán* đã nêu một ví dụ là một hạt vi trần, một vi trần là y báo nhỏ nhất. Một sợi lông thật sự là chính báo nhỏ nhất, trên thân thể chúng ta, một sợi lông là nhỏ nhất. “*Nhất hào đoan*” là chót đầu một sợi lông, quả thật đã chỉ điều này.

Trong đầu một sợi lông hiện *“bảo vương sát”*. Bảo vương sát là gì? Cõi nước của chư Phật là tam thiên đại thiên thế giới, ở nơi đâu? Trong đầu một sợi lông! Đầu lông chẳng phóng to, đại thiên thế giới chẳng rút nhỏ. Vì sao? Xứng tính. Tự tính không có lớn hay nhỏ, chẳng có trước hay sau, cũng có nghĩa là trong tự tính không có thời gian, chẳng có không gian, tự tại!

“U vi trần lý chuyển đại pháp luân” (Trong một vi trần chuyển đại pháp luân). *“Vi trần”* là một hạt vi trần, vi trần là nhỏ nhất, đây là nói về y báo. Hai câu trước nói về chính báo. Tuy nói về y báo và chính báo, nhưng có cùng một ý nghĩa. Hiện cõi bảo vương và chuyển đại pháp luân có cùng một ý nghĩa. Thị hiện cõi nước để làm chuyện gì? Dạy học làm đầu. Chuyển đại pháp luân là dạy học làm đầu; ở trong ấy, giúp kẻ mê mất tự tính quay đầu là bờ!

“Xứng tính trang nghiêm, vô chướng, vô ngại”, hoàn toàn khác thế gian này, chúng ta phải hiểu ý nghĩa sâu xa, uyên áo, kín nhiệm ở đây, nghĩa gì vậy?

Chúng ta và chư Phật, Bồ tát, Pháp thân đại sĩ chẳng hai, chẳng khác. Vì sao nay các Ngài có thể, mà chúng ta chẳng thể? Các Ngài không có chướng ngại, chúng ta có chướng ngại. Chúng ta bị chướng ngại bởi điều gì? Bởi các hành pháp bất tương ứng. Các hành pháp ấy là những khái niệm trừu tượng sai lầm tạo thành chướng ngại.

“Viên giáo Sơ Trụ dĩ thượng trực chí Đăng Giác Bồ tát, tứ thập nhất vị Pháp thân đại sĩ giai thuộc thử độ, vị vị giai phần chứng Thường Tịch Quang độ” (Từ bậc Sơ Trụ trong Viên giáo trở lên cho đến Đăng Giác Bồ tát, bốn mươi một địa vị Pháp thân đại sĩ đều thuộc về cõi này, địa vị nào cũng đều phần chứng cõi Thường Tịch Quang).



TÌNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 30



Chur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải* trang ba mươi hai. Chúng ta xem từ dòng thứ nhất.

“Thử độ đại sĩ, sắc tâm tự tại, thân độ hỷ hiện, ư nhất hào đoan hiện bảo vương sát, ư vi trần lý chuyển đại pháp luân. Xứng tính trang nghiêm, vô chướng vô ngại” (Các bậc đại sĩ trong cõi ấy sắc và tâm tự tại, thân và cõi hiện lẫn nhau, trong một đầu lông hiện cõi bảo vương, trong một vi trần chuyển đại pháp luân. Xứng tính trang nghiêm, chẳng chướng ngại).

Lần trước, chúng ta đã học tập tới đây, chúng ta xem tiếp đoạn văn kể đó: *“Viên giáo Sơ Trụ dĩ thượng, trực chí Đẳng Giác Bồ tát, tứ thập nhất vị Pháp thân đại sĩ giai thuộc thử độ, vị vị giai phần chứng Thường Tịch Quang độ”* (Từ bậc Sơ Trụ trong Viên giáo trở lên cho đến Đẳng Giác Bồ tát, bốn mươi một địa vị Pháp thân đại sĩ đều thuộc về cõi này, địa vị nào cũng đều phần chứng cõi Thường Tịch Quang).

Đây là câu cuối cùng trong đoạn này nói về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm là báo độ do Pháp thân Bồ tát chiêu cảm. Sơ Trụ Bồ tát trong Viên giáo phá vô minh, chứng Pháp thân. Vô thỉ vô minh là khởi tâm động niệm, rất khó hiểu, cũng có thể nói là lục đạo phàm phu bất luận dùng phương pháp gì cũng đều chẳng thể hiểu, nghĩ không ra chuyện này, cũng không thể nói được, đúng như trong giáo pháp Đại thừa thường nói: *“Ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xứ diệt”*. Hai câu ấy diễn tả cảnh giới này.

Đức Phật đã nói rất hay: *“Thử sự duy chứng nãi tri”* (Chuyện này chỉ có chứng thì mới biết). Chính quý vị chứng đắc sẽ hiểu rõ ràng, rành rẽ. Sau khi quý vị chứng đắc, cũng không thể diễn tả được! Không diễn tả được, đức Phật bèn có phương tiện, đó là trí tuệ viên mãn, phương tiện thiện xảo của Phật.

Tuy đức Phật đã nói, nhưng phàm phu chúng ta vẫn chẳng hiểu. Ai hiểu? Pháp thân Bồ tát hiểu. Tiếp đó, hàng Quyền Giáo Bồ tát đã buông phân biệt, chấp trước xuống cũng có thể hiểu. Kinh nói họ giải ngộ, chưa chứng ngộ, tức là chỉ nghe hiểu chưa chứng nhập cảnh giới ấy. Tâm họ thanh tịnh hơn tâm chúng ta.

Kinh *Vô Lượng Thọ* nói họ đắc tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, cho nên họ hiểu. Ất phải phá vô minh, chứng Pháp thân, họ mới thật sự hiểu. Vì sao? Đó là cảnh giới của họ, từ Sơ Trụ trở lên cho đến bậc Đẳng Giác.

Bốn mươi một địa vị Pháp thân đại sĩ ấy đều thuộc về cõi Pháp Tính. Cõi ấy là báo độ của họ. Pháp thân đại sĩ chứng đắc Pháp Tính thân, hoàn cảnh cư trú là “cõi Pháp Tính”, rất khác với chúng ta nơi đây. Trong cõi này, chúng ta nói tới tịnh và nhiễm, tức là uế độ. Lục đạo là uế độ, tứ thánh pháp giới là Tịnh Độ.

Trong cõi Pháp Tính không có tịnh hay uế, càng không có thiện hay ác; ngay cả những danh tự ấy cũng đều chẳng nghe thấy, lẽ đâu có các hiện tượng đó. *“Vị vị giai phần*

chứng Thường Tịch Quang” (Địa vị nào cũng đều phần chứng Thường Tịch Quang). Thật ra, nói Tịch Quang là chỉ hết thấy Lý Thể của hết thấy y báo và chính báo. Nói theo danh từ Triết học, Tịch Quang là bản thể của hết thấy y báo và chính báo.

Trong những phần trước, chúng tôi đã nhiều lần dùng TV làm tỷ dụ. Tịch Quang là gì? Tịch (寂) là màn hình TV. Các cõi Đồng Cư, Phương Tiện, Thập Báo là những hình ảnh hiện trên màn hình, chúng có mối quan hệ như vậy. Do vậy, chúng ta biết chính mình có ở trong cõi Thường Tịch Quang hay không? Có! Chưa từng rời khỏi Thường Tịch Quang! Rời khỏi Thường Tịch Quang là rời khỏi màn hình, rời khỏi màn hình thì thứ gì cũng đều không có.

Ở chỗ này, vì sao nói địa vị nào cũng đều phần chứng Thường Tịch Quang? Các Ngài đã chứng đắc, *“phần chứng”* ở đây là minh tâm kiến tính. Tính là gì? Thường Tịch Quang là tính, các Ngài đã kiến tính.

Tuy tự tính của chúng ta ở trước mặt, nhưng không thấy được! Giống như chúng ta xem TV, chỉ nhìn thấy hình ảnh, chẳng thấy màn hình. Màn hình có tồn tại hay không? Ở ngay nơi đó, nhưng chẳng nhìn thấy màn hình, chỉ nhìn thấy hình ảnh trong màn hình. Pháp thân đại sĩ khác hẳn, trông thấy hình ảnh đồng thời biết chúng là tướng được hiện trong màn hình, so với màn hình là một, không hai, có quan hệ *“bất tức, bất ly”* (chẳng phải chính là một, mà cũng chẳng phải tách

là) với màn hình. Nó chẳng rời khỏi màn hình, nhưng cũng chẳng phải là màn hình, bất tức, bất ly!

Thường Tịch Quang: Thường (常) là vĩnh hằng, chẳng gián đoạn giữa chừng. Nói là “cõi Thường Tịch Quang” cũng được, mà nói “thân Thường Tịch Quang” cũng được. Thân và cõi là một. Vì thế, kinh *Đại thừa* có lúc tỉnh lược thân và cõi, chỉ gọi là Thường Tịch Quang, nhằm dạy chúng ta chớ nên phân biệt, chấp trước, mang ý nghĩa như thế.

Tiếp đó, giảng về cõi thứ tư “*Thường Tịch Quang độ. Pháp thân Phật sở cư chi độ, danh vi Thường Tịch Quang độ*”. (Cõi Thường Tịch Quang: Cõi nước do Pháp thân trụ được gọi là cõi Thường Tịch Quang). Những vị này chẳng phải là Đại Sĩ, mà là Pháp thân Phật. Pháp thân Phật là địa vị Diệu Giác, cao hơn Đẳng Giác là Diệu Giác.

Đẳng Giác, gần bằng Diệu Giác, nhưng vẫn chưa phải là Diệu Giác. Vì sao? Còn có một phẩm tập khí sinh tướng vô minh cuối cùng chưa phá. Do vậy, trong cõi Thật Báo có tướng, nhưng cõi Thường Tịch Quang không có tướng. Thường Tịch Quang hiện tướng thành cõi Thật Báo.

Vì sao nó có thể hiện tướng? Tập khí vô minh chưa đoạn, tướng được hiện ấy là do tập khí vô minh biến hiện. Chư vị hãy nhớ, cõi ấy chẳng do A Lại Da biến hiện, mà do tập khí vô minh biến hiện. Không có tập khí thì cõi Thật Báo cũng chẳng có; nhưng cõi Thật Báo dường như cũng vĩnh viễn tồn tại. Trong kinh *Đại thừa* có một câu nêu rõ nguyên nhân,

kinh nói như thế nào? “*Pháp thân Phật lưu Hoặc nhuận sinh*” (Pháp thân Phật giữ lại Hoặc để lợi ích chúng sinh). “Hoặc” là gì vậy? Tập khí vô minh từ vô thủy chính là một phẩm sinh tướng vô minh cuối cùng, Ngài có năng lực đoạn một phẩm ấy, nhưng không đoạn.

Vì sao? Sau khi đoạn, sẽ không thể phục vụ chúng sinh, sẽ chẳng còn độ chúng sinh. Đây là lòng từ bi vô tận từ tự tính thị hiện, mà cũng là vô lượng trí tuệ thị hiện, đó là hai thứ quý báu nhất trong tự tính: Trí tuệ Bát nhã và đại từ đại bi. Hai thứ ấy do Tính Đức viên mãn mở rộng ra, hiển hiện, chẳng do tu thành.

Chúng ta chẳng cần nói tới Pháp thân Phật, chỉ nói tới Pháp thân Bồ tát, trong cõi Thật Báo, trí tuệ của các Ngài đã trọn khắp pháp giới hư không giới, lòng từ bi của các Ngài cũng trọn khắp pháp giới hư không giới.

Giống như trong phần trước, đức Phật đã nêu thí dụ, “*nhất hào đoan*” (đầu một sợi lông), “*vi trần lý*” (trong một hạt vi trần), viên mãn trọn đủ trí tuệ Bát nhã và từ bi của tự tính.

Chúng ta có trí tuệ và lòng từ bi ấy hay không? Đương nhiên là có. Trong đầu mỗi sợi lông của chúng ta cũng đều có, trong mỗi một hạt vi trần của y báo cũng đều có. Hạt vi trần như trong nhà Phật nói được khoa học hiện tại gọi là “hạt cơ bản” hoặc “khoa-khắc” (quartz: hạt vi lượng), tràn ngập trí tuệ, đầy ắp từ bi.

Chúng ta biết: Tự tính không có lớn hay nhỏ, không có trước hay sau. Không có lớn hay nhỏ là không có không gian. Không có trước hay sau là không có thời gian. Siêu việt thời gian và không gian, nhưng không nơi nào chẳng tồn tại, không khi nào chẳng tồn tại, không chỗ nào chẳng hiện diện.

Vì thế, chư Phật Như Lai, kể cả Pháp thân Bồ tát chẳng có gì không yêu thương. Vì sao? Các Ngài đã giác ngộ, hiểu rõ hết thủy y báo và chính báo trang nghiêm trọn khắp pháp giới và hư không giới có cùng một Thể với chính mình. Một tự tính, sở sinh, sở hiện; một A Lại Da, năng biến, sở biến, trừ những thứ này ra, chẳng còn pháp nào khác.

Vì vậy, tông Duy Thức trong Đại thừa chẳng thừa nhận trong vũ trụ có thể lập ra một pháp nào, chỉ có Thức tồn tại, chỉ có A Lại Da. Trừ A Lại Da ra, điều gì cũng đều không có, từ ba ngàn năm trước đức Phật đã nói điều ấy.

Các khoa học gia hiện thời cũng nói giống như vậy; họ đã chứng thực lời Phật. Các khoa học gia nói: Trong vũ trụ này, thứ gì cũng đều chẳng có, chỉ có ba thứ là năng lượng, thông tin, và vật chất. Trừ những thứ ấy ra, thứ gì cũng đều chẳng có!

Cách nhìn ấy nếu xét theo Duy Thức thì năng lượng là nghiệp tướng của A Lại Da; thông tin là chuyển tướng; vật chất là cảnh giới tướng.

Ba thứ ấy do đâu mà có? Sinh từ nhất niệm, là dao động vô cùng vi tế. Hễ nó vừa động, cả ba hiện tượng ấy bèn hiện

ra. Toàn thể vũ trụ do ba hiện tượng này biến hóa, nó là hiện tượng dao động.

Vì sao có muôn hình muôn vẻ khác nhau nhiều như thế? Tần số dao động khác nhau, nhưng thật ra, tốc độ dao động giống nhau. Tướng tượng tự tương tục khác nhau rất lớn. Đây là từ Tam Tể lại giảng cho quý vị nghe tướng Lục Thô. Tướng Lục Thô là nói về phân biệt, chấp trước; A Lại Da là nói đến khởi tâm động niệm. Đây là triết học cao cấp trong Phật pháp, là khoa học cao cấp. Do vậy, cỡi mà Pháp thân Phật ngự, trở về tự tính viên mãn là Thường Tịch Quang.

“Yếu Giải vân: Thật Tướng chi thể, phi Tịch, phi Chiếu” (Sách *Yếu Giải* giảng: “Thể của Thật Tướng chẳng Tịch, chẳng Chiếu”). Tịch là thanh tịnh tịch diệt, trong kinh *Đại thừa* gọi Tịch là Bát Niết Bàn. Bát Niết Bàn (Parinirvana) là tiếng Ấn Độ, có nghĩa là “thanh tịnh tịch diệt”.

Huệ Năng Đại sư kiến tính, nói: *“Nào ngờ tự tính vốn tự thanh tịnh”*. Vì sao thanh tịnh? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều chẳng có, nên gọi là Diệt, tức là diệt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thể của nó là thanh tịnh; đây là bản thể.

Cổ đức cũng nói: *“Bản tính bản thiện”* (bản tính vốn lành) nhằm ý nghĩa này! Tự tính có rời khỏi chúng ta hay không? Không có! Chẳng thể nào rời khỏi. Nay chúng ta có tự tính hay không? Đương nhiên là có, giống như chúng ta xem TV.

TV có thể tách rời màn hình hay chẳng? Quý vị chẳng thể rời khỏi, hễ rời khỏi màn hình sẽ chẳng có tướng.

Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm; tâm là màn hình, tướng thuộc các băng tần được biến hiện trên màn hình là pháp, tức vạn pháp.

Thế, Tướng, Dụng chắc chắn chẳng thể phân khai độc lập, không thể nào! Thế, Tướng, Dụng vĩnh viễn dung hợp thành một Thế. Thế ấy là tự tính thanh tịnh viên minh thế.

Chúng tôi dùng màn hình làm tỷ dụ cho quý vị dễ hiểu. Ví như nay chúng ta xem TV, nhưng quên tuốt màn hình TV. Nói sao quý vị cũng chẳng thông, chẳng có cách nào hiểu. Vì sao? Quý vị vẫn một mực chưa thấy màn hình, giống như TV vĩnh viễn mở, quý vị sẽ chẳng biết TV có màn hình, chỉ nhìn thấy nó có tướng cảnh giới.

Tướng cảnh giới ấy thiên biến vạn hóa, nó là pháp sinh diệt, màn hình là bất sinh bất diệt. Phàm phu chẳng biết trong sinh diệt có bất sinh bất diệt. Chẳng sinh diệt mới là chính mình. Đó là tự tính, là chân tâm. Ai biết? Vọng tướng, phân biệt, chấp trước thấy đều buông xuống, quý vị sẽ có thể thấy được, chứng đắc, đó gọi là “minh tâm kiến tính”.

Tính được gọi là Thường Tịch Quang, Thường là vĩnh hằng không thay đổi. Chúng ta dùng những câu nói của Huệ Năng Đại sư để diễn tả thì Thường là câu nói thứ hai của Ngài [khi đã giác ngộ]: *“Nào ngờ tự tính vốn chẳng sinh diệt”*, đấy là Thường. Tịch là gì? Câu đầu tiên là Tịch, *“nào ngờ tự*

tính vốn tự thanh tịnh”, đây là Tịch. Câu thứ tư là Tịch, “*nào ngờ tự tính vốn chẳng dao động*”. Quý vị thấy hai câu ấy là Tịch. Còn có hai câu là Quang, câu thứ ba: “*Vốn tự tròn đủ*”, trong tự tính vốn tự tròn đủ, tròn đủ gì vậy?

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật đã nói tự tính vốn tròn đủ trí tuệ và đức tướng. Chúng tôi thay trí tuệ và đức tướng bằng một câu vắn do đức Phật giảng, đó là kiến, văn, giác, tri, tự tính vốn tự tròn đủ kiến, văn, giác, tri.

Câu cuối cùng của Lục Tổ chính là nói nó (tự tính) tỏa ánh sáng, tức là khởi tác dụng: “*Có thể sinh vạn pháp*”. Có thể sinh vạn pháp thì vạn pháp do đâu sinh ra? Sinh từ câu thứ ba “*vốn tự tròn đủ*”! Không có duyên, nó sẽ chẳng sinh, nó thanh tịnh. Hễ có duyên, nó bèn sinh. “*Có duyên*” là nhất niệm bất giác. Nhất niệm bất giác là động rồi; hễ động, thứ đầu tiên xuất hiện là A Lại Da. A Lại Da vừa xuất hiện, tất cả vạn pháp sẽ xuất hiện.

Sách *Hoàn Nguyên Quán* viết: “*Hiển nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến*”. Ba đoạn lớn này giảng về duyên khởi vũ trụ, mà cũng là duyên khởi của A Lại Da, duyên khởi của Tính Đức, nói cách nào cũng được, nói như thế nào cũng đều thông suốt. Đây là chân tướng sự thật, “*Thật Tướng của các pháp*” như trong Bát nhã thường nói chính là nói về điều này. Bởi lẽ, Thể của Thật Tướng chẳng Tịch, chẳng Chiếu. Tịch là thanh tịnh tịch diệt, Chiếu là quang minh chiếu khắp. Nó có Tịch hay không? Có Chiếu hay không?

Có! Nhưng xét trên Thể, Tịch và Chiếu đều ẩn, chẳng khởi tác dụng, nhưng vốn tự trọn đủ!

Thứ gì cũng đều không có, nhưng quý vị chẳng thể nói là không có. Nó có, khi khởi tác dụng nó có thể sinh muôn pháp, nhưng quý vị chẳng thể nói nó là có, chẳng Tịch, chẳng Chiếu.

“Nhi phục Tịch, nhi hằng Chiếu, Chiếu nhi hằng Tịch” (nhưng lại là Tịch mà luôn Chiếu, tuy Chiếu nhưng luôn Tịch). Khi nó khởi tác dụng, xét theo Tướng, chúng ta nói là hình ảnh trên màn hình, Tịch nhưng hằng Chiếu, ẩn và hiện như nhau.

Tịch là ẩn, Chiếu là hiện; tuy hiện, nhưng hiện mà thường Tịch. Tôi dùng hai chữ này để giảng cho mọi người dễ hiểu. Chúng ta có biết chân tướng sự thật này hay không? Đối với chân tướng sự thật này, ắt phải thật sự tham thấu triệt lời Bồ tát Di Lặc đã giảng: *“Trong một cái khảy ngón tay có niệm”* thì quý vị sẽ hiểu rõ hai câu này.

Tịch mà hằng Chiếu, Chiếu mà hằng Tịch, thay đổi một chữ, nhưng ý nghĩa vẫn như vậy, thay bằng một chữ rõ nghĩa hơn để mọi người dễ hiểu hơn một chút: Tịch mà thường Chiếu, Chiếu mà thường Tịch. Hằng và Thường có cùng một ý nghĩa, dùng chữ Thường sẽ rõ nghĩa hơn một chút.

“Tịch mà thường chiếu, tuy Chiếu nhưng thường Tịch”. Trong tất cả các hiện tượng, bất luận nhiễm hay tịnh, thiện hay ác, bất luận trong cảnh giới nào, quý vị vẫn chớ nên khởi

tâm động niệm; khởi tâm động niệm là trật rồi! Khởi tâm động niệm đều chẳng thể được đương nhiên càng chớ nên có phân biệt, chấp trước. Có phân biệt là sai lầm to lớn; có chấp trước thì càng sai lầm lớn hơn nữa. Đó là gì? Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng!

Quý vị có phân biệt, sẽ biến cội Thật Báo thành cội Phương Tiện, cội Phương Tiện là tứ thánh pháp giới. Quý vị có chấp trước, sẽ biến cội Phương Tiện thành cội Đồng Cư, lại biến thành lục đạo luân hồi. Chẳng phải do ai khác làm, chẳng may may liên quan đến người khác. Chư vị phải biết: Chẳng dính dáng gì đến Phật, Bồ tát, mà cũng chẳng dính líu Thượng Đế, mà cũng chẳng dính dáng đến vua Diêm La, chẳng liên can đến hết thấy các ngoại duyên. Ai làm? Do ý niệm của chính mình quấy phá, đó là chân tướng sự thật, quý vị phải hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch.

Hết thấy chúng sinh ai nấy đều có phần nơi ba học vị tu học trong Phật pháp. Chỉ cần quý vị chẳng chấp trước hết thấy các pháp, chúc mừng quý vị đã đạt được học vị thứ nhất là A La Hán. Đạt được học vị này, lục đạo chẳng còn nữa. Vì sao? Lục đạo do chấp trước biến hiện, không có chấp trước sẽ chẳng có lục đạo.

Không có phân biệt sẽ chẳng có tứ thánh pháp giới, sẽ chẳng có cội Phương Tiện Hữu Dư, địa vị nâng cao lên thành Bồ tát, Chính Đẳng Chính Giác. Tiến thêm bước nữa, không chỉ chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, ngay cả khởi tâm

động niệm cũng buông xuống. Được vậy, chúc mừng quý vị, quý vị lại tiến thêm bước nữa, đạt đến tột đỉnh, thành Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, đạt được học vị tối cao là Phật Đà.

Phật Đà giống như học vị Tiến sĩ trong nhà trường hiện thời; Bồ tát là học vị Thạc sĩ; A La Hán là học vị Học sĩ (Cử nhân), quý vị đã thành tựu. Cả ba học vị ấy đều chưa đạt được, dẫu học Phật, dụng công cách nào đi nữa, quý vị chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, biến toàn bộ những gì đã tu học thành phúc báo thế gian, tương lai sẽ đi về đâu? Đến Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên để hưởng phúc.

Quý vị phải hiểu: Hưởng hết phúc, nhưng còn có tội báo, chớ nên không biết điều này! Quý vị tạo những ác nghiệp, hưởng hết phúc, tai họa sẽ xảy đến, nợ mạng phải đền mạng, thiếu nợ phải trả tiền. Chúng ta thật sự hiểu rõ ràng chân tướng sự thật này, chẳng còn nợ mạng chúng sinh nữa, quyết định chẳng sát sinh, chẳng gây thương tích, tổn hại chúng sinh, không còn chiếm tiện nghi của người khác, chẳng thiếu nợ. Nghèo hèn, khổn quẫn đến chết, vẫn cam tâm bằng lòng chịu chết, vẫn không tham một chút tiện nghi, cũng chẳng đoạt lấy sinh mạng của chúng sinh để duy trì mạng sống của chính mình, nếu đoạt lấy là sai rồi! Do lẽ nào? Thân chẳng phải là ta, thân có sinh diệt, linh tính bất sinh bất diệt, ta phải chiếu cố linh tính, chớ nên chiếu cố cái thân này, người hiểu rõ sẽ làm như vậy!

Quyết định chẳng ích kỷ, tự lợi. Trong một đời người, đáng quý nhất là hiểu rõ, người đã hiểu rõ được gọi là “thánh nhân”. Người Trung Quốc gọi người đã hiểu rõ là “thánh nhân”, người Ấn Độ gọi là Phật.

Quý vị hãy nhìn vào ý nghĩa của chữ Phật, đó là chữ phiên âm, mang ý nghĩa là *“giác giả”*, tức bậc giác ngộ. Thánh có nghĩa là gì? Người hiểu rõ, chẳng hồ đồ, đã hiểu rõ rồi! Phật chẳng mê hoặc, đã giác ngộ. A La Hán, Bồ tát đều đã giác ngộ, nhưng chưa viên mãn, chờ đạt đến giác ngộ viên mãn rồi sẽ gọi là Phật.

Chúng ta nhất định phải lý giải chính xác ý nghĩa của những danh từ này thì học Phật mới học được này nọ, thụ dụng chân thật.

“Chiếu nhi Tịch, cường danh Thường Tịch Quang độ. Tịch nhi Chiếu, cường danh thanh tịnh Pháp thân” (Chiếu mà Tịch, cường gọi là cõi Thường Tịch Quang. Tịch mà Chiếu, cường gọi là Pháp thân thanh tịnh).

Tịch là Thể, Chiếu là tác dụng. Từ Dụng trở về Thể thì gọi là “cõi Thường Tịch Quang”. Từ Thể khởi Dụng bèn gọi là “thanh tịnh Pháp thân”.

“Thân độ bất nhị, giai thuộc cường danh” (Thân và cõi nước là một, gọi là thân hay cõi nước đều là gọi gượng ép), nó vốn không có tên, bất đắc dĩ miễn cường đặt cho nó một danh xưng. Vì sao? Nhằm dạy học thuận tiện, chẳng phải là thật sự. Vì thế, Lão Tử nói rất hay: *“Danh khả danh, phi*

thường danh; đạo khả đạo, phi thường đạo”, phải hiểu đó là những danh từ thuật ngữ. Danh từ thuật ngữ chẳng phải là những thứ có thật, do dạy học thuận tiện mà giả lập.

Ngàn vạn phần đừng xem những thứ giả bày là chân thật để rồi lại mê man nơi đó, mê nơi danh tướng. Vì thế, trong *Khởi Tín Luận*, Bồ tát Mã Minh đã dạy chúng ta một tâm thái học tập, nhất định phải biết lìa tướng ngôn thuyết, văn tự là phù hiệu dùng để ghi chép ngôn thuyết.

Ly ngôn thuyết tướng, đừng nên phân biệt, chấp trước ngôn thuyết. Quý vị thấy những kinh điển của thánh nhân là những lời dạy từ chính miệng Phật Thích Ca Mâu Ni được ghi chép lại. Vì thế, văn tự là phù hiệu của ngôn thuyết. Đừng nên phân biệt, chấp trước ngôn thuyết, mà cũng chớ nên phân biệt, chấp trước văn tự. Vì thế, phải lìa tướng văn tự. Tiến hơn bước nữa, không chỉ phải lìa ngôn ngữ văn tự, mà còn phải biết lìa tướng danh từ thuật ngữ.

Những chữ Chiếu và Tịch được nói đến ở đây đều là danh từ thuật ngữ. Thân, cõi, Pháp thân đại sĩ, Pháp thân Phật đều là danh từ, đều nhằm thuận tiện biểu đạt pháp mà giả lập, chẳng có thật nghĩa trong ấy! Những gì khiến cho chúng ta nghe, đọc, hiểu được ý nghĩa là được rồi, chớ nên chấp trước. Điều cuối cùng Bồ tát Mã Minh dạy là “chớ nên chấp trước tướng tâm duyên”. Tâm duyên là gì? “Nhìn vào văn tự, suy đoán ý nghĩa”. Ta đọc đến điều này, ta cảm thấy nó có ý nghĩa chi đó, sai rồi! Chẳng có ý nghĩa gì! Phải

vĩnh viễn ghi nhớ: Bậc đại triệt đại ngộ chính mình chẳng có ý nghĩ gì!

Khi quý vị đọc, chính mình nghĩ có ý nghĩa gì thì đó là ý nghĩa của quý vị, chẳng liên quan gì đến Phật, Bồ tát. Quý vị đã hiểu lầm ý nghĩa mất rồi!

Khi nào quý vị nghe kinh, đọc kinh, đọc thấy trong ấy chẳng có ý nghĩa gì, quý vị sẽ hoảng nhiên đại ngộ, nó quả thật chẳng có ý nghĩa gì! Đó là chuyện gì vậy? Kinh *Bát nhã* thường nói: “*Bát nhã vô tri*”, quý vị tiếp cận Tính Thể. Giống như chúng ta xem TV, quý vị dần dần hiểu rõ màn hình: Trong màn hình chẳng có gì cả, nó là bản thể của hết thấy các pháp. Hết thấy các pháp nương vào nó để biến hiện, hình ảnh trong hơn một trăm băng tần thấy đều là nương vào màn hình này để hiện ra.

Nay quý vị hồi phục tự tính, thứ gì cũng đều không có, *Bát nhã vô tri*; nó khởi tác dụng thì sao? Không gì chẳng biết. Vì thế, khi quý vị đạt đến vô tri, mới thật sự khởi tác dụng to lớn, không gì chẳng biết. Có cần phải học hay không? Chẳng cần học.

Quý vị học thì cái tri kiến do học hành mà có ấy sẽ là sai lầm, đó là tri thức. Trí tuệ chân chính, trong tâm địa sạch lâu, như Huệ Năng Đại sư đã nói: “*Vốn tự thanh tịnh, vốn bất sinh diệt, vốn tự trọn đủ, vốn chẳng dao động*”; khi khởi tác dụng “*có thể sinh vạn pháp*”, đó là trí tuệ. Trí tuệ là vô tri,

không gì chẳng biết; tri thức là có biết, nên sẽ có điều chẳng biết, hoàn toàn tương phản.

Nếu chúng ta xem kinh Phật như tri thức để nghiên cứu, quý vị đã đi sai đường mất rồi! Học Phật là cầu trí tuệ, chẳng phải là cầu tri thức! Tri thức có thể giải quyết một phần nhỏ của vấn đề, sau đấy còn để lại cả đồng hậu quả. Trí tuệ có thể giải quyết hết thảy vấn đề, chẳng để lại hậu quả!

Trí tuệ nhất định phải đạt tới minh tâm kiến tính. Muốn đạt tới minh tâm kiến tính, quý vị phải buông tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, tướng tâm duyên xuống. Chưa làm được thì cứ tiến hành dần dần. Chưa đạt được, quý vị cứ học mỗi ngày như vậy, học lâu ngày sẽ đạt được.

Trong tám mươi bốn ngàn pháp môn của Phật pháp, đọc tụng là một pháp môn. Mỗi ngày ta niệm kinh. Niệm kinh là gì? Niệm kinh là tu Giới, Định, Tuệ. Nương theo phương pháp ấy của Bồ tát Mã Minh chính là tu Giới, Định, Tuệ. Ta đọc bộ kinh này mất một giờ là mỗi ngày ta tu Giới, Định, Tuệ một giờ, hoàn thành Giới, Định, Tuệ một lần.

Nương theo quy củ này để niệm, đó là trì giới. Y theo quy củ này là lìa tướng văn tự, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, thật thà dùng cái tâm thanh tịnh để niệm kinh từ đầu đến cuối một lần, đấy là trì giới.

Khi niệm quý vị cũng chẳng chấp trước, buông tướng văn tự xuống, danh từ thuật ngữ cũng buông xuống, cũng chẳng bận tâm nghĩ tới ý nghĩa trong kinh, đấy là Định.

Quý vị thấy đó, quý vị đang tu Giới và tu Định. Niệm tới khi đủ biến số (số lần cần phải niệm). Khi nào thì đủ? Đủ là gì? Duyên phận của mỗi cá nhân khác nhau, tiêu chuẩn của mỗi cá nhân khác nhau. Thật sự ra, tiêu chuẩn chính là tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí tuệ, đó là tiểu ngộ, chẳng phải là đại ngộ, mà là tiểu ngộ, nhưng so với phàm nhân bất giác vẫn cao minh hơn.

Từ tiểu ngộ, vẫn dùng phương pháp này, lại trải qua bao nhiêu năm đó, sẽ đại ngộ. Vì sao? Tâm bình đẳng hiện tiền. Lại qua bao nhiêu lâu sau nữa, sẽ đại triệt đại ngộ, quý vị sẽ trở thành Pháp thân Bồ tát, thành Phật. Đó là gì? Giác rồi! Giác ấy là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Giác ấy là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Vì sao? Nó là ba địa vị: Tâm thanh tịnh đắc Chính Giác, tâm bình đẳng đắc Chính Đẳng Chính Giác, do vậy, địa vị cuối cùng là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Từ chỗ này, chư vị có thể thấu hiểu, có thể khẳng định, có thể tin sâu chẳng nghi ngờ: Do một bộ kinh này, phàm phu có thể thành tựu Phật quả viên mãn, quý vị nói pháp môn này có thù thắng lắm hay không?

Như vậy thì quý vị có biết niệm kinh này hay không? Biết niệm thì chúng ta từ địa vị phàm phu sẽ niệm tới Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, quý vị có hiểu hay không! Nếu vừa niệm vừa khởi vọng tưởng, xong luôn! Một mặt vẫn nghĩ ta thuộc cảnh giới gì? Ta nên nâng cao như thế nào? Xong rồi!

Mã Minh Bồ tát dạy chúng ta nguyên tắc ấy (là tướng văn tự, là tướng ngôn thuyết, là tướng tâm duyên) là chân lý, vĩnh hằng không thay đổi. Tám mươi bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều phải tuân thủ nguyên tắc này. Quý vị không tuân thủ nguyên tắc này, sẽ phạm lỗi, lỗi lầm do chính quý vị, không thể trách móc người khác.

“Cố tri thân độ bất nhị, giai thuộc cương danh. Tịch Chiếu đồng thời, phi tư lượng cảnh” (Vì thế, biết thân và cõi chẳng hai, đều thuộc cương danh. Tịch và Chiếu đồng thời, chẳng phải là cảnh giới suy lường).

Đừng nên suy nghĩ loạn xạ, hễ suy nghĩ loạn xạ là sai rồi. Có thời gian để suy nghĩ loạn xạ, sao không niệm A Di Đà Phật? Suy nghĩ loạn xạ cũng chẳng dễ gì trừ được; vì thế, Tịnh Tông có diệu pháp, dùng một câu danh hiệu Phật A Di Đà để thay thế suy nghĩ loạn xạ, tốt đẹp hơn!

Suy nghĩ loạn xạ, nếu chẳng đọa vô minh, sẽ đọa trạo cử (lao chao, tức suy nghĩ loạn xạ), luôn tạo nghiệp luân hồi, lục đạo luân hồi. Trong lục đạo chẳng tìm được một câu Phật A Di Đà này. Bất cứ đạo (cõi) nào trong lục đạo cũng chẳng tìm được A Di Đà Phật. Phật A Di Đà ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, chỉ cần tương ứng với nơi ấy, sẽ chẳng tương ứng với lục đạo và mười pháp giới, quý vị nhớ kỹ câu này là được rồi.

“Trạo cử” là suy nghĩ loạn xạ, “hôn trầm” là muốn ngủ gà ngủ gật, tinh thần không dấy lên nổi; hôn trầm là vô minh. Hai thứ phiền não ấy hiện tiền, quý vị hãy khéo niệm Phật,

thật thà niệm Phật. Dùng phương pháp Niệm Phật để thay thế phiền não.

Tiếp đoạn dưới: *“Hựu Thường Tịch Quang tam tự”* (Lại nữa, ba chữ Thường Tịch Quang). Câu này vẫn do Ngẫu Ích Đại sư viết trong *Yếu Giải*. *“Toàn hiển Niết Bàn tam đức Như Lai bí tạng”* (Hiện hiện toàn vẹn ba đức Niết Bàn bí tạng của Như Lai). Trong kinh *Bát Niết Bàn* nói đến tam đức. Tam đức ấy là bí tạng của Như Lai. Ba đức nào vậy? *“Thường tức Pháp thân đức, Pháp thân thường trụ cố”* (Thường là đức của Pháp thân, vì Pháp thân thường trụ). Vì thế, một người giác ngộ, sẽ không xem thân này là cái thân của chính mình, gì mới là thân của chính mình?

Hết thấy các pháp đều là thân của chính mình. Tâm hiện, tâm là chính mình. Thức biến, thức cũng là chính mình. Tâm là chân tâm của chính mình. Thức là vọng tâm của chính mình. Chân tâm là bản tính của chính mình. Vọng tâm là A Lại Da, là tập tính của chính mình.

Cổ nhân nói “bản tính, tập tính”, Phật pháp nói “chân tâm, vọng tâm”. Chân tâm là bản tính, vọng tâm là tập tính, chân và vọng là một, không hai.

Giác ngộ rồi thì vọng là chân; lúc mê, chân là vọng. Chân và vọng là một, không hai. Giác và mê cũng là một, cũng chẳng hai. Người thật sự giác ngộ, người minh tâm kiến tính, thân của người ấy là gì? Thân của hết thấy chúng sinh là thân của người ấy; thân của hoa, cỏ, cây cối cũng là thân người ấy;

núi, sông, đại địa cũng là thân người ấy. Khắp pháp giới hư không giới đều là thân của người ấy. Thân người ấy không đâu chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng hiện diện.

Tuy nó có sinh diệt, diệt rồi lại sinh, giống như gì? Thân thể của chúng ta giống như nhau; thân thể này có bao nhiêu tế bào? Mỗi tế bào này đổi cũ thay mới mỗi ngày, giống như sinh vật trên địa cầu, mỗi ngày có sinh và diệt.

Đức Phật giảng: Vô lượng vô biên các cõi Phật trong toàn thể vũ trụ sinh diệt vĩnh viễn chẳng ngừng trong ấy, nên gọi là “Pháp thân thường trụ”. Chúng ta sánh ví thân ấy như Pháp thân, Pháp thân thường trụ.

Cái thân của chúng ta giống như tế bào, các khoa học gia nói mỗi tế bào có tuổi thọ tối đa là bảy năm. Trong bảy năm, tế bào này diệt, tế bào mới lại sinh ra. Do vậy, nói thật ra, thân thể của chúng ta, bảy năm là một chu kỳ, tất cả các tế bào trên thân đều thay đổi.

Chúng ta mê hoặc, điên đảo. Vì sao? Bảy năm đổi một lần, vì sao chẳng đổi mới, chẳng đổi lấy cái tốt, cứ phải lấy cái già nua, hư hoại, thân thể càng đổi càng tệ hơn! Đó là gì? Chẳng biết cách! Người giác ngộ cao minh, cũng đổi mỗi ngày, do giác ngộ nên toàn là đổi lấy tốt đẹp, khỏe mạnh, người ấy chẳng sinh bệnh, chẳng suy lão. Vì sao? Người ấy đổi lấy sự tốt đẹp, chẳng đổi lấy thứ hư xấu.

Ai chủ trì sự thay đổi trong ấy? Ý niệm. Ý niệm của Phật, Bồ tát tốt đẹp, cho nên tế bào của các Ngài hoàn toàn mới.

Hoàn toàn mới là do ý niệm trẻ trung, luôn khỏe mạnh, chẳng ngã bệnh, chẳng đối lấy tế bào bệnh tật?

Tế bào bị bệnh tật là hạng người nào? Tham, sân, si, mạn, nghi, nên đối lấy cái xấu. Tham, sân, si, mạn, nghi, thấy đều đoạn sạch. Vô tham, vô sân, vô si, bèn thay đối lấy cái tốt lành, hoàn toàn thay đổi bằng cái tốt lành. Chuyện là như thế đó! Đây là chân tướng sự thật. Khởi tâm động niệm đều là đại công vô tư, chẳng vì chính mình, chẳng vì thân này. Vì sao? Vì Pháp thân. Chẳng vì nhục thân này, mà vì Pháp thân!

Trong những năm qua, có rất nhiều người muốn tặng đạo tràng cho tôi, tôi rất cảm kích. Tôi có nên tiếp nhận hay chẳng? Chẳng nghĩ vì mình. Nếu đạo tràng ấy có thể lợi ích nơi đó, tôi sẽ giúp sức, khiến cho chính pháp tồn tại lâu dài nơi đó, lợi ích xã hội, lợi ích chúng sinh, chuyện tốt đẹp mà! Tôi chẳng thể vì chính mình, vì chính mình là tư tâm.

Đạo tràng nhiều, chẳng phải là biến thành giống như một chuỗi cửa hàng hay chẳng? Đó là mở tiệm buôn Phật, biến thành xí nghiệp Phật giáo, chính mình chẳng làm đệ tử Như Lai, mà làm ông chủ, trật mất rồi, lại mê rồi!

Vì thế, người bình thường sẽ thấy đó là cảnh giới tốt, chuyện tốt đẹp, thấy người khác trao tặng mà nếu quý vị mê, sẽ mê nơi đó, càng mê sâu hơn! Quý vị vốn có thể thành Phật, làm Tổ, nay đã mê, lại luân hồi, lại vào tam đồ. Vì vậy, tổ sư thường xuyên cảnh tỉnh người khác, mà cũng thường

là trong lúc khám nghiệm kẻ khác, bèn hỏi: “Hiếu không?”. Hai từ này ý vị sâu dày, quý vị có hiểu hay không?

Nếu quý vị thật sự hiểu, bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, uế độ hay Tịnh Độ, đều có thể nâng cao cảnh giới của chính mình, đều có thể phổ độ chúng sinh.

Nếu không hiểu, thuận cảnh hay nghịch cảnh đều giúp quý vị đọa lạc, mê hoặc, tạo nghiệp. Tạo nghiệp thì sau này phải chịu báo. Vấn đề ở chỗ quý vị có hiểu hay không? Quý vị có thật sự giác ngộ hay không? Người giác ngộ chắc chắn chẳng hại người; kẻ chưa giác ngộ, dẫu hảo tâm cũng thường hại người.

Đối với bất cứ ai, kẻ giác ngộ luôn một mực chân thành giúp kẻ khác giác ngộ. Nếu kẻ ấy rắp tâm muốn lừa gạt, muốn hại quý vị, chẳng sao hết, quý vị cứ dùng tâm chân thành đối đãi kẻ ấy.

Khi kẻ ấy già chết, nghĩ lại, một đời này, ta đã thật sự gặp được người tốt. Đó là gì? Giúp gieo thiện căn trong A Lại Da của kẻ ấy. Người giác ngộ biết hết thấy chúng sinh đều có Phật tính, hết thấy chúng sinh vốn là Phật, nay kẻ ấy tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng chẳng sao. Vì sao? Đó là tập tính.

Đừng quan tâm tới tập tính, hãy chuyên môn quan tâm bản tính của người ấy; đó là điều kiện thứ nhất trong việc độ chúng sinh của Phật, Bồ tát, là quan niệm độ sinh duy nhất của Phật, Bồ tát. Chúng sinh trong địa ngục A Tỳ cũng có thể viên thành Phật đạo.

Nếu họ tiếp xúc pháp môn Tịnh Độ này, có thể vãng sinh hay không? Có thể! Làm sao mà không thể cho được? Pháp môn này, bất luận quý vị là thiện hay ác, cũng chẳng cần biết quý vị thuộc căn tính nào, chỉ cần quý vị có thể tin tưởng, chịu phát nguyện, là được rồi.

Ngẫu Ích Đại sư nói rất hay: Có thể vãng sinh hay không, được quyết định bởi có tín nguyện hay không? Phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật sâu hay cạn! Chỉ nói tới vãng sinh thì hết thấy chúng sinh đều có phần, pháp môn này thật là tuyệt, quá sức thù thắng!

Ấn Quang Đại sư nói rất hay: *“Bỏ pháp môn này, người thượng thượng căn mong được thành tựu cũng vô cùng khó khăn!”*. Đối với pháp môn này, tin sâu không nghi ngờ; chúng sinh chẳng biết chữ, thiếu trí tuệ, nghèo cùng, khổ khó vẫn có thể đắc độ. Quý vị mới hiểu trong các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có pháp nào thù thắng hơn pháp này.

Chúng ta duyên phận quá tốt đẹp, vô cùng thù thắng, gặp được bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư hay như thế này. Vương Long Thư chẳng gặp được, Ngụy Mặc Thâm cũng chẳng gặp, bao nhiêu vị cổ thánh tiên hiền đều chẳng gặp! Lại gặp được lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ viết tác phẩm *Chú Giải* này. Trong ấy, cụ trích dẫn kinh luận và chú sớ của cổ nhân, tổng cộng một trăm chín mươi ba thứ!

Quý vị đọc quyển sách này giống như đọc một trăm chín mươi ba bộ kinh, luận, trước tác, chẳng dễ dàng! Nhân duyên

vô cùng thù thắng. Do vậy, tôi tin tưởng sâu đậm không nghi ngờ, khi Phật pháp bị diệt hết trên thế gian này, bản này vẫn lưu lại một trăm năm.

Trong chín ngàn năm thời Mạt pháp, trong tám mươi bốn ngàn pháp môn, quý vị nương theo pháp môn nào? Chỉ có pháp môn này. Ta giúp hết thảy chúng sinh học pháp môn gì? Cũng học pháp môn này, tự hành, dạy người bằng một bộ kinh *Vô Lượng Thọ* này.

Tôi vẫn còn muốn học pháp môn khác? Được thôi! Thông suốt pháp môn này, sẽ thông suốt toàn bộ hết thảy các pháp môn khác. Tôi có cần phải lãng phí thời gian và tinh thần để học bộ nào khác hay chẳng? Không cần! Phật pháp thật sự là “một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông!”.

Năm xưa, tôi ở Đài Trung, theo học lớp giảng kinh của cụ Lý. Cụ mở lớp ấy để dạy học sinh học cách giảng kinh; các bạn đồng học trong lớp ấy có hơn hai mươi người.

Thuở ấy, tôi tuổi trẻ, thầy cũng đại khai phương tiện môn. Tôi học từ cụ mười ba bộ kinh, kinh Tiểu thừa nhiều hơn. Đối với kinh Đại thừa, tôi học một bộ kinh *A Di Đà*, một bộ *Bồ tát Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm*. Đó là quyển cuối cùng trong kinh *Hoa Nghiêm*. Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, học một quyển này, học một bộ kinh *Kim Cương*, học những kinh Đại thừa ấy.

Những kinh khác như *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, *A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh*... tôi học mười ba bộ. Tôi xuất gia,

đến dạy tại Phật học viện. Ở Đài Trung, tiến độ (tốc độ tiến triển) học tập là mỗi tháng học một bộ kinh, pháp hỷ sung mãn. Đến dạy tại Phật học viện, mỗi học kỳ mới dạy một bộ kinh, ba năm là sáu học kỳ, tôi dạy sáu bộ kinh, còn bảy bộ vẫn chưa sử dụng được.

Tôi suy nghĩ: Không được rồi, căn bản của chính mình không đủ sâu dày, mong được học một bộ kinh lớn. Lúc ấy, trong lòng nghĩ đến kinh *Pháp Hoa*; vì thế, tôi sưu tập tài liệu về kinh *Pháp Hoa* đến mười mấy thứ.

Trở về Đài Trung, thưa với thầy Lý, mong lại được học một bộ đại kinh với thầy. Gặp đúng lúc lão nhân gia đang giảng kinh *Lăng Nghiêm*, Ngài bảo tôi Ngài bận bịu lắm việc, tìm không ra thời gian để dạy mình tôi, “nay tôi đang giảng *Lăng Nghiêm*, anh học kinh *Lăng Nghiêm* là được rồi!”. Cụ giảng kinh *Lăng Nghiêm* ba năm. Tôi thấy phân lượng kinh *Lăng Nghiêm* và kinh *Pháp Hoa* không sai khác lắm, cho nên tôi chuyên tâm học kinh *Lăng Nghiêm*. Thầy giảng ngày thứ Tư, tôi phức giảng (複講: giảng lại, nhắc lại) vào ngày thứ Năm, tức là hôm sau, tôi nhắc lại lời thầy đã giảng một lần.

Thính chúng của tôi có sáu người, kể cả tôi là bảy, chúng tôi thành lập một lớp nhỏ. Mỗi ngày thứ Năm, họp mặt phức giảng trong phòng học nhỏ ở Đài Trung Liên Xã. Do thầy giảng bộ *Lăng Nghiêm*, tôi cũng phức giảng bộ *Lăng Nghiêm*, cách học ấy rất thực tiễn. Vì thế, tôi giảng kinh *Lăng Nghiêm* ở Đài Bắc là giảng lần thứ hai.

Các đồng tu Hương Cảng nghe giảng rất thích, mời tôi sang Hương Cảng giảng kinh *Lăng Nghiêm*, tôi giảng tại Hương Cảng chính là lần thứ ba hay là thứ tư, đã có căn bản rồi!

Kinh *Hoa Nghiêm* là do tám người đồng học chúng tôi liên danh khải thỉnh thầy Lý, thỉnh lão nhân gia giảng bộ kinh *Hoa Nghiêm* này. Lúc ấy, tuổi thầy đã cao, ngoài tám mươi, chúng tôi mong thầy thường trụ thế. Chưa giảng xong kinh *Hoa Nghiêm*, chắc là cụ sẽ chẳng tiện ra đi. Thỉnh cụ giảng bộ kinh ấy, dự đoán cụ sẽ sống tới một trăm hai mươi tuổi thì cụ mới có thể giảng xong. Trao cho thầy một đề mục lớn như vậy, cụ cũng rất cao hứng, chẳng ngờ cụ giảng phân nửa, chẳng giảng nữa, đã ra đi.

Tôi học *Hoa Nghiêm*, ở Đài Trung nghe cụ giảng quyển thứ nhất, tôi chỉ học một quyển. Quyển thứ nhất, tôi nghe xem cụ mở đầu như thế nào, cách giảng ra sao, tôi sẽ biết toàn bộ những phần sau.

Cụ giảng ở Đài Trung, tôi giảng ở Đài Bắc. Tôi giảng với tiến độ nhanh hơn cụ, vì mỗi tuần cụ chỉ giảng một lần, mỗi lần một giờ, vì cụ giảng hai giờ thì đã mất một giờ dịch sang Đài ngữ. Vì thế, một năm cụ chỉ có thể giảng hơn bốn mươi giờ. Tôi giảng tại Đài Bắc, mỗi tuần giảng ba lần, mỗi lần một tiếng rưỡi, không có phiên dịch. Cho nên tôi giảng một năm bằng thầy giảng bốn năm rưỡi tại Đài Trung. Tôi giảng hai năm bằng với thầy giảng chín năm, tiến độ của tôi nhanh hơn.

Bất quá, lúc ấy, tôi thường ra ngoại quốc; ra ngoại quốc thì phải ngưng kinh ấy lại, cho nên cứ gián đoạn, rồi lại tiếp tục. Tôi nhớ hình như giảng trước sau mười bảy năm, đứt đứt, nối nối. *Bát Thập Hoa Nghiêm* giảng phân nửa, *Tứ Thập Hoa Nghiêm* cũng giảng phân nửa. Lúc ấy, mỗi tuần tôi giảng *Bát Thập* hai lần, giảng *Tứ Thập* một lần. Giảng mỗi ngày, gần như giảng tới mấy bộ kinh.

Chính là do các đồng học tìm đến, tôi cũng nhận lời; đâm ra là luyện tập, học giảng. Bình quân mỗi ngày, tôi giảng tối thiểu hai giờ, thông thường là ba giờ hay bốn giờ; hằng ngày chẳng nghỉ ngơi, vui sướng, chẳng mệt nhọc. Do vậy, thông suốt một kinh sẽ thông suốt hết thấy các kinh, chưa học qua nhưng có thể giảng, đọc chú giải của cổ nhân là được rồi. Vì thế, công sức nhất định phải dồn nơi một bộ.

Khi ấy, ở Đài Trung, tôi bỏ thời gian ba bốn năm nơi kinh *Lăng Nghiêm*, chuyên tâm nơi một bộ kinh, như vậy thì mới đặt vững cơ sở.

Nếu nay quý vị hỏi tôi, trong hết thấy các kinh, bộ kinh nào hay nhất? Tôi bảo quý vị: Chính là bản chúng ta đang dùng đây, tức bản chú giải *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh* của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ.

Tôi vừa mới thưa trình cùng quý vị, trong tác phẩm này, cụ đã trích dẫn một trăm chín mươi ba bộ kinh, luận, chú sớ, nội dung hết sức phong phú. Nếu thật sự học bộ kinh này, kinh nào cũng đều không có vấn đề, thông một sẽ thông

suốt hết thủy. Hơn nữa, do bộ kinh này, chắc chắn sẽ đắc độ. Chính mình nắm chắc cầu sinh thế giới Cực Lạc rồi mới giúp đỡ người khác. Giúp người khác, vẫn là dùng một bộ kinh này. Vì sao? Khế cơ!

Những kinh luận khác chưa chắc có thể giúp đỡ người khác, cũng có thể nói là quý vị có thể thật sự buông xuống được hay không? Thật sự có thể buông xuống thì được. Nếu quý vị chẳng buông phân biệt, chấp trước xuống, bất luận học pháp môn nào cũng chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Trong tâm còn có đôi chút [vướng mắc] sẽ không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Hễ chuyển thế, bị mê khi cách ăm, quên sạch sành sinh những điều đã học trong kiếp trước, nhất là quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, chắc chắn sẽ đọa trong tam ác đạo.

Chính quý vị phải khéo suy nghĩ, Ngũ Giới, Thập Thiện, quý vị có làm được hay chẳng? Các bậc tiên hiền dạy chúng ta Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, quý vị có làm được hay không? Nếu quý vị chẳng làm được, đời sau chắc chắn không được làm thân người, nghĩ đến chỗ này, mới biết thật sự đáng sợ.

Một đời trong thế gian này chẳng dài, dẫu quý vị sống đến trăm tuổi, cũng chỉ là một cái khảy ngón tay. Thời gian trôi qua quá nhanh, chẳng thành tựu một chuyện gì! Đối với chuyện học Phật mà chẳng thành tựu tức là tạo tội nghiệp. Nói như vậy nghĩa là sao? Tôi chẳng làm chuyện gì sai quấy!

Quý vị chẳng học thành công, khiến cho đại chúng trong xã hội nhìn vào, thấy quý vị học Phật suốt một đời, nhưng sau đấy vẫn giống hệt như cũ, [như vậy là] quý vị đã phá hoại hình tượng Phật pháp. Có tội lỗi hay chẳng?

Người học Phật sống trên thế gian, khi chết cũng phải nêu gương tốt cho người thế gian, như thế thì mới chẳng có tội lỗi. Quý vị không thể nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội nhìn vào, khiến cho đại chúng trong xã hội chửi bới, hủy báng Phật giáo, đấy là nghiệp nhân khiến quý vị đọa tam đồ, chứ chưa nói tới những chuyện khác!

Nếu quý vị muốn biết đôi chút, hãy lật Đệ Tử Quy hoặc Sa Di Luật Nghi ra xem, quý vị đã làm được mấy điều? Quý vị liền biết nghiệp nhân quả báo ở chỗ nào, chẳng cần hỏi ai khác, mà chính mình sẽ hiểu rõ rệt. Người học Phật phải xứng đáng với cha mẹ, tổ tông, Phật, Bồ tát, chẳng phụ lòng lịch đại cao tăng đại đức truyền pháp.

Chúng tôi không nói đến thầy, vì hiện thời trong lòng chúng ta, những [người mà quý vị nghĩ xứng đáng] làm thầy quá ít. Nhưng nếu trong lòng chẳng thấy ai đáng làm thầy, người ấy sẽ chẳng học được gì cả! Vì sao? Ấn Quang Đại sư đã nói rất tuyệt: *“Một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*.

Thầy chẳng cần quý vị phải thành kính đối với thầy. Một vị thầy đòi hỏi quý vị phải cung kính sẽ chẳng phải là một

vị thầy tốt! Nhưng thầy có thể thấy quý vị có thể thành tựu trong tương lai hay không. Đó là gì? Tùy thuộc tâm quý vị được bao nhiêu phần thành kính học tập ở nơi đây. Điều đó nhất định tỷ lệ thuận với sự thành tựu của quý vị.

“Tịch tức Giải Thoát đức”. Giải Thoát là tự tại, *“trần lao vĩnh tịch”* (trần lao vĩnh viễn dứt bật). *“Trần”* (塵) là ý thức, phân biệt, vọng tưởng của quý vị nhiều như bụi đất, Trần cũng là ô nhiễm. *“Lao”* (勞) là nhọc nhằn, đây là nói tới xác thân. Trần lao cũng có nghĩa là thân tâm, Lao là nói về thân, Trần là nói về tâm.

“Trần lao vĩnh tịch” là thân và tâm đều buông xuống, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh hiện tiền, quý vị mới tự tại. Do A La Hán chưa chứng đắc Pháp thân và Bát Nhã, nhưng đã chứng đắc ít phần Giải Thoát, thành tựu Cửu Thế Đệ Định, buông Kiến Tư phiền não xuống, đoạn trừ rồi.

“Quang tức Bát nhã đức, trí quang biến chiếu cố” (Quang chính là Bát nhã đức, vì trí quang chiếu trọn khắp). Quang ấy là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, trí tuệ và từ bi trọn khắp pháp giới, trọn khắp hết thấy các vi trần, trọn khắp hết thấy các đầu sợi lông. Do vậy, Thường Tịch Quang là ba đức của Niết Bàn, ba đức ấy được gọi là Như Lai Bí Tạng.

“Đẳng Giác đại sĩ phá tận tứ thập nhất phẩm vô minh” (Đẳng Giác đại sĩ phá sạch bốn mươi một phẩm vô minh), bốn mươi một phẩm ấy chính là Thập Trụ, Thập Hạnh,

Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác như kinh *Hoa Nghiêm* đã nói.

“Cánh phá tối hậu nhất phẩm sinh tướng vô minh” (Lại phá một phẩm sinh tướng vô minh cuối cùng), đó là Đẳng Giác. Đẳng Giác Bồ tát phá một phẩm sinh tướng vô minh cuối cùng.

“Pháp thân toàn hiển, viên chứng tam đức, triệt bản tâm nguyên, cứu cánh thanh tịnh, chứng nhập Thường Tịch Quang độ” (Pháp thân hiển lộ toàn vẹn, chứng trọn vẹn ba đức, thấu suốt tột cùng nguồn tâm, rốt ráo thanh tịnh, chứng nhập cõi Thường Tịch Quang).

Ở đây gọi “sinh tướng vô minh” là “tập khí”. Vô minh là khởi tâm động niệm. Sơ Trụ Bồ tát đã phá, Sơ Trụ Bồ tát chẳng khởi tâm, không động niệm, nên minh tâm kiến tính.

Bốn mươi một địa vị Pháp thân đại sĩ ấy có thật hay không? Nếu có thật, tức là các Ngài còn có phân biệt, chấp trước. Nếu các Ngài chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, lấy đâu ra bốn mươi một phẩm?

Thưa quý vị, trong cõi Thật Báo, quả thật chẳng có phân biệt, chấp trước, cho nên chẳng thể nói bốn mươi một phẩm này là có thật. Nếu quý vị nói chúng có thật, trật mất rồi!

Quý vị cũng chẳng thể nói chúng không có. Vì sao? Tuy đều chứng đến cõi Thật Báo, mỗi cá nhân có trình độ khác nhau. Giống như chúng đi học trong trường, cùng lớp, nhưng trình độ có ngang nhau hay không? Cùng một cấp lớp, lớp

học có bốn năm chục học trò, lúc thi cử vẫn là từ hạng nhất tới hạng bét, khác nhau, tuy cùng học một lớp.

Các bạn đồng học cùng một lớp trong cõi Thật Báo, đi thi vẫn khác nhau, do duyên có gì? Tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn, trong hội Hoa Nghiêm chúng tôi đã nói rất nhiều, đó là chân tướng sự thật. Vì thế, chẳng thể nói chúng là có, cũng chẳng thể nói chúng là không, biết có chuyện như thế. Nhưng Pháp thân Phật rất ráo viên mãn có thể làm chuyện gì thì hàng Sơ Trụ Bồ tát trong Viên giáo cũng đều có thể làm được, nhất định chẳng thua kém, quý vị biết đó là bình đẳng.

Giống như trong phẩm *Phổ Môn* đã dạy: Phật quả rất ráo, Đẳng Giác Bồ tát ứng hóa trong mười pháp giới, nên dùng thân gì để độ bèn hiện thân ấy. Chẳng do ý nghĩ của chính mình, mà do tùy thuận chúng sinh.

Kinh *Lăng Nghiêm* đã nói rất hay: “*Tùy chúng sinh tâm, ứng sở tri lượng*” (Thuận theo tâm chúng sinh mà ứng hiện với khả năng nhận biết của họ). Tùy tâm ứng lượng! Chính mình chẳng khởi tâm động niệm, đương nhiên càng chẳng có phân biệt, chấp trước. Sơ Trụ Bồ tát trong Viên giáo vừa mới phá vô minh, chứng Pháp thân, cũng có thể làm giống hết, nên dùng thân gì đặc độ bèn hiện thân ấy, nên dùng thân Phật để độ bèn hiện thân Phật, nên dùng thân Bồ tát liền hiện thân Bồ tát, như nhau! Chẳng sai biệt tí nào, chúng ta nhất định phải hiểu sự thật này, nhất định phải rõ ràng, không nên phân chia cao thấp!

Trong mười pháp giới đều là phàm phu, trong tứ thánh pháp giới là ngoại phàm, trong lục đạo là nội phàm. Vì sao tứ thánh pháp giới thanh tịnh? Vì các Ngài đều là đệ tử Phật, đều y theo kinh giáo của Phật để tu hành, Phật dạy người ấy làm như thế nào, người ấy thật sự có thể làm được; Phật dạy người ấy đừng làm điều gì, người ấy sẽ tuyệt đối chẳng vi phạm. Vì thế, nhìn bề ngoài rất giống Phật, nhưng trên thực tế chưa phải. Vì sao? Vẫn còn dùng A Lại Da, tức vọng tâm, chẳng dùng chân tâm. Dùng chân tâm mới là Phật, dùng vọng tâm thì chẳng phải là Phật thật sự.

Thiên Thai Đại sư gọi họ là Tương Tự Tức Phật, rất giống Phật, nhưng chưa phải. Chúng ta hiểu điều này! Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp thân, vị ấy là chân Phật, chẳng phải là giả Phật, cho nên Thiên Thai Đại sư gọi bốn mươi mốt địa vị Pháp thân đại sĩ ấy là Phần Chứng Tức Phật, các Ngài là thật, chẳng giả.

Không có cách nào đoạn tập khí vô thỉ vô minh, để mặc nó, một thời gian lâu sau, nó sẽ tự nhiên chẳng còn. Đối với chỗ này, gọi là “*vô công dụng đạo*”. Vì sao? Chẳng thể khởi tâm động niệm, quý vị muốn đoạn tức là khởi tâm động niệm, càng mê sâu hơn! Vì thế, các Ngài niệm gì cũng đều chẳng có, ý niệm tu hành chứng quả cũng chẳng có.

Chuyện của các Ngài là cảm ứng. Chúng sinh có cảm, các Ngài bèn ứng. Nói cách khác, nâng cao cảnh giới của chính mình trong sự ứng hóa. Đó là gì? Phá tập khí vô thỉ vô minh

của chính mình trong ứng hóa. Cảnh giới này quá vi tế, chúng ta không có cách nào tưởng tượng được cảnh giới ấy!

Kinh *Hoa Nghiêm* đã tiết lộ đôi chút tin tức, qua năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử. Quý vị thấy từ Sơ Trụ trở lên, Thiện Tài đồng tử đến tham phỏng, hoàn toàn biểu hiện sự ứng hóa nơi sự tướng. Nếu chẳng chú tâm nơi điều này, quý vị sẽ chẳng thể lãnh hội được! Từ văn tự, quý vị thấy là Sự, nhưng trong ấy có đạo lý rất sâu. Quý vị phải tự mình ngộ nhập đạo lý ấy, chẳng thể nói rõ được! Quý vị có công phu thật sự, sẽ ngộ nhập cảnh giới khác hẳn!

Quý vị thấy vì sao cõi Thật Báo của chư Phật tốt đẹp dường ấy? Nơi ấy là chỗ ở của bốn mươi một địa vị Pháp thân đại sĩ. Quý vị nghĩ xem có vị nào trong các hàng Pháp thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị lại chẳng học theo ngài Phổ Hiền?

Phẩm thứ hai trong kinh *Vô Lượng Thọ* là “Đức Tuân Phổ Hiền”. Nguyên thứ nhất trong mười nguyên Bồ tát Phổ Hiền là lễ kính chư Phật, nguyên thứ hai là xưng tán Như Lai. Như Lai là tự tính.

Đối với muôn vật trong trời đất, chúng ta phải khen ngợi, lễ kính, cúng dường, nghiêm túc tu hành thì chính là cúng dường chúng nó. Chúng ta đối xử tốt đẹp với chúng nó, chúng nó sẽ đối xử tốt đẹp với ta.

Vì sao thế giới Cực Lạc tốt đẹp như thế? Thế giới Hoa Tạng tốt lành như vậy? Do người nơi ấy đều dùng tâm chân

thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chính giác, tâm từ bi, những tâm ấy là Đại Bồ đề tâm, thực hiện viên mãn mười nguyện Phổ Hiền. Vì thế, đối với bản thân mà nói thì sẽ là thân Kim Cương bất hoại, thân thể có tướng hảo, có vô lượng tướng, trong mỗi tướng có vô lượng hảo, chẳng phải chỉ là ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo.

Hoàn cảnh cư trụ vô lượng vô tận mỹ mãn, tìm chẳng được mảy may khiếm khuyết nào, xứng tính mà! Thân là Pháp Tính thân, cõi là Pháp Tính độ. Vì thế, trong cõi Thật Báo, hiển lộ toàn vẹn Pháp thân, trong cõi Thường Tịch Quang, rốt ráo viên mãn.

“Viên chứng tam đức, triệt bản tâm nguyên, cứu cánh thanh tịnh” (Chứng trọn vẹn ba đức, thấu suốt tột cùng nguồn tâm, rốt ráo thanh tịnh). Mấy câu này khiến cho chúng ta dần dần thấu hiểu trong cõi Thường Tịch Quang không có hình tướng, cũng chẳng có hiện tượng vật chất, cũng chẳng có hiện tượng tinh thần. Đây chính là bốn câu đầu trong năm câu báo cáo khi Huệ Năng Đại sư kiến tính, không hiện tướng.

Không có hình tướng, không có hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần cũng chẳng có, có còn khởi tác dụng hay chẳng? Tôi đã gặp những người đem vấn đề này hỏi tôi, [xin thưa] có tác dụng! Vì sao khởi tác dụng? Chứng trọn vẹn ba đức, thấu suốt tột cùng nguồn tâm, rốt ráo thanh tịnh.

Câu thứ ba do Huệ Năng Đại sư đã nói là *“vốn tự trọn đủ”*. Đây là Lý. Có lý luận này làm căn cứ, chúng ta chỉ biết

nó khởi tác dụng, chúng sinh có cảm, nó bèn khởi tác dụng; chúng sinh chẳng cảm, nó chẳng khởi tác dụng, cảm ứng đạo giao mà!

Vẫn là *“tùy chúng sinh tâm, ứng sở tri lượng”*. Tuy ứng lượng, thị hiện giáo hóa vô lượng vô biên chúng sinh, Pháp thân vẫn hiển lộ toàn vẹn giống như thế, chúng trọn vẹn ba đức, thấu triệt thông suốt nguồn tâm, rốt ráo thanh tịnh. Vị ấy ở trong cõi Phương Tiện, ở trong cõi Đồng Cư, thậm chí ở trong lục đạo tam đồ, hay địa ngục A Tỳ, vẫn đạt đến thanh tịnh rốt ráo, chẳng nhiễm mảy may.

Ở nơi nào cũng đều tùy thuộc chúng sinh mà hiện tướng thuyết pháp, đều do chúng sinh cảm, vị Pháp thân đại sĩ ấy tự nhiên ứng. Ứng nhưng chẳng có khởi tâm động niệm, đương nhiên càng chẳng có phân biệt, chấp trước.

Như vậy là ứng ở chỗ nào? Ứng trong Thường Tịch Quang. Phàm phu nhìn vào sự ứng của các Ngài giống như chúng ta xem TV: Phàm phu nhìn vào sắc tướng hiện trên màn huỳnh quang, còn chính các Ngài thì sao? Chính các Ngài thường ở trong Thường Tịch Quang, tức là màn hình không có gì, mà thứ gì cũng đều chẳng có. Dần dần chúng ta thấu hiểu đạo lý ấy. Đó là gì? Pháp thân Phật, chẳng phải là Pháp thân Bồ tát.

Pháp thân Bồ tát trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, Pháp thân Phật trụ trong Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Tuy trụ Thường Tịch Quang, vẫn ứng giống hệt như nhau. Tự

tính là sống động, khởi tác dụng, chẳng phải là không khởi tác dụng.

Rất nhiều người sợ nhập Thường Tịch Quang, hiện tượng tinh thần không có, hiện tượng vật chất cũng không có, chẳng phải là hết thấy đều không ư? “Tôi chẳng muốn đến nơi ấy”, điều này khiến kẻ ấy chết khiếp. Không phải vậy! Chúng ta vĩnh viễn chẳng có cách nào lý giải cảnh giới ấy, tin tưởng nó có thật, sẽ thật sự có tác dụng to lớn, chẳng phải là tác dụng nhỏ nhoi. Chớ nên sợ nó, đừng kinh hoảng.



MỤC LỤC



TẬP 21.....	5
TẬP 22.....	51
TẬP 23.....	97
TẬP 24.....	139
TẬP 25.....	175
TẬP 26.....	213
TẬP 27.....	257
TẬP 28.....	299
TẬP 29.....	339
TẬP 30.....	379



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

TÌNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA - QUYỂN 3

Chủ giảng: **LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG**

Trưởng ban biên dịch: TK. Thích Đồng Bổn

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc Bùi Việt Bắc
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập Lý Bá Toàn
Biên tập: **Phan Thị Ngọc Minh**
Sửa bản in: **TT Phật Học Chánh Trí**
Trình bày & bìa: **Khánh Chi**

Đối tác liên kết:
CÔNG TY TNHH VĂN HÓA PHÁT QUANG
26 Nguyễn Tử Nha, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM

In 500 cuốn, khổ 19,5x26,5cm tại Công ty CP in Khuyến học phía Nam, Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM. Số Số QĐXB của NXB: cấp ngày .././2023. In xong và nộp lưu chiểu năm 2023. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN)